

DIỄN GIẢI PHẨM ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA (PĀRĀYANAVAGGO)

1. DIỄN GIẢI KINH AJITA (AJITASUTTANIDDESO)

1.1. [Tôn giả Ajita nói rằng:]

“Thế giới bị bao trùm bởi cái gì?

Không chói sáng bởi điều gì?

Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này?

Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]?”

Thế giới bị bao trùm bởi cái gì?

Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới ngựa quý, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, thế giới chư thiên; đây gọi là thế giới. Thế giới này bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đầy kín bởi cái gì?

“Thế giới bị bao trùm bởi cái gì” là như thế.

Tôn giả Ajita nói rằng.

Rằng: Từ “icca” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: Từ “āyasmā” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Ajita: Là tên của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

“Tôn giả Ajita nói rằng” là như thế.

Không chói sáng bởi điều gì? Bởi điều gì mà thế giới không chói sáng, không tỏa sáng, không cháy sáng, không chiếu sáng, không được biết đến, không được nhận biết?

“Không chói sáng bởi điều gì” là như thế.

Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này? Đối với thế giới, cái gì là vật làm lấm nhơ, là sự dính mắc, là sự cột trói, là vật làm ô

nhiễm? Do cái gì, thế giới bị lấm nhơ, bị nhiễm bẩn, bị vấy bẩn, bị ô uế, bị ô nhiễm, bị lấm lem, bị gấn bó, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại.

Ngài hãy nói: Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này” là như thế.

Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó? Đối với thế giới, cái gì là sự sợ hãi, là sự nguy hiểm lớn lao, là sự hành hạ, là sự đụng chạm, là sự bất hạnh, là sự nguy cơ?

“Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Ajita nói rằng:]

“Thế giới bị bao trùm bởi cái gì?

Không chói sáng bởi điều gì?

Ngài hãy nói cái gì là vật làm uế nhiễm đối với [thế giới] này?

Cái gì là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]?”

1.2. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Ajita]*

Thế giới bị bao trùm bởi vô minh,

Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng.

Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm,

Khô là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới].”

Thế giới bị bao trùm bởi vô minh.

Vô minh: Là sự không biết về khổ, sự không biết về nhân sanh khổ, sự không biết về sự diệt tận khổ, sự không biết về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, sự không biết về điểm khởi đầu, sự không biết về điểm kết thúc, sự không biết về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, sự không biết về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự không biết nào với hình thức như vậy là sự không nhìn thấy, không chứng ngộ, không thấu hiểu, không giác ngộ, không thấu triệt, không thu thập, không thâm nhập, không xem xét, không quán xét lại, không làm cho thấy rõ, không trong sáng, trạng thái ngu si, sự không nhận biết rõ, sự si mê, sự mê ám, sự mê muội, vô minh, sự lôi cuốn vào vô minh, sự gấn bó với vô minh, sự tiềm ẩn của vô minh, sự ngự trị của vô minh, sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện; điều này được gọi là vô minh.

Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới ngạ quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, thế giới chư thiên; đây gọi là thế giới. Thế giới này bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đậy kín bởi bởi vô minh này.

“Thế giới bị bao trùm bởi vô minh” là như thế.

Ajita: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có duyên ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của Pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tướng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasīṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tứ thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế Tôn” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Ajita” là như thế.

Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng.

Keo kiệt: Nói đến năm loại bòn xén: Bòn xén về chỗ ở, bòn xén về gia tộc, bòn xén về lợi lộc, bòn xén về danh tiếng, bòn xén về pháp; bòn xén nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bòn xén, trạng thái của bòn xén, sự háms lợi, keo kiệt, tính chất bòn xén, trạng thái bị nắm giữ của tâm; điều này được gọi là bòn xén. Còn nữa, bòn xén về uân cũng là bòn xén, bòn xén về giới cũng là bòn xén, bòn xén về xứ cũng là bòn xén, sự nắm lấy được gọi là bòn xén.

Xao lãng: Cần được nói đến: Sự buông thả hoặc sự buông xuôi trong việc buông thả của tâm ở uế hạnh về thân, ở uế hạnh về khẩu, ở uế hạnh về ý, hoặc ở năm loại dục, là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không ổn định, có thói quen biếng nhác,

trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bồn phận, sự không tập luyện, sự không tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cần, sự xao lãng trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào với hình thức như vậy là biểu hiện xao lãng, trạng thái xao lãng; việc này gọi là sự xao lãng.

Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng: Bởi sự keo kiệt này và bởi sự xao lãng này mà thế giới không chói sáng, không tỏa sáng, không cháy sáng, không chiếu sáng, không được biết đến, không được nhận biết.

“Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng” là như thế.

Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm.

Tham muốn: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, sự say đắm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quuyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra khổ, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vướng mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bận đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi về sắc, mong mỏi về thính, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, tham đắm, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyên, ham muốn vật vừa ý, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tốt đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cõi sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thính, ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, trói buộc, chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột trói, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quán lầy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưới câu của Ma vương, miếng mồi của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, môi nhử của Ma vương, hành xứ của Ma vương, sự trói buộc của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biển, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện; điều này được gọi là tham muốn, là vật làm lấm nhơ, là sự dính mắc, là sự cột trói, là vật làm ô nhiễm đối với thế giới. Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ báo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Do tham muốn này, thế giới bị lấm nhơ, bị nhiễm bẩn, bị vấy bẩn, bị ô uế, bị ô nhiễm, bị lấm lem, bị gán bó, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại.”

“Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm” là như thế.

Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới].

Khổ: Là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu bi, khổ do ưu não, khổ ở địa ngục, khổ ở loài thú, khổ ở thân phận ngạ quỷ, khổ của loài người, khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, khổ bắt

nguồn từ việc ra khỏi thai, khổ gắn liền sau khi sanh ra, khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, khổ do sự ra sức của bản thân, khổ do sự ra sức của kẻ khác, khổ do pháp tạo tác, khổ do sự biến đổi, bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụn, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiêu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-dàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát là khổ, cái chết của mẹ là khổ, cái chết của cha là khổ, cái chết của anh [em] trai là khổ, cái chết của chị [em] gái là khổ, cái chết của con trai là khổ, cái chết của con gái là khổ, sự tổn hại về thân quyến là khổ, sự tổn hại về của cải là khổ, sự tổn hại vì bệnh tật là khổ, sự tổn hại về giới là khổ, sự tổn hại về kiến thức là khổ, đối với những pháp nào có sự khởi lên ban đầu được nhận biết, có sự diệt tận lúc biến mất được nhận biết, có quả thành tựu nương vào hành động, có hành động nương vào quả thành tựu, có sắc nương vào danh, có danh nương vào sắc, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thông trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ; điều này được gọi là khổ. Khổ này là sự sợ hãi, sự nguy hiểm lớn lao, sự hành hạ, sự đụng chạm, sự bất hạnh, sự nguy cơ đối với thế giới.

“Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Ajita]

Thế giới bị bao trùm bởi vô minh,

Không chói sáng bởi keo kiệt, bởi xao lãng.

Ta nói tham muốn là vật làm uế nhiễm,

Khổ là sự nguy hiểm lớn lao đối với nó [thế giới].”

1.3. *[Tôn giả Ajita nói rằng:]*

“Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi,

Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy?

Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,

Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì?”

Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi.

Các dòng chảy: Dòng chảy tham ái, dòng chảy tà kiến, dòng chảy ô nhiễm, dòng chảy uế hạnh, dòng chảy vô minh.

Khắp mọi nơi: Ở tất cả các xứ.

Tuôn tràn: Chúng tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục; từ con

mắt chúng tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục ở sắc; từ lỗ tai chúng tuôn tràn... (nt)... ở thính; từ lỗ mũi chúng tuôn tràn... (nt)... ở hương; từ lưỡi chúng tuôn tràn... (nt)... ở vị; từ thân chúng tuôn tràn... (nt)... ở xúc; từ ý chúng tuôn tràn... (nt)... ở pháp; tham ái ở sắc từ con mắt tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục; tham ái ở thính từ lỗ tai tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục; tham ái ở hương từ lỗ mũi... (nt)...; tham ái ở vị từ lưỡi... (nt)...; tham ái ở xúc từ thân... (nt)...; tham ái ở pháp từ ý tuôn tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục.

“Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi” là như thế.

Tôn giả Ajita nói rằng.

Rằng: Từ “*icca*” này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: [Từ “*āyasmā*” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Ajita: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Ajita nói rằng” là như thế.

Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy? Cái gì là sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, sự bảo vệ, sự gìn giữ đối với các dòng chảy?

“Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy” là như thế.

Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy. Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, về sự bảo vệ, về sự gìn giữ đối với các dòng chảy.

“Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy” là như thế.

Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì? Bởi cái gì mà các dòng chảy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

“Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Ajita nói rằng:]

“Các dòng chảy tuôn tràn khắp mọi nơi,

Cái gì là sự ngăn cản các dòng chảy?

Ngài hãy nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,

Các dòng chảy được chặn đứng bởi cái gì?”

1.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Ajita]

Những dòng chảy nào hiện diện ở thế gian,

Niệm là sự ngăn cản chúng.

Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,

Chúng được chặn đứng bởi tuệ.”

Những dòng chảy nào hiện diện ở thế gian: Là những dòng chảy đã được

giải thích, đã được kể rõ, đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ bởi Ta, tức là: Dòng chảy tham ái, dòng chảy tà kiến, dòng chảy ô nhiễm, dòng chảy uế hạnh, dòng chảy vô minh.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Ajita: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Niệm là sự ngăn cản chúng.

Niệm: Niệm là sự tùy niệm, là niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; việc này được gọi là niệm.

Sự ngăn cản: Là sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, sự bảo vệ, sự gìn giữ.

“Niệm là sự ngăn cản chúng” là như thế.

Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy: Ta nói về, Ta chỉ dạy,... (nt)... Ta làm rõ, Ta bày tỏ về sự ngăn trở, sự ngăn cản, sự ngăn chặn, sự bảo vệ, sự gìn giữ đối với các dòng chảy.

“Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy” là như thế.

Chúng được chặn đứng bởi tuệ.

Tuệ: Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Chúng được chặn đứng bởi tuệ: Nhờ vào tuệ mà các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Tất cả các hành là vô thường”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Tất cả các hành là khổ”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Tất cả các hành là vô ngã”,¹ các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Vô minh duyên cho các hành”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Các hành duyên cho thức”,... (nt)... “Thức

¹ Có sự không thống nhất ở điểm này: Văn bản Thái Lan và PTS ghi là *Dhammā* (các pháp), văn bản Miến Điện và Tích Lan ghi là *Saṅkhārā* (các hành). (ND)

duyên cho danh sắc”,... (nt)... “Danh sắc duyên cho sáu xứ”,... (nt)... “Sáu xứ duyên cho xúc”,... (nt)... “Xúc duyên cho thọ”,... (nt)... “Thọ duyên cho ái”,... (nt)... “Ái duyên cho thủ”,... (nt)... “Thủ duyên cho hữu”,... (nt)... “Hữu duyên cho sanh”,... (nt)... “Sanh duyên cho lão tử”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục. Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành”,... (nt)... “Do sự diệt tận của các hành [đưa đến] sự diệt tận của thức”,... (nt)... “Do sự diệt tận của thức [đưa đến] sự diệt tận của danh sắc”,... (nt)... “Do sự diệt tận của danh sắc [đưa đến] sự diệt tận của sáu xứ”,... (nt)... “Do sự diệt tận của sáu xứ [đưa đến] sự diệt tận của xúc”,... (nt)... “Do sự diệt tận của xúc [đưa đến] sự diệt tận của thọ”,... (nt)... “Do sự diệt tận của thọ [đưa đến] sự diệt tận của ái”,... (nt)... “Do sự diệt tận của ái [đưa đến] sự diệt tận của thủ”,... (nt)... “Do sự diệt tận của thủ [đưa đến] sự diệt tận của hữu”,... (nt)... “Do sự diệt tận của hữu [đưa đến] sự diệt tận của sanh”,... (nt)... “Do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Đây là khổ”,... (nt)... “Đây là nhân sanh khổ”,... (nt)... “Đây là sự diệt tận khổ”,... (nt)... “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Đây là các lậu hoặc”,... (nt)... “Đây là nhân sanh các lậu hoặc”,... (nt)... “Đây là sự diệt tận các lậu hoặc”,... (nt)... “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng: “Các pháp này cần được biết rõ”,... (nt)... “Các pháp này cần được biết toàn diện”,... (nt)... “Các pháp này cần được dứt bỏ”,... (nt)... “Các pháp này cần được tu tập”,... (nt)... “Các pháp này cần được chứng ngộ”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ về nhân sanh khởi, về sự tiêu hoại, về sự hứng thú, về sự bất lợi, về sự thoát ra của sáu xúc xứ, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ về nhân sanh khởi, về sự tiêu hoại, về sự hứng thú, về sự bất lợi, về sự thoát ra của năm thủ uẩn,... (nt)... Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ về nhân sanh khởi, về sự tiêu hoại, về sự hứng thú, về sự bất lợi, về sự thoát ra của bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió],... (nt)... Đối với người biết, đối với người thấy bằng tuệ rằng:

“Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tận”, các dòng chảy ấy bị chặn đứng, bị cắt đứt, không tuôn tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

“Chúng được chặn đứng bởi tuệ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Ajita]

Những dòng chảy nào hiện diện ở thế gian,

Niệm là sự ngăn cản chúng.

Ta nói về sự ngăn chặn các dòng chảy,

Chúng được chặn đứng bởi tuệ.”

1.5. *[Tôn giả Ajita nói rằng:]*

“Tuệ và luôn cả niệm,

Danh và sắc, thưa Ngài,

Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên,

Ở đâu điều này được hoại diệt?”

Tuệ và luôn cả niệm.

Tuệ: Tuệ là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá, sự chọn lựa pháp, sự quan sát, sự nhận định, sự phân biệt, sự thông thái, sự thông thạo, sự khôn khéo, sự thông suốt, sự cân nhắc, sự khảo sát, sự hiểu biết rộng rãi, sự thông minh, pháp dẫn đầu, sự thấy rõ, sự nhận biết rõ, vật xuyên thủng, tuệ là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ là vũ khí, tuệ là lâu đài, tuệ là ánh sáng, tuệ là hào quang, tuệ là cây đèn, tuệ là báu vật, sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Niệm: Niệm là sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm.

“Tuệ và luôn cả niệm” là như thế.

Tôn giả Ajita nói rằng:... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Ajita nói rằng” là như thế.

Danh và sắc, thưa Ngài.

Danh: Bốn nhóm không có sắc.²

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Thưa Ngài: Từ “*mārisa*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

“Danh và sắc, thưa Ngài” là như thế.

Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên.

Điều này được tôi [hỏi]: Là điều mà tôi hỏi, điều mà tôi yêu cầu, điều mà tôi thỉnh cầu, điều mà tôi đặt niềm tin.

² Xem chú thích 6 ở trang 359. (ND)

Được hỏi: Được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói lên: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên” là như thế.

Ở đâu điều này được hoại diệt? Ở đâu điều này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh?

“Ở đâu điều này được hoại diệt?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Ajita nói rằng:]

“Tuệ và luôn cả niệm,

Danh và sắc, thưa Ngài,

Được tôi hỏi điều này, xin Ngài hãy nói lên,

Ở đâu điều này được hoại diệt?”

1.6. *Người đã hỏi câu hỏi về điều nào, này Ajita, Ta trả lời cho người về điều ấy, về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót. Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt.*

Người đã hỏi câu hỏi về điều nào.

Về điều nào: Là về tuệ, về niệm, về danh và sắc.

Người đã hỏi: Người đã vấn, người đã yêu cầu, người đã thỉnh cầu, người đã đặt niềm tin.

“Người đã hỏi câu hỏi về điều nào” là như thế.

Này Ajita, Ta trả lời cho người về điều ấy.

Ajita: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Về điều ấy: Là về tuệ, về niệm, về danh và sắc.

Ta trả lời: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ.

“Này Ajita, Ta trả lời cho người về điều ấy” là như thế.

Về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót.

Danh: Bốn nhóm không có sắc.

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Không dư sót: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ “*asesam*” này là lỗi nói của sự bao gồm.

Được hoại diệt: Được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh.

“Về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót” là như thế.

Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt:

Nhờ vào trí của đạo Nhập lưu với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi ở sự luân hồi không biết được điểm khởi đầu tối đa là bảy kiếp sống, ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Nhờ vào trí của đạo Nhất lai với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi ở năm cõi hữu tối đa là hai kiếp sống; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Nhờ vào trí của đạo Bất lai với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi ở sắc giới và vô sắc giới tối đa là một kiếp sống; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Nhờ vào trí của đạo A-la-hán với sự diệt tận của thức liên quan đến sự tạo tác, các pháp nào (danh và sắc) có thể sanh khởi; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh. Đối với vị A-la-hán đang viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, với sự diệt tận của thức cuối cùng, [các pháp] tuệ, niệm, danh và sắc; ở đây, các pháp này được diệt tận, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh.

“Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Ngươi đã hỏi câu hỏi về điều nào, này Ajita, Ta trả lời cho ngươi về điều ấy, về việc danh và sắc được hoại diệt không dư sót. Do sự diệt tận của thức, ở đây, điều này [danh và sắc] được hoại diệt.”

1.7. Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp [là các bậc A-la-hán] và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này, tôi hỏi bậc Chín Chấn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên.

Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp.

Đã hiểu rõ giáo pháp: Nói đến các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Vì lý do gì mà những vị đã hiểu rõ giáo pháp được gọi là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt? Các vị ấy đã hiểu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp; đã hiểu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; đã hiểu rõ giáo pháp,... (nt)... rằng: “Tất cả các hành là khổ”; đã hiểu rõ giáo pháp,... (nt)... rằng: “Tất cả các pháp là vô ngã”; đã hiểu rõ giáo pháp,... (nt)... rằng: “Vô minh duyên cho các hành”; đã hiểu rõ giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Hoặc là, đối với các vị ấy, các uẩn đã được hiểu rõ, các giới đã được hiểu rõ, các xứ đã được hiểu rõ, các cảnh giới tái sanh đã được hiểu rõ, các sự tái sanh

đã được hiểu rõ, sự nối liền tái sanh đã được hiểu rõ, các hữu đã được hiểu rõ, sự luân hồi đã được hiểu rõ, sự luân chuyển đã được hiểu rõ.

Hoặc là, các vị ấy tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của kiếp sống, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong kiếp sống cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng, với việc duy trì thân xác cuối cùng là các vị A-la-hán.

“Đối với các vị ấy, đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót, việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với các vị ấy.”

Vì lý do ấy mà những vị đã hiểu rõ giáo pháp được gọi là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

“Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp” là như thế.

Và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này.

Các bậc Hữu học: Vì lý do gì mà được gọi là các bậc Hữu học? “Các vị học tập” là các bậc Hữu học. Và các vị học tập gì? Các vị học tập thắng giới, học tập thắng tâm, và học tập thắng tuệ. Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp; việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khuru ngay sau khi tách ly khỏi các dục,... (nt)... đạt đến và trú thiền thứ nhất... (nt)... thiền thứ nhì... (nt)... thiền thứ ba... (nt)... thiền thứ tư; việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khổ. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là nhân sanh khổ”,... (nt)... “Đây là sự diệt tận khổ”,... (nt)... “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là các lậu hoặc”,... (nt)... “Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc”,... (nt)... “Đây là sự diệt tận các lậu hoặc”,... (nt)... “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”; việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, các vị học tập; trong khi biết, các vị học tập; trong khi thấy, các vị học tập; trong khi quán xét lại, các vị học tập; trong khi quyết định tâm, các vị học tập; trong khi hướng đến đức tin, các vị học tập; trong khi ra sức tinh tấn, các vị học tập; trong khi thiết lập niệm, các

vị học tập; trong khi tập trung tâm, các vị học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, các vị học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, các vị học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, các vị học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, các vị học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập, các vị học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, các vị học tập, hành xử, hành theo, thọ trì và vận dụng; vì lý do ấy mà được gọi là các bậc Hữu học.

Đông đảo: Là có nhiều. Các bậc Hữu học này là các bậc Nhập lưu, các bậc đang đạt đến [quả vị Nhập lưu], các bậc Nhất lai, các bậc đang đạt đến [quả vị Nhất lai], các bậc Bất lai, các bậc đang đạt đến [quả vị Bất lai], các bậc A-la-hán³ và các bậc đang đạt đến [quả vị A-la-hán].

Ở nơi này: Ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở bản thân này, ở thế giới loài người này.

“Và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này” là như thế.

Tôi hỏi bậc Chín Chấn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên: Bởi vì Ngài là người chín chấn, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Của những vị ấy: Của những vị đã hiểu rõ giáo pháp [A-la-hán] và của những vị Hữu học.

Về oai nghi: Về hành động, về hành vi, về lời ứng xử, về cách hành xử, về hành xử, về sự trú ngụ, về lối thực hành.

[Được] hỏi: Được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói lên: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

Thưa Ngài: Từ “*mārisa*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

“Tôi hỏi bậc Chín Chấn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Những vị nào đã hiểu rõ giáo pháp [là các bậc A-la-hán] và những vị nào là các bậc Hữu học đông đảo ở nơi này, tôi hỏi bậc Chín Chấn về oai nghi của những vị ấy, thưa Ngài, xin Ngài hãy nói lên.”

1.8. Không nên khát khao ở các dục, không nên bị khuấy động bởi tâm, thiện xảo đối với tất cả các pháp, có niệm, vị Tỳ-khưu ra đi du phương.

Không nên khát khao ở các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục.

³ Các bậc A-la-hán: Có lẽ có sự nhầm lẫn ở đây khi các bậc A-la-hán cũng được xếp vào danh sách các bậc *Sekha* - Hữu học. (ND)

Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thanh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý, các vật trái lốt, các vật đắp, các tôi trai và tớ gái, dê, cừ, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, lông mặc, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho, và bất cứ vật gì đưa đến sự luyến ái là vật dục.

Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vị lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phần, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý, các dục thuộc địa ngục, các dục thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời, các dục hiện tiền, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được chấp là của ta, tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới, các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ái, với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đến sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm. Các điều này được gọi là vật dục.

Các loại nào là ô nhiễm dục? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muốn và luyến ái là dục, tư duy là dục, luyến ái là dục, tư duy và luyến ái là dục, [ô nhiễm dục] là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự thèm khát về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục.

“Này dục, ta đã nhìn thấy gốc rễ của ngươi. Này dục, ngươi sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy về ngươi nữa. Này dục, như vậy ngươi sẽ không hình thành.”⁴ Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Không nên khát khao ở các dục: Không nên khát khao, không nên bị giữ lại ở các vật dục do ô nhiễm dục; nên là người không bị thèm khát, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gàn gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, nên sống với trạng thái cao thượng tự thân.

“Không nên khát khao ở các dục” là như thế.

Không nên bị khuấy động bởi tâm.

Tâm: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám, ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Do uế hạnh về thân, tâm bị khuấy động, bị khuấy

⁴ Bốn sanh “Thọ cạo Gaṅgamāla” (*Gaṅgamāla-jātakaṃ*), số 421, TTPV, tập 32, trang 311, câu kệ 1185. (ND)

rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng; do uest hạnh về khẩu... (nt)... do uest hạnh về ý... (nt)... do luyến ái... (nt)... do sân hận... (nt)... do si mê... (nt)... do giận dữ... (nt)... do thù hằn... (nt)... do gièm pha... (nt)... do ác ý... (nt)... do ganh ty... (nt)... do bòn xén... (nt)... do xảo trá... (nt)... do lừa gạt... (nt)... do bướng bỉnh... (nt)... do hung hăng... (nt)... do ngã mạn... (nt)... do cao ngạo... (nt)... do đam mê... (nt)... do xao lãng... (nt)... do tất cả ô nhiễm... (nt)... do tất cả uest hạnh... (nt)... do mọi sự lo lắng... (nt)... do mọi sự bức bối... (nt)... do mọi sự nóng nảy... (nt)... do tất cả các pháp tạo tác bất thiện, tâm bị khuấy động, bị khuấy rối, bị di động, bị đụng chạm, bị dao động, bị chao đảo, không được vắng lặng.

Không nên bị khuấy động bởi tâm: Nên là người có tâm không bị khuấy động, không bị khuấy rối, không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị chao đảo, được vắng lặng; nên dứt bỏ, nên dứt trừ, nên xua đi, nên làm chầm dứt, nên khiến cho không còn hiện hữu các ô nhiễm tạo ra trạng thái khuấy động; nên là người đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc với các ô nhiễm tạo ra trạng thái khuấy động, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên bị khuấy động bởi tâm” là như thế.

Thiện xảo đối với tất cả các pháp: Là thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: “Tất cả các hành là vô thường”, thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: “Tất cả các hành là khổ”, thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: “Tất cả các pháp là vô ngã”, thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: “Vô minh duyên cho các hành”,... (nt)... thiện xảo đối với tất cả các pháp rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt”; như vậy là “thiện xảo đối với tất cả các pháp.”

Hoặc là, thiện xảo đối với tất cả các pháp là vô thường, thiện xảo đối với tất cả các pháp là khổ... là cơn bệnh... là mụn ghẻ... là mũi tên... là tai ương... là tật nguyên... là không sai khiến được... là tiêu hoại... là tai họa... là bất hạnh... [là không thú vị]... là sợ hãi... là nguy cơ... là thay đổi... là mảnh mai... là không bền... là không nơi nương náu... là không nơi trú ẩn... là không nơi nương nhờ... là trạng thái không nơi nương nhờ... là trống rỗng... là rỗng không... là trống không... là vô ngã... là bất lợi... là có bản chất biến đổi... là không có cốt lõi... là gốc gác của tai ương... là kẻ giết hại... là vật hư hỏng... là có sự rò rỉ... là bị tạo tác... là mối nhử của Ma vương... là có bản chất sanh ra... là có bản chất già... là có bản chất bệnh... là có bản chất chết... là có bản chất sâu-bi-khô-ưu-não... là có bản chất ô nhiễm... là nhân sanh khởi... là sự biến hoại... là sự hứng thú... là sự bất lợi... là sự thoát ra; như vậy cũng là “thiện xảo đối với tất cả các pháp.”

Hoặc là, thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về tùy thuận duyên khởi, thiện xảo về việc thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần,

thiện xảo về nền tảng của thân thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về yếu tố đưa đến giác ngộ, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn; như vậy cũng là “thiện xảo đối với tất cả các pháp.”

Hoặc là, tất cả các pháp nói đến mười hai xứ: Mắt và các sắc, tai và các thanh, mũi và các hương, lưỡi và các vị, thân và các xúc, ý và các pháp. Và thật vậy, khi nào sự mong muốn và luyến ái ở các xứ thuộc nội phần và ngoại phần được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế cũng là thiện xảo đối với tất cả các pháp.

“Thiện xảo đối với tất cả các pháp” là như thế.

Có niệm, vị Tỳ-khuru ra đi du phương.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thọ trên các thọ, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát tâm trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp.

Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp ấn chứng của niệm.

Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thôi thất đối với niệm.

Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được an tịnh, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tùy niệm thiên, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo;⁵ điều này được gọi là niệm. Vị đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, vị này được gọi là có niệm.

Vị Tỳ-khuru: Tỳ-khuru do trạng thái đã phá vỡ bảy pháp: Thân kiến được phá vỡ, hoài nghi được phá vỡ, sự bám víu vào giới và phận sự được phá vỡ, luyến ái được phá vỡ, sân hận được phá vỡ, si mê được phá vỡ, ngã mạn được phá vỡ, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai được phá vỡ.

⁵ “Con đường độc đạo” hiểu theo nghĩa “con đường chỉ có một lối đi duy nhất, không rẽ thành hai nhánh”, không hiểu theo nghĩa “con đường duy nhất, con đường độc nhất.” *Ekāyanamaggo ti ekamaggo; ayam maggo na dvēdḥāpathabhūto ti evam attho datṭhabbo* (NidA. I. 52).

[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị đã tự mình thực hành theo đường lối, đã đi đến sự tịch diệt hoàn toàn [ô nhiễm], đã vượt qua sự nghi ngờ, đã lìa bỏ [hai thái cực] phi hữu và hữu, đã được hoàn mãn, có sự tái sinh đã được cạn kiệt; vị ấy là Tỳ-khuru.” “Vị Tỳ-khuru có niệm” là như thế.

Có niệm, vị Tỳ-khuru ra đi du phương: Có niệm, vị Tỳ-khuru ra đi du phương là vị có niệm khi đi, vị có niệm khi đứng, vị có niệm khi ngồi, vị có niệm khi nằm, vị có niệm khi đi tới, vị có niệm khi đi lui, vị có niệm khi nhìn qua, vị có niệm khi nhìn lại, vị có niệm khi co tay, vị có niệm khi duỗi tay, vị có niệm khi mang y hai lớp, bình bát, y phục, vị có niệm khi thực hành, khi trú ngụ, khi sinh hoạt, khi vận hành, khi bảo hộ, khi nuôi dưỡng, khi bảo dưỡng.

“Có niệm, vị Tỳ-khuru ra đi du phương” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên khát khao ở các dục, không nên bị khuấy động bởi tâm, thiện xảo đối với tất cả các pháp, có niệm, vị Tỳ-khuru ra đi du phương.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhiều ngàn sinh mạng là những người có cùng sự mong muốn, có cùng sự thực hành, có cùng chủ tâm, có cùng sự huân tập thành thói quen [trong quá khứ] với vị Bà-la-môn ấy, rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Và hơn nữa, tâm của vị Bà-la-môn ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Ngay khi đạt đến phẩm vị A-la-hán, áo choàng da dê, tóc bện, y phục vỏ cây, gậy chống ba chân, bình nước, tóc và râu đều biến mất. Ajita trở thành [vị Tỳ-khuru] có đầu cạo, mặc y phục vải màu ca-sa, mang y hai lớp, bình bát và y, bằng hành động thuận theo đạo lý, đã ngồi xuống, chấp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Ajita” được hoàn tất.



2. DIỄN GIẢI KINH TISSAMETTEYYA (TISSAMETTEYYASUTTANIDDESO)

2.1. [Tôn giả Tissametteyya nói rằng:]

“Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian?

Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu?

Người nào, sau khi biết rõ cả hai thái cực,

Không bị nhiễm bẩn ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ?

Ngài nói ai là ‘bậc Đại nhân’?

Ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?”

Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian? Người nào ở thế gian được vui sướng, được vừa lòng, được hoan hỷ, có tâm tư được trọn vẹn.

“Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian?” là như thế.

Tôn giả Tissametteyya nói rằng.

Rằng: Từ “*icca*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: Từ “*āyasmā*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Tissa: Là tên của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

Metteyya: Là họ của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả.

“Tôn giả Tissametteyya nói rằng” là như thế.

Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu? Sự xao động do tham ái, sự xao động do tà kiến, sự xao động do ngã mạn, sự xao động do ô nhiễm, sự xao động do [ngũ] dục. Đối với người nào, các sự xao động này không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu?” là như thế.

Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực: Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực là sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

“Người nào sau khi biết rõ cả hai thái cực” là như thế.

Không bị nhiễm bản ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ: Nhờ vào trí tuệ mà không bị nhiễm bản ở khoảng giữa, đã không bị lấm nhơ, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không bị nhiễm bản ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ” là như thế.

Ngài nói ai là “bậc Đại nhân?” Bậc Đại nhân là con người cao cả, con người hạng nhất, con người thù thắng, con người dẫn đầu, con người tối thượng, con người lỗi lạc, con người cao quý.

Ngài nói ai: Ngài thuyết về ai, Ngài nghĩ về ai, Ngài nói đến ai, Ngài nhìn thấy ai, Ngài diễn tả về ai.

“Ngài nói ai là ‘bậc Đại nhân?’” là như thế.

Ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]? Ở đây, người nào đã vượt qua, đã vượt khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thợ may tham ái?

“Ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Tissametteyya nói rằng:]

“Ở đây, người nào được hài lòng ở thế gian?

Đối với người nào các sự xao động không hiện hữu?

Người nào, sau khi biết rõ cả hai thái cực,

Không bị nhiễm bản ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ?

Ngài nói ai là ‘bậc Đại nhân’?

Ở đây, người nào đã vượt qua thợ may [tham ái]?”

2.2. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Metteyya]*

Vị có Phạm hạnh về các dục,

Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm,

Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khưu được tịch diệt.

Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu.

Vị có Phạm hạnh về các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Vị có Phạm hạnh: Phạm hạnh nói đến sự kiên cố, sự xa lánh, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lần ranh đối với việc đạt đến các pháp thấp kém. Thêm nữa, theo cách không vòng vo, Phạm hạnh nói đến đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh

tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Vị nào đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu đạo lộ Thánh thiện tám chi phần này; vị ấy được gọi là “vị có Phạm hạnh.” Giống như với tài sản được gọi là “người có tài sản”, với của cải được gọi là “người có của cải”, với danh vọng được gọi là “người có danh vọng”, với tài nghệ được gọi là “người có tài nghệ”, với giới được gọi là “người có giới”, với nỗ lực được gọi là “người có nỗ lực”, với trí tuệ được gọi là “người có trí tuệ”, với kiến thức được gọi là “người có kiến thức”; tương tự y như vậy, người nào đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu đạo lộ Thánh thiện tám chi phần này, người ấy được gọi là “vị có Phạm hạnh.”

“Vị có Phạm hạnh về các dục” là như thế.

Metteyya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng họ.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Metteyya” là như thế.

Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp. Đối với vị nào, tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ, có tham ái đã được tẩy trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liên lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thọ trên các thọ, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát tâm trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. ... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

“Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm” là như thế.

Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khưu được tịch diệt.

Suy xét: Nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết, sự chọn lựa, sự khám phá,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Sau khi đã suy xét: Sau khi đã suy xét là sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi đã suy xét, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”,... (nt)... “Tất cả các hành là khổ”, “Tất cả các pháp là vô ngã”, “Vô minh duyên cho các hành”, sau khi đã suy xét, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Hoặc là, sau khi đã suy xét, sau khi biết được... (nt)... là vô thường; sau khi đã suy xét, sau khi biết được là khổ... (nt)... là cơn bệnh... (nt)... là mụn ghẻ... (nt)... là mũi tên... (nt)... là sự thoát ra, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Được tịch diệt: Có trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là đã được tịch diệt; có trạng thái đã được tịch diệt đối với sân hận là đã được tịch diệt; có trạng thái đã được tịch diệt đối với si mê là đã được tịch diệt; có trạng thái đã được tịch diệt đối với sự giận dữ... thù hằn... gièm pha... ác ý... ganh tỵ... bòn xén... xảo trá... lừa gạt... bướng bỉnh... hung hăng... ngã mạn... cao ngạo... đam mê... xao lãng... tất cả ô nhiễm... tất cả uế hạnh... mọi sự lo lắng... mọi sự bức bối... mọi sự nóng nảy... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đã được tịch diệt.

Vị Tỳ-khuru: Tỳ-khuru do trạng thái đã phá vỡ bảy pháp... (nt)... đã được hoàn mãn, có sự tái sanh đã được cạn kiệt; vị ấy là Tỳ-khuru.

“Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khuru được tịch diệt” là như thế.

Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Các sự xao động: Là sự xao động do tham ái, sự xao động do tà kiến, sự xao động do ngã mạn, sự xao động do ô nhiễm, sự xao động do [ngũ] dục. Đối với vị ấy, các sự xao động này không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Metteyya]

Vị có Phạm hạnh về các dục,

Đã xa lìa tham ái, luôn luôn có niệm,

Sau khi đã suy xét, vị Tỳ-khuru được tịch diệt.

Đối với vị ấy, các sự xao động không hiện hữu.”

2.3. Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực,
Không bị lấm nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ.
Ta nói vị ấy là “bậc Đại nhân.”
Ở đây, vị ấy vượt qua thọ may [tham ái].

Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực, không bị lấm nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ.

Thái cực: Là hai thái cực: Xúc là một thái cực, nhân sanh khởi xúc là thái cực thứ hai, sự diệt tận xúc là khoảng giữa. Quá khứ là một thái cực, vị lai là thái cực thứ hai, hiện tại là khoảng giữa. Cảm thọ lạc là một thái cực, cảm thọ khổ là thái cực thứ hai, cảm thọ không khổ không lạc là khoảng giữa. Danh là một thái cực, sắc là thái cực thứ hai, thức là khoảng giữa. Sáu nội xứ là một thái cực, sáu ngoại xứ là thái cực thứ hai, thức là khoảng giữa. Sự chấp thân này là một thái cực, nhân sanh khởi sự chấp thân này là thái cực thứ hai, sự diệt tận việc chấp thân này là khoảng giữa. Trí tuệ nói đến tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Sự lấm nhơ: Có hai sự lấm nhơ: Lấm nhơ do tham ái và lấm nhơ do tà kiến.

Lấm nhơ do tham ái là điều nào? Cho đến vật đã được tạo lập ranh giới, đã được tạo lập biên giới, đã được tạo lập giới hạn, đã được tạo lập hạn định, đã thuộc sở hữu, đã được chấp là của ta bởi cái gọi là tham ái rằng: Cái này là của tôi, cái ấy là của tôi, chừng này là của tôi, cho đến chừng này là của tôi, các sắc, các thanh, các hương, các vị, các xúc, các vật trải, các vật đắp, các tôi trai tớ gái, các con dê cừu, các con gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng, thị trấn, kinh thành, quốc độ, xứ sở, khu trại, nhà kho của tôi, và luôn cả toàn thể đại địa cầu, đều được chấp là của ta do tác động của tham ái, được giải rộng ra cho đến một trăm lẻ tám ái; điều này là lấm nhơ do tham ái.

Lấm nhơ do tà kiến là điều nào? Thân kiến có hai mươi nền tảng, tà kiến có mười nền tảng, hữu biên kiến có mười nền tảng, quan điểm nào có hình thức như vậy là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiềm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến; điều này là lấm nhơ do tà kiến.

Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực, không bị lấm nhơ ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ: Là sau khi biết rõ, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt cả hai thái cực và khoảng giữa nhờ vào trí tuệ, vị ấy không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực, không bị lầm nhor ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ” là như thế.

Ta nói vị ấy là “bậc Đại nhân”: Bậc Đại nhân là con người cao cả, con người hạng nhất, con người thù thắng, con người dẫn đầu, con người tối thượng, con người cao quý; như thế Ta nói về vị ấy, Ta thuyết về vị ấy, [Ta nghĩ về vị ấy] Ta phát ngôn về vị ấy, Ta giảng giải về vị ấy, Ta diễn tả về vị ấy.

Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ‘bậc Đại nhân, bậc Đại nhân’ được nói đến. Bạch Ngài, vậy cho đến mức nào thì trở thành bậc Đại nhân?”

“Này Sāriputta, người có tâm đã được giải thoát, Ta nói là ‘bậc Đại nhân’. Người có tâm chưa được giải thoát, Ta nói ‘không phải là bậc Đại nhân.’ Ở đây, này Sāriputta, vị Tỳ-khưu sống có sự quan sát thân trên thân thuộc nội phần, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, sau khi đã loại trừ tham đắm và ưu phiền ở thế gian. Đối với vị ấy, trong khi đang sống có sự quan sát thân trên thân, tâm của vị ấy được lìa khỏi luyến ái, được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ;... (nt)... trên các thọ... (nt)... trên tâm... (nt)... sống có sự quan sát pháp trên các pháp, có nhiệt tâm, có sự nhận biết rõ rệt, có niệm, sau khi đã loại trừ tham đắm và ưu phiền ở thế gian. Đối với vị ấy, trong khi đang sống có sự quan sát pháp trên các pháp, tâm của vị ấy được lìa khỏi luyến ái, được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ. Như vậy, này Sāriputta, là có tâm đã được giải thoát. Này Sāriputta, người có tâm đã được giải thoát, Ta nói là ‘bậc Đại nhân.’ Người có tâm chưa được giải thoát, Ta nói ‘không phải là bậc Đại nhân.’”

“Ta nói vị ấy là ‘bậc Đại nhân’” là như thế.

Ở đây, vị ấy vượt qua thọ may [tham ái]. Thọ may nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, thọ may tham ái ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy đã vượt qua, đã vượt khỏi, là đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi thọ may tham ái.

“Ở đây, vị ấy vượt qua thọ may [tham ái] là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị ấy, sau khi biết rõ cả hai thái cực,

Không bị lầm nhor ở khoảng giữa nhờ vào trí tuệ.

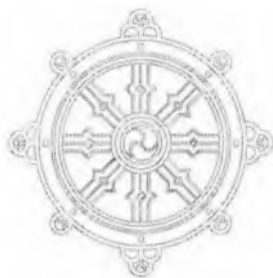
Ta nói vị ấy là ‘bậc Đại nhân’.

Ở đây, vị ấy vượt qua thọ may [tham ái].”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhiều ngàn sinh mạng là những người có cùng sự mong muốn, có cùng sự thực hành, có cùng chủ tâm, có cùng sự huân tập thành thói quen [trong quá khứ] với vị Bà-la-môn ấy, rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh

lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Và hơn nữa, tâm của vị Bà-la-môn ấy đã không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc. Ngay khi đạt đến phẩm vị A-la-hán, áo choàng da dê, tóc bện, y phục vỏ cây, gậy chống ba chân, bình nước, tóc, và râu đều biến mất. Vị ấy có đầu cạo, mặc y phục vải màu ca-sa, mang y hai lớp, bình bát và y, bằng hành động thuận theo đạo lý, đã ngồi xuống, chấp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Tissametteyya” được hoàn tất.



3. DIỄN GIẢI KINH PUNṆAKA (PUNṆAKASUTTANIDDESO)

3.1. [Tôn giả Punṇaka nói rằng:]

“Với ý định hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến

Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]:

‘Nương tựa vào điều gì, các vị ẩn sĩ, loài người,

Các Sát-đế-lý, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần,

Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian’.

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”

Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp].

Dục vọng: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lia, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng, đức Thế Tôn không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động. “Không dục vọng” là như thế.

Bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]: Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ, có sự nhìn thấy nhân, có sự nhìn thấy căn nguyên, có sự nhìn thấy nguồn xuất phát, có sự nhìn thấy nguồn sanh khởi, có sự nhìn thấy nguồn phát khởi, có sự nhìn thấy yếu tố nuôi dưỡng, có sự nhìn thấy đối tượng, có sự nhìn thấy duyên khởi, có sự nhìn thấy nhân sanh khởi.

Ba gốc rễ của bất thiện: Tham là gốc rễ của bất thiện, sân là gốc rễ của bất thiện, si là gốc rễ của bất thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Ba pháp này, này các Tỳ-khuru, là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp. Ba điều nào? Tham là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp, sân là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp, si là căn nguyên đưa đến sanh khởi các nghiệp. Này các Tỳ-khuru, không phải do nghiệp sanh lên bởi tham, do nghiệp sanh lên bởi sân, do nghiệp sanh lên bởi si, mà chư thiên được biết đến, loài người được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới an vui nào khác. Quả thật, này các Tỳ-khuru, do nghiệp sanh lên bởi tham, do nghiệp sanh lên bởi sân, do

nghiệp sanh lên bởi si, mà địa ngục được biết đến, loài thú được biết đến, thân phận nga quý được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới khổ đau nào khác: Ở địa ngục, ở loài thú, ở thân phận nga quý tùy theo sự tái sanh của bản thân. Đây là ba gốc rễ của bất thiện”, đức Thế Tôn biết và thấy như thế. “Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt)... có sự nhìn thấy nhân sanh khởi” là như vậy.

Ba gốc rễ của thiện: Vô tham là gốc rễ của thiện, vô sân là gốc rễ của thiện, vô si là gốc rễ của thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Ba pháp này,... (nt)... Nay các Tỳ-khuru, không phải do nghiệp sanh lên bởi vô tham, do nghiệp sanh lên bởi vô sân, do nghiệp sanh lên bởi vô si, mà địa ngục được biết đến, loài thú được biết đến, thân phận nga quý được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới khổ đau nào khác. Quả thật, nay các Tỳ-khuru, do nghiệp sanh lên bởi vô tham, do nghiệp sanh lên bởi vô sân, do nghiệp sanh lên bởi vô si, mà chư thiên được biết đến, nhân loại được biết đến, hoặc thậm chí bất cứ cảnh giới an vui nào khác: Ở chư thiên và ở loài người tùy theo sự tái sanh của bản thân. Đây là ba gốc rễ của thiện”, đức Thế Tôn biết và thấy như thế. “Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt)... có sự nhìn thấy nhân sanh khởi” là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Nay các Tỳ-khuru, bất cứ những pháp nào là bất thiện, dự phần vào bất thiện, thuộc về nhóm bất thiện, tất cả những pháp ấy có gốc rễ ở vô minh, có vô minh là nơi hội tụ; do sự tiêu diệt vô minh, tất cả những pháp ấy đi đến sự tiêu diệt”, đức Thế Tôn biết và thấy như thế. “Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt)... có sự nhìn thấy nhân sanh khởi” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Nay các Tỳ-khuru, bất cứ những pháp nào là thiện, dự phần vào thiện, thuộc về nhóm thiện, tất cả những pháp ấy có gốc rễ ở sự không xao lãng, có sự không xao lãng là nơi hội tụ; sự không xao lãng được xem là hàng đầu trong số các pháp ấy”, đức Thế Tôn biết và thấy như thế. “Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt)... có sự nhìn thấy nhân sanh khởi” còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn biết và thấy rằng: “Vô minh là gốc rễ của các hành, các hành là gốc rễ của thức, thức là gốc rễ của danh sắc, danh sắc là gốc rễ của sáu xứ, sáu xứ là gốc rễ của xúc, xúc là gốc rễ của thọ, thọ là gốc rễ của ái, ái là gốc rễ của thủ, thủ là gốc rễ của hữu, hữu là gốc rễ của sanh, sanh là gốc rễ của lão, tử”, đức Thế Tôn biết và thấy như thế. “Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ... (nt)... có sự nhìn thấy nhân sanh khởi” còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn biết và thấy rằng: “Mắt là gốc rễ của các bệnh ở mắt, tai là gốc rễ của các bệnh ở tai, mũi là gốc rễ của các bệnh ở mũi, lưỡi là gốc rễ của các bệnh ở lưỡi, thân là gốc rễ của các bệnh ở thân, ý là gốc rễ của các nỗi khổ thuộc về tâm”, đức Thế Tôn biết và thấy như thế. “Đức Thế Tôn có sự nhìn thấy gốc rễ, có sự nhìn thấy nhân, có sự nhìn thấy căn nguyên, có sự nhìn thấy nguồn xuất phát, có sự nhìn thấy nguồn sanh khởi, có sự nhìn thấy nguồn phát

khởi, có sự nhìn thấy yếu tố nuôi dưỡng, có sự nhìn thấy đối tượng, có sự nhìn thấy duyên khởi, có sự nhìn thấy nhân sanh khởi” còn là như vậy.

“Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]” là như thế.

Tôn giả Puṇṇaka nói rằng.

Rằng: [Từ “icca” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

“Tôn giả Puṇṇaka nói rằng” là như thế.

Với ý định hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến: Là người có nhu cầu với câu hỏi, tôi đã đi đến; có ý muốn hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến; có ý muốn nghe câu hỏi, tôi đã đi đến. “Với ý định [hỏi] câu hỏi, tôi đã đi đến” là như vậy. Hoặc là, có sự đi đến, sự tiến đến, sự đến gần, sự ngồi gần của những người có ý định về câu hỏi, của những người có ý muốn hỏi câu hỏi, của những người có ý muốn nghe câu hỏi. “Với ý định [hỏi] câu hỏi, tôi đã đi đến” còn là như vậy. Hoặc là, Ngài có sự hiểu biết về câu hỏi, Ngài cũng có năng lực, có tiềm lực, có khả năng để thuyết giảng, để giải thích điều được hỏi bởi tôi, Ngài hãy dời đi gánh nặng này.

“Với ý định [hỏi] câu hỏi, tôi đã đi đến” còn là như vậy.

Nương tựa vào điều gì, các vị ả sĩ, loài người.

[Nương tựa vào điều gì]: Đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã bám chặt, đã hướng đến điều gì.

Các vị ả sĩ: Bất cứ những ai đã xuất gia theo đời sống xuất gia của vị ả sĩ: Các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ lừa thế, các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ hành xác đều có tên gọi là ả sĩ.

Loài người: Nói đến người nhân loại.

“Nương tựa vào điều gì, các vị ả sĩ, loài người” là như thế.

Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần.

Các Sát-đế-ly: Bất cứ những người nào thuộc dòng dõi Sát-đế-ly.

Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ “ông.”

Đối với các thiên thần: Đối với các môn đồ của các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ khổ hạnh là thiên thần; đối với các môn đồ của các đạo sĩ lừa thế, các đạo sĩ lừa thế là thiên thần; đối với các môn đồ của các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ bện tóc là thiên thần; đối với các môn đồ của các du sĩ ngoại đạo, các du sĩ ngoại đạo là thiên thần; đối với các môn đồ của các kẻ nổi loạn, các kẻ nổi loạn là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài voi, các con voi là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài ngựa, các con ngựa là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài bò, các con bò là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài chó, các con chó là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài quạ, các con quạ là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần Vāsudeva, Vāsudeva là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần Baladeva, Baladeva là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần Puṇṇabhadda, Puṇṇabhadda là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của

thần Maṇibhadda, Maṇibhadda là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thần lửa, ngọn lửa là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài rồng, các con rồng là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của loài linh điều, các linh điều là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của dạ-xoa, các dạ-xoa là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của a-tu-la, các a-tu-la là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của càn-thát-bà, các càn-thát-bà là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của các vị Đại Thiên vương, các vị Đại Thiên vương là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của Mặt trăng, Mặt trăng là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của Mặt trời, Mặt trời là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của Thiên chủ Indra, Thiên chủ Indra là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của đấng Brahmā, đấng Brahmā là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh của thiên nhân, vị thiên nhân là thiên thần; đối với những kẻ tu theo hạnh thờ phượng các phương hướng, các phương hướng là thiên thần; những ai là đối tượng xứng đáng cúng dường của những người nào đó thì đối với những người ấy, họ là thiên thần.

“Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần” là như thế.

Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian.

Lễ hiến tế: Nói đến phẩm vật cúng dường:¹ Y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc.

Đã chuẩn bị lễ hiến tế: Những người nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu vật hiến tế là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc; những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế. Những người nào sửa soạn vật hiến tế là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước,... (nt)... giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc; những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế. Những người nào ban tặng, hiến dâng, xả thí vật hiến tế là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước,... (nt)... giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc; những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế.

Đông đảo: Các vật hiến tế là đông đảo, hoặc những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế là đông đảo, hoặc các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo.

“Các vật hiến tế ấy là đông đảo” là thế nào? Là có nhiều các vật hiến tế ấy: Y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc. “Các vật hiến tế là đông đảo” là như vậy. “Những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế là đông đảo” là thế nào? Là có nhiều người dâng hiến cuộc lễ hiến tế ấy: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người. “Những người dâng hiến

¹ Như vậy, ngoài ý nghĩa là “cuộc lễ hiến tế”, *yaññam* còn có thêm ý nghĩa là “vật hiến tế”. (ND)

cuộc lễ hiến tế là đông đảo” là như vậy. “Các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo” là thế nào? Là có nhiều các đối tượng xứng đáng cúng dường ấy: Các vị Sa-môn, các vị Bà-la-môn, những kẻ lang thang cơ cực, những người nghèo khổ và những kẻ hành khất. “Các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo” là như vậy.

Tại nơi này, ở thế gian: Ở thế giới loài người.

“Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian” là như thế.

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.

Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn.

Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định, thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, để phân biệt về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy.

Câu hỏi để trao đổi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định, thì người ta hỏi câu hỏi nhằm mục đích trao đổi cùng với các vị sáng suốt khác. Đây là câu hỏi để trao đổi điều đã thấy.

Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bị rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: “Phải chăng như vậy là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì đây, là thế nào đây?” người ấy hỏi câu hỏi nhằm mục đích cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra.

Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vị Tỳ-khưu hỏi, các vị Tỳ-khưu-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-ly hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vị xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người.

Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điều hỏi, các dạ-xoa hỏi, các a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vị Đại Thiên vương hỏi, các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân.

Câu hỏi của vị [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng [vị Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bị khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lời. Đây là câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi về lợi ích của người khác, câu hỏi về lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vị lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phần, câu hỏi về ngoại phần, câu hỏi về nội phần và ngoại phần. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về uẩn, câu hỏi về giới, câu hỏi về xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quyền, câu hỏi về lực, câu hỏi về giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Đạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. “Tôi hỏi Ngài” là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ. “Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Punṇaka nói rằng:]

“Với ý định hỏi câu hỏi, tôi đã đi đến

Bậc không dục vọng, bậc có sự nhìn thấy gốc rễ [của các pháp]:

‘Nương tựa vào điều gì, các vị ẩn sĩ, loài người,

Các Sát-đế-lý, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần,

Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian.’

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”

3.2. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Punṇaka]*

Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người,

Các Sát-đế-lý, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần,

Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian,

Này Punṇaka, trong khi mong ước bản thể này,

Bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế.”

Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người.

Bất cứ những ai: Tất cả theo tông thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*ye keci*” này là lời nói của sự bao gồm.

Các vị ẩn sĩ: Bất cứ những ai đã xuất gia theo đời sống xuất gia của vị ẩn

sĩ: Các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ lửa thể, các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ hành xác đều có tên gọi là ẩn sĩ.

Loài người: Nói đến người nhân loại.

“Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Nay Puṇṇaka.

Puṇṇaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Nay Puṇṇaka” là như thế.

Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần.

Các Sát-đế-ly: Bất cứ những người nào thuộc dòng dõi Sát-đế-ly.

Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ “ông.”

Đối với các thiên thần: Đối với các môn đồ của các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ khổ hạnh là thiên thần;... (nt)... đối với những kẻ tu theo hạnh thờ phượng các phương hướng, các phương hướng là thiên thần; những ai là đối tượng xứng đáng cúng dường của những người nào đó thì đối với những người ấy, họ là thiên thần.

“Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần” là như thế.

Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian.

Lễ hiến tế: Nói đến phẩm vật cúng dường: Y phục, đồ ăn khát thực,... (nt)... giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc.

Đã chuẩn bị lễ hiến tế: Những người nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu vật hiến tế... (nt)... giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, những người ấy chuẩn bị lễ hiến tế.

Đông đảo: Các vật hiến tế là đông đảo, hoặc là những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế là đông đảo, hoặc là các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo. ... (nt)... “Các đối tượng xứng đáng cúng dường là đông đảo” là như vậy.

Tại nơi này, ở thế gian: Ở thế giới loài người.

“Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian” là như thế.

Nay Puṇṇaka, trong khi mong ước bản thể này.

Trong khi mong ước: Trong khi mong ước đạt được sắc, trong khi mong ước đạt được thanh, trong khi mong ước đạt được hương, trong khi mong ước đạt được vị, trong khi mong ước đạt được xúc, trong khi mong ước đạt được con trai, trong khi mong ước đạt được vợ, trong khi mong ước đạt được tài sản, trong khi mong ước đạt được danh vọng, trong khi mong ước đạt được quyền uy, trong khi mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Sát-đế-ly, trong khi mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Bà-la-môn, trong khi mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có của gia chủ, trong khi mong ước đạt được bản thân ở chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, trong khi

mong ước đạt được bản thân ở chư thiên cõi Đạo-lợi... (nt)... ở chư thiên cõi Dạ-ma... (nt)... ở chư thiên cõi Đâu-suất... (nt)... ở chư thiên cõi Hóa Lạc... (nt)... ở chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại... (nt)... ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên, trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu. “Trong khi mong ước” là như thế.

Này Punṇaka,... bản thể này: Trong khi mong ước sự tái sanh của bản thân tại nơi này, trong khi mong ước sự tái sanh của bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Sát-đế-ly tại nơi này,... (nt)... trong khi mong ước sự tái sanh của bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên tại nơi này, trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu.

“Này Punṇaka, trong khi mong ước bản thể này” là như thế.

Bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế.

[**Bị phụ thuộc vào tuổi già:**] Là bị lệ thuộc vào sự già, bị lệ thuộc vào sự bệnh, bị lệ thuộc vào sự chết, bị lệ thuộc vào sâu-bi-khô-uru-não. Bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự già; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự già, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự bệnh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự bệnh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự chết; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự chết, cho nên họ bị lệ thuộc vào sâu-bi-khô-uru-não; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sâu-bi-khô-uru-não, cho nên họ bị lệ thuộc vào cảnh giới tái sanh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào cảnh giới tái sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự tái sanh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự tái sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự nối liền tái sanh; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự nối liền tái sanh, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự hiện hữu; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự hiện hữu, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự luân hồi; bởi vì họ bị lệ thuộc vào sự luân hồi, cho nên họ bị lệ thuộc vào sự luân chuyển, bị bám vào, bị đến gần, bị bám chặt, bị hướng đến.

“Bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Punṇaka]

Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người,

Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần,

Đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian,

Này Punṇaka, trong khi mong ước bản thể này,

Bị phụ thuộc vào tuổi già, họ đã chuẩn bị lễ hiến tế.”

3.3. *[Tôn giả Punṇaka nói rằng:] “Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người, các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, đối với các thiên thần, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian, thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường lối tế lễ, thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”*

Bất cứ những ai, các vị ẩn sĩ, loài người. Bất cứ những ai: ... (nt)...

Thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường lối tế lễ.

Có phải: Các cụm từ “*evannu kho*”, “*na nu kho*”, “*kinnu kho*”, “*kathannu kho*” là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát. “Có phải” là như thế.

Những người ấy: Nói đến những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.” “Thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy” là như thế.

Không xao lãng ở đường lối tế lễ: Lễ hiến tế nói đến đường lối tế lễ. Giống như Thánh đạo là đường lối của Thánh nhân, Thiên đạo là đường lối của Thiên nhân, Brahmā đạo là đường lối của đẳng Brahmā; tương tự y như thế, lễ hiến tế nói đến đường lối tế lễ.

Không xao lãng: Những người nào không xao lãng ở đường lối tế lễ, có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bốn phận, đi theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo; những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lễ. Những người nào tìm kiếm, tìm tòi, tầm cầu vật hiến tế là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... xem nó là chủ đạo; những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lễ. Những người nào sửa soạn vật hiến tế là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... xem nó là chủ đạo, những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lễ. Những người nào ban tặng, hiến dâng, xả thí vật hiến tế là y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước,... (nt)... giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc, có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... xem nó là chủ đạo; những người ấy là không xao lãng ở đường lối tế lễ.

“Thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường lối tế lễ” là như thế.

Thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già: Họ đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết.

Thưa Ngài: Từ “*mārisa*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

“Thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già” là như thế.

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. “Tôi hỏi Ngài” là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Punṇaka nói rằng:] “Bất cứ những ai, các vị ân sĩ, loài người, các Sát-đế-lỵ, các Bà-la-môn, đối với các thiên thân, đã chuẩn bị lễ hiến tế đông đảo tại nơi này, ở thế gian, thưa đức Thế Tôn, có phải những người ấy không xao lãng ở đường lối tế lễ, thưa Ngài, thì họ đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”

3.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Punṇaka] những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế, những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc; Ta nói rằng: ‘Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già.’”

Những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế.

Những kẻ mong ước: Chúng mong ước đạt được sắc, mong ước đạt được thính, mong ước đạt được hương, mong ước đạt được vị, mong ước đạt được xúc, mong ước đạt được con trai, mong ước đạt được vợ, mong ước đạt được tài sản, mong ước đạt được danh vọng, mong ước đạt được quyền uy, mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có dòng dõi Sát-đế-lỵ,... (nt)... ở gia tộc giàu có dòng dõi Bà-la-môn, mong ước đạt được bản thân ở gia tộc giàu có của gia chủ,... (nt)... ở chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, mong ước đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên, chúng ước muốn, chúng ưng thuận, chúng ước nguyện, chúng mong cầu. “Những kẻ mong ước” là như thế.

Khen ngợi: Chúng khen ngợi lễ hiến tế, hoặc chúng khen ngợi quả báo, hoặc chúng khen ngợi các đối tượng xứng đáng cúng dường. Chúng khen ngợi lễ hiến tế thế nào? Chúng khen ngợi, tán dương, ca tụng, ca ngợi vật thí được trong sạch, vật thí được hợp ý, vật thí là cao quý, vật thí là hợp thời, vật thí đã làm thành được phép, vật thí đã được chọn lọc, vật thí không bị lỗi, vật thí thường kỳ, tâm trong lúc bố thí được tinh tấn; chúng khen ngợi lễ hiến tế như vậy.

Chúng khen ngợi quả báo thế nào? Chúng khen ngợi, tán dương, ca tụng, ca ngợi rằng: “Với căn nguyên từ nơi này, sẽ có sự đạt được sắc... (nt)... sẽ có sự đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên”; chúng khen ngợi quả báo như vậy.

Chúng khen ngợi các đối tượng xứng đáng cúng dường thế nào? Chúng khen ngợi, tán dương, ca tụng, ca ngợi rằng: “Các đối tượng xứng đáng cúng dường được thành tựu về xuất thân; thành tựu về dòng họ, là các bậc Thầy tở,

nắm vững chú thuật, thông thạo về ba bộ Vệ-đà cùng các từ vựng và nghi thức, luôn cả âm từ với sự phân tích, và truyền thống là thứ năm, biết về cú pháp, về văn phạm, không thiếu về phần triết học và các tướng trạng của bậc Đại nhân, các vị đã xa lìa luyến ái hoặc đã thực hành để diệt trừ luyến ái, đã xa lìa sân hận hoặc đã thực hành để diệt trừ sân hận, đã xa lìa si mê hoặc đã thực hành để diệt trừ si mê, đã thành tựu đức tin, đã thành tựu giới, đã thành tựu định, đã thành tựu tuệ, đã thành tựu giải thoát, đã thành tựu sự biết và thấy về giải thoát.² Chúng khen ngợi các đối tượng xứng đáng cúng dường như vậy. “Những kẻ mong ước, khen ngợi” là như thế.

Nguyện cầu: Chúng nguyện cầu đạt được sắc, nguyện cầu đạt được thanh, nguyện cầu đạt được hương, nguyện cầu đạt được vị,... (nt)... nguyện cầu đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên. “Những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu” là như thế.

Cúng tế: Chúng cúng tế, ban tặng, hiến dâng, xả thí y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, cơm, nước, vải vóc, xe thuyền, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ trú ngụ, đèn đuốc.

“Những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Puṇṇaka.

Puṇṇaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Puṇṇaka” là như thế.

Những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc: Chúng nguyện cầu các dục bởi vì việc đạt được sắc, chúng nguyện cầu các dục bởi vì việc đạt được thanh,... (nt)... chúng nguyện cầu các dục bởi vì việc đạt được bản thân ở chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên.

“Những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc” là như thế.

Ta nói rằng: “Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già.”

Những kẻ ấy: Nói đến những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế.

Do sự gắn bó vào tế lễ: Bị gắn bó, bị gắn vào, bị gắn chặt, bị gắn liền với các sự gắn bó vào lễ hiến tế, có sự thực hành theo nó, phát triển theo nó, xem trọng nó, uốn cong theo nó, chiều theo nó, xuôi theo nó, hướng đến nó, xem nó là chủ đạo. “Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ” là như thế.

Bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu: Sự luyến ái vào hữu nói đến sự mong muốn về hữu ở các hữu, sự luyến ái về hữu, niềm vui về hữu, sự tham ái về hữu, sự yêu mến về hữu, [sự khao khát về hữu] sự nồng nhiệt về hữu, sự mê mẩn về hữu, sự bám chặt vào hữu. Do sự luyến ái vào hữu, chúng bị luyến ái, bị thèm

² Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gàn gỏi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở các hữu.

“Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu” là như thế.

Ta nói rằng: ... đã không vượt qua sanh và già: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua, đã không vượt lên, đã không vượt khỏi, đã không vượt qua hẳn, đã không vượt qua khỏi sanh-già-chết. Chúng không đi ra ngoài, không rời ra, không vượt trội, không vượt qua, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong con đường luân hồi. Chúng bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.”

“Ta nói rằng: ‘Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Punṇaka] những kẻ mong ước, khen ngợi, nguyện cầu, cúng tế, những kẻ nguyện cầu các dục bởi vì lợi lộc; Ta nói rằng: ‘Những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua sanh và già.’”

3.5. [Tôn giả Punṇaka nói rằng:] “Thưa Ngài, nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”

Nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua: Những kẻ ấy, những người dâng hiến cuộc lễ hiến tế, do sự gắn bó vào tế lễ, bị luyến ái với sự luyến ái vào hữu, đã không vượt qua, đã không vượt lên, đã không vượt khỏi, đã không vượt qua hẳn, đã không vượt qua khỏi sanh-già-chết. Chúng không đi ra ngoài, không rời ra, không vượt trội, không vượt qua, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong sanh-già-chết, chúng quay cuồng bên trong con đường luân hồi. Chúng bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

“Nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua” là như thế.

Tôn giả Punṇaka nói rằng.

Rằng: [Từ “icca” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

“Tôn giả Punṇaka nói rằng” là như thế.

Thưa Ngài,... sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế.

Nhờ vào các lễ hiến tế: Nhờ vào các lễ hiến tế dồi dào, nhờ vào các lễ hiến tế đa dạng, nhờ vào các lễ hiến tế đông đảo.

Thưa Ngài: Từ “*mārisa*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

“Thưa Ngài, ... sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế” là như thế.

Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Vậy giờ đây, người nào ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết.

Thưa Ngài: Từ “*mārisa*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

“Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già?” là như thế.

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng điều này cho tôi; “tôi hỏi Ngài” là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Punṇaka nói rằng:] “Thưa Ngài, nếu những kẻ ấy, do sự gắn bó vào tế lễ, đã không vượt qua sanh và già nhờ vào các lễ hiến tế, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.”

3.6. [Đức Thế Tôn nói: “Này Punṇaka] sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian, vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian, là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu; Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già.”

Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian. Suy xét nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Nơi này và nơi khác: Nơi này nói đến bản thân của chính mình, nơi khác nói đến bản thân của người khác; nơi này nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức của chính mình, nơi khác nói đến sắc-thọ-tưởng-hành-thức của người khác; nơi này nói đến sáu nội xứ, nơi khác nói đến sáu ngoại xứ; nơi này nói đến thế giới loài người, nơi khác nói đến thế giới chư thiên; nơi này nói đến dục giới, nơi khác nói đến sắc giới và vô sắc giới; nơi này nói đến dục giới và sắc giới, nơi khác nói đến vô sắc giới.

Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian: Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác là vô thường,... (nt)... là khổ,... (nt)... là cơn bệnh,... (nt)... là mụn ghẻ,... (nt)... là sự thoát ra, sau khi đã suy xét, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

“Sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Nay Puṇṇaka.

Puṇṇaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Nay Puṇṇaka” là như thế.

Vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian.

[Đối với] vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Sự xao động: Là sự xao động do tham ái, sự xao động do tà kiến, sự xao động do ngã mạn, sự xao động do ô nhiễm, sự xao động do [ngũ] dục. Đối với vị nào, các sự xao động này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

Tại bất cứ nơi nào: Tại bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, tại bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian” là như thế.

Là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già.

An tịnh: Do trạng thái đã được an tịnh đối với luyến ái là an tịnh; do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sân hận... (nt)... đối với si mê... (nt)... đối với giận dữ... (nt)... đối với thù hận... (nt)... đối với gièm pha... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. “An tịnh” là như thế.

Không còn khói mù: Uế hạnh về thân đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt; uế hạnh về khẩu... uế hạnh về ý đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được

khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt; sự luyện ái... sân hận... si mê đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt; giận dữ... thù hận... gièm pha... ác ý... ganh tỵ... bòn xén... xảo trá... lừa gạt... bướng bỉnh... hung hăng... ngã mạn... cao ngạo... đam mê... xao lãng... tất cả ô nhiễm... tất cả uế hạnh... mọi sự lo lắng... mọi sự bức bối... mọi sự nóng nảy... tất cả các pháp tạo tác bất thiện đã không còn bị bốc khói, đã được phá tan, đã được khô cạn, đã được khô héo, đã được làm cho chấm dứt. Hoặc là, sự giận dữ được gọi là khói mù:

“Này Bà-la-môn, đối với người, ngã mạn chính là gánh nặng,
 Sự giận dữ là khói mù, lời nói sai trái là đồng tro,
 Lưỡi là cái vá múc, trái tim là bệ thờ lửa,
 Bản thân đã khéo được rèn luyện là ánh sáng của con người.”

Và hơn nữa, sự giận dữ sanh khởi theo mười biểu hiện: [Nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đang làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó sẽ làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều bất lợi... đang làm điều bất lợi... sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều có lợi... đang làm điều có lợi... sẽ làm điều có lợi cho người không yêu quý, không hợp ý của ta”, giận dữ sanh khởi; thêm nữa là sự giận dữ sanh khởi vô cớ. Sự tức tối nào của tâm có hình thức là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự giận dữ.

Thêm nữa, trạng thái nhiều ít của sự giận dữ nên được biết đến: Có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm xáo trộn tâm, nhưng chưa nhúu mày nhăn mặt; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhúu mày nhăn mặt, nhưng chưa nghiêng hai hàm răng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nghiêng hai hàm răng, nhưng chưa thốt ra lời nói thô lỗ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ thốt ra lời nói thô lỗ, nhưng chưa nhìn trừng trừng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhìn trừng trừng, nhưng chưa nắm lấy gây gộc gươm đao; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nắm lấy gây gộc gươm đao, nhưng chưa giơ gây gộc gươm đao lên; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giơ gây gộc gươm đao lên, nhưng chưa giáng gây gộc gươm đao xuống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giáng gây gộc gươm đao xuống, nhưng chưa làm việc băm chém; có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm việc băm chém, nhưng chưa có sự tổn thương gây vỡ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự tổn thương gây vỡ, nhưng chưa có sự đứt lìa các phần cơ thể; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đứt lìa các phần cơ thể, nhưng chưa có sự đoạt lấy mạng sống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đoạt lấy mạng sống, nhưng chưa đến mức buông bỏ tất cả, luôn cả việc tự sát. Khi nào sự giận dữ khiến cho giết chết người khác rồi giết chết mình, đến chừng ấy thì sự giận dữ [của người ấy] đã đạt đến mức quá lỗ, đã đạt

đến mức tận cùng. Đối với người nào, sự giận dữ ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không còn khói mù.

Do trạng thái đã dứt bỏ đối với sự giận dữ là “không còn khói mù.” Do trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ là “không còn khói mù.” Do trạng thái đã biết toàn diện về nhân của sự giận dữ là “không còn khói mù.” Do trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dữ là “không còn khói mù.”

Không phiền muộn: Sự luyến ái là phiền muộn, sân hận là phiền muộn, si mê là phiền muộn, giận dữ là phiền muộn, thù hằn là phiền muộn,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là phiền muộn. Đối với người nào, các phiền muộn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không phiền muộn.

Không mong cầu: Mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, mong cầu tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không mong cầu.

Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Người nào là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, người ấy đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết.”

“Là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Punṇaka] sau khi đã suy xét nơi này và nơi khác ở thế gian, vị nào không có sự xao động tại bất cứ nơi nào ở thế gian, là bậc an tịnh, không còn khói mù, không phiền muộn, không mong cầu; Ta nói rằng, vị ấy đã vượt qua sanh và già.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... [vị ấy] đã ngồi xuống, chấp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Punṇaka” được hoàn tất.

4. DIỄN GIẢI KINH METTAGŪ (METTAGŪSUTTANIDDESO)

4.1. *[Tôn giả Mettagū nói rằng:] “Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này. Tôi nghĩ rằng, Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức?”*

Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này.

Tôi hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn.

Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, với mục đích được rõ rệt, với mục đích minh định về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy.

Câu hỏi để trao đổi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định thì người ta hỏi câu hỏi nhằm mục đích trao đổi cùng với các vị sáng suốt khác. Đây là câu hỏi để trao đổi điều đã thấy.

Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bị rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: “Phải chăng như vậy là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì đây, là thế nào đây?” Người ấy hỏi câu hỏi nhằm mục đích cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra.

Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vị Tỳ-khưu hỏi, các vị Tỳ-khưu-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-lỵ hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vị xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người.

Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điều hỏi, các dạ-xoa hỏi, các a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vị Đại Thiên vương hỏi, các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân.

Câu hỏi của vị [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng vị [Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bị khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lời. Đây là câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi về lợi ích của người khác, câu hỏi về lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vị lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phần, câu hỏi về ngoại phần, câu hỏi về nội phần và ngoại phần. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về uẩn, câu hỏi về giới, câu hỏi về xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quyền, câu hỏi về lực, câu hỏi về giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Đạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. “Tôi hỏi Ngài” là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này” là như thế.

Tôn giả Mettagū nói rằng.

Rằng: [Từ “*icca*” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

“Tôn giả Mettagū nói rằng” là như thế.

Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập: Tôi nghĩ về Ngài rằng: “Là bậc đã đạt được sự hiểu biết”, Tôi nghĩ về Ngài rằng: “Là bậc có bản thân đã được tu tập”, [tôi nghĩ như vậy] tôi biết như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy.

Bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập: Đức Thế Tôn là bậc đã đạt được sự hiểu biết nghĩa là thế nào? Sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực,... (nt)... trạch pháp giác chi, sự thẩm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Với các sự hiểu biết ấy, đức Thế Tôn đã đi đến điểm cuối đời

với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. “Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc “người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc là bậc đã đạt được sự hiểu biết do trạng thái đã hiểu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài nghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái... sân hận... si mê... ngã mạn đã được hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết.

1. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là ‘bậc đã đạt được sự hiểu biết.’”*

Đức Thế Tôn là bậc đã đạt được sự hiểu biết nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có bản thân đã được tu tập nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập, có việc thiết lập niệm đã được tu tập, có chánh cần đã được tu tập, có nền tảng của thần thông đã được tu tập, có quyền đã được tu tập, có lực đã được tu tập, có yếu tố đưa đến giác ngộ đã được tu tập, có đạo đã được tu tập, có ô nhiễm đã được dứt bỏ, có sự không xao động đã được thấu triệt, có sự diệt tận đã được chứng ngộ; đối với Ngài, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ, điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ, Ngài tương tự như biển cả, không nhỏ nhoi, vĩ đại, sâu thẳm, không thể đo lường, khó thâm nhập, có nhiều báu vật, Ngài có pháp hành xả ở sáu tình huống: Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, không có ý ưa thích cũng không có ý ghét bỏ, hành xả, Ngài sống có niệm, có sự nhận biết rõ; sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, không có ý ưa thích cũng không có ý ghét bỏ, hành xả, Ngài sống có niệm, có sự nhận biết rõ.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý, Ngài không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc không hợp ý, Ngài không khó chịu,

không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... Sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, Ngài không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp không hợp ý, Ngài không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý hay không hợp ý, thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp hợp ý hay không hợp ý, thân của Ngài trụ vững, tâm của Ngài trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, Ngài không luyến ái ở vật đáng luyến ái, không sân hận ở vật đáng sân hận, không si mê ở vật đáng si mê, không bực tức ở vật đáng bực tức, không say đắm ở vật đáng say đắm, không bị ô nhiễm ở vật đáng bị ô nhiễm. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, Ngài không luyến ái ở vật đáng luyến ái, không sân hận ở vật đáng sân hận, không si mê ở vật đáng si mê, không bực tức ở vật đáng bực tức, không say đắm ở vật đáng say đắm, không bị ô nhiễm ở vật đáng bị ô nhiễm. Ở điều đã được nghe chỉ là điều đã được nghe, ở điều đã được thấy chỉ là điều đã được thấy, ở điều đã được cảm giác chỉ là điều đã được cảm giác, ở điều đã được nhận thức chỉ là điều đã được nhận thức, Ngài không bị lamm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lamm nhơ ở điều đã được nghe, không bị lamm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lamm nhơ ở điều đã được nhận thức. Về điều đã được thấy, Ngài không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Về điều đã được nghe... (nt)... Về điều đã được cảm giác... (nt)... Về điều đã được nhận thức, Ngài không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Mắt của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nhìn cảnh sắc bằng mắt. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Tai của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nghe âm thanh bằng tai. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Mũi của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn ngửi hương bằng mũi. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Lưỡi của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nếm vị bằng lưỡi. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn

có tâm khéo được giải thoát. Thân của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn xúc chạm bằng thân. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát. Ý của đức Thế Tôn hiện hữu, đức Thế Tôn nhận thức pháp bằng ý. Mong muốn và luyến ái của đức Thế Tôn không có, đức Thế Tôn có tâm khéo được giải thoát.

Mắt có sự thỏa thích ở sắc, thích thú ở sắc, vui thích ở sắc; mắt của đức Thế Tôn đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và Ngài thuyết pháp về sự thu thúc đối với mắt. Tai có sự thỏa thích ở âm thanh, thích thú ở âm thanh, vui thích ở âm thanh... (nt)... Mũi có sự thỏa thích ở hương, thích thú ở hương, vui thích ở hương. Lưỡi có sự thỏa thích ở vị nếm, thích thú ở vị nếm, vui thích ở vị nếm; lưỡi của đức Thế Tôn đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và Ngài thuyết pháp về sự thu thúc đối với lưỡi. Thân có sự thỏa thích ở xúc chạm, thích thú ở xúc chạm, vui thích ở xúc chạm... (nt)... Ý có sự thỏa thích ở pháp, thích thú ở pháp, vui thích ở pháp; ý của đức Thế Tôn đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và Ngài thuyết pháp về sự thu thúc đối với ý.

2. *Người ta đưa [ngựa] đã được rèn luyện đến nơi tụ hội. Đức vua cỡi lên [ngựa] đã được rèn luyện. Người đã được rèn luyện chịu đựng lời mắng nhiếc là hạng nhất giữa loài người.*

3. *Quý báu thay những con lừa đã được thuần hóa, những con ngựa Sindhu thuần chủng và những con voi thuộc loài không tượng, người đã tự rèn luyện bản thân là quý báu hơn cả.*

4. *Bởi vì chẳng phải nhờ vào những cỗ xe ấy mà có thể đi đến nơi chưa đi đến [Niết-bàn], như là nhờ vào bản thân đã khéo được rèn luyện. Do nhờ đã được rèn luyện mà người đã được rèn luyện đi đến [Niết-bàn].*

5. *Các vị không lay động ở các trạng thái kiêu mạn, đã được thoát khỏi việc sanh ra lần nữa, đã đạt đến lãnh vực của các bậc đã được rèn luyện, các vị ấy là những người chiến thắng ở thế gian.*

6. *Vị nào có các giác quan đã được tu tập, ở nội phân, ở ngoại phân và ở toàn thể thế gian, sau khi thấu hiểu đời này và đời sau, vị có bản thân đã được tu tập chờ đợi thời điểm, vị ấy là đã được huấn luyện.*

Đức Thế Tôn có bản thân đã được tu tập nghĩa là như vậy.

Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên?

Từ đâu mà: Các cụm từ “*evannu kho*”, “*na nu kho*”, “*kinnu kho*”, “*kathannu kho*” là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. “Từ đâu mà” là như thế.

Các khổ: Là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não, khổ ở địa ngục, khổ ở loài thú, khổ ở thân phận ngạ quỷ, khổ của loài

người, khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, khổ gần liền sau khi sanh ra, khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra, khổ do sự ra sức của bản thân, khổ do sự ra sức của kẻ khác, khổ do [thọ] khổ, khổ do pháp tạo tác, khổ do sự biến đổi; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụn, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-dàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát là khổ, cái chết của mẹ là khổ, cái chết của cha là khổ, cái chết của anh [em] trai là khổ, cái chết của chị [em] gái là khổ, cái chết của con trai là khổ, cái chết của con gái là khổ, sự tổn hại về thân quyến là khổ, [sự tổn hại vì bệnh tật là khổ] sự tổn hại về của cải là khổ, sự tổn hại về giới là khổ, sự tổn hại về kiến thức là khổ, đối với những pháp nào có sự khởi lên ban đầu được nhận biết, có sự diệt tận lúc biến mất được nhận biết, có quả thành tựu nương vào hành động, có hành động nương vào quả thành tựu, có sắc nương vào danh, có danh nương vào sắc, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ; các điều này được gọi là khổ.

Vị ấy hỏi về nguồn gốc, hỏi về nhân, hỏi về căn nguyên, hỏi về nguồn xuất phát, hỏi về nguồn sanh khởi, hỏi về nguồn phát khởi, hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, hỏi về đối tượng, hỏi về duyên khởi, hỏi về nhân sanh khởi của các khổ này: “Các khổ này khởi lên từ đâu, sanh ra từ đâu, sanh khởi từ đâu, hạ sanh từ đâu, phát sanh từ đâu, xuất hiện từ đâu, có cái gì là căn nguyên, có cái gì là nhân sanh khởi, có cái gì là mầm sanh khởi, có cái gì là nguồn sanh khởi?” Vị ấy chất vấn, yêu cầu, thỉnh cầu, đặt niềm tin.

“Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên?” là như thế.

Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức.

Bất kể loại nào: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*ye keci*” này là lời nói của sự bao gồm.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Với nhiều hình thức: Các khổ có nhiều loại, có những kiểu cách khác nhau.

“Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Mettagū nói rằng:] “Thưa đức Thế Tôn, tôi hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời tôi về điều này. Tôi nghĩ rằng Ngài là bậc đã đạt được sự hiểu biết, có bản thân đã được tu tập. Từ đâu mà các khổ này đã được khởi lên, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức?”

4.2. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū] quả thật người đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ. Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho người theo như điều Ta nhận biết. Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức.”*

Quả thật người đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ.

Của khổ: Của khổ sanh, của khổ già, của khổ bệnh, của khổ chết, của khổ do sâu-bi-khổ-uru-não.

Người đã hỏi về nguồn sanh khởi: Người hỏi về nguồn gốc, người hỏi về nhân, người hỏi về căn nguyên, người hỏi về nguồn xuất phát, người hỏi về nguồn sanh khởi, người hỏi về nguồn phát khởi, người hỏi về yếu tố nuôi dưỡng, người hỏi về đối tượng, người hỏi về duyên khởi, người hỏi về nhân sanh khởi của khổ, người yêu cầu, người thỉnh cầu, người đặt niềm tin.

“Quả thật người đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū” là như thế.

Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho người theo như điều Ta nhận biết.

Điều ấy: Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn gốc, Ta sẽ tuyên thuyết về nhân, Ta sẽ tuyên thuyết về căn nguyên, Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn xuất phát, Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn sanh khởi, Ta sẽ tuyên thuyết về nguồn phát khởi, Ta sẽ tuyên thuyết về yếu tố nuôi dưỡng, Ta sẽ tuyên thuyết về đối tượng, Ta sẽ tuyên thuyết về duyên khởi, Ta sẽ tuyên thuyết về nhân sanh khởi của khổ, Ta sẽ chỉ dạy, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ. “Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho người” là như thế.

Theo như điều Ta nhận biết: Theo như điều Ta đang nhận biết, đang hiểu, đang nhận thức, đang thừa nhận, đang thấu triệt, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, Ta sẽ thuyết giảng cho người về pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét lại.

“Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho người theo như điều Ta nhận biết” là như thế.

Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh.

Mầm tái sanh: Có mười mầm tái sanh: Tham ái là mầm tái sanh, tà kiến là mầm tái sanh, ô nhiễm [luyến ái, sân hận, v.v...] là mầm tái sanh, nghiệp [thiện, ác] là mầm tái sanh, uế hạnh [về thân, khẩu, ý] là mầm tái sanh, yếu tố nuôi dưỡng [bốn loại vật thực] là mầm tái sanh, bất bình là mầm tái sanh, bốn nguyên tố [đất, nước, lửa, gió] đã được chấp thủ là mầm tái sanh, sáu nội xứ là mầm tái sanh, sáu nhóm thức là mầm tái sanh; tất cả các khổ với ý nghĩa khó chịu đựng là mầm tái sanh; các điều này được gọi là mười mầm tái sanh.

Các khổ: Là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não, khổ ở địa ngục,... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ, đối với những pháp nào có sự khởi lên ban đầu được nhận biết, có sự diệt tận lúc biến mất được nhận biết, có quả thành tựu nương vào hành động, có hành động nương vào quả thành tựu, có sắc nương vào danh, có danh nương vào sắc, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, được thiết lập ở khổ, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ, các điều này được gọi là khổ. Các khổ này phát khởi, xuất phát, sanh ra, sanh khởi, hạ sanh, xuất hiện, có mầm tái sanh là căn nguyên, có mầm tái sanh là nhân, có mầm tái sanh là duyên, có mầm tái sanh là lý do.

“Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh” là như thế.

Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức.

Bất kể loại nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*ye keci*” này là lỗi nói của sự bao gồm.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Với nhiều hình thức: Các khổ có nhiều loại, có những kiểu cách khác nhau.

“Bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū] quả thật người đã hỏi Ta về nguồn sanh khởi của khổ. Ta sẽ tuyên thuyết về điều ấy cho người theo như điều Ta nhận biết. Các khổ phát khởi đều có căn nguyên là mầm tái sanh, bất kể loại nào ở thế gian, với nhiều hình thức.”

4.3. “Thật vậy, kẻ nào [do] không có sự hiểu biết rồi tạo ra mầm tái sanh, là kẻ ngu [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác. Vì thế, người có sự quán xét về sự sanh ra và phát khởi của khổ, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh.”

Thật vậy, kẻ nào [do] không có sự hiểu biết rồi tạo ra mầm tái sanh.

Kẻ nào: Kẻ nào là người như thế, được gán bó như thế, được định đặt như

thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị ấy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn, hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại.

[Do] không có sự hiểu biết: Không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tối.

Rồi tạo ra mầm tái sanh: Tạo ra tham ái là mầm tái sanh, tạo ra tà kiến là mầm tái sanh, tạo ra ô nhiễm là mầm tái sanh, tạo ra nghiệp là mầm tái sanh, tạo ra uế hạnh là mầm tái sanh, tạo ra yếu tố nuôi dưỡng là mầm tái sanh, tạo ra bất bình là mầm tái sanh, tạo ra bốn nguyên tố đã được chấp thủ là mầm tái sanh, tạo ra sáu nội xứ là mầm tái sanh, tạo ra sáu nhóm thức là mầm tái sanh, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh.

“Thật vậy, kẻ nào [do] không có sự hiểu biết rồi tạo ra mầm tái sanh” là như thế.

Là kẻ ngu [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác.

[Đi đến khổ lần này rồi lần khác:] Là đi đến, tiếp cận, đi đến gần, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não lần này rồi lần khác.

Là kẻ ngu: Kẻ ngu là kẻ si mê, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tối.

“Là kẻ ngu [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác” là như thế.

Vì thế, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh.

Vì thế: Là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi như vậy ở các mầm tái sanh. “Vì thế” là như thế.

Trong khi biết: Trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt; trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Không nên tạo ra mầm tái sanh: Không nên tạo ra tham ái là mầm tái sanh, không nên tạo ra tà kiến là mầm tái sanh, không nên tạo ra ô nhiễm là mầm tái sanh, không nên tạo ra nghiệp là mầm tái sanh, không nên tạo ra uế hạnh là mầm tái sanh, không nên tạo ra yếu tố nuôi dưỡng là mầm tái sanh, không nên tạo ra bất bình là mầm tái sanh, không nên tạo ra bốn nguyên tố đã được chấp thủ là mầm tái sanh, không nên tạo ra sáu nội xứ là mầm tái sanh, không nên tạo ra sáu nhóm thức là mầm tái sanh, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh.

“Vì thế, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh” là như thế.

Của khổ: Của khổ sanh, của khổ già, của khổ bệnh, của khổ chết, của khổ do sầu-bi-khổ-tru-não.

Người có sự quán xét về sự phát khởi: Có sự quán xét về nguồn gốc, có sự quán xét về nhân, có sự quán xét về căn nguyên, có sự quán xét về nguồn xuất phát, có sự quán xét về nguồn sanh khởi, có sự quán xét về nguồn phát khởi, có sự quán xét về yếu tố nuôi dưỡng, có sự quán xét về đối tượng, có sự quán xét về duyên khởi, có sự quán xét về nhân sanh khởi của khổ. Sự quán xét nói đến có sự nhận biết bằng tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự quán xét bằng tuệ này, người ấy gọi là có sự quán xét.

“Người có sự quán xét về sự sanh ra và phát khởi của khổ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Thật vậy, kẻ nào, [do] không có sự hiểu biết, rồi tạo ra mầm tái sanh, là kẻ ngu, [sẽ] đi đến khổ lần này rồi lần khác. Vì thế, người có sự quán xét về sự sanh ra và phát khởi của khổ, trong khi biết, không nên tạo ra mầm tái sanh.”

4.4. “Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi.

Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy.

Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ,

Sanh và già, sầu muộn và than vãn?

Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi,

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.”

Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi: Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, chúng tôi đã yêu cầu, chúng tôi đã thỉnh cầu, chúng tôi đã đặt niềm tin.

Ngài đã giải thích cho chúng tôi: [Điều ấy] đã được giải thích, đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

“Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi” là như thế.

Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy: Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, chúng tôi yêu cầu Ngài điều khác, chúng tôi thỉnh cầu Ngài điều khác, chúng tôi đặt niềm tin nơi Ngài điều khác, chúng tôi hỏi Ngài thêm nữa.

Vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy: Vậy xin Ngài hãy nói, Ngài hãy chỉ dạy, Ngài hãy chỉ bảo, Ngài hãy thông báo, Ngài hãy ấn định, Ngài hãy khai mở, Ngài hãy chia sẻ, Ngài hãy làm rõ, Ngài hãy bày tỏ về điều ấy.

“Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy” là như thế.

Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn?

Làm thế nào: Các cụm từ “*evannu kho*”, “*na nu kho*”, “*kinnu kho*”, “*kathannu kho*” là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. “Làm thế nào” là như thế.

Các bậc sáng trí: Các bậc sáng trí là các bậc sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Dòng lũ: Dòng lũ [ngũ] đục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Sầu muộn: Sầu muộn là sự buồn rầu, trạng thái buồn phiền, sự sầu muộn ở nội tâm, sự buồn thảm ở nội tâm, sự nóng nảy ở nội tâm, sự bức tức ở nội tâm, nổi ưu phiền do trạng thái bức bối của tâm, mũi tên sầu muộn của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Than vãn: Sự than van, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than van, trạng thái than trách, lời nói, nói lảm nhảm, nói huyền thuyên, nói kể lể, lối nói kể lể, trạng thái nói kể lể của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến, bị tác động bởi sự tổn hại về của cải, bị tác động bởi sự tổn hại vì bệnh tật, bị tác động bởi sự suy giảm về giới hạnh, bị tác động bởi sự suy giảm về kiến thức, bị gặp phải sự rủi ro này hoặc sự rủi ro khác, hoặc bị tác động bởi sự khổ này hoặc sự khổ khác.

Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn? Các bậc sáng trí vượt qua, vượt lên, vượt khỏi, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi dòng lũ, sanh và già, khổ đau, sầu muộn và than vãn như thế nào?

“Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ, sanh và già, sầu muộn và than vãn?” là như thế.

Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi.

Điều ấy: Là điều tôi hỏi, điều tôi yêu cầu, điều tôi thỉnh cầu, điều tôi đặt niềm tin.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Được thành tựu với trí ấy, đức Thế Tôn đạt đến bản thể hiền trí.

Ba hiện trí hạnh: Hiện trí hạnh về thân, hiện trí hạnh về khẩu, hiện trí hạnh về ý. Hiện trí hạnh về thân là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về thân là hiện trí hạnh về thân, ba loại thiện hạnh về thân là hiện trí hạnh về thân, trí ở đối tượng thân là hiện trí hạnh về thân, sự biết toàn diện về thân là hiện trí hạnh về thân, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiện trí hạnh về thân, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở thân là hiện trí hạnh về thân, sự chứng đạt tứ thiên có sự diệt của thân hành là hiện trí hạnh về thân; điều này là hiện trí hạnh về thân.

Hiện trí hạnh về khẩu là điều nào? Sự dứt bỏ bốn loại uế hạnh về khẩu là hiện trí hạnh về khẩu, bốn loại thiện hạnh về khẩu là hiện trí hạnh về khẩu, trí ở đối tượng khẩu là hiện trí hạnh về khẩu, sự biết toàn diện về khẩu là hiện trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiện trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiện trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt nhị thiên có sự diệt của khẩu hành là hiện trí hạnh về khẩu, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiện trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiện trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt tam thiên có sự diệt của khẩu hành là hiện trí hạnh về khẩu;¹ điều này là hiện trí hạnh về khẩu.

Hiện trí hạnh về ý là điều nào? Sự dứt bỏ ba loại uế hạnh về ý là hiện trí hạnh về ý, ba loại thiện hạnh về ý là hiện trí hạnh về ý, trí ở đối tượng tâm là hiện trí hạnh về ý, sự biết toàn diện về tâm là hiện trí hạnh về ý, đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiện trí hạnh về ý, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở tâm là hiện trí hạnh về ý, sự chứng đạt Diệt thọ tướng có sự diệt của tâm hành là hiện trí hạnh về ý. Điều này là hiện trí hạnh về ý.

7. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiện trí về thân, bậc Hiện trí về khẩu, bậc Hiện trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiện trí thành tựu hiện trí hạnh là bậc có sự dứt bỏ tất cả.*

8. *[Chư Phật] đã nói về bậc Hiện trí về thân, bậc Hiện trí về khẩu, bậc Hiện trí về ý, bậc không còn lậu hoặc, bậc Hiện trí thành tựu hiện trí hạnh là bậc có điều ác đã được rửa sạch.*

Được thành tựu ba pháp hiện trí hạnh này là sáu hạng hiện trí: Các bậc Hiện trí tại gia, các bậc Hiện trí xuất gia, các bậc Hiện trí Hữu học, các bậc Hiện trí Vô học, các bậc Hiện trí Độc Giác, các bậc Hiện trí của các bậc Hiện trí.

Các bậc Hiện trí tại gia là các hạng nào? Những người tại gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiện trí tại gia. Các bậc Hiện trí xuất gia là các hạng nào? Những vị xuất gia đã thấy Niết-bàn, đã nhận thức giáo pháp, là các bậc Hiện trí xuất gia. Bảy hạng Hữu học là các bậc Hiện trí Hữu học. Các vị A-la-hán là các bậc Hiện trí Vô học. Các vị Phật Độc Giác là các bậc Hiện

¹ “Đạo đồng hành với sự biết toàn diện là hiện trí hạnh về khẩu, sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái ở khẩu là hiện trí hạnh về khẩu, sự chứng đạt tam thiên có sự diệt của khẩu hành là hiện trí hạnh về khẩu.” Đoạn văn này chỉ khác ở đoạn văn liền trước đó ở chỗ “nhị thiên” và “tam thiên.” Tam tạng của Miến Điện và Thái Lan không có đoạn này. Hai đoạn văn tương tự ở trang 51 và 279 trong tập này cũng không có đoạn này. (ND)

trí Độc Giác. Các đức Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác là các bậc Hiền trí của các bậc Hiền trí.

9. *Không phải do trạng thái im lặng mà kẻ có bộ dạng khô khạo, ngu dốt trở thành bậc Hiền trí. Nhưng người nào, tựa như người cầm lấy cái cân rồi chọn lấy vật quý giá, là người sáng suốt.*

10. *Người lánh xa hẳn các điều ác, người ấy là bậc Hiền trí, do việc ấy người ấy trở thành bậc Hiền trí. Người nào hiểu rõ cả hai thế giới [nội tâm và ngoại cảnh], do việc ấy được gọi là bậc Hiền trí.*

11. *Vị biết được bản chất của những kẻ xấu và của những người tốt, nội phần và ngoại phần, ở tất cả thế gian, vị được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại, vị đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.*

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ điều ấy một cách tường tận.

“Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi” là như thế.

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngài đúng theo bản thể.

“Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

*“Điều nào chúng tôi đã hỏi Ngài, Ngài đã giải thích cho chúng tôi.
Chúng tôi hỏi Ngài điều khác, vậy xin Ngài hãy trả lời điều ấy.
Làm thế nào các bậc sáng trí vượt qua dòng lũ,
Sanh và già, sầu muộn và than vãn?
Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho tôi,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.”*

4.5. [Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū]

*Ta sẽ giải thích cho người giáo pháp,
Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại.
Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”*

Ta sẽ giải thích cho người giáo pháp.

Giáo pháp: Ta sẽ giải thích, Ta sẽ chỉ dạy, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ,

[gồm có] bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

“Ta sẽ giải thích cho người giáo pháp” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại.

Về pháp đã được thấy:² Về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định; về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định rằng: “Tất cả các hành là vô thường”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” “Về pháp đã được thấy” là như vậy.

Hoặc là, Ta sẽ giải thích về khổ ở khổ đã được thấy, Ta sẽ giải thích về tập ở nhân sanh khởi đã được thấy, Ta sẽ giải thích về diệt ở sự diệt tận đã được thấy, Ta sẽ giải thích về đạo ở đạo lộ đã được thấy.³ “Về pháp đã được thấy” còn là như vậy. Hoặc là, về pháp đã được thấy là pháp hoàn toàn hiện nhiên, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. “Về pháp đã được thấy” còn là như vậy.

Không phải do nghe nói lại: Ta sẽ thuyết giảng cho người về pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm.

“Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại” là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

² Về pháp đã được thấy (*ditthe dhamme*): Chú giải của *Suttanipāta* (Kinh tập) ghi rằng: “*Ditthe dhammeti ditthe dukkhādidhamme, imasmiṃyeva vā attabhāve*” (*Paramatthajotikā*, PTS. II. 590), nghĩa là “về pháp khổ, (tập, diệt, đạo) đã được thấy, hoặc ngay ở bản ngã này”. (ND)

³ Ở đây nói đến bốn chân lý cao thượng (tứ diệu đế): Khổ, tập (nhân sanh khổ), diệt (sự diệt tận khổ), đạo (sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ).

Vị có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

“Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống” là như thế.

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian: Sự vương mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vương mắc: Sự vương mắc với ý nghĩa gì? “Được trải rộng” là vương mắc, “bao quát” là vương mắc, “được lan rộng” là vương mắc, “nó lôi kéo theo” là vương mắc, “nó mang lại chất độc” là vương mắc, “truyền bá chất độc” là vương mắc, “gốc rễ của chất độc” là vương mắc, “kết quả của chất độc” là vương mắc, “sự thọ dụng độc hại” là vương mắc. Hoặc hơn nữa, “tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thính, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc, ở y phục, ở đồ ăn khát thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh, ở dục giới, ở sắc giới, ở vô sắc giới, ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng, ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn, ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại, ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng” là vương mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian: Sự vương mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vương mắc này ở ngay tại thế gian.

“Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū]

Ta sẽ giải thích cho người giáo pháp,

Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”

4.6. Và tôi thích thú về điều ấy,

Thưa bậc Đại Ấn Sĩ, về giáo pháp tôi thương.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.

Và tôi thích thú về điều ấy.

Về điều ấy: Là lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài.

Tôi thích thú: Tôi vui thích, tôi vui mừng, tôi tùy hỷ, tôi ước muốn, tôi ưng thuận, tôi yêu cầu, tôi ước nguyện, tôi mong cầu, tôi nguyện cầu.

“Và tôi thích thú về điều ấy” là như thế.

Thưa bậc Đại Ân Sĩ, về giáo pháp tối thượng.

Bậc Đại Ân Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao... tuệ uẩn lớn lao... giải thoát uẩn lớn lao... giải thoát tri kiến uẩn⁴ lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ.

“Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khỏi tầm tối lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự nhỏ lên mũi tên tham ái lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự tháo tung mối rối rắm tà kiến lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự xô ngã ngọn cờ ngã mạn lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự cắt đứt vòng quay luân hồi lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu việc tịch tịnh sự bức bối lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệm lớn lao... các chánh cần lớn lao... các nền tảng của thần thông lớn lao... các quyền lớn lao... các lực lớn lao... các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao... lợi ích tối thượng lớn lao, bất tử, Niết-bàn” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?” là bậc Đại Ân Sĩ.

Về giáo pháp tối thượng: Giáo pháp tối thượng nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Tối thượng: Là giáo pháp cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

“Thưa bậc Đại Ân Sĩ, về giáo pháp tối thượng” là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi

⁴ Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Vị có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thọ trên các thọ,... (nt)... ở việc quan sát tâm trên tâm,... (nt)... ở việc quan sát pháp trên các pháp, vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

“Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống” là như thế.

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian: Sự vương mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vương mắc: Sự vương mắc với ý nghĩa gì?... (nt)... “được trải rộng, được lan rộng” là vương mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian: Sự vương mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vương mắc này ở ngay tại thế gian.

“Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Và tôi thích thú về điều ấy,

Thưa bậc Đại Ấn Sĩ, về giáo pháp tối thượng.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”

4.7. [Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū] bất cứ điều gì mà người tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, người hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu.”

Bất cứ điều gì mà người tự mình nhận biết: Bất cứ điều nào mà người nhận biết, người hiểu, người nhận thức, người thừa nhận, người thấu triệt.

“Bất cứ điều gì mà người tự mình nhận biết” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Mettagū” là như thế.

Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.

Bên trên là nói đến thời tương lai, **bên dưới** là nói đến thời quá khứ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thời hiện tại.

Bên trên là thế giới chư thiên, **bên dưới** là thế giới địa ngục, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thế giới loài người. Hoặc là, **bên trên** là các pháp thiện, **bên dưới** là các pháp bất thiện, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là các pháp vô ký.

Bên trên là vô sắc giới, **bên dưới** là dục giới, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là sắc giới.

Bên trên là cảm thọ lạc, **bên dưới** là cảm thọ khổ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là cảm thọ không khổ không lạc.

Bên trên là từ lòng bàn chân trở lên, **bên dưới** là từ đỉnh ngọn tóc trở xuống, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là ở chính giữa.

“Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa” là như thế.

Ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu.

Liên quan đến các pháp ấy: Liên quan đến các pháp đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

Sự vui thích: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự chấp chặt: Có hai sự chấp chặt: Chấp chặt do tham ái và chấp chặt do tà kiến. Điều nào là chấp chặt do tham ái? Cho đến... (nt)... bởi cái gọi là tham ái rằng:... (nt)... điều này là chấp chặt do tham ái. Điều nào là chấp chặt do tà kiến? Thân kiến có hai mươi nền tảng,... (nt)... điều này là chấp chặt do tà kiến.

Ngươi hãy xua đi tâm thức: Ngươi hãy xóa đi, hãy đuổi đi, hãy xóa tan, hãy xua tan, hãy từ bỏ, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu thức đi cùng với phúc hành, thức đi cùng với phi phúc hành, thức đi cùng với bất động hành.⁵ “Ngươi hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy” là như thế.

Không nên trụ lại ở hữu.

Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Cái nào là sự hiện hữu do nghiệp? Phúc

⁵ Thức đi cùng với phúc hành là 13 tâm thiện (8 tâm thiện dục giới, 5 tâm sắc giới); thức đi cùng với phi phúc hành là 12 tâm bất thiện (8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si); thức đi cùng với bất động hành là 4 tâm vô sắc giới (*Nidā. II. 26*).

hành, phi phúc hành, bất động hành,⁶ cái này là sự hiện hữu do nghiệp. Cái nào là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức liên quan đến việc nối liền tái sanh, cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh.

Không nên trụ lại ở hữu: Trong khi dứt bỏ, trong khi xua đi, trong khi làm chấm dứt, trong khi làm cho không còn hiện hữu sự vui thích, sự chấp chặt, thức đi cùng với các sự tạo tác, sự hiện hữu do nghiệp, và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh, không nên trụ lại ở sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh, không nên trụ vững.

“Người hãy xua đi tâm thức liên quan đến các pháp này; không nên trụ lại ở hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Mettagū] bất cứ điều gì mà người tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, người hãy xua đi sự vui thích, sự chấp chặt, và tâm thức liên quan đến các pháp ấy; không nên trụ lại ở hữu.”

4.8. An trú như vậy, có niệm, không xao lãng,

*Vị Tỳ-khuru, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta,
Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau
Sanh, già, sầu muộn và than vãn.*

An trú như vậy, có niệm, không xao lãng.

An trú như vậy: Trong khi dứt bỏ, trong khi xua đi, trong khi làm chấm dứt, trong khi làm cho không còn hiện hữu sự vui thích, sự chấp chặt, thức đi cùng với các sự tạo tác, sự hiện hữu do nghiệp, và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. “An trú như vậy” là như thế.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bốn phận, không bị xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia, tại chỗ nọ bằng trí tuệ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thôi chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cân mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần không bị xao lãng, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Bằng cách nào ta có thể làm đầy đủ định uẩn... (nt)... tuệ uẩn... (nt)... giải thoát uẩn... (nt)... giải thoát tri kiến uẩn

⁶ Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giải thoát tri kiến uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia, tại chỗ nọ bằng trí tuệ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần không bị xao lãng, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Bằng cách nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự cần cù, sự gắng sức, sự ráng sức, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần không bị xao lãng, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

“An trú như vậy, có niệm, không xao lãng” là như thế.

Vị Tỳ-khuru, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta.

Vị Tỳ-khuru: Là vị Tỳ-khuru phạm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khuru là bậc Hữu học.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

Các vật đã được chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi dứt bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các trạng thái chấp là của ta.

“Vị Tỳ-khuru, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta” là như thế.

Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn.

Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Sầu muộn: [Sầu muộn là sự buồn rầu]... (nt)... của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến,... (nt)...

Than vãn: Là sự... (nt)... của người bị tác động bởi sự tổn hại về thân quyến,... (nt)...

Tại nơi này: Ở quan điểm này,... (nt)... ở thế giới này.

Vị hiểu biết: Vị đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Khổ đau: Là khổ sanh, ... (nt)... khổ do ưu não.

Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn: Vị đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ, có thể xua đi, có thể làm chấm dứt, có thể làm cho không còn hiện hữu sanh, già, sầu muộn, than vãn và khổ đau.

“Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau, sanh, già, sầu muộn và than vãn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“An trú như vậy, có niệm, không xao lãng,

Vị Tỳ-khưu, trong khi sống, sau khi từ bỏ các vật đã được chấp là của ta,

Là vị hiểu biết, ngay tại nơi này, có thể dứt bỏ khổ đau,

Sanh, già, sầu muộn và than vãn.”

4.9. Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ, thừa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày, bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.

Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ.

[Điều] này: Là lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài.

Tôi thích thú: Tôi vui thích, tôi thích thú, tôi vui mừng, tôi tùy hỷ, tôi ước muốn, tôi ưng thuận, tôi ước nguyện, tôi mong cầu, tôi nguyện cầu.

Của bậc Đại Ân Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. ... (nt)... “đáng Nhân Ngưu ngự ở đâu?” là bậc Đại Ân Sĩ.

“Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ” là như thế.

Thừa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày.

Đã khéo được trình bày: Đã được trình bày khéo léo, đã được chỉ dạy khéo léo, đã được chỉ bảo khéo léo, đã được thông báo khéo léo, đã được ấn định khéo léo, đã được khai mở khéo léo, đã được chia sẻ khéo léo, đã được làm rõ khéo léo, đã được bày tỏ khéo léo. “Đã khéo được trình bày” là như thế.

Thừa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh: Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Sự dứt bỏ mầm tái sanh, sự vắng lặng mầm tái sanh, sự buông bỏ mầm tái sanh, sự tịch tịnh mầm tái sanh là bất tử, Niết-bàn.

“Thừa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày” là như thế.

Bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ.

Đương nhiên: Từ “*addhā*” này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói khẳng định.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Đã dứt bỏ khổ: Ngài đã dứt bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sâu-bi-khổ-uru-não.

“Bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ” là như thế.

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngài đúng theo bản thể.

“Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Tôi thích thú lời nói này của bậc Đại Ấn Sĩ, thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày, bởi vì đức Thế Tôn đương nhiên đã dứt bỏ khổ, bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.”

4.10. *Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ, luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau. Vì thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con⁷ xin kính lễ Ngài. Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ.*

Luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau.

Luôn cả những người ấy: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Có thể dứt bỏ khổ đau: Họ có thể dứt bỏ, có thể xua đi, có thể làm chấm dứt, có thể làm cho không còn hiện hữu khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sâu-bi-khổ-uru-não.

“Luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau” là như thế.

Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ.

Những người nào: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyền uyển và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

⁷ Xem chú thích 2 ở trang 438. (ND)

Giáo huấn không ngừng nghỉ: Là có thể giáo huấn không ngừng nghỉ, có thể giáo huấn một cách nghiêm trang, có thể giáo huấn thường xuyên, có thể giáo huấn, có thể chỉ dạy lần này đến lần khác.

“Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ” là như thế.

Vì thế, thưa bậc Long Tượng,⁸ sau khi gặp Ngài, con xin kính lễ Ngài.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Con xin kính lễ: Con kính lễ bằng thân, hoặc con kính lễ bằng lời nói, hoặc con kính lễ bằng tâm, hoặc con kính lễ với sự thực hành thuận theo đạo lý, hoặc con kính lễ với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, con thể hiện sự trọng vọng, con thể hiện sự cung kính, con sùng bái, con cúng dường.

Sau khi gặp: Là sau khi biết, sau khi thấu hiểu, sau khi gặp mặt, sau khi đi đến bên cạnh, con trực tiếp kính lễ Ngài.

Bậc Long Tượng: bậc Long Tượng là [nói đến] đức Thế Tôn. “Vị không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng, “vị không đi đến” là bậc Long Tượng, “vị không trở về” là bậc Long Tượng. “Đức Thế Tôn không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Điều tội lỗi nói đến các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khô, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai.

12. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị không làm bất cứ điều tội lỗi nào ở thế gian, sau khi tháo gỡ tất cả các sự ràng buộc [và] các sự trói buộc, không bám víu vào bất cứ nơi đâu, đã được giải thoát, bậc Long Tượng, có bản thể như thế, được gọi là ‘bậc Tự Tại’.”⁹*

“Đức Thế Tôn không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

“Đức Thế Tôn không đi đến” là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến do tác động của duyên ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. “Đức Thế Tôn không đi đến” là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

“Đức Thế Tôn không trở về” là bậc Long Tượng nghĩa là thế nào? Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo

⁸ “Thưa bậc Long Tượng” được dịch từ chữ *nāga* theo văn bản Miến Điện và PTS. (ND)

⁹ *Suttanipāṭapāli (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 159, câu kệ 525.* (ND)

Nhất lai... bởi đạo Bất lai... bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. “Đức Thế Tôn không trở về” là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

“Vì thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con xin kính lễ Ngài” là như thế.

Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ: Mong sao đức Thế Tôn có thể giáo huấn con không ngừng nghỉ, có thể giáo huấn một cách nghiêm trang, có thể giáo huấn thường xuyên, có thể giáo huấn, có thể chỉ dạy lần này đến lần khác.

“Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Những người nào, thưa bậc Hiền trí, được Ngài giáo huấn không ngừng nghỉ, luôn cả những người ấy chắc chắn có thể dứt bỏ khổ đau. Vì thế, thưa bậc Long Tượng, sau khi gặp Ngài, con xin kính lễ Ngài. Mong sao đức Thế Tôn sẽ giáo huấn con không ngừng nghỉ.”

4.11. Vị Bà-la-môn nào mà người có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết, không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu, vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ.

Vị Bà-la-môn nào mà người có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ, luyến ái được loại trừ, sân hận được loại trừ, si mê được loại trừ, ngã mạn được loại trừ. Đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được loại trừ.

13. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] sau khi loại trừ tất cả các điều ác, là người không còn vết nhơ, tốt lành, định tĩnh, có bản thân vững chãi, vị ấy đã vượt qua luân hồi, có sự toàn hảo, không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.”*

Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo,... (nt)... vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là “bậc đã đạt được sự hiểu biết.”

Người có thể biết rõ: Người có thể biết rõ, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt.

“Vị Bà-la-môn nào mà người có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết” là như thế.

Không còn vướng bận, không bị dính mắc ở dục và hữu.

Không còn vương bận: Luyên ái là vương bận,¹⁰ sân hận là vương bận, si mê là vương bận, ngã mạn là vương bận, tà kiến là vương bận, ô nhiễm là vương bận, uê hạnh là vương bận. Đối với vị nào, các vương bận này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không còn vương bận.

Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. ... (nt)... cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh.

Không còn vương bận, không bị dính mắc ở dục và hữu: Người không còn vương bận, không bị dính mắc, không bị máng vào, không bị vướng vào, không bị giữ lại ở dục và hữu, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, đang sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không còn vương bận, không bị dính mắc ở dục và hữu” là như thế.

Vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này.

Đương nhiên: Từ “*addhā*” này là lời nói nhất định,... (nt)... lời nói khẳng định.

Dòng lũ: Dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

Đã vượt qua: Đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi.

“Vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này” là như thế.

Và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cõi [của tâm], không còn nghi ngờ.

Đã vượt qua: Đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng đi, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không xao động, đã chứng ngộ diệt đế. Đối với vị ấy, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đạo đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ, điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết

¹⁰ *Akiñcanam*: Được ghi nghĩa là “không còn vương bận” dựa vào sự giải thích của *Chú giải* “*rāga-kiñcananti rāgapalibodham*”, thay vì nghĩa “không có gì, vô sở hữu” như đã gặp ở các nơi khác. (ND)

toàn diện đã được biết toàn diện, điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điều cần được tu tập đã được tu tập, điều cần được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Vị ấy đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp nương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là Thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuống gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hẳn ngũ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bốn sự nâng đỡ,¹¹ đã xua đi sự độc đoán, có sự tầm cầu đã được hoàn toàn cởi bỏ, có tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, có sự toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tột đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tột đỉnh.

Vị ấy không tích lũy [nghiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tự kết nối [tham ái] cũng không tháo gỡ, tồn tại sau khi đã tháo gỡ; không dập tắt [lửa phiền não] cũng không đốt cháy, tồn tại sau khi đã dập tắt; tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về giới uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về định uẩn của bậc Vô học,... (nt)... về tuệ uẩn của bậc Vô học,... (nt)... về giải thoát uẩn của bậc Vô học,... (nt)... về giải thoát tri kiến uẩn¹² của bậc Vô học; tồn tại sau khi đã thấu suốt chân lý, tồn tại sau khi đã vượt qua hẳn dục vọng, tồn tại sau khi đã trấn áp lửa phiền não, tồn tại do không xoay vòng [ở luân hồi], tồn tại sau khi đã thọ trì lời giảng, tồn tại do thân cận với giải thoát, tồn tại với sự thanh tịnh của từ, tồn tại với sự thanh tịnh của bi... (nt)... của hỷ... (nt)... của xả, tồn tại với sự thanh tịnh tột cùng, tồn tại với sự thanh tịnh của trạng thái không còn tham ái, tà kiến, và ngã mạn, tồn tại với trạng thái đã được giải thoát, tồn tại với trạng thái đã được hài lòng, tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn, tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới, tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ, tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự hiện hữu, tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi, tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển, tồn tại trong sự hiện hữu cuối cùng, tồn tại trong thân xác cuối cùng, với việc duy trì thân xác cuối cùng, là vị A-la-hán.

14. “Đối với vị ấy, đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót, việc sanh từ luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.”

Và đã vượt qua đến bờ kia: Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Vị ấy đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt

¹¹ Bốn sự nâng đỡ (*caturāpassena*): “Vị Tỳ-khưu sau khi suy xét rồi thọ dụng, sau khi suy xét rồi chịu đựng, sau khi suy xét rồi tránh xa, sau khi suy xét rồi xua đuổi” (D. 33, *Saṅgītisuttam*).

¹² Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. “Và đã vượt qua đến bờ kia” là như thế.

Không còn sự cứng cỏi [của tâm]: Luyến ái là sự cứng cỏi, sân hận là sự cứng cỏi, si mê là sự cứng cỏi, giận dữ là sự cứng cỏi, thù hằn là sự cứng cỏi,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các sự cứng cỏi. Đối với người nào, các sự cứng cỏi này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không còn sự cứng cỏi [của tâm].

Không còn nghi ngờ: Nghi ngờ về khổ, nghi ngờ về nhân sanh khổ, nghi ngờ về sự diệt tận khổ, nghi ngờ về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, nghi ngờ về điểm khởi đầu, nghi ngờ về điểm kết thúc, nghi ngờ về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, nghi ngờ về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự nghi ngờ nào có hình thức như vậy là biểu hiện nghi ngờ, trạng thái nghi ngờ, sự nhầm lẫn, sự hoài nghi, sự lưỡng lự, sự phân vân, sự ngờ vực, sự không nắm chắc, sự không quyết định, sự không quả quyết, sự không thể xác quyết, trạng thái sừng sốt, sự bối rối của tâm. Đối với vị nào, các nghi ngờ này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vị ấy được gọi là không còn nghi ngờ.

“Và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị Bà-la-môn nào mà người có thể biết rõ là bậc đã đạt được sự hiểu biết, không còn vương bận, không bị dính mắc ở dục và hữu, vị ấy đương nhiên đã vượt qua dòng lũ này và đã vượt qua đến bờ kia, không còn sự cứng cỏi [của tâm], không còn nghi ngờ.”

4.12. *Và người nào ở nơi này có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết, sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu, người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già.*

Và người nào ở nơi này có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết.

Có sự hiểu biết: Có sự hiểu biết là đã đạt đến kiến thức, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Người nào: Người nào là người như thế,... (nt)... hoặc là vị thiên nhân, hoặc là người nhân loại.

Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Các sự hiểu biết nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thâm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Với các sự hiểu biết ấy, [vị ấy] đã đi đến điểm cuối đối với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. “Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc “người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc do trạng thái đã hiểu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài nghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái... sân hận... si mê... ngã mạn đã được hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết.

15. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là ‘bậc đã đạt được sự hiểu biết.’”*

Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, con người, người đi theo nghiệp, sinh vật, nhân loại.

Ở nơi này: Ở quan điểm này,... (nt)... ở thế giới loài người này.

“Và người nào ở nơi này có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết” là như thế.

Sau khi tháo gỡ sự quyền luyến này ở hữu và phi hữu.

Ở hữu và phi hữu: Ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lập đi lập lại, ở cảnh giới tái sanh được lập đi lập lại, ở sự tái sanh được lập đi lập lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lập đi lập lại, ở sự tái sanh của bản thân được lập đi lập lại.

Sự quyền luyến: Có bảy sự quyền luyến: Quyền luyến do luyến ái, quyền luyến do sân hận, quyền luyến do si mê, quyền luyến do ngã mạn, quyền luyến do tà kiến, quyền luyến do ô nhiễm, quyền luyến do uế hạnh.

Sau khi tháo gỡ: Sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự quyền luyến; hoặc là sau khi tháo rời hoặc sau khi tháo gỡ các sự quyền luyến, các vật đã bị buộc trói, đã bị trói buộc, đã bị cột trói, các vật đã bị máng vào, đã bị vướng vào, đã bị giữ lại, các sự trói chặt. Giống như người thực hiện sự tháo gỡ, phá vỡ cái kiệu khiêng, cỗ xe, xe tải, hoặc xe kéo đã được ráp lại; tương tự như vậy,

sau khi cởi bỏ hoặc sau khi tháo gỡ các sự quuyến luyến, hoặc là sau khi tháo rời, sau khi tháo gỡ các sự quuyến luyến, các vật đã bị buộc trói, đã bị trói buộc, đã bị cột trói, các vật đã bị máng vào, đã bị vướng vào, đã bị giữ lại, các sự trói chặt.

“Sau khi tháo gỡ sự quuyến luyến này ở hữu và phi hữu” là như thế.

Người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp. Đối với người nào, các tham ái này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ, có tham ái đã được tẩy trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch tịnh, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Người ấy có tham ái đã được xa lìa” là như thế.

Không còn phiền muộn: Luyến ái là phiền muộn, sân hận là phiền muộn, si mê là phiền muộn, giận dữ là phiền muộn, thù hằn là phiền muộn,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là phiền muộn. Đối với người nào, các phiền muộn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không còn phiền muộn.

Không có mong cầu: Sự mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, các sự mong cầu này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có mong cầu.

Sanh: Sự sanh ra, sự sanh khởi, sự nhập thai, sự phát sanh, sự xuất hiện của các uẩn, sự đạt được các xứ ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Già: Sự suy tàn, trạng thái già nua, tình trạng răng long, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ suy giảm, sự hư hoại của những giác quan ở từng chủng loại của các chúng sanh này khác.

Người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Người nào có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, và không có mong cầu, người ấy, quả thật, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết.”

“Người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Và người nào ở nơi này, có sự hiểu biết, là bậc đã đạt được sự hiểu biết, sau khi tháo gỡ sự quyến luyến này ở hữu và phi hữu, người ấy có tham ái đã được xa lìa, không còn phiền muộn, không có mong cầu, Ta nói rằng, người ấy đã vượt qua sanh và già.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Mettagū” là thứ tư.



5. DIỄN GIẢI KINH DHOTAKA (DHOTAKASUTTANIDDESO)

5.1. *[Tôn giả Dhotaka nói rằng:] “Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này. Thưa bậc Đại Ấn Sĩ, con mong mỗi lời nói của Ngài. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài, con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân.”*

Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này.

Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. ... (nt)... Đây là ba loại câu hỏi. ... (nt)... câu hỏi về Niết-bàn.

Con hỏi Ngài: Con hỏi Ngài, con yêu cầu Ngài, con thỉnh cầu Ngài, con đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho con. “Con hỏi Ngài” là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Xin Ngài hãy trả lời con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này” là như thế.

Tôn giả Dhotaka nói rằng.

Rằng: Là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: Từ “*āyasmā*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Dhotaka: Là tên của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

“Tôn giả Dhotaka nói rằng” là như thế.

Thưa bậc Đại Ấn Sĩ, con mong mỗi lời nói của Ngài: Con chờ đợi, con mong mỗi, con ước muốn, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con nguyện cầu lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài.

Bậc Đại Ấn Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ấn Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là bậc Đại Ấn Sĩ. ... (nt)... “Đấng Nhân Nguru ngự ở đâu?” là bậc Đại Ấn Sĩ.

“Thưa bậc Đại Ân Sĩ, con mong mỗi lời nói của Ngài” là như thế.

Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài.

“Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài” là như thế.

Con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân.

Sự học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Sự tịch diệt cho bản thân: Nhằm làm cho tịch diệt sự luyến ái của bản thân, nhằm làm cho tịch diệt sân hận, nhằm làm cho tịch diệt si mê, nhằm làm cho tịch diệt sự giận dữ, nhằm làm cho tịch diệt sự thù hận... (nt)... nhằm sự yên lặng, nhằm sự yên tịnh, nhằm làm vắng lặng, nhằm làm cho tịch diệt, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập; trong khi thấy, thì nên học tập; trong khi quán xét lại, thì nên học tập; trong khi quyết định tâm, thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin, thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn, thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm, thì nên học tập; trong khi tập trung tâm, thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ, thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ, thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện, thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ, thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập, thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Dhotaka nói rằng:] “Thưa đức Thế Tôn, con hỏi Ngài. Xin Ngài hãy trả lời con về điều này. Thưa bậc Đại Ân Sĩ, con mong mỗi lời nói của Ngài. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố của Ngài, con có thể học tập về sự tịch diệt cho bản thân.”

5.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] chính vì điều ấy người hãy thực hiện sự nhiệt tâm, ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây, nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân.”

Chính vì điều ấy người hãy thực hiện sự nhiệt tâm: Người hãy thực hiện sự nhiệt tâm, hãy thực hiện sự gắng sức, hãy thực hiện sự ráng sức, hãy thực hiện sự đồng mãnh, hãy thực hiện nghị lực, hãy thực hiện sự tinh tấn, hãy làm

sanh ra, hãy làm sanh khởi, hãy lập nên, hãy thiết lập, hãy làm hạ sanh, hãy làm phát sanh sự mong muốn.

“Chính vì điều ấy người hãy thực hiện sự nhiệt tâm” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka. Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka” là như thế.

Ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm.

Tại nơi này: Ở quan điểm này, ở sự chấp nhận này, ở sự ưa thích này, ở sự nắm giữ này, ở Pháp này, ở Luật này, ở Pháp và Luật này, ở giáo lý này, ở Phạm hạnh này, ở lời dạy này của bậc Đạo sư, ở bản thân này, ở thế giới loài người này.

Người có sự chín chắn: Là người chín chắn, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

“Ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm” là như thế.

Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ta từ nơi đây.

“Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây” là như thế.

Nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân.

Sự học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Sự tịch diệt cho bản thân: Nhằm làm cho tịch diệt sự luyến ái của bản thân, nhằm làm cho tịch diệt sân hận, nhằm làm cho tịch diệt si mê, nhằm làm cho tịch diệt sự giận dữ, nhằm làm cho tịch diệt sự thù hận... (nt)... nhằm sự yên lặng, nhằm sự yên tịnh, nhằm làm vắng lặng, nhằm làm cho tịch diệt, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện, nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này, thì nên học tập; trong khi biết, thì nên học tập;... (nt) ... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ, thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] chính vì điều ấy người hãy thực hiện sự nhiệt tâm, ngay tại nơi này, hãy là người có sự chín chắn, có niệm. Sau khi lắng nghe lời tuyên bố từ nơi đây, nên học tập về sự tịch diệt cho bản thân.”

5.3. *“Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người, vị Bà-la-môn không còn vương bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]. Vì thế, thưa bậc Toàn Nhân, con xin kính lễ Ngài. Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc.”*

Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người.

Chư thiên: Có ba hạng chư thiên: Chư thiên do chế định, chư thiên do tái sanh, chư thiên do thanh tịnh. Chư thiên do chế định là những ai? Chư thiên do chế định nói đến các vị vua, các hoàng tử và các hoàng hậu; những người này là chư thiên do chế định. Chư thiên do tái sanh là những ai? Chư thiên do tái sanh nói đến chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên cõi Đạo-lợi, chư thiên cõi Dạ-ma, chư thiên cõi Đâu-suất, chư thiên cõi Hóa Lạc, chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại, chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên, và chư thiên nào vượt lên trên cõi ấy; các vị này là chư thiên do tái sanh. Chư thiên do thanh tịnh là những ai? Chư thiên do thanh tịnh nói đến các đệ tử của đức Như Lai là các vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, và các vị Phật Độc Giác; các vị này là chư thiên do thanh tịnh. Đức Thế Tôn là vị thiên nhân trong số chư thiên do chế định, trong số chư thiên do tái sanh, và trong số chư thiên do thanh tịnh, là vị thiên nhân vượt trội, là vị thiên nhân vượt trội của chư thiên, là con sư tử vượt trội của loài sư tử, là con voi vượt trội của loài voi, là người có đồ chúng vượt trội trong số các vị có đồ chúng, là bậc Hiền trí vượt trội trong số các bậc Hiền trí, là vị vua vượt trội trong số các vị vua.

Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người: Ở thế giới loài người, con nhìn thấy vị thiên nhân, con nhìn thấy vị thiên nhân vượt trội, con nhìn thấy vị thiên nhân vượt trội của chư thiên, con nhận thấy, con quan sát, con suy xét, con khảo sát.

“Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người” là như thế.

Vị Bà-la-môn không còn vương bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi].

Không còn vương bận: Luyến ái là vương bận, sân hận là vương bận, si mê là vương bận, ngã mạn là vương bận, tà kiến là vương bận, ô nhiễm là vương bận, uê hạnh là vương bận. Đối với đức Phật, đối với đức Thế Tôn, các vương bận này đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Thế Tôn là không còn vương bận.

Vị Bà-la-môn: Đức Thế Tôn là vị Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, sự bám víu vào giới và phận sự được loại trừ, luyến ái được loại trừ, sân hận được loại trừ, si mê được loại trừ, ngã mạn được loại trừ; đối với Ngài, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được loại trừ.

1. [Đức Thế Tôn nói: “*Này Sabhiya*” sau khi loại trừ tất cả các điều ác, là người không còn vết nhơ, tốt lành, định tĩnh, có bản thân vững chãi, vị ấy đã

vượt qua luân hồi, có sự toàn hảo, không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.”

Đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]: Đang thực hành, đang trú ngụ, đang sinh hoạt, đang vận hành, đang bảo hộ, đang nuôi dưỡng, đang bảo dưỡng.

“Vị Bà-la-môn không còn vương bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]” là như thế.

Vì thế, thưa bậc Toàn Nhân, con xin kính lễ Ngài.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Con xin kính lễ: Con kính lễ bằng thân, hoặc con kính lễ bằng lời nói, hoặc con kính lễ bằng tâm, hoặc con kính lễ với sự thực hành thuận theo đạo lý, hoặc con kính lễ với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, con thể hiện sự trọng vọng, con thể hiện sự cung kính, con sùng bái, con cúng dường.

Bậc Toàn Nhân: Toàn nhân nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác.

2. *“Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhân.”*

“Vì thế, thưa bậc Toàn Nhân, con xin kính lễ Ngài” là như thế.

Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc.

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, “người đã xuất gia từ gia tộc Sakya” là vị dòng Sakya. Hoặc là, “người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn” là vị dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm, tài sản về chánh cần, tài sản về nền tảng của thần thông, tài sản về quyền, tài sản về lực, tài sản về yếu tố đưa đến giác ngộ, tài sản về Đạo, tài sản về Quả, tài sản về Niết-bàn; “người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với các tài sản và bảo vật nhiều loại này” là vị dòng Sakya.

Hoặc là, “vị có đủ sức, có năng lực, có tiềm lực, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa” là vị dòng Sakya.

Nghi hoặc: Nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ, nghi ngờ về nhân sanh khổ, nghi ngờ về sự diệt tận khổ, nghi ngờ về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ, nghi ngờ về điểm khởi đầu, nghi ngờ về điểm kết thúc, nghi ngờ về điểm khởi đầu và điểm kết thúc, nghi ngờ về các pháp tùy thuận duyên khởi này; sự nghi ngờ nào có hình thức như vậy là biểu hiện nghi ngờ, trạng thái nghi ngờ, sự nhầm lẫn, sự hoài nghi, sự lưỡng lự, sự phân vân, sự ngờ vực, sự không nắm

chắc, sự không quyết định, sự không quả quyết, sự không thể xác quyết, trạng thái sừng sốt, sự bối rối của tâm.

Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc: Xin Ngài hãy cứu thoát con, hãy giải thoát cho con, hãy giúp cho con được cứu thoát, hãy giúp cho con được giải thoát, hãy nâng con lên, hãy nâng bổng con lên, hãy nhắc con lên khỏi mũi tên nghi hoặc.

“Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Con nhìn thấy ở thế giới của chư thiên và loài người, vị Bà-la-môn không còn vướng bận, đang sinh hoạt [trong bốn oai nghi]. Vì thế, thưa bậc Toàn Nhãn, con xin kính lễ Ngài. Thưa vị dòng Sakya, xin Ngài hãy giải thoát cho con khỏi các nỗi nghi hoặc.”

5.4. Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát

Bất cứ người nào ở thế gian có nỗi nghi hoặc, này Dhotaka.

Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng,

Như vậy người có thể vượt qua dòng lũ này.

Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát: Ta không có thể giải thoát cho người, giải phóng cho người, giúp cho người được giải thoát, giúp cho người được giải phóng, nâng người lên, nâng bổng người lên, giúp cho người được nhắc lên, giúp cho người được nhắc bổng lên khỏi mũi tên nghi hoặc. “Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát” là như vậy.

Hoặc là, Ta không đi đến, không tự mình đi đến, không gắng sức, không tinh tấn, không thể hiện sự gắng sức, không thể hiện sự ráng sức, không thể hiện sự dũng mãnh, không thể hiện nghị lực, không thể hiện sự tinh tấn, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh sự mong muốn đối với việc thuyết giảng giáo pháp cho người không có đức tin, không có nguyện vọng, biếng nhác, có sự tinh tấn thấp kém, không chịu thực hành. “Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát” còn là như vậy.

Hoặc là, không có kẻ nào khác là người giúp cho giải thoát. Nếu những người ấy có thể giúp cho [bản thân được] giải thoát thì họ có thể giúp cho [bản thân được] giải thoát bằng sức mạnh của mình, bằng năng lực của mình, bằng sự tinh tấn của mình, bằng sự nỗ lực của mình, bằng sức mạnh nam nhân của mình, bằng năng lực nam nhân của mình, bằng sự tinh tấn nam nhân của mình, bằng sự nỗ lực nam nhân của mình, trong khi họ tự thân thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp. “Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Cunda, thật vậy kẻ ấy, tự thân đã bị lún ở bãi lầy, sẽ nâng lên kẻ khác đã bị lún ở bãi lầy, sự kiện này không thể có được. Này Cunda, thật vậy kẻ ấy, tự thân không được thuần phục, không được huấn luyện, không được hoàn toàn tịch diệt, sẽ thuần phục, sẽ huấn luyện, sẽ giúp cho kẻ khác hoàn toàn tịch diệt, sự kiện này không thể có được.”

“Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

3. *“Việc ác đã được làm bởi chính bản thân, bởi bản thân mà trở thành ô nhiễm. Việc ác đã không được làm bởi bản thân, bởi chính bản thân mà trở thành trong sạch. Trong sạch [hay] không trong sạch tùy thuộc vào bản thân, không ai có thể làm cho người khác trở thành trong sạch.”*

“Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Bà-la-môn, tương tự y như thế, Niết-bàn quả là có thật, con đường đưa đến Niết-bàn là có thật, Ta là người hướng dẫn là có thật, và hơn nữa các đệ tử của Ta, trong khi được Ta giáo huấn như vậy, trong khi được chỉ dạy như vậy, một số đệ tử đạt đến mục đích tột cùng là Niết-bàn, một số không đạt đến. Này Bà-la-môn, ở đây Ta làm được điều gì? Này Bà-la-môn, Như Lai là người chỉ đường. Chư Phật chỉ ra con đường. Chúng sanh, trong khi tự thân thực hành, thì có thể giải thoát.”

“Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát” còn là như vậy.

Cho bất cứ người nào ở thế gian có nổi nghi hoặc, này Dhotaka: Cho người có nổi nghi hoặc, có sự nghi ngờ, có sự bối rối, có sự lưỡng lự, có sự hoài nghi.

Cho bất cứ người nào: Cho bất cứ Sát-đế-ly, hoặc Bà-la-môn, hoặc thương buôn, hoặc nô lệ, hoặc người tại gia, hoặc vị xuất gia, hoặc vị thiên nhân, hoặc người nhân loại.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Cho bất cứ người nào ở thế gian có nổi nghi hoặc, này Dhotaka” là như thế.

Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng: Giáo pháp tối thượng nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Tối thượng: Là giáo pháp cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Trong khi hiểu được: Trong khi hiểu được là trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt.

“Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng” là như thế.

Như vậy người có thể vượt qua dòng lũ này: Như thế người có thể vượt

qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] đục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

“Như vậy người có thể vượt qua dòng lũ này” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] Ta sẽ không có khả năng về việc giúp cho giải thoát bất cứ người nào ở thế gian có nổi nghi hoặc, này Dhotaka. Nhưng trong khi hiểu được giáo pháp tối thượng, như vậy người có thể vượt qua dòng lũ này.”

5.5. [Tôn giả Dhotaka nói rằng:] “Thưa đáng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy, theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn, con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không nương nhờ.”

Thưa đáng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy.

Thưa đáng Phạm Thiên, xin Ngài hãy chỉ dạy: Thưa đáng Phạm Thiên, xin Ngài hãy chỉ dạy; thưa đáng Phạm Thiên, xin Ngài hãy giúp đỡ; thưa đáng Phạm Thiên, xin Ngài hãy thương tưởng. “Thưa đáng Phạm Thiên, xin Ngài hãy chỉ dạy” là như thế.

Từ mẫn: Trong lúc có lòng từ mẫn, trong lúc có lòng trắc ẩn, trong lúc bảo vệ, trong lúc giúp đỡ, trong lúc có lòng thương tưởng.

“Thưa đáng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy” là như thế.

Pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy: Pháp viễn ly nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Để con có thể nhận thức được pháp ấy: Để con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ pháp ấy.

“Pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy” là như thế.

Theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn: Giống như hư không thì không bám víu, không nắm giữ, không bị trói buộc, không bị giữ lại, tương tự như vậy, con không bám víu, không nắm giữ, không bị trói buộc, không bị giữ lại. “Ví như hư không, không bị xáo trộn” là như vậy. Giống như hư không thì không bị nhuộm màu bởi màu nâu cánh kiến, hoặc bởi màu vàng nghệ, hoặc bởi màu chàm, hoặc bởi màu đỏ sậm, tương tự như vậy, con không bị luyến ái, không bị sân hận, không bị mê mờ, không bị ô nhiễm. “Ví như hư không, không bị xáo trộn” còn là như vậy. Giống như hư không thì không bức tức, không bất bình, không phản kháng, không làm tổn thương, tương tự như vậy, con không bức tức, không bất bình, không phản kháng, không làm tổn thương.

“Ví như hư không, không bị xáo trộn” còn là như vậy.

Con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không nương nhờ.

Ở chính nơi này, được an tịnh: Là trong khi được an tịnh ở chính nơi này, trong khi đang ngồi ở chính nơi này, trong khi đang ngồi ngay tại chỗ ngồi này, trong khi đang ngồi ngay tại hội chúng này. “Ở chính nơi này, được an tịnh” là như vậy. Hoặc là, được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh ở chính nơi này. “Ở chính nơi này, được an tịnh” còn là như vậy.

Không nương nhờ: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến, không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý, không nương nhờ các sắc,... các thính,... các hương,... các vị,... các xúc,... các pháp,... gia tộc, đồ chúng, chỗ ngủ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn, khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, điều đã được thấy, điều đã được nghe, điều đã được cảm giác, điều đã được nhận thức, [không nương nhờ] tất cả các pháp, không nương tựa, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Con có thể sống: Con có thể thực hành, có thể trú ngụ, có thể sinh hoạt, có thể vận hành, có thể bảo hộ, có thể nuôi dưỡng, có thể bảo dưỡng.

“Con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không nương nhờ” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Thưa đáng Phạm Thiên, xin Ngài hãy từ mẫn chỉ dạy

Pháp viễn ly để con có thể nhận thức được pháp ấy,

Theo đó, con ví như hư không, không bị xáo trộn,

Con có thể sống ở chính nơi này, được an tịnh, không nương nhờ.”

5.6. [Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka]

Ta sẽ giải thích cho người về sự an tịnh,

Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại;

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”

Ta sẽ giải thích cho người về sự an tịnh: Ta sẽ giải thích, Ta sẽ giải bày, Ta sẽ chỉ dạy, Ta sẽ chỉ bảo, Ta sẽ thông báo, Ta sẽ ấn định, Ta sẽ khai mở, Ta

sẽ chia sẻ, Ta sẽ làm rõ, Ta sẽ bày tỏ về sự an tịnh của luyến ái, về sự an tịnh của sân hận, về sự an tịnh của si mê, về sự an tịnh của giận dữ, về sự an tịnh của thù hận,... của gièm pha,... của ác ý,... của ganh tỵ,... của bòn xén,... của xảo trá,... của lừa gạt,... của bướng bỉnh,... của hung hăng,... của ngã mạn,... của cao ngạo,... của đam mê,... của xao lãng,... của tất cả ô nhiễm,... của tất cả uế hạnh,... của mọi sự lo lắng,... của mọi sự bức bối,... của mọi sự nóng nảy,... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện, về sự yên tịnh, về sự vắng lặng, về sự tịch diệt, về sự tịch tịnh.

“Ta sẽ giải thích cho người về sự an tịnh” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka.

Dhotaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka” là như thế.

Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại.

Về pháp đã được thấy: Về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định; về pháp đã được thấy, về pháp đã được biết, về pháp đã được cân nhắc, về pháp đã được xác định, về pháp đã được rõ rệt, về pháp đã được minh định rằng: “Tất cả các hành là vô thường”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” “Về pháp đã được thấy” là như vậy.

Hoặc là, Ta sẽ giải thích về khổ ở khổ đã được thấy, Ta sẽ giải thích về tập ở nhân sanh khởi đã được thấy, Ta sẽ giải thích về diệt ở sự diệt tận đã được thấy, Ta sẽ giải thích về đạo ở đạo lộ đã được thấy. “Về pháp đã được thấy” còn là như vậy. Hoặc là, về [pháp đã được thấy là] pháp hoàn toàn hiển nhiên, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. “Về pháp đã được thấy” còn là như vậy.

Không phải do nghe nói lại: Ta sẽ thuyết giảng cho người về pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét lại, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm.

“Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại” là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định,

sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khô”,... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Vị có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

“Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống” là như thế.

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian: Sự vương mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt) ... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vương mắc: Sự vương mắc với ý nghĩa gì?... (nt)... “được trải rộng, được lan rộng” là vương mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian: Sự vương mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vương mắc này ở ngay tại thế gian.

“Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka]

Ta sẽ giải thích cho người về sự an tịnh,

Về pháp đã được thấy, không phải do nghe nói lại;

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”

5.7. Và con thích thú về điều ấy,

Thưa bậc Đại Ân Sĩ, về sự an tịnh tối thượng;

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.

Và con thích thú về điều ấy.

Về điều ấy: Con vui thích, con thích thú, con vui mừng, con tùy hỷ, con ước muốn, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con nguyện cầu về lời nói, về lời phát biểu, về lời chỉ bảo, về lời chỉ dạy, về lời khuyên bảo của Ngài.

“Và con thích thú về điều ấy” là như thế.

Thưa bậc Đại Ân Sĩ, về sự an tịnh tối thượng.

Bậc Đại Ân Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. ... (nt)... “Đấng Nhân Ngưu ngự ở đâu?” là bậc Đại Ân Sĩ.

Về sự an tịnh tối thượng: Sự an tịnh nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Tối thượng: Là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

“Thưa bậc Đại Ân Sĩ, về sự an tịnh tối thượng” là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ,... (nt)...; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Vị có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt) ... vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành,... (nt)... trong khi bảo dưỡng.

“Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống” là như thế.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt) ... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì?... (nt)... được trải rộng, được lan rộng” là vướng mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thế gian. Vị có niệm có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian.

“Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Và con thích thú về điều ấy,

Thưa bậc Đại Ân Sĩ, về sự an tịnh tối thượng;

Sau khi hiểu pháp ấy, vị có niệm, trong khi sống,

Con có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian.”

5.8. [Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] bất cứ điều gì mà người tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, sau khi hiểu điều này là ‘sự quuyến luyến’ ở thế gian, người chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu.”

Bất cứ điều gì mà người tự mình nhận biết: Bất cứ điều nào mà người tự mình nhận biết, người hiểu, người nhận thức, người thừa nhận, người thấu triệt. “Bất cứ điều gì mà người tự mình nhận biết” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka.

Dhotaka: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Dhotaka” là như thế.

Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.

Bên trên là nói đến thời tương lai, **bên dưới** là nói đến thời quá khứ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thời hiện tại. **Bên trên** là thế giới chư thiên, **bên dưới** là thế giới địa ngục, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thế giới loài người. Hoặc là, **bên trên** là các pháp thiện, **bên dưới** là các pháp bất thiện, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là các pháp vô ký. **Bên trên** là vô sắc giới, **bên dưới** là dục giới, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là sắc giới. **Bên trên** là cảm thọ lạc, **bên dưới** là cảm thọ khổ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là cảm thọ không khổ không lạc. **Bên trên** là từ lòng bàn chân trở lên, **bên dưới** là từ đỉnh ngọn tóc trở xuống, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là ở chính giữa.

“Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa” là như thế.

Sau khi hiểu điều này là “sự quuyền luyến” ở thế gian: Sau khi biết, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Điều này là sự quuyền luyến, điều này là sự dính mắc, điều này là sự cột trói, điều này là sự vướng bận.”

“Sau khi hiểu điều này là ‘sự quuyền luyến’ ở thế gian” là như thế.

Ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thanh, ... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Ở hữu và phi hữu: Ngươi chớ tạo ra, chớ làm sanh ra, chớ làm sanh khởi, chớ làm hạ sanh, chớ làm phát sanh, ngươi hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu tham ái ở dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ở sự hiện hữu của nghiệp, ở sự hiện hữu lần nữa; ở sự hiện hữu của nghiệp là dục giới, ở sự hiện hữu lần nữa là dục giới; ở sự hiện hữu của nghiệp là sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là sắc giới; ở sự hiện hữu của nghiệp là vô sắc giới, ở sự hiện hữu lần nữa là vô sắc giới; ở sự hiện hữu được lập đi lập lại, ở cảnh giới tái sanh được lập đi lập lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lập đi lập lại, ở sự tái sanh của bản thân được lập đi lập lại.

“Ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Dhotaka] bất cứ điều gì mà ngươi tự mình nhận biết, bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa, sau khi hiểu điều này là ‘sự quuyền luyến’ ở thế gian, ngươi chớ tạo ra tham ái ở hữu và phi hữu.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, ... (nt)... “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Dhotaka” là thứ năm.

6. DIỄN GIẢI KINH UPASĪVA (UPASĪVASUTTANIDDESO)

6.1. *[Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Thưa vị dòng Sakya, một mình con, không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua dòng lũ lớn. Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói về đối tượng, được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này.”*

Thưa vị dòng Sakya, một mình con [đối với] dòng lũ lớn.

Một mình: Người là bạn của con không có, hoặc pháp là bạn của con không có; sau khi nương tựa vào người ấy hoặc nương tựa vào pháp, con có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh lớn lao. “Một mình” là như thế.

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, “người đã xuất gia từ gia tộc Sakya” là vị dòng Sakya. Hoặc là, “người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn” là vị dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm,... (nt)... tài sản về Niết-bàn, “người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với nhiều tài sản và bảo vật này” là vị dòng Sakya. Hoặc là, “vị có đủ sức, có năng lực, có tiềm năng, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa” là vị dòng Sakya.

“Thưa vị dòng Sakya, một mình con [đối với] dòng lũ lớn” là như thế.

Tôn giả Upasīva nói rằng.

Rằng: [Từ “icca” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ “āyasmā” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Upasīva: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Upasīva nói rằng” là như thế.

Không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua.

Không nương tựa [nơi nào]: Không nương tựa vào người, hoặc không nương tựa vào pháp, con không có khả năng, con không thể ra sức, con không thể nào, con không có năng lực để vượt qua, để vượt lên, để vượt khỏi, để vượt

qua hần, để vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] đục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh lớn lao.

“Không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua” là như thế.

Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói về đối tượng.

Về đối tượng: Về nơi nương đỡ, về nơi nương tựa, về nơi nương nhờ.

Xin Ngài hãy nói: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

Thưa bậc Toàn Nhân: Toàn nhân nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác ấy.

2. “Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhân.”

“Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói về đối tượng” là như thế.

Được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này.

Được nương tựa vào nơi ấy: Được nương tựa vào người ấy hoặc được nương tựa vào pháp, con có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hần, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] đục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh lớn lao.

“Được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Thưa vị dòng Sakya, một mình con, không nương tựa [nơi nào], con không có khả năng vượt qua dòng lũ lớn. Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói về đối tượng, được nương tựa vào nơi ấy, con có thể vượt qua dòng lũ này.”

6.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm, nương tựa vào [ý niệm] ‘không có’, người hãy vượt qua dòng lũ. Sau khi dứt bỏ các đục, đã xa lánh hần các điều nghi hoặc, người hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày.”

Trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm. Vị Bà-la-môn ấy là người có sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ một cách bình thường, nhưng không biết sự an tịnh chính là nơi nương tựa [không nghĩ rằng]: “Cái này là nơi nương tựa của tôi.” Và đức Thế Tôn chỉ dạy cho vị ấy về sự nương tựa và thêm nữa chỉ đường lối dẫn dắt ra khỏi. Vị có niệm, sau khi thể nhập sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, tại chỗ đó trong khi xem xét các pháp tâm và sở hữu tâm được sanh lên là vô thường,... là khổ,... là con bệnh,... là bọt ghè,... là mũi tên,... là tai ương,... là tật nguyên,... là không sai khiến được,... là tiêu hoại,... là tai họa,... là bất hạnh,... là sợ hãi,... là nguy cơ,... là thay đổi,...

là mảnh mai,... là không bền,... là không nơi nương tựa,... là không nơi trú ẩn,... là không nơi nương nhờ,... là trạng thái không nơi nương nhờ,... là trống rỗng,... là trống không,... là trống không,... là vô ngã,... là bất lợi,... là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi,... là góc gác của tai ương,... là kẻ giết hại,... là vật hư hỏng,... là có sự rò rỉ,... là bị tạo tác,... là mối nhử của Ma vương,... là có bản chất sanh ra,... là có bản chất già,... là có bản chất bệnh,... là có bản chất chết,... là có bản chất sầu-bi-khổ-tru-não,... là có bản chất ô nhiễm,... là nhân sanh khởi,... là sự biến hoại,... là sự hứng thú,... là sự bất lợi,... là sự thoát ra, trong khi xem xét, trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát.

Có niệm: Niệm là sự tùy niệm, là niệm hiện tiền... (nt)... chánh niệm; điều này được gọi là niệm. Vị đã tiến đến,... (nt)... đã thành tựu với niệm này, vị này được gọi là có niệm.

“Trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ”, có niệm là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Nay Upasīva.

Upasīva: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Nay Upasīva” là như thế.

Nương tựa vào [ý niệm] “không có”, người hãy vượt qua dòng lũ: “Không có gì” là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ. Vì lý do gì mà “không có gì” là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ? Vị có niệm, sau khi thể nhập sự chứng đạt về Thức vô biên xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, rồi làm cho không hiện hữu, làm cho hoàn toàn không còn hiện hữu, làm cho biến mất chính cái thức ấy, và nhìn thấy “không có gì”; vì lý do ấy mà “không có gì” là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ. Sau khi nương tựa vào điều ấy, sau khi nương nhờ, sau khi tạo ra nơi nâng đỡ, người hãy vượt qua, hãy vượt lên, hãy vượt khỏi, hãy vượt qua hẳn, hãy vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh.

“Nương tựa vào [ý niệm] ‘không có’, người hãy vượt qua dòng lũ” là như thế.

Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Sau khi dứt bỏ: Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục. “Sau khi dứt bỏ các dục” là như thế.

Đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc: Nghi hoặc nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ,... (nt)... trạng thái sừng sốt, sự bối rối của tâm. Vị đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không

bị ràng buộc với sự nghi hoặc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc” là như vậy. Hoặc là, vị đã xa lánh, đã tránh khỏi, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc với ba mươi hai việc nói phù phiếm, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc” còn là như vậy.

“Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc” là như thế.

Người hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Đêm: Nói đến ban đêm, **ngày:** Là ban ngày. Ngày và đêm, người hãy nhìn xem, hãy quán sát, hãy nhận thấy, hãy quan sát, hãy suy xét, hãy khảo sát sự cạn kiệt của tham ái, sự cạn kiệt của luyến ái, sự cạn kiệt của sân hận, sự cạn kiệt của si mê, sự cạn kiệt của cảnh giới tái sanh, sự cạn kiệt của việc tái sanh, sự cạn kiệt của việc nối liền tái sanh, sự cạn kiệt của hữu, sự cạn kiệt của luân hồi, sự cạn kiệt của việc luân chuyển.

“Người hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] trong khi xem xét về Vô sở hữu xứ, có niệm, nương tựa vào [ý niệm] ‘không có’, người hãy vượt qua dòng lũ. Sau khi dứt bỏ các dục, đã xa lánh hẳn các điều nghi hoặc, người hãy quán sát sự cạn kiệt của tham ái, đêm và ngày.”

6.3. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác,¹ đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất, phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa?”

Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục.

Ở tất cả: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ “sabbesu” này là lối nói của sự bao gồm.

Ở các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục: Là vị nào có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ ở tất cả các dục bởi sự đè nén.

¹ Xem chú thích 3 ở trang 439. (ND)

“Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục” là như thế.

Tôn giả Upasīva nói rằng.

Rằng: [Từ “*icca*” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ “*āyasmā*” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Upasīva: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt).... từ kêu gọi.

“Tôn giả Upasīva nói rằng” là như thế.

Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ, sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác:

Sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi sáu sự chứng đắc ở bên dưới, đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã tiến vào, đã bám chặt, đã hướng đến sự chứng đắc về Vô sở hữu xứ.

“Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác” là như thế.

Đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất: Sự giải thoát do tướng nói đến bảy sự chứng đắc do tướng.² Liên quan đến các sự chứng đắc do tướng, trong số đó, sự giải thoát với sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng và cao quý. Với sự giải thoát thiên về cảnh giới cao nhất, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, vị ấy đã thiên về [Vô sở hữu xứ], đã thiên về nơi ấy, [đã thiên về nó] đã đi theo nó, đã phát triển theo nó, đã xem trọng nó, đã uốn cong theo nó, đã chiều theo nó, đã xuôi theo nó, đã hướng đến nó, đã xem nó là chủ đạo.

“Đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất” là như thế.

Phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa?

Phải chăng vị ấy có thể trụ lại: Các cụm từ “*evannu kho*”, “*na nu kho*”, “*kinnu kho*”, “*kathannu kho*” là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát. “Phải chăng vị ấy có thể trụ lại” là như thế.

Ở nơi ấy: Ở Vô sở hữu xứ.

Không đi tiếp nữa: Không đi tiếp nữa là không rời ra, không rời đi, không bị biến mất, không bị suy giảm. Hoặc là, không bị luyến ái, không bị sân hận, không bị si mê, không bị ô nhiễm.

“Phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất, phải chăng vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa?”

² Bảy sự kiêu ngạo (*sattasaññāsamāpattiyo*): Là sự chứng đắc 4 tầng thiên sắc giới và 3 tầng thiên đầu thuộc vô sắc giới. (ND)

6.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva,] vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất, vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa.”

Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục.

Ở tất cả: Tất cả theo tông thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ “*sabbesu*” này là lối nói của sự bao gồm.

Ở các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục: Là vị nào có sự luyến ái đã được xa lìa,... (nt)... có sự luyến ái đã được buông bỏ ở tất cả các dục bởi sự đề nén.

“Vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva.

Upasīva: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva” là như thế.

Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ, sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác: Sau khi từ bỏ, sau khi phế bỏ, sau khi buông bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi sáu sự chứng đắc ở bên dưới, đã nương tựa, đã nương nhờ, đã bám vào, đã đến gần, đã tiến vào, đã bám chặt, đã hướng đến sự chứng đắc về Vô sở hữu xứ.

“Đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác” là như thế.

Đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất: Sự giải thoát do tướng nói đến bảy sự chứng đắc do tướng. Liên quan đến các sự chứng đắc do tướng, trong số đó, sự giải thoát với sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng và cao quý. Với sự giải thoát thiên về cảnh giới cao nhất, cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý, vị ấy đã thiên về [Vô sở hữu xứ], đã thiên về nơi ấy, đã thiên về nó,... (nt)... đã xem nó là chủ đạo.

“Đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất” là như thế.

Vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa.

Có thể trụ lại: Có thể trụ lại sáu mươi ngàn kiếp.

Ở nơi ấy: Ở Vô sở hữu xứ.

Không đi tiếp nữa: Không đi tiếp nữa là không rời ra, không rời đi, không bị biến mất, không bị suy giảm. Hoặc là, không bị luyến ái, không bị sân hận, không bị si mê, không bị ô nhiễm.

“Vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] vị nào đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các dục, đã nương tựa vào Vô sở hữu xứ sau khi từ bỏ pháp [chứng đắc] khác, đã hướng đến sự giải thoát do tướng cao nhất, vị ấy có thể trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa.”

6.5. [Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa, thậm chí một số năm, thừa bậc Toàn Nhãn, ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt?”

Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa: Nếu vị ấy trụ lại sáu mươi ngàn kiếp.

Ở nơi ấy: Ở Vô sở hữu xứ.

Không đi tiếp nữa: Không đi tiếp nữa là không rời ra, không rời đi không bị biến mất, không bị suy giảm. Hoặc là, không bị luyến ái, không bị sân hận, không bị si mê, không bị ô nhiễm.

“Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa” là như thế.

Thậm chí một số năm, thừa bậc Toàn Nhãn.

Thậm chí một số năm: Thậm chí một số năm là nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, nhiều kiếp, nhiều trăm kiếp, nhiều ngàn kiếp, nhiều trăm ngàn kiếp.

Thừa bậc Toàn Nhãn: Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. ... (nt)... vì thế, đức Như Lai là bậc Toàn Nhãn.

“Thậm chí một số năm, thừa bậc Toàn Nhãn” là như thế.

Ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt? Là hỏi về trạng thái thường còn và đoạn diệt của vị đã đạt đến Vô sở hữu xứ rằng: “Ngay tại nơi ấy, vị ấy có thể đạt được trạng thái mát mẻ, [trở thành] thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi, có thể trụ lại một cách vĩnh cửu y như thế ấy, hay là thức của vị ấy có thể diệt tắt, có thể bị đứt lìa, có thể bị hư hoại, có thể bị tiêu hoại, có thể không hiện hữu, rồi thức nối liền tái sanh cho sự hiện hữu lần nữa có thể hạ sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới?” Hoặc là, hỏi về sự viên tịch Niết-bàn và sự nối liền tái sanh của vị đã sanh lên Vô sở hữu xứ rằng: “Ngay tại nơi ấy, vị ấy có thể viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, hay là thức của vị ấy có thể diệt tắt, rồi thức nối liền tái sanh có thể hạ sanh tiếp tục ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới?”

Của vị thuộc hạng như thế ấy: Của vị thuộc hạng như thế ấy là của vị giống như thế ấy, của vị được tôn tại thế ấy, của vị có kiêu cách ấy, của vị có biểu hiện ấy, của vị đã sanh lên Vô sở hữu xứ.

“Ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Upasīva nói rằng:] “Nếu vị ấy trụ lại ở nơi ấy, không đi tiếp nữa, thậm chí một số năm, thưa bậc Toàn Nhân, ngay tại chỗ ấy, vị ấy có thể có sự mát mẻ, được giải thoát, có phải thức của vị thuộc hạng như thế ấy có thể diệt tắt?”

6.6. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió, thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng; tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân³ thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng.”*

Giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió.

Ngọn lửa: Nói đến chóp đỉnh của ngọn lửa.

Làn gió: Gió hướng Đông, gió hướng Tây, gió hướng Bắc, gió hướng Nam, gió có bụi, gió không có bụi, gió mát, gió nóng, gió ít, gió nhiều, hắc phong, gió ở thượng tầng khí quyển, gió do cánh chim, gió của loài linh điều, gió do lá thốt nốt, gió từ cây quạt.

Đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió: Đã bị dập tắt, đã bị hất tung, đã bị dời đi, đã bị dẹp đi, đã bị đè nén, đã bị áp chế bởi lực đẩy của làn gió.

“Giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva.

Upasīva: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva” là như thế.

Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng.

Đi đến sự chấm dứt: Đi đến sự chấm dứt là đi đến sự biến mất, di chuyển đến sự biến mất, được diệt tận, được vắng lặng, được tịch tịnh.

Không đạt đến danh xưng: [Gió] không đạt đến danh xưng, không đạt đến sự chỉ định, không đạt đến sự tính toán, không đạt đến sự quy định rằng: “Gió thổi theo hướng Đông, hoặc gió thổi theo hướng Tây, hoặc gió thổi theo hướng Bắc, hoặc gió thổi theo hướng Nam, hoặc gió thổi lên, hoặc gió thổi xuống, hoặc gió thổi ngang, hoặc gió thổi theo hướng phụ”; không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy gió có thể đi đến danh xưng.

³ Danh thân (*nāmakāya*): Tập hợp các yếu tố thuộc về tâm. (ND)

“Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng” là như thế.

Tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Vị Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyền uyển và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Đã được giải thoát khỏi danh thân: Vị Hiền trí ấy đã được giải thoát khỏi sắc thân⁴ một cách bình thường ngay trước đó, đã được dứt bỏ do việc vượt qua một cách tạm thời bằng sự dứt bỏ bởi sự đè nén. Vị Hiền trí ấy, nhờ vào đức Thế Tôn, đã đạt được bốn Thánh đạo; do trạng thái đã đạt được bốn Thánh đạo, danh thân và sắc thân được biết toàn diện; do trạng thái đã biết toàn diện về danh thân và sắc thân, [vị ấy] được tự do, được giải thoát, được giải thoát tốt đẹp khỏi danh thân và sắc thân bằng việc giải thoát khỏi chấp thủ một cách tuyệt đối.

“Tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân” là như thế.

Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng.

Thời đi đến sự chấm dứt: Là viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót.

Không đạt đến danh xưng: Vị đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót thì không đạt đến danh xưng, không đạt đến sự chỉ định, không đạt đến sự tính toán, không đạt đến sự quy định là: “Sát-đế-ly”, hay “Bà-la-môn”, hay “thương buôn”, hay “nô lệ”, hay “tại gia”, hay “xuất gia”, hay “thiên nhân”, hay “loài người”, hay “người hữu sắc”, hay “người vô sắc”, hay “người hữu tướng”, hay “người vô tướng”, hay “người phi tướng phi phi tướng”; không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể đi đến danh xưng.

“Thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] giống như ngọn lửa đã bị dập tắt bởi lực đẩy của làn gió, thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng; tương tự như vậy, vị Hiền trí đã được giải thoát khỏi danh thân thời đi đến sự chấm dứt, không đạt đến danh xưng.”

6.7. Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu],

Hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh?

Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con,

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.

Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu]: Vị ấy

⁴ Sắc thân (rūpakāya): Tập hợp các yếu tố thuộc về sắc. (ND)

đi đến sự chấm dứt hay là không có hiện hữu, vị ấy đã được tịch diệt, đã được đoạn diệt, đã được hoại diệt.

“Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu]” là như thế.

Hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh: Hay là vị ấy thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi, có thể trụ lại một cách vĩnh cửu y như thế ấy.

“Hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh” là như thế.

Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con.

Điều ấy: Là điều mà con hỏi, điều mà con yêu cầu, điều mà con thỉnh cầu, điều mà con đặt niềm tin.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyền uyển và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ một cách tường tận.

“Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con” là như thế.

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngài đúng theo bản thể.

“Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

*“Có phải vị ấy đi đến sự chấm dứt hay vị ấy không có [hiện hữu],
Hay là vị ấy thật sự ở vào trạng thái trường tồn, vô bệnh?
Thưa bậc Hiền trí, xin Ngài hãy giảng rõ tường tận điều ấy cho con,
Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.”*

6.8. [Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva,] đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng. Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy, thì điều ấy không còn có đối với vị ấy. Khi tất cả các pháp đã được bừng lên hoàn toàn, ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bừng lên hoàn toàn.”

Đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng. Đối với vị đã đi đến sự chấm dứt: Đối với vị đã viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, sự ước lượng về sắc là không có, sự ước lượng về thọ là không có, sự ước lượng về tưởng là không có, sự ước lượng về các sự tạo tác là không có, sự ước lượng về thức là không có. Không có là không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva.

Upasīva: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Upasīva” là như thế.

Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy, thì điều ấy không còn có đối với vị ấy: Với sự luyến ái nào người ta có thể nói, với sự sân hận nào người ta có thể nói, với sự si mê nào người ta có thể nói, với sự ngã mạn nào người ta có thể nói, với tà kiến nào người ta có thể nói, với sự phóng dật nào người ta có thể nói, với hoài nghi nào người ta có thể nói, với các pháp tiềm ẩn nào mà người ta có thể nói [về vị ấy] rằng: “Kẻ bị luyến ái”, hoặc “kẻ bị sân hận”, hoặc “kẻ bị si mê”, hoặc “kẻ bị trói buộc”, hoặc “kẻ bị bám víu”, hoặc “kẻ bị tán loạn”, hoặc “kẻ không dứt khoát”, hoặc “kẻ cứng cỏi”, các pháp tạo tác ấy đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, với cảnh giới tái sanh nào người ta có thể nói [về vị ấy] là: “Người địa ngục”, hoặc “loài thú”, hoặc “thân phận ngựa quý”, hoặc “loài người”, hoặc “thiên nhân”, hoặc “người hữu sắc”, hoặc “người vô sắc”, hoặc “người hữu tướng”, hoặc “người vô tướng”, hoặc “người phi tướng phi phi tướng”; không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy người ta có thể nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, có thể giảng giải, có thể diễn tả [về vị ấy].

“Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy, thì điều ấy không còn có đối với vị ấy” là như thế.

Khi tất cả các pháp đã được bùng lên hoàn toàn: Khi tất cả các pháp, khi tất cả các uẩn, khi tất cả các xứ, khi tất cả các giới, khi tất cả các cảnh giới tái sanh, khi tất cả các sự tái sanh, khi tất cả các sự nối liền tái sanh, khi tất cả các hữu, khi tất cả các sự luân hồi, khi tất cả các sự luân chuyển đã được bùng lên, đã được bùng lên hoàn toàn, đã được lấy lên, đã được lấy lên hoàn toàn, đã được nhổ lên, đã được nhổ lên hoàn toàn, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Khi tất cả các pháp đã được bùng lên hoàn toàn” là như thế.

Ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bùng lên hoàn toàn: Nền tảng của lời nói đề cập đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Đối với vị ấy, thì lời nói, nền tảng của lời nói, sự diễn đạt, nền tảng của sự diễn đạt, sự mô tả, nền tảng của sự mô tả, sự quy định, nền tảng của sự quy định đã được bùng lên, đã được bùng lên hoàn toàn, đã được lấy lên, đã được lấy lên hoàn toàn, đã được nhổ lên, đã được nhổ lên hoàn toàn, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

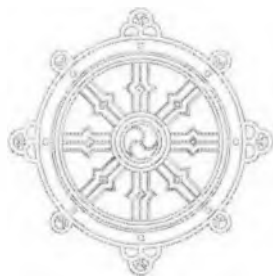
“Ngay cả nền tảng của lời nói cũng được bùng lên hoàn toàn” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Upasīva] đối với vị đã đi đến sự chấm dứt thì không có sự ước lượng. Với điều nào người ta có thể nói về vị ấy, thì điều ấy không còn có đối với vị ấy. Khi tất cả các pháp đã được búng lên hoàn toàn, ngay cả nền tảng của lời nói cũng được búng lên hoàn toàn.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... [vị ấy] đã ngồi xuống, chấp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Upasīva” là thứ sáu.



7. DIỄN GIẢI KINH NANDA (*NANDASUTTANIDDESO*)

7.1. [*Tôn giả Nanda nói rằng:*] “‘*Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian*’, mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [*có ý nghĩa*] thế nào? Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí, hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống?”

Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian.

Hiền hữu: Hiền hữu là tìm thấy, có, tồn tại.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ.

Các bậc Hiền trí: Các đạo sĩ khổ hạnh, các đạo sĩ lỗi thế, các đạo sĩ bện tóc, các đạo sĩ hành xác đều có tên gọi là Hiền trí.

“Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian” là như thế.

Tôn giả Nanda nói rằng.

Rằng: [Từ “*icca*” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ “*āyasmā*” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Nanda: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Nanda nói rằng” là như thế.

Mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [*có ý nghĩa*] thế nào?

Mọi người: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Nói: Họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả.

Theo Ngài, điều này [*có ý nghĩa*] thế nào? Các cụm từ “*evannu kho*”, “*nanu kho*”, “*kinnu kho*”, “*kathannu kho*” là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát.

“Mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [*có ý nghĩa*] thế nào?” là như thế.

Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả người đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu trí của tám sự chứng đạt [về định] hoặc trí của năm thắng trí [thần thông].

“Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí” là như thế.

Hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống? Hay là họ nói, họ thuyết,

họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả người đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự chuyên cần ở cuộc sống khốn khó với nhiều cách thức.

“Hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Nanda nói rằng:] “‘Các bậc Hiền trí hiện hữu ở thế gian’, mọi người nói như thế; theo Ngài, điều này [có ý nghĩa] thế nào? Họ nói người đã thành tựu về trí là bậc Hiền trí, hay là người đã thực sự thành tựu về lối sống?’”

7.2. *“Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí. Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí.”*

Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí.

Không phải do thấy: Không phải nhờ vào sự trong sạch do điều đã được thấy.

Không phải do nghe: Không phải nhờ vào sự trong sạch do điều đã được nghe.

Không phải do trí: Cũng không phải nhờ vào trí của tám sự chứng đạt [về định], cũng không phải nhờ vào trí của năm thắng trí [thần thông], cũng không phải nhờ vào tà trí.

“Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí” là như thế.

Mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí.

Các bậc thiện xảo: Là các bậc thiện xảo về uẩn, thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về pháp tùy thuận sanh khởi, thiện xảo về sự thiết lập niệm, thiện xảo về chánh cần, thiện xảo về nền tảng của thần thông, thiện xảo về quyền, thiện xảo về lực, thiện xảo về giác chi, thiện xảo về Đạo, thiện xảo về Quả, thiện xảo về Niết-bàn, các bậc thiện xảo ấy không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả [rằng] người “đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, được đầy đủ, được hội đủ với sự trong sạch do điều đã được thấy, hoặc với sự trong sạch do điều đã được nghe, hoặc với trí của tám sự chứng đạt [về định], hoặc với trí của năm thắng trí [thần thông], hoặc với tà trí, hoặc với việc đã được thấy, hoặc với việc đã được nghe” là bậc Hiền trí.

“Mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí” là như thế.

Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí.

Đạo binh: Nói đến đạo binh của Ma vương, uế hạnh về thân là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về khẩu là đạo binh của Ma vương, uế hạnh về ý là đạo binh của Ma vương, luyến ái là đạo binh của Ma vương, sân hận là đạo binh

của Ma vương, si mê là đạo binh của Ma vương, giận dữ là đạo binh của Ma vương, thù hằn... gièm pha... ác ý... ganh tỵ... bòn xén... xảo trá... lừa gạt... bướng bỉnh... hung hăng... ngã mạn... cao ngạo... đắm mê... xao lãng... tất cả ô nhiễm... tất cả uế hạnh... mọi sự lo lắng... mọi sự bức bối... mọi sự nóng nảy... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là đạo binh của Ma vương.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

1. Các dục là đạo binh thứ nhất của người, thứ nhì nói đến sự không thích thú, thứ ba của người là đói và khát, thứ tư gọi là tham ái.

2. Thứ năm của người là dã dượi và buồn ngủ, thứ sáu gọi là sự khiếp đảm, thứ bảy của người là hoài nghi, thứ tám của người là gièm pha, bướng bỉnh.

3. Lợi lộc, sự nổi tiếng, sự trọng vọng và danh vọng nào đã đạt được một cách sai trái, kẻ nào để cao bản thân và khi dễ những người khác.

4. – Nay Namuci, chúng là đạo binh của người, là quân xung kích của Hắc ám. Kẻ khiếp nhược không chiến thắng nó, và vị đã chiến thắng thì đạt được sự an lạc.

Khi nào tất cả các đạo binh của Ma vương và tất cả các ô nhiễm có hành động đối kháng đã bị đánh bại và đã bị khuất phục, đã bị đổ vỡ, đã bị tan rã, không còn hiện diện nhờ vào bốn Thánh đạo, vì thế, được gọi là “sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm].”

Không phiền muộn: Sự luyện ái là phiền muộn, sân hận là phiền muộn, si mê là phiền muộn, giận dữ là phiền muộn, thù hằn là phiền muộn,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là phiền muộn. Đối với những người nào, các phiền muộn này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; những người ấy được gọi là không phiền muộn.

Không mong cầu: Mong cầu nói đến tham ái, tức là sự luyện ái, luyện ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với những người nào, các mong cầu tham ái ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, những người ấy được gọi là không mong cầu.

Những người nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí: Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm], sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng, không phiền muộn, không mong cầu; Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ân định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Những người ấy là ‘các bậc Hiền trí’ ở thế gian.”

“Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, mà các bậc thiện xảo ở nơi đây gọi là bậc Hiền trí. Những người nào sau khi tiêu diệt đạo binh [ô nhiễm] sống không phiền muộn, không mong cầu, Ta nói rằng những người ấy là các bậc Hiền trí.”

7.3. [Tôn giả Nanda nói rằng:] *“Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sống kiểm chế ở nơi ấy, họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.”*

Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào.

Bất kể những vị nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*ye keci*” này là lời nói của sự bao gồm.

Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ “ông.”

“Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào” là như thế.

Tôn giả Nanda nói rằng.

Rằng: [Từ “*icca*” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ “*āyasmā*” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Nanda: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Nanda nói rằng” là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được nghe. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe.

“Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe” là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự

thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do phận sự. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới và phận sự.

“Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự” là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do nhiều loại điểm báo hiệu tốt xấu.

“Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức” là như thế.

Có phải những vị ấy, thừa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy.

Có phải: Các cụm từ “*evannu kho*”, “*na nu kho*”, “*kinnu kho*”, “*kathannu kho*” là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì lưỡng lự, câu hỏi do không dứt khoát. “Có phải” là như thế.

Những vị ấy: Là những người theo tà kiến.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.” “Có phải những vị ấy, thừa đức Thế Tôn” là như thế.

Trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy.

Ở nơi ấy: Là ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình.

Kiểm chế: Là đã kiềm chế, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã thu thúc.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

“Có phải những vị ấy, thừa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy” là như thế.

Họ đã vượt qua sanh và già, thừa Ngài: Họ đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết.

Thừa Ngài: Từ “*mārisa*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

“Họ đã vượt qua sanh và già, thừa Ngài” là như thế.

Con hỏi Ngài, thừa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.

Con hỏi Ngài: Con hỏi Ngài, con yêu cầu Ngài, con thỉnh cầu Ngài, con đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho con. “Con hỏi Ngài” là như thế.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Xin Ngài hãy trả lời con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy

chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Nanda nói rằng:] “Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, có phải những vị ấy, thưa đức Thế Tôn, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy, họ đã vượt qua sanh và già, thưa Ngài? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.”

7.4. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Nanda,] bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, mặc dầu những vị ấy, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy; Ta nói rằng: ‘Họ đã không vượt qua sanh và già.’”*

Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào.

Bất kể những vị nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*ye keci*” này là lời nói của sự bao gồm.

Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ “ông.”

“Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Nanda.

Nanda: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Nanda” là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được nghe. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe.

“Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe” là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do giới và phạm sự: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do phạm sự. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới và phạm sự.

“Nói rằng sự trong sạch là do giới và phạm sự” là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do nhiều loại điếm báo hiệu tốt xấu.

“Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức” là như thế.

Mặc dầu những vị ấy, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy.

Mặc dầu: Từ “*kiñcāpi*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Những vị ấy: Là những người theo tà kiến.

Ở nơi ấy: Là ở quan điểm của mình, ở sự chấp nhận của mình, ở sự ưa thích của mình, ở quan niệm của mình.

Kiểm chế: Là đã kiềm chế, đã kiềm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã hộ trì, đã thu thúc.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

“Mặc dầu những vị ấy, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy” là như thế.

Ta nói rằng: Họ đã không vượt qua sanh và già. Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Họ đã không vượt qua, đã không vượt lên, đã không vượt khỏi, đã không vượt qua hẳn, đã không vượt qua khỏi sanh-già-chết; họ không đi ra ngoài, không rời ra, không vượt trội, không vượt qua, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi sanh-già-chết; họ quay cuồng bên trong sanh-già-chết; họ quay cuồng bên trong con đường luân hồi; họ bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.”

“Ta nói rằng: Họ đã không vượt qua sanh và già” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Nanda] bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phạm sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức, mặc dầu những vị ấy, trong khi sống kiềm chế ở nơi ấy; Ta nói rằng: ‘Họ đã không vượt qua sanh và già.’”

7.5-6. *[Tôn giả Nanda nói rằng:] “Bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phạm sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức.*

Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.”

Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào.

Bất kể những vị nào: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*ye keci*” này là lời nói của sự bao gồm.

Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ “ông.”

“Bất cứ những Sa-môn và Bà-la-môn nào” là như thế.

Tôn giả Nanda nói rằng: ... (nt)...

Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được nghe. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe.

“Nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe” là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do giới và phạm sự: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do phạm sự. Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn

tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do giới và phận sự.

“Nói rằng sự trong sạch là do giới và phận sự” là như thế.

Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức: Họ nói, họ thuyết, họ phát ngôn, họ giảng giải, họ diễn tả rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do nhiều loại điểm báo hiệu tốt xấu.

“Nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức” là như thế.

Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ.

Nếu những vị ấy: Là những người theo tà kiến.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyền luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến]; vị ấy là bậc Hiền trí.

Ngài nói là không vượt qua dòng lũ: Là không vượt qua, không vượt lên, không vượt khỏi, không vượt qua hẳn, không vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, dòng lũ của hữu, dòng lũ tà kiến, dòng lũ vô minh; họ đang quay cuồng bên trong sanh-già-chết; họ đang quay cuồng bên trong con đường luân hồi; họ bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

Ngài nói: Ngài nói, Ngài chỉ dạy, Ngài chỉ bảo, Ngài thông báo, Ngài ấn định, Ngài khai mở, Ngài chia sẻ, Ngài làm rõ, Ngài bày tỏ.

“Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ” là như thế.

Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Vậy giờ đây, người nào ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sanh-già-chết?

Thưa Ngài: Từ “*mārisa*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

“Vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già?” là như thế.

Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.

Con hỏi Ngài: Con hỏi Ngài, con yêu cầu Ngài, con thỉnh cầu Ngài, con đặt niềm tin ở Ngài.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Xin Ngài hãy trả lời con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy

chỉ báo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Nanda nói rằng:] “Bất cứ những vị Sa-môn và Bà-la-môn nào nói rằng sự trong sạch là do điều đã được thấy và do điều đã được nghe, nói rằng sự trong sạch là do giới và phạm sự, nói rằng sự trong sạch là do nhiều hình thức.

Thưa bậc Hiền trí, nếu Ngài nói những vị ấy là không vượt qua dòng lũ, vậy giờ đây, thưa Ngài, người nào ở thế giới chư thiên và nhân loại đã vượt qua sanh và già? Con hỏi Ngài, thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy trả lời con về điều này.”

7.7. *[Đức Thế Tôn nói: “Này Nanda,] Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phạm sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng ‘những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ.’”*

Đức Thế Tôn nói: Này Nanda, Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già: Này Nanda, Ta không nói rằng: “Tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đầy kín bởi sanh và già.” Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ báo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Có những vị Sa-môn và Bà-la-môn mà đối với những vị ấy, sanh, già, và chết là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Nanda, Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già” là như thế.

Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phạm sự: Những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã từ bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được nghe,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được cảm giác,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do phạm sự,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới và phạm sự, đã từ bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu.

“Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự” là như thế.

Đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại: Sau khi dứt bỏ sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do nhiều loại điềm báo hiệu tốt xấu, sau khi từ bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu.

“Đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại” là như thế.

Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng “những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ.”

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thanh, tham ái cảnh hương, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp.

Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán, biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về tham ái. Biết rằng, thấy rằng: “Cái này là tham ái cảnh sắc, cái này là tham ái cảnh thanh, cái này là tham ái cảnh hương, cái này là tham ái cảnh vị, cái này là tham ái cảnh xúc, cái này là tham ái cảnh pháp”; điều này là biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như vậy thì xét đoán về tham ái. Xét đoán là vô thường, là khổ, là con bệnh, là mụt ghê,... (nt)... là sự thoát ra; điều này là biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khưu, cái gì là sự mong muốn và luyến ái ở tham ái, các người hãy dứt bỏ cái ấy. Như vậy tham ái ấy sẽ được dứt bỏ, có rễ được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai”; điều này là biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biết toàn diện này.

Không còn lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với những vị nào, các lậu hoặc này là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai, những vị ấy được gọi là không còn lậu hoặc, là các vị A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, Ta nói rằng “những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ”: Những vị nào đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ báo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ rằng: “Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ

tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi mọi nẻo đường luân hồi.”

“Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng ‘những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Nanda] Ta không nói rằng tất cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đều bị bao trùm bởi sanh và già. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phạm sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc; Ta nói rằng ‘những con người ấy thật sự đã vượt qua dòng lũ.’”

7.8. *[Tôn giả Nanda nói rằng:] “Thưa Ngài Gotama, con thích thú lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phạm sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: ‘Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ.’”*

Con thích thú lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ.

Điều này: Con vui thích, con thích thú, con vui mừng, con tùy hỷ, con ước muốn, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con nguyện cầu lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài.

Của bậc Đại Ân Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. ... (nt)... “Đáng Nhân Nguru ngự ở đâu?” là bậc Đại Ân Sĩ.

“Con thích thú lời nói này của bậc Đại Ân Sĩ” là như thế.

Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày.

Đã khéo được trình bày: Đã khéo được chỉ dạy, đã khéo được chỉ bảo, đã khéo được thông báo, đã khéo được ấn định, đã khéo được khai mở, đã khéo được chia sẻ, đã khéo được làm rõ, đã khéo được bày tỏ.

Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh: Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác. Sự dứt bỏ mầm tái sanh, sự vắng lặng mầm tái sanh, sự buông bỏ mầm tái sanh, sự tịch tịnh mầm tái sanh là bất tử, Niết-bàn.

“Thưa Ngài Gotama, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày” là như thế.

Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phạm sự:

Những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã từ bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được nghe,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được cảm giác,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do phạm sự,... (nt)...; những vị nào đã dứt bỏ mọi sự trong sạch do giới và phạm sự, đã từ bỏ, đã dứt trừ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu.

“Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phạm sự” là như thế.

Đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại: Sau khi dứt bỏ, sau khi từ bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi do nhiều loại điềm báo hiệu tốt xấu.

“Đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại” là như thế.

Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: “Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ.”

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thanh, tham ái cảnh hương, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp.

Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biết toàn diện: Biết toàn diện về điều đã được biết, biết toàn diện về sự xét đoán, biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Biết toàn diện về điều đã được biết là những gì? Biết về tham ái, biết rằng, thấy rằng: “Cái này là tham ái cảnh sắc, cái này là tham ái cảnh thanh, cái này là tham ái cảnh hương, cái này là tham ái cảnh vị, cái này là tham ái cảnh xúc, cái này là tham ái cảnh pháp”; điều này là biết toàn diện về điều đã được biết.

Biết toàn diện về sự xét đoán là những gì? Sau khi thực hiện điều đã được biết như vậy thì xét đoán về tham ái, xét đoán là vô thường, là khổ, là con bệnh, là mụt ghẻ, là mũi tên, là tai ương, là tật nguyên, là không sai khiến được, là tiêu hoại, là tai họa, là bất hạnh, là sợ hãi, là nguy cơ, là thay đổi, là mảnh mai, là không bền, là không nơi nương tựa, là không nơi trú ẩn, là không nơi nương nhờ, là trạng thái không nơi nương nhờ, là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là bất lợi, là có bản chất biến đổi, là không có cốt lõi, là gốc gác của tai ương, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác, là mối nhử của Ma vương, là có bản chất sanh ra, là có bản chất già, là có bản chất bệnh, là có bản chất chết, là có bản chất sâu-bi-khổ-ưu-não, là có bản chất ô nhiễm, là nhân sanh khởi, là sự biến hoại, là sự hứng thú, là sự bất lợi, là sự thoát ra; điều này là biết toàn diện về sự xét đoán.

Biết toàn diện về sự dứt bỏ là những gì? Sau khi xét đoán như vậy thì dứt

bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái; điều này là biết toàn diện về sự dứt bỏ.

Đã biết toàn diện về tham ái: Sau khi biết toàn diện về tham ái với ba cách biết toàn diện này.

Không còn lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với những vị nào, các lậu hoặc này là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; những vị ấy được gọi là không còn lậu hoặc, là các vị A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

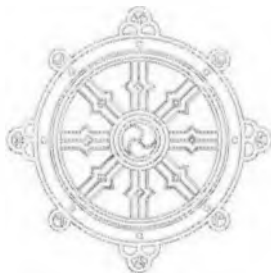
Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: “Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ”: Những vị nào đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói, cũng phát biểu rằng: “Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi mọi nẻo đường luân hồi.”

“Đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: ‘Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ’” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Nanda nói rằng:] “Thưa Ngài Gotama, con thích thú lời nói này của bậc Đại Ấn Sĩ, trạng thái không liên quan đến mầm tái sanh đã khéo được trình bày. Ở đây, những vị nào đã dứt bỏ điều đã được thấy, hoặc điều đã được nghe, hoặc điều đã được cảm giác, hoặc thậm chí tất cả giới và phận sự, đã dứt bỏ mọi hình thức nhiều loại, đã biết toàn diện về tham ái, không còn lậu hoặc, con cũng nói rằng: ‘Những vị ấy đã vượt qua dòng lũ.’”

“Diễn giải kinh Nanda” là thứ bảy.



8. DIỄN GIẢI KINH HEMAKA (HEMAKASUTTANIDDESO)

8.1. [Tôn giả Hemaka nói rằng:]

“Những người nào trước đây đã giải thích cho con

Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:

‘Đã là như vậy, sẽ là như vậy’,

Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,

Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ,

Con đã không thích thú về điều ấy.”

Những người nào trước đây đã giải thích cho con.

Những người nào: Là vị Bà-la-môn Bāvari và những người khác là thầy của vị ấy; những vị ấy đã giải thích, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của mình, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình, về ý định của mình, về chủ tâm của mình.

“Những người nào trước đây đã giải thích cho con” là như thế.

Tôn giả Hemaka nói rằng.

Rằng: Từ “*icca*” này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: [Từ “*āyasmā*” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Hemaka: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Hemaka nói rằng” là như thế.

Khác với lời dạy của đức Gotama: Khác với lời dạy của đức Gotama là khác hẳn lời dạy của đức Gotama, trước cả lời dạy của đức Gotama, trước tiên so với lời dạy của đức Gotama, so với lời dạy của đức Phật, so với lời dạy của đấng Chiến Thắng, so với lời dạy của đức Như Lai, so với lời dạy của vị Chúa của chư thiên, so với lời dạy của bậc A-la-hán.

“Khác với lời dạy của đức Gotama” là như thế.

Đã là như vậy, sẽ là như vậy: Nghe nói đã là như vậy, nghe nói sẽ là như vậy.

“Đã là như vậy, sẽ là như vậy” là như thế.

Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi: Họ đã thuyết giảng mọi điều ấy do nghe lời đồn đãi, do nghe nói như thế, do sự truyền thừa, do sự thành tựu của

việc thu thập kiến thức, do nhân suy nghĩ, do nhân suy luận, do suy đoán theo biểu hiện, do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, không được chính bản thân biết rõ, không được tự thân quán xét lại.

“Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi” là như thế.

Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ: Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ, sự tăng trưởng của suy tư, sự tăng trưởng của tư duy, sự tăng trưởng của suy tư về dục, sự tăng trưởng của suy tư về sân hận, sự tăng trưởng của suy tư về hăm hại, sự tăng trưởng của suy tư về thân quyền, sự tăng trưởng của suy tư về xứ sở, sự tăng trưởng của suy tư về chư thiên, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng, sự nổi tiếng, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ.

“Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ” là như thế.

Con đã không thích thú về điều ấy: Con đã không thích thú, đã không tìm đến, đã không đạt đến, đã không tiếp nhận điều ấy.

“Con đã không thích thú về điều ấy” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Hemaka nói rằng:]

“Những người nào trước đây đã giải thích cho con

Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:

‘Đã là như vậy, sẽ là như vậy’,

Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,

Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ,

Con đã không thích thú về điều ấy.”

8.2. *Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp,
Về sự diệt trừ tham ái, thừa bậc Hiền trí;
Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống,
Có thể vượt qua sự vướng mắc ở thế gian.*

Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp.

Ngài: [Vị Hemaka] nói với đức Thế Tôn.

Xin Ngài hãy nói về giáo pháp. Về giáo pháp: Xin Ngài hãy nói ra, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

“Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp” là như thế.

Về sự diệt trừ tham ái, thừa bậc Hiền trí.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp. Sự diệt trừ tham ái là sự dứt bỏ tham ái, sự vắng lặng tham ái, sự buông bỏ tham ái, sự tịch tịnh tham ái, là bất tử, Niết-bàn.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyn luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

“Về sự diệt trừ tham ái, thừa bậc Hiền trí” là như thế.

Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống: Sau khi làm cho pháp ấy được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; sau khi làm cho được hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

Trong khi sống: Là trong khi thực hành, trong khi trú ngụ, trong khi sinh hoạt, trong khi vận hành, trong khi bảo hộ, trong khi nuôi dưỡng, trong khi bảo dưỡng.

“Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống” là như thế.

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian. Sự vương mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vương mắc: Sự vương mắc với ý nghĩa gì? ... (nt)... được trải rộng, được lan rộng” là vương mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uân, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian: Sự vương mắc này là ở ngay tại thế gian. Có niệm, con có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi sự vương mắc này ở ngay tại thế gian.

“Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Và xin Ngài hãy nói ra cho con về giáo pháp,

Về sự diệt trừ tham ái, thừa bậc Hiền trí;

Sau khi hiểu pháp ấy, con có niệm, trong khi sống,

Có thể vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”

8.3. Ở đây, sự xua đi mong muốn và luyện ái ở các vật có vẻ đáng yêu đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, này Hemaka, là vị thế Niết-bàn, bất hoại.

Ở đây,... đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức.

Đã được thấy: Đã được thấy bằng mắt.

Đã được nghe: Đã được nghe bằng tai.

Đã được cảm giác: Đã được ngửi bằng mũi, đã được nếm bằng lưỡi, đã được xúc chạm bằng thân.

Đã được nhận thức: Đã được nhận thức bằng ý.

“Ở đây,... đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức” là như thế.

Ở các vật có vẻ đáng yêu, này Hemaka: Và cái gì ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng? Mắt ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, tai ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, mũi ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, lưỡi ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, thân ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, ý ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; các sắc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, các thanh ở thế gian... các hương ở thế gian... các vị ở thế gian... các xúc ở thế gian... các pháp ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; nhãn thức ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, nhĩ thức ở thế gian... tỷ thức ở thế gian... thiệt thức ở thế gian... thân thức ở thế gian... ý thức ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; nhãn xúc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng, nhĩ xúc ở thế gian... tỷ xúc ở thế gian... thiệt xúc ở thế gian... thân xúc ở thế gian... ý xúc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; thọ sanh ra từ nhãn xúc ở thế gian... thọ sanh ra từ nhĩ xúc ở thế gian... thọ sanh ra từ tỷ xúc ở thế gian... thọ sanh ra từ thiệt xúc ở thế gian... thọ sanh ra từ thân xúc ở thế gian... thọ sanh ra từ ý xúc ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tưởng ở thế gian... thanh tưởng ở thế gian... hương tưởng ở thế gian... vị tưởng ở thế gian... xúc tưởng ở thế gian... pháp tưởng ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tư ở thế gian... thanh tư ở thế gian... hương tư ở thế gian... vị tư ở thế gian... xúc tư ở thế gian... pháp tư ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc ái ở thế gian... thanh ái ở thế gian... hương ái ở thế gian... vị ái ở thế gian... xúc ái ở thế gian... pháp ái ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tầm ở thế gian... thanh tầm ở thế gian... hương tầm ở thế gian... vị tầm ở thế gian... xúc tầm ở thế gian... pháp tầm ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng; sắc tứ ở thế gian... thanh tứ ở thế gian... hương tứ ở thế gian... vị tứ ở thế gian... xúc tứ ở thế gian... pháp tứ ở thế gian là có vẻ đáng yêu có vẻ vừa lòng.

“Ở các vật có vẻ đáng yêu, này Hemaka” là như thế.

Sự xua đi mong muốn và luyện ái.

Mong muốn và luyến ái: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục.

Sự xua đi mong muốn và luyến ái: Sự dứt bỏ mong muốn và luyến ái, sự vắng lặng mong muốn và luyến ái, sự buông bỏ mong muốn và luyến ái, sự tịch tịnh mong muốn và luyến ái là bất tử, Niết-bàn.

“Sự xua đi mong muốn và luyến ái” là như thế.

Vị thế Niết-bàn, bất hoại.

Vị thế Niết-bàn: Vị thế Niết-bàn là vị thế nương tựa, là vị thế trú ẩn, là vị thế nương nhờ, là vị thế không sợ hãi.

Bất hoại: Là thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi.

“Vị thế Niết-bàn, bất hoại” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Ở đây, sự xua đi mong muốn và luyến ái ở các vật có vẻ đáng yêu đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, này Hemaka, là vị thế Niết-bàn, bất hoại.”

8.4. Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm,

Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt,

Và những người ấy luôn luôn yên tịnh,

Họ đã vượt qua sự vướng mắc ở thế gian.

Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm.

Điều này: Là bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Sau khi hiểu thông: Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Những người nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Do trạng thái đã phát triển sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân là có niệm... (nt)... các vị ấy được gọi là có niệm.

“Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm” là như thế.

Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt.

Đã nhận thức được giáo pháp: Đã nhận thức được giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp. Đã nhận thức được giáo pháp, đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp rằng: “Tất cả các hành là vô thường”;... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Đã được diệt tắt: Do trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được tịch diệt đối với sân hận là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được tịch diệt đối với si mê là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sự giận dữ... (nt)... đối với sự thù hận,... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh.

“Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt” là như thế.

Và những người ấy luôn luôn yên tịnh.

Yên tịnh: Do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là được yên tịnh,... (nt)... sân hận,... si mê,... sự giận dữ,... sự thù hận, do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện là được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh; yên tịnh là như thế.

Những người ấy: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liên lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

“Và những người ấy luôn luôn yên tịnh” là như thế.

Họ đã vượt qua sự vương mắc ở thế gian: Sự vương mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vương mắc: Sự vương mắc với ý nghĩa gì? ... (nt)... được trải rộng, được lan rộng” là vương mắc.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

Đã vượt qua sự vương mắc ở thế gian: Sự vương mắc này là ở ngay tại thế gian. Các vị đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sự vương mắc này ở ngay tại thế gian.

“Họ đã vượt qua sự vương mắc ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm,
Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tận,
Và những người ấy luôn luôn yên tịnh,
Họ đã vượt qua sự vương mắc ở thế gian.”*

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Hemaka” được hoàn tất.



9. DIỄN GIẢI KINH TODEYYA (TODEYYASUTTANIDDESO)

9.1. [Tôn giả Todeyya nói rằng:]

*“Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?”*

Ở người nào các dục không sinh tồn: Ở người nào các dục không sinh tồn, không cộng trú, không cư trú, không lưu trú.

“Ở người nào các dục không sinh tồn” là như thế.

Tôn giả Todeyya nói rằng: ... (nt)...

Đối với người nào tham ái không tìm thấy: Đối với người nào tham ái là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với người nào tham ái không tìm thấy” là như thế.

Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc: Và người nào đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi các nỗi nghi hoặc.

“Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc” là như thế.

Sự giải thoát của người ấy là như thế nào? Hỏi về sự giải thoát rằng: “Sự giải thoát của người ấy là như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì, có nên được ước muốn?”

“Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Todeyya nói rằng:]

*“Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Sự giải thoát của người ấy là như thế nào?”*

9.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Todeyya]

*Ở người nào các dục không sinh tồn,
Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa.”*

Ở người nào các dục không sinh tồn.

Ở người nào: Ở cá nhân nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Ở người nào các dục không sinh tồn: Ở người nào các dục không sinh tồn, không cộng trú, không cư trú, không lưu trú.

“Ở người nào các dục không sinh tồn” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Todeyya: ... (nt)...

Đối với người nào tham ái không tìm thấy.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thanh, tham ái cảnh hương, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp.

Đối với người nào: Đối với bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Đối với người nào tham ái không tìm thấy: Đối với người nào tham ái là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với người nào tham ái không tìm thấy” là như thế.

Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc: Nghi hoặc nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ,... (nt)... trạng thái sừng sốt, sự bối rối của tâm.

Người nào: Người nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc: Và người nào đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt qua, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi các nỗi nghi hoặc.

“Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc” là như thế.

Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa: Đối với vị ấy không có sự giải thoát nào khác nữa mà vị ấy có thể giải thoát bằng sự giải thoát ấy, vị ấy đã được giải thoát; đối với vị ấy, việc cần làm đối với giải thoát đã được làm xong.

“Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Todeyya,

Ở người nào các dục không sinh tồn,

*Đối với người nào tham ái không tìm thấy,
Và người nào đã vượt qua các nỗi nghi hoặc,
Đối với người ấy không có sự giải thoát nào khác nữa.”*

9.3. Vị ấy không còn mong ước, hay là [vị ấy] đang mong ước?

Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?

Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí,

Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con.

Vị ấy không còn mong ước, hay là [vị ấy] đang mong ước? Phải chăng vị ấy không còn tham ái, hay là có tham ái? Phải chăng vị ấy mong ước các sắc, mong ước các thính,... các hương,... các vị,... các xúc,... gia tộc,... đồ chúng,... chỗ ngụ,... lợi lộc,... danh vọng,... lời khen,... hạnh phúc,... y phục,... đồ ăn khát thực,... chỗ nằm ngồi,... vật dụng là thuốc men chữa bệnh,... dục giới,... sắc giới,... vô sắc giới,... cõi dục,... cõi sắc,... cõi vô sắc,... cõi hữu tướng,... cõi vô tướng,... cõi phi tướng phi phi tướng,... cõi một uẩn,... cõi bốn uẩn,... cõi năm uẩn,... quá khứ,... vị lai,... hiện tại,... các pháp đã được thấy,... đã được nghe,... đã được cảm giác,... đã được nhận thức, ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu?

“**Vị ấy không còn mong ước, hay là [vị ấy] đang mong ước?**” là như thế.

Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?

Vị ấy có sự hiểu biết: Phải chăng là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh?

Hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ? Hay là vị ấy sắp xếp, làm sanh ra, làm sanh khởi, làm hạ sanh, làm phát sanh sự sắp đặt do tham ái, hoặc sự sắp đặt do tà kiến nhờ vào trí của tám sự chứng đạt [về định], hoặc nhờ vào trí của năm thắng trí [thần thông], hoặc nhờ vào tà trí?

“**Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?**” là như thế.

Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí.

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, “người đã xuất gia từ gia tộc Sakya” là vị dòng Sakya. Hoặc là, “người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn” là vị dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm, tài sản về chánh cần, tài sản về nền tảng của thần thông, tài sản về quyền, tài sản về lực, tài sản về yếu tố đưa đến giác ngộ, tài sản về Đạo, tài sản về Quả, tài sản về Niết-bàn, “người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với các tài sản và bảo vật nhiều loại ấy” là vị dòng Sakya. Hoặc là, “vị có năng lực, có tiềm năng, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự ròn lông đã được xa lìa” là vị dòng Sakya.

Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí: Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận biết, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt về vị Hiền trí.

“Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí” là như thế.

Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con.

Điều ấy: Là điều mà con hỏi, điều mà con yêu cầu, điều mà con thỉnh cầu, điều mà con đặt niềm tin.

Xin Ngài hãy nói rõ: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

Bậc Toàn Nhân: Toàn nhân nói đến trí toàn giác. ... (nt)... vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhân.

“Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Vị ấy không còn mong ước, hay là [vị ấy] đang mong ước?

Vị ấy có sự hiểu biết hay là có sự sắp đặt nhờ vào tuệ?

Thưa vị dòng Sakya, để cho con có thể nhận biết về vị Hiền trí,

Thưa bậc Toàn Nhân, xin Ngài hãy nói rõ điều ấy cho con.”

9.4. Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước.

Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ.

Này Todeyya, người hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy,

Là vị không còn vương bận, không bị dính mắc ở dục và hữu.

Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước: Vị ấy không còn tham ái, vị ấy không có tham ái, vị ấy không mong ước các sắc, không mong ước các thinh... các hương... (nt)... các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu.

“Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước” là như thế.

Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ.

Vị ấy có sự hiểu biết: Là vị sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ: Nhờ vào trí của tám sự chứng đạt [về định], hoặc nhờ vào trí của năm thắng trí [thần thông], hoặc nhờ vào tà trí, vị ấy không sắp đặt sự sắp đặt do tham ái, hoặc không sắp đặt sự sắp đặt do tà kiến, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh.

“Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ” là như thế.

Này Todeyya, người hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy.

Vị Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt) ... đã vượt qua sự quyền luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Này Todeyya, người hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy: Này Todeyya, người hãy biết, hãy nhận biết, hãy thừa nhận, hãy thấu triệt về vị Hiền trí là như vậy.

“Này Todeyya, người hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy” là như thế.

Là vị không còn vương bận, không bị dính mắc ở dục và hữu.

Vị không còn vương bận: Luyến ái là vương bận, sân hận là vương bận, si mê là vương bận, ngã mạn là vương bận, tà kiến là vương bận, ô nhiễm là vương bận, uế hạnh là vương bận. Đối với vị nào, các vương bận này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không còn vương bận.

Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. ... (nt)... cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh.

Là vị không còn vương bận, không bị dính mắc ở dục và hữu: Người không còn vương bận thì không bị dính mắc, không bị máng vào, không bị vương vào, không bị giữ lại ở dục và hữu, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, đang sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Là vị không còn vương bận, không bị dính mắc ở dục và hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị ấy không còn mong ước, vị ấy không mong ước.

Vị ấy có sự hiểu biết và không có sự sắp đặt nhờ vào tuệ.

Này Todeyya, người hãy nhận biết về vị Hiền trí là như vậy,

Là vị không còn vương bận, không bị dính mắc ở dục và hữu.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Todeyya” được hoàn tất.

10. DIỄN GIẢI KINH KAPPA (KAPPASUTTANIDDESO)

10.1. [Tôn giả Kappa nói rằng:]

*“Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.
Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo
Để cho cái [khô] khác giống như cái [khô] này không thể xảy ra.”*

Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước: Hồ nước nói đến luân hồi, là việc đi đến [thế giới này], việc ra đi [đến thế giới khác], việc đi và đến, thời điểm [từ trần], cảnh giới tái sanh, kiếp sống khác từ kiếp sống này, sự tử vong, sự tái sanh, sự hạ sanh, sự tan rã, sự sanh, sự già và sự chết. Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hồi, ngay chính giữa.

“Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” là thế nào?

“Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy kiếp sống, trước đó đã không xoay vần”, chắc chắn không có như thế. “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” là như vậy. “Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm kiếp sống, trước đó đã không xoay vần”, chắc chắn không có như thế; “điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” còn là như vậy. “Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn kiếp sống, trước đó đã không xoay vần”, chắc chắn không có như thế. “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” còn là như vậy. “Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm ngàn kiếp sống, trước đó đã không xoay vần”, chắc chắn không có như thế. “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” còn là như vậy. “Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy trăm *koṭi*¹ kiếp sống, trước đó đã không xoay vần”, chắc chắn không có như thế. “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” còn là như vậy. “Sự luân chuyển đã xoay vần chỉ chừng ấy ngàn *koṭi* kiếp sống, trước đó đã không xoay vần”, chắc chắn không có như thế. “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” còn là như vậy. “Sự luân chuyển đã

¹ 1 *koṭi* = 10.000.000 (mười triệu).

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, luân hồi này là không biết được điểm khởi đầu. Điểm đầu tiên không được biết đến đối với các chúng sanh có sự che lấp bởi vô minh,... có sự ràng buộc bởi tham ái,... đang chạy quanh, đang chuyển dịch. Một thời gian dài lâu như vậy, quả thật, này các Tỳ-khuru, khổ đau được trải nghiệm, khổ não được trải nghiệm, sự tổn hại được trải nghiệm, các nghĩa trang được tăng thêm. Cho đến chừng ấy, này các Tỳ-khuru, thật quá đủ để nhàm chán về các pháp tạo tác, quá đủ để xa lìa luyến ái, quá đủ để giải thoát.” “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” còn là như vậy.

“Điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến” là thế nào?

“Sự luân chuyển sẽ xoay vần chừng ấy kiếp sống, sau đó sẽ không xoay vần”, chắc chắn không có như thế; điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến là như vậy. “Sự luân chuyển sẽ xoay vần chừng ấy trăm kiếp sống,... (nt)... chừng ấy ngàn kiếp sống,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn kiếp sống,... (nt)... chừng ấy *koṭi* kiếp sống,... (nt)... chừng ấy trăm *koṭi* kiếp sống,... (nt)... chừng ấy ngàn *koṭi* kiếp sống,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn *koṭi* kiếp sống,... (nt)... chừng ấy năm,... (nt)... chừng ấy trăm năm,... (nt)... chừng ấy ngàn năm,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn năm,... (nt)... chừng ấy *koṭi* năm,... (nt)... chừng ấy trăm *koṭi* năm,... (nt)... chừng ấy ngàn *koṭi* năm,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn *koṭi* năm,... (nt)... chừng ấy kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy trăm kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy ngàn kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy *koṭi* kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy trăm *koṭi* kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy ngàn *koṭi* kiếp trái đất,... (nt)... chừng ấy trăm ngàn *koṭi* kiếp trái đất, sau đó sẽ không xoay vần”, chắc chắn không có như thế. “Điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến” còn là như vậy. “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hồi, ngay chính giữa” là như vậy.

“Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước” là như thế.

Tôn giả Kappa nói rằng.

Rằng: [Từ “*icca*” này] là sự nối liền các câu văn... (nt)...

Tôn giả: [Từ “*āyasmā*” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Kappa: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Kappa nói rằng” là như thế.

Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra: Ở dòng lũ [ngũ] dục, ở dòng lũ của hữu, ở dòng lũ tà kiến, ở dòng lũ vô minh đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện.

Sự nguy hiểm lớn: Nguy hiểm về sanh, nguy hiểm về già, nguy hiểm về bệnh, nguy hiểm về chết.

“Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra” là như thế.

Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử: Đối với những người bị xúc phạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi già, bị xúc phạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi chết, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

“Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử” là như thế.

Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về hòn đảo, nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ.

Thưa Ngài: Từ “*mārisa*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

“Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo” là như thế.

Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Xin Ngài hãy nói ra về hòn đảo: Xin Ngài hãy nói ra, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về hòn đảo, nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ.

“Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo” là như thế.

Để cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra: Để cho khổ đau giống như khổ đau này, ở ngay tại nơi đây, có thể được diệt tận, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh, [để cho] khổ đau liên quan đến tái sanh lại nữa không thể hạ sanh, không thể sanh ra; không thể sanh khởi, không thể hạ sanh, không thể phát sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới, hoặc ở cõi dục, hoặc ở cõi sắc, hoặc ở cõi vô sắc, hoặc ở cõi hữu tướng, hoặc ở cõi vô tướng, hoặc ở cõi phi tướng phi phi tướng, hoặc ở cõi một uẩn, hoặc ở cõi bốn uẩn, hoặc ở cõi năm uẩn, hoặc ở cảnh giới tái sanh, hoặc ở sự tái sanh, hoặc ở sự tiếp nối tái sanh, hoặc ở sự hiện hữu, hoặc ở sự luân hồi, hoặc ở sự luân chuyển, [và] có thể được diệt tận, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh ở ngay tại nơi đây.

“Để cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Kappa nói rằng:]

“Thưa Ngài, xin Ngài hãy nói về hòn đảo

Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,

Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,

Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.

Và xin Ngài hãy nói ra cho con về hòn đảo

Để cho cái [khổ] khác giống như cái [khổ] này không thể xảy ra.”

10.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Kappa]

*Ta [sẽ] nói với người về hòn đảo, này Kappa,
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.”*

Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước: Hồ nước nói đến luân hồi, là việc đi đến [thế giới này], việc ra đi [đến thế giới khác], việc đi và đến, thời điểm [từ trần], cảnh giới tái sanh, kiếp sống khác từ kiếp sống này, sự tử vong, sự tái sanh, sự hạ sanh, sự tan rã, sự sanh, sự già, và sự chết. Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hồi, ngay chính giữa.

“Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” là thế nào? ... (nt)... “điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến” là như vậy. “Điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến” là thế nào? ... (nt)... “điểm cuối cùng của luân hồi không được biết đến” là như vậy. “Điểm đầu tiên của luân hồi không được biết đến, điểm cuối cùng cũng không được biết đến, các chúng sanh tồn tại, thiết lập, bám vào, đến gần, bám chặt, hướng đến ở dòng luân hồi, ngay chính giữa” là như vậy. “Đối với những người đang đứng giữa hồ nước” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Kappa:... (nt)...

Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra: Ở dòng lũ [ngũ] dục, ở dòng lũ của hữu, ở dòng lũ tà kiến, ở dòng lũ vô minh đã được sanh ra, đã được sanh khởi, đã được hạ sanh, đã được phát sanh, đã được xuất hiện.

Sự nguy hiểm lớn: Nguy hiểm về sanh, nguy hiểm về già, nguy hiểm về bệnh, nguy hiểm về chết.

“Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra” là như thế.

Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử: Đối với những người bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi già, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi chết, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

“Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử” là như thế.

Ta [sẽ] nói với người về hòn đảo, này Kappa: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ báo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ về hòn đảo, nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cảnh giới tái sanh, sự nâng đỡ.

“Ta [sẽ] nói với người về hòn đảo, này Kappa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*[Đức Thế Tôn nói: “Này Kappa]
Ta [sẽ] nói với người về hòn đảo, này Kappa,
Dành cho những người đang đứng giữa hồ nước,
Ở dòng lũ có sự nguy hiểm lớn đã được sanh ra,
Dành cho những người đang bị chế ngự bởi lão và tử.”*

**10.3. Hòn đảo ấy là không vương bận, không nắm giữ, không có cái nào khác,
Ta gọi cái ấy là “Niết-bàn”, sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử.**

Không vương bận, không nắm giữ.

Vương bận: Luyến ái là vương bận, sân hận là vương bận, si mê là vương bận, ngã mạn là vương bận, tà kiến là vương bận, ô nhiễm là vương bận, uế hạnh là vương bận. Sự dứt bỏ điều vương bận, sự vắng lặng điều vương bận, sự buông bỏ điều vương bận, sự tịch tịnh điều vương bận là bất tử, Niết-bàn. “Không vương bận” là như thế.

Không nắm giữ: Nắm giữ nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự dứt bỏ việc nắm giữ, sự vắng lặng việc nắm giữ, sự buông bỏ việc nắm giữ, sự tịch tịnh việc nắm giữ là bất tử, Niết-bàn.

“Không vương bận, không nắm giữ” là như thế.

Hòn đảo ấy là không có cái nào khác: Hòn đảo ấy là nơi nương tựa, nơi trú ẩn, nơi nương nhờ, cánh giới tái sanh, sự nâng đỡ.

Không có cái nào khác: Không có hòn đảo nào khác so với cái ấy. Và chính hòn đảo ấy là cao cả, nhất hạnh, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

“Hòn đảo ấy là không có cái nào khác” là như thế.

Ta gọi cái ấy là Niết-bàn: Thêu dệt (*vāṇam*) nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự dứt bỏ thêu dệt, sự vắng lặng thêu dệt, sự buông bỏ thêu dệt, sự tịch tịnh thêu dệt là bất tử, Niết-bàn.

Iti: Từ “*iti*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Ta gọi: Ta nói, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ.

“Ta gọi cái ấy là Niết-bàn” là như thế.

Sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử: Sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với già và chết, là bất tử, Niết-bàn.

“Sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Hòn đảo ấy là không vương bận, không nắm giữ, không có cái nào khác, Ta gọi cái ấy là ‘Niết-bàn’, sự diệt trừ hoàn toàn lão và tử.”

10.4. *Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm, đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt, những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương, những người ấy không là nô bộc của Ma vương.*

Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm.

Điều này: Là bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Sau khi hiểu thông: Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. Sau khi hiểu thông, sau khi hiểu rõ, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”;... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Những người nào: Là các bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Bản thân đã phát triển sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân là có niệm... (nt)... các vị ấy được gọi là có niệm.

“Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm” là như thế.

Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt. Đã nhận thức được giáo pháp: Đã nhận thức được giáo pháp là đã biết giáo pháp, đã cân nhắc giáo pháp, đã xác định giáo pháp, đã rõ rệt giáo pháp, đã minh định giáo pháp.

Đã được diệt tắt: Do trạng thái đã được tịch diệt đối với luyến ái là đã được tịch diệt; do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sân hận... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện, là được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh.

“Đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt” là như thế.

Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương.

Ma vương: Ma vương ấy là *Kaṇha* (Hắc ám), *Adhipati* (Chúa tể của sáu cõi trời dục giới), *Antagū* (Đi đến tận cùng của các bất thiện pháp), *Namuci* (Không thả ra những kẻ ác), *Pamattabandhu* (Thân quyến của những kẻ bị xao lãng).

Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương: Các vị ấy không vận hành theo quyền lực của Ma vương, thậm chí Ma vương cũng không vận hành được quyền lực ở các vị ấy. Sau khi khắc phục, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi nghiền nát Ma vương, phe nhóm của Ma vương, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, thức ăn của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, mối nhử của Ma vương, hành xử của Ma vương và sự

trối buộc của Ma vương; các vị ấy thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng.

“Những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương” là như thế.

Những người ấy không là nô bộc của Ma vương: Các vị ấy không phải là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của Ma vương; các vị ấy là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của đức Phật, của đức Thế Tôn.

“Những người ấy không là nô bộc của Ma vương” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi hiểu thông điều này, những người nào có niệm, đã nhận thức được giáo pháp, đã được diệt tắt, những người ấy không đi theo quyền lực của Ma vương, những người ấy không là nô bộc của Ma vương.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Kappa” được hoàn tất.



11. DIỄN GIẢI KINH JATUKAṆṆĪ (JATUKAṆṆĪSUTTANIDDESO)

11.1. *[Tôn giả Jatukaṇṇī nói rằng:] “Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục, con đã đi đến đề hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn. Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác,] xin Ngài hãy nói về vị thế an tịnh. Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật.”*

Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục.

Sau khi nghe: Sau khi nghe, sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định. Sau khi con nghe rằng: “Đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán,... (nt)... Phật, Thế Tôn.”

Bậc Anh Hùng: Bậc Anh Hùng là [nói đến] đức Thế Tôn; “vị có sự tinh tấn” là bậc Anh Hùng, “vị có năng lực” là bậc Anh Hùng, “vị có tiềm năng” là bậc Anh Hùng, “vị có khả năng” là bậc Anh Hùng, “vị dũng cảm” là bậc Anh Hùng, “vị quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa” là bậc Anh Hùng.

Vị đã lánh xa tất cả các việc ác xấu ở đời này,

Vị có tinh tấn ấy đã vượt qua sự khổ đau ở địa ngục,

Vị ấy có sự tinh tấn, có sự nỗ lực,

Là bậc Anh Hùng, có bản thể như thế, được gọi là “bậc Tự Tại.” “Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe” là như thế.

Về vị không có ham muốn các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Đối với đức Phật Thế Tôn, các vật dục đã được biết toàn diện, các ô nhiễm dục đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được biết toàn diện đối với các vật dục, do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục. Những người nào ham muốn các dục, ước nguyện các dục, mong cầu các dục, nguyện cầu các dục, những người ấy có sự ham muốn các dục, có sự luyến ái với ái dục, có sự suy tưởng đến tưởng [về dục]. Đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục; vì thế, đức Phật không có

dục,¹ không còn dục, có dục đã được từ bỏ, có dục đã được tẩy trừ, có dục đã được giải thoát, có dục đã được dứt bỏ, có dục đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, đã không còn khao khát, đã được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

“Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục” là như thế.

Tôn giả Jatukannī nói rằng.

Rằng: Từ “*icca*” này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: Từ “*āyasmā*” này là lời nói yêu mến,... (nt)... lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Jatukannī: Là họ của vị Bà-la-môn ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả.

“Tôn giả Jatukannī nói rằng” là như thế.

Con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn.

Vị đã vượt qua dòng lũ: Vị đã vượt qua dòng lũ là vị đã vượt quá, đã vượt qua hân, đã vượt qua khỏi dòng lũ. “Vị đã vượt qua dòng lũ” là như thế.

Để hỏi: Để hỏi, để vấn, để yêu cầu, để thỉnh cầu, để đặt niềm tin.

Con đã đi đến [để hỏi] vị không có ham muốn: Để hỏi vị không có ham muốn, không còn ham muốn, có ham muốn đã được từ bỏ, có ham muốn đã được tẩy trừ, có ham muốn đã được giải thoát, có ham muốn đã được dứt bỏ, có ham muốn đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, con đã đi lại, đã đi đến, đã đi đến gần, đã đạt đến, đã đi đến gặp Ngài.

“Con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn” là như thế.

Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vị thể an tịnh.

An tịnh: Theo một khía cạnh, sự an tịnh cũng như vị thể an tịnh, chính cái ấy là bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

¹ Động từ *kāmeti* được ghi nghĩa Việt là “ham muốn.” Còn danh từ *kāma* được dịch theo hai nghĩa là “ham muốn” và “dục” tùy theo ngữ cảnh. Ở đây, *akāmo* được dịch là “không có dục”, ở đoạn kế tiếp được dịch là “không có ham muốn”. (ND)

“Vị thế này là an tịnh, vị thế này là hảo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.” Hoặc là, theo một khía cạnh khác, các pháp nào vận hành đưa đến việc chứng đắc sự an tịnh, đưa đến việc chạm đến sự an tịnh, đưa đến việc chứng ngộ sự an tịnh, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các pháp này gọi là các vị thế an tịnh. Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về vị thế an tịnh, vị thế nương tựa, vị thế trú ẩn, vị thế nương nhờ, vị thế không sợ hãi, vị thế bất hoại, vị thế bất tử, vị thế Niết-bàn.

Bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác]: Nhãn quan nói đến trí toàn giác. Nhãn quan và bản thể chiến thắng của đức Phật Thế Tôn đã được sanh lên tại gốc cây Bồ-đề vào cùng một thời điểm không trước không sau; vì thế đức Phật là bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác].

“Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vị thế an tịnh” là như thế.

Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật: Đúng theo sự thật nói đến bất tử, Niết-bàn... (nt)... sự diệt tận, Niết-bàn.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Xin Ngài hãy nói cho con về điều này: Xin Ngài hãy nói, hãy chỉ dạy,... (nt)... hãy bày tỏ.

“Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Jatukannī nói rằng:] “Thưa bậc Anh Hùng, sau khi con nghe về vị không có ham muốn các dục, con đã đi đến để hỏi vị đã vượt qua dòng lũ, vị không có ham muốn. Thưa bậc có nhãn quan đã được đồng sanh [với trí toàn giác], xin Ngài hãy nói về vị thế an tịnh. Thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói cho con về điều này đúng theo sự thật.”

11.2. Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục, Tựa như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng. Thưa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi, Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.

Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi biết toàn diện các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi khắc phục, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi nghiền nát các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng.

“Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục” là như thế.

Ví như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng: Thái dương nói đến mặt trời, trái đất nói đến địa cầu. Giống như mặt trời có sức nóng, thành tựu sức nóng, sau khi ngự trị, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi thiêu đốt trái đất, sau khi xua đi bóng tối đã che phủ toàn bộ bầu trời, sau khi xua tan bóng đêm, sau khi phô bày ánh sáng, nó di chuyển ở không trung, trên bầu trời, một cách mau lẹ theo quỹ đạo ở không gian; tương tự y như vậy, đức Thế Tôn có hào quang trí tuệ, thành tựu hào quang trí tuệ, sau khi xua tan tất cả nhân sanh khởi của các pháp tạo tác... (nt)... bóng đêm ô nhiễm, bóng tối vô minh, sau khi phô bày ánh sáng trí tuệ, sau khi biết toàn diện các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi ngự trị, sau khi thống trị, sau khi đè bẹp, sau khi trấn áp, sau khi nghiền nát các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, nuôi dưỡng, bảo dưỡng.

“Ví như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng” là như thế.

Thừa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi: Con thì có tuệ nhỏ nhoi, có tuệ thấp kém, có tuệ thấp thỏi, có tuệ tồi tệ, còn Ngài có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi diệu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt. Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng sánh bằng trái đất.

“Thừa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi” là như thế.

Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức.

Giáo pháp: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệ, ... (nt)... Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

Để con có thể nhận thức: Để con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể nhìn thấy, có thể chứng ngộ.

“Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức” là như thế.

Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây: Sự dứt bỏ đối với sanh, già, và chết ngay ở nơi đây, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh, bất tử, Niết-bàn.

“Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Thật vậy, đức Thế Tôn sinh hoạt [cư xử] sau khi ngự trị các dục, tựa như thái dương, có sức nóng, ngự trị trái đất bằng sức nóng. Thưa bậc có tuệ bao la, đối với con là người có tuệ nhỏ nhoi, Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.”

11.3. [Đức Thế Tôn nói: “Này Jatukannī]

*Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục
Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn.
Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ,
Sự vương bận chớ có hiện diện đối với ngươi.”*

Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục: Ngươi hãy dẹp bỏ, hãy dẹp hẳn, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu sự thèm khát ở các dục.

“Ngươi hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục” là như thế.

Jatukannī: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng họ.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Jatukannī” là như thế.

Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn.

Sự xuất ly: Sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt để nhìn thấy sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và đường lối thực hành đưa đến Niết-bàn là an toàn, là nơi nương tựa, là nơi trú ẩn, là nơi nương nhờ, là nơi không sợ hãi, là bất hoại, là bất tử, là Niết-bàn.

“Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn” là như thế.

Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ.

Đã được nắm bắt: Đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt,

đã được bám chặt, đã được hướng đến do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến.

Hay đã được vứt bỏ: Nên được quăng bỏ, nên được buông ra, nên được dứt bỏ, nên được xua đi, nên được làm chấm dứt, nên được làm cho không còn hiện hữu.

“Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ” là như thế.

Sự vương bận chớ có hiện diện đối với người: Luyến ái là vương bận, sân hận là vương bận, si mê là vương bận, ngã mạn là vương bận, tà kiến là vương bận, ô nhiễm là vương bận, uế hạnh là vương bận. Sự vương bận này chớ có hiện diện, chớ có tồn tại đối với người, người hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu.

“Sự vương bận chớ có hiện diện đối với người” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Jatukannhī]

Người hãy dẹp bỏ sự thèm khát ở các dục

Để nhìn thấy sự xuất ly là an toàn.

Dầu đã được nắm bắt hay đã được vứt bỏ,

Sự vương bận chớ có hiện diện đối với người.”

11.4. Điều nào trước đây (quá khứ), người hãy làm khô héo điều ấy.

Chớ có điều vương bận sanh khởi đến người sau này (vị lai).

Nếu người không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại),

Người sẽ sống, được yên tịnh.

Điều nào trước đây (quá khứ), người hãy làm khô héo điều ấy: Những ô nhiễm nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc quá khứ, người hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm ấy. “Điều nào trước đây (quá khứ), người hãy làm khô héo điều ấy” là như vậy. Hoặc là, các pháp tạo tác là các nghiệp thuộc quá khứ chưa chín muồi hoặc đã trở quả, người hãy làm khô cạn, hãy làm khô héo, hãy làm khô ráo, hãy làm khô queo, hãy làm không còn mầm giống, hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu các pháp tạo tác là các nghiệp ấy.

“Điều nào trước đây (quá khứ), người hãy làm khô héo điều ấy” còn là như vậy.

Chớ có điều vương bận sanh khởi đến người sau này (vị lai): Sau này nói đến thời vị lai. Những điều [vương bận] nào sanh lên liên quan đến các pháp tạo tác thuộc vị lai: Luyến ái là vương bận, sân hận là vương bận, si mê là vương bận, ngã mạn là vương bận, tà kiến là vương bận, ô nhiễm là vương bận, uế hạnh là vương bận, mong rằng những điều vương bận này chớ sanh khởi

cho người; người chớ tạo ra, chớ làm cho sanh ra, chớ làm cho sanh khởi, chớ làm cho hạ sanh, chớ làm cho phát sanh, người hãy dứt bỏ, hãy xua đi, hãy làm chấm dứt, hãy làm cho không còn hiện hữu những điều vương bận này.

“Chớ có điều vương bận sanh khởi đến người sau này (vị lai)” là như thế.

Nếu người không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại): Khoảng giữa nói đến các sắc, thọ, tưởng, hành, thức thuộc hiện tại. Người sẽ không chấp nhận, sẽ không nắm lấy, sẽ không bám víu, sẽ không vui mừng, sẽ không thích thú, sẽ không bám chặt các pháp tạo tác thuộc hiện tại do tác động của tham ái, do tác động của tà kiến. Người sẽ dứt bỏ, sẽ xua đi, sẽ làm chấm dứt, sẽ làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt.

“Nếu người sẽ không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại)” là như thế.

Người sẽ sống, được yên tịnh: Do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh đối với luyến ái, do trạng thái đã được an tịnh, do trạng thái đã được yên lặng, do trạng thái đã được yên tịnh, do trạng thái đã được vắng lặng, do trạng thái đã được thiêu hủy, do trạng thái đã được tịch diệt, do trạng thái đã được tách lìa, do trạng thái đã được tịch tịnh đối với sân hận,... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện, được an tịnh, được yên tịnh, được vắng lặng, được tịch diệt, được tịch tịnh, người sẽ sống, sẽ trú ngụ, sẽ sinh hoạt, sẽ vận hành, sẽ bảo hộ, sẽ hộ trì, sẽ bảo dưỡng.

“Người sẽ sống, được yên tịnh” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Điều nào trước đây (quá khứ), người hãy làm khô héo điều ấy.
Chớ có điều vương bận sanh khởi đến người sau này (vị lai).
Nếu người không nắm lấy [điều gì] ở khoảng giữa (hiện tại),
Người sẽ sống, được yên tịnh.”*

11.5. *Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát*

Ở danh và sắc về mọi phương diện,

Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu,

Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần.

Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thèm khát ở danh và sắc về mọi phương diện.

Về mọi phương diện: Là tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, từ “*sabbaso*” này là lời nói của sự bao gồm.

Danh: Bốn nhóm không có sắc.²

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

² Xem chú thích 6 ở trang 359. (ND)

Sự thềm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thềm khát ở danh và sắc về mọi phương diện: Đối với vị đã xa lìa sự thềm khát, đã tách lìa sự thềm khát, đã từ bỏ sự thềm khát, đã tẩy trừ sự thềm khát, đã giải thoát sự thềm khát, đã dứt bỏ sự thềm khát, đã buông bỏ sự thềm khát, đã xa lìa sự luyến ái, đã tách lìa sự luyến ái, đã từ bỏ sự luyến ái, đã tẩy trừ sự luyến ái, đã giải thoát sự luyến ái, đã dứt bỏ sự luyến ái, đã buông bỏ sự luyến ái ở danh và sắc về mọi phương diện.

“Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thềm khát ở danh và sắc về mọi phương diện” là như thế.

Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu.

Các lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu.

Đối với vị này: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Không hiện hữu: Đối với vị ấy, các lậu hoặc này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu” là như thế.

Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần: Bởi vì các lậu hoặc nào, con người đi vào sự cai quản của tử thần, hoặc đi vào sự cai quản của sự chết, hoặc đi vào sự cai quản của phe nhóm thuộc Ma vương; đối với vị ấy, các lậu hoặc ấy là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Này Bà-la-môn, đối với vị đã xa lìa sự thềm khát

Ở danh và sắc về mọi phương diện,

Đối với vị này các lậu hoặc không hiện hữu,

Bởi vì chúng, con người rơi vào sự cai quản của tử thần.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Jatukanni” được hoàn tất.

12. DIỄN GIẢI KINH BHADRĀVUDHA (BHADRĀVUDHASUTTANIDDESO)

12.1. *[Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng:] “Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ, bậc Cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vọng, bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát, bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt [do tham ái và tà kiến]. Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi.”*

Bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ, bậc Cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vọng.

Bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ: Mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vương bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt và sự tiềm ẩn của tâm ở sắc giới, đối với đức Phật Thế Tôn, các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật được gọi là “bậc từ bỏ chỗ trú ngụ.” Mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vương bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở thọ giới, ... ở tưởng giới, ... ở hành giới, ... ở thức giới, đối với đức Phật Thế Tôn, các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật được gọi là “bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ.”

Bậc Cắt Đứt Tham Ái.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, ... (nt)... tham ái cảnh pháp. Đối với đức Phật Thế Tôn, tham ái ấy đã được cắt đứt, đã được cắt lìa, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, đức Phật là “bậc Cắt Đứt Tham Ái.”

Bậc Không Còn Dục Vọng: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt, ... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không còn dục vọng, đức Thế Tôn không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động; vì thế, đức Phật là “bậc Không Còn Dục Vọng.”

“Bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngụ, bậc Cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vọng” là như thế.

Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng.

Rằng: [Từ “*icca*” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ “*āyasmā*” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Bhadrāvudha: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt).... từ kêu gọi.

“Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng” là như thế.

Bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát: Niềm vui nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt).... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, niềm vui ấy, tham ái ấy đã được dứt bỏ, có lẽ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là “bậc Từ Bỏ Niềm Vui.”

Bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ: Đức Thế Tôn đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt).... Việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.” “Bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ” là như thế.

Bậc Đã Được Giải Thoát: Đối với đức Thế Tôn, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự luyến ái, tâm được thoát khỏi, được giải thoát, khéo được giải thoát khỏi sự sân hận,... (nt).... khỏi sự si mê,... (nt).... khỏi tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

“Bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát” là như thế.

Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt.

Sự sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt).... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt).... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với đức Phật Thế Tôn, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, vì thế, đức Phật là “bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt.”

Con khẩn cầu: Con yêu cầu, con khẩn cầu, con thỉnh cầu, con ưng thuận, con ước nguyện, con mong cầu, con khẩn nguyện, con nguyện cầu.

Bậc Khôn Ngoan: Khôn ngoan nói đến tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt).... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã tiến vào, đã tiến sát, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự khôn ngoan, tuệ này; vì thế, đức Phật là “bậc Khôn Ngoan.”

“Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt” là như thế.

Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi.

Bậc Long Tượng: Bậc Long Tượng là [nói đến] đức Thế Tôn. “Vị không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng, “vị không đi đến” là bậc Long Tượng, “vị không trở về” là bậc Long Tượng,... (nt)... “đức Thế Tôn không trở về” là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi: Sau khi lắng nghe, sau khi nghe được, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài, họ sẽ ra đi, họ sẽ xuất hành, họ sẽ khởi hành, họ sẽ đi theo các hướng khác nhau.

“Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Bhadrāvudha nói rằng:] “Con khẩn cầu bậc Khôn Ngoan, bậc Từ Bỏ Chỗ Trú Ngủ, bậc Cắt Đứt Tham Ái, bậc Không Còn Dục Vọng, bậc Từ Bỏ Niềm Vui, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, bậc Đã Được Giải Thoát, bậc Từ Bỏ Sự Sắp Đặt [do tham ái và tà kiến]. Sau khi lắng nghe bậc Long Tượng, từ đây họ sẽ ra đi.”

12.2. Trong khi mong mỗi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng,

Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại.

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ,

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.

Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại.

Vô số người: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Từ các xứ sở đã tụ hội lại: Từ xứ Aṅga, từ xứ Magadha, từ xứ Kāśī, từ xứ Kāśi, từ xứ Kosala, từ xứ Vajjī, từ xứ Malla, từ xứ Cetiya, từ xứ Vamsa, từ xứ Kuru, từ xứ Pañcāla, từ xứ Maccha, từ xứ Sūrasena, từ xứ Assaka, từ xứ Avanti, từ xứ Yona và từ xứ Kamboja.

Đã tụ hội lại: Đã tụ hội lại, đã tụ họp lại, đã tập trung lại, đã tập hợp lại.

“Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại” là như thế.

Trong khi mong mỗi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng.

Bậc Anh Hùng: Bậc Anh Hùng là [nói đến] đức Thế Tôn; “vị ấy có sự tinh tấn” là bậc Anh Hùng, “vị có năng lực” là bậc Anh Hùng, “vị có tiềm năng” là bậc Anh Hùng, “vị có khả năng” là bậc Anh Hùng,... (nt)... có sự rờn lông đã được xa lìa” là bậc Anh Hùng.

“Vị đã lánh xa tất cả các việc ác xấu ở đời này,

Vị có tinh tấn ấy đã vượt qua sự khổ đau ở địa ngục,

Vị ấy, có sự tinh tấn, có sự nỗ lực,

Là bậc Anh Hùng, có bản thể như thế, được gọi là ‘bậc Tự Tại’.”

Trong khi mong mỗi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng: Lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài.

Trong khi mong mỗi: Trong khi mong mỗi là trong khi ước muốn, trong khi ưng thuận, trong khi ước nguyện, trong khi mong cầu, trong khi nguyện cầu.

“Trong khi mong mỗi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng” là như thế.

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ.

Cho họ: Cho các Sát-đế-ly, cho các Bà-la-môn, cho các thương buôn, cho các nô lệ, cho các người tại gia, cho các vị xuất gia, cho chư thiên và cho loài người ấy.

Ngài: Nói đến đức Thế Tôn.

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ một cách tường tận.

“Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ” là như thế.

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể: Bởi vì pháp này đã được biết, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định bởi Ngài đúng theo bản thể.

“Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Trong khi mong mỗi lời nói của Ngài, thưa bậc Anh Hùng,

Vô số người từ các xứ sở đã tụ hội lại.

Xin Ngài hãy giảng rõ tường tận cho họ,

Bởi vì pháp này đã được Ngài biết đúng theo bản thể.”

12.3. [Đức Thế Tôn nói: “Này Bhadrāvudha]

Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái

Ở bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.

Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian,

Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người.”

Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái: Sự nắm giữ và tham ái nói đến tham ái ở sắc... (nt)...

Sự nắm giữ và tham ái: Vì lý do gì mà được gọi là sự nắm giữ và tham ái? Do tham ái ấy, họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về sắc; họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt về thọ,... tưởng,... các hành,... thức,... cảnh giới tái sanh,... sự tái sanh,... sự nối liền tái sanh,... sự hiện hữu,... sự luân hồi,... sự luân chuyển; vì lý do ấy, được gọi là sự nắm giữ và tham ái.

Nên dẹp bỏ mọi sự: Nên dẹp bỏ, nên dẹp hẳn, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu mọi sự nắm giữ và tham ái.

“Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Bhadrāvudha... (nt)...

Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.

Bên trên là nói đến thời tương lai, **bên dưới** là nói đến thời quá khứ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thời hiện tại.

Bên trên là thế giới chư thiên, **bên dưới** là thế giới địa ngục, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là thế giới loài người.

Bên trên là các pháp thiện, **bên dưới** là các pháp bất thiện, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là các pháp vô ký.

Bên trên là cảm thọ lạc, **bên dưới** là cảm thọ khổ, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là cảm thọ không khổ không lạc.

Bên trên là vô sắc giới, **bên dưới** là dục giới, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là sắc giới.

Bên trên là từ lòng bàn chân trở lên, **bên dưới** là từ đỉnh ngọn tóc trở xuống, **luôn cả bề ngang và khoảng giữa** là ở chính giữa.

“Bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa” là như thế.

Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian: Họ nắm giữ, họ chấp thủ, họ nắm lấy, họ bám víu, họ chấp chặt mỗi một điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian” là như thế.

Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người: Do chính tác động của pháp tạo tác là nghiệp ấy có liên quan đến việc nối liền tái sanh, uẩn Ma vương, giới Ma vương, xứ Ma vương, cảnh giới Ma vương, tái sanh Ma vương, tái tục Ma vương, hữu Ma vương, luân hồi Ma vương, luân chuyển Ma vương theo đuổi [loài người], đi theo, là kẻ theo đuổi.

Loài người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, [sinh vật] nhân loại.

“Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Bhadrāvudha]

Nên dẹp bỏ mọi sự nắm giữ và tham ái

Ở bên trên, bên dưới, luôn cả bề ngang và khoảng giữa.

Bởi vì, mỗi một điều gì họ chấp thủ ở thế gian,

Do chính điều ấy Ma vương theo đuổi loài người.”

12.4. *Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này], vị Tỳ-khuru có niệm, không nên chấp thủ bất cứ điều gì ở tất cả thế gian. Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy, [vị ấy biết] nhân loại này bị vương mắc ở lãnh địa của thân chết.*

Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này],... không nên chấp thủ:

Bởi vậy: Bởi vậy là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ điều bất lợi ấy ở sự nắm giữ và tham ái. “Bởi vậy” là như thế.

Trong khi nhận biết: Trong khi biết, trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt; trong khi biết, trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; trong khi biết, trong khi nhận biết, trong khi hiểu biết, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Không nên chấp thủ: Không nên nắm giữ, không nên chấp thủ, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt vào sắc; không nên nắm giữ, không nên chấp thủ, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt vào thọ;... vào tưởng;... vào các hành;... vào thức;... vào cảnh giới tái sanh;... vào sự tái sanh;... vào sự nối liền tái sanh;... vào sự hiện hữu;... vào sự luân hồi;... vào sự luân chuyển.

“Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này],... không nên chấp thủ” là như thế.

Vị Tỳ-khuru có niệm, [không nên chấp thủ] bất cứ điều gì ở tất cả thế gian.

Vị Tỳ-khuru: Là vị Tỳ-khuru phạm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khuru là bậc Hữu học.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm. “Vị Tỳ-khuru có niệm” là như thế.

Bất cứ điều gì: Bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Ở tất cả thế gian: Ở tất cả thế gian của khổ cảnh, ở tất cả thế gian của loài người, ở tất cả thế gian của chư thiên, ở tất cả thế gian của các uẩn, ở tất cả thế gian của các giới, ở tất cả thế gian của các xứ.

“Vị Tỳ-khuru, có niệm, [không nên chấp thủ] bất cứ điều gì ở tất cả thế gian” là như thế.

Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy: Những người bị dính mắc ở sự nắm giữ nói đến những người nào nắm giữ, chấp thủ, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào sắc; nắm giữ, chấp thủ, nắm lấy, bám víu, chấp chặt vào thọ;... vào tưởng;... vào các hành;... vào thức;... vào cảnh giới

tái sanh;... vào sự tái sanh;... vào sự nối liền tái sanh;... vào sự hiện hữu;... vào sự luân hồi;... vào sự luân chuyển.

Iti: Từ “*iti*” này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Trong khi xem xét: Trong khi nhìn xem, trong khi nhận thấy, trong khi nhìn thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi quán xét, trong khi khảo sát.

“Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy” là như thế.

Nhân loại này bị vướng mắc ở lãnh địa của thân chết.

Nhân loại: Là từ nói đến chúng sanh.

Các lãnh địa của thân chết: Nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các pháp tạo tác. Nhân loại bị dính mắc, bị vướng mắc, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở lãnh địa của thân chết, ở lãnh địa của Ma vương, ở lãnh địa của sự chết. Giống như gói đồ bị dính mắc, bị vướng mắc, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở cái chốt gấn ở tường, hoặc ở cái móc bằng ngà voi, tương tự như vậy, nhân loại bị dính mắc, bị vướng mắc, bị dính vào, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở lãnh địa của thân chết, ở lãnh địa của Ma vương, ở lãnh địa của sự chết.

“Nhân loại này bị vướng mắc ở lãnh địa của thân chết” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bởi vậy, trong khi nhận biết [điều này], vị Tỳ-khuru có niệm, không nên chấp thủ bất cứ điều gì ở tất cả thế gian. Trong khi xem xét những người bị dính mắc ở sự nắm giữ như vậy, [vị ấy biết] nhân loại này bị vướng mắc ở lãnh địa của thân chết.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt) ... “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Bhadrāvudha” được hoàn tất.



13. DIỄN GIẢI KINH UDAYA (UDAYASUTTANIDDESO)

13.1. [Tôn giả Udaya nói rằng:]

*“Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Bậc có thiên chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi,
Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc,
Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp,
Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh.”*

Bậc có thiên chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi.

Bậc có thiên chứng: Bậc có thiên chứng là [nói đến] đức Thế Tôn. Ngài có thiên chứng với sơ thiên, có thiên chứng với nhị thiên, có thiên chứng với tam thiên, có thiên chứng với tứ thiên, có thiên chứng với thiên có tầm có tứ, có thiên chứng với thiên không có tầm chỉ có tứ, có thiên chứng với thiên không có tầm không có tứ, có thiên chứng với thiên có hỷ, có thiên chứng với thiên không có hỷ, có thiên chứng với thiên đồng hành với hỷ, có thiên chứng với thiên đồng hành với khoan khoái, có thiên chứng với thiên đồng hành với xả, có thiên chứng với thiên không tánh, có thiên chứng với thiên vô tướng, có thiên chứng với thiên vô nguyện, có thiên chứng với thiên hợp thể, có thiên chứng với thiên xuất thế, thích thú với thiên, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. “Bậc có thiên chứng” là như thế.

Không còn bụi bặm: Luyến ái là bụi bặm, sân hận là bụi bặm, si mê là bụi bặm, giận dữ là bụi bặm, thù hận là bụi bặm,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là bụi bặm. Đối với đức Phật Thế Tôn, các bụi bặm ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc không có bụi bặm, không còn bụi bặm, lìa khỏi bụi bặm, đã rời xa bụi bặm, đã dứt bỏ hẳn bụi bặm, đã được thoát khỏi bụi bặm, đã vượt qua khỏi tất cả bụi bặm.

1. *Luyến ái là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,
Từ “bụi bặm” này là tên gọi của luyến ái.
Bậc Hữu Nhân, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
Vì thế, đáng Chiến Thắng được gọi là “bậc Đã Tách Lìa Bụi Bặm.”*
2. *Sân hận là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,
Từ “bụi bặm” này là tên gọi của sân hận.*

*Bạc Hữu Nhân, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
Vì thế, đấng Chiến Thắng được gọi là “bạc Đã Tách Lìa Bụi Bặm.”*

3. *Si mê là bụi bặm, nhưng không phải nói đến bụi đất,
Từ “bụi bặm” này là tên gọi của si mê.
Bạc Hữu Nhân, sau khi dứt bỏ hẳn bụi bặm này,
Vì thế, đấng Chiến Thắng được gọi là “bạc Đã Tách Lìa Bụi Bặm.”*

“Không còn bụi bặm” là như thế.

Đang ngồi: Đức Thế Tôn đang ngồi ở bảo tháp Pāsāṇaka. “Đang ngồi” là như thế.

4. *“Các vị Thinh văn, có ba mình, có sự chiến thắng thân chết, hầu cận bậc Hiền trí, vị đã đi đến bờ kia của khổ, đang ngồi ở sườn của ngọn núi.”*

Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn có trạng thái đã được tịch tịnh mọi sự năng động [của ô nhiễm], đang ngồi, đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.” Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy.

“Bạc có thiên chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi” là như thế.

Tôn giả Udaya nói rằng.

Rằng: [Từ “*icca*” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ “*āyasmā*” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Udaya: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Udaya nói rằng” là như thế.

Bạc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc: Đối với đức Phật Thế Tôn, phận sự và không phải phận sự, việc nên làm và không nên làm đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc đã làm xong phận sự.

5. *“Đối với vị Tỳ-khưu nào không có tham ái, có dòng chảy đã được cắt đứt, có phận sự và không phải phận sự đã được dứt bỏ, sự bức bối [của vị ấy] không tìm thấy.”*

Bạc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc.

Lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với đức Phật Thế Tôn, các lậu hoặc ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn lậu hoặc.

“Bạc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc” là như thế.

Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp: Đức Thế Tôn là *pāragū* (người đi đến bờ kia) do việc biết rõ, *pāragū* do việc biết toàn diện, *pāragū* do việc dứt bỏ, *pāragū* do việc tu tập, *pāragū* do việc chứng ngộ, *pāragū* do việc chứng đạt

[các thiện]; là *pāragū* do việc biết rõ tất cả các pháp, *pāragū* do việc biết toàn diện tất cả khổ, *pāragū* do việc dứt bỏ tất cả ô nhiễm, *pāragū* do việc phát triển bốn Thánh đạo, *pāragū* do việc chứng ngộ sự tịch diệt, *pāragū* do việc chứng đạt đối với mọi chứng đạt [về thiên định]. Ngài đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giới; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh định; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh tuệ; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giải thoát. Ngài đã đi đến bờ kia, đã đạt đến sự toàn hảo; đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối; đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh; đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng; đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất; đã đi đến nơi nương tựa, đã đạt đến nơi nương tựa; đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn; đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ; đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi; đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại; đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử; đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.”

“Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp” là như thế.

Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến: Là những người có nhu cầu với câu hỏi, chúng con đã đi đến; có ý muốn hỏi câu hỏi, chúng con đã đi đến; có ý muốn nghe câu hỏi, chúng con đã đi đến. “Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến” là như vậy. Hoặc là, có sự đi đến, sự tiến đến, sự đến gần, sự ngồi gần của những người có ý định về câu hỏi, của những người có ý muốn hỏi câu hỏi, của những người có ý muốn nghe câu hỏi. “Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến” còn là như vậy. Hoặc là, có sự truyền thừa về câu hỏi đối với Ngài, Ngài cũng có năng lực, Ngài có khả năng để thuyết giảng, để giải thích điều được hỏi bởi con, Ngài hãy di dời gánh nặng này.

“Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến” còn là như vậy.

Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ: Sự giải thoát do trí giác ngộ nói đến sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán. Xin Ngài hãy nói về, hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán.

“Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ” là như thế.

Về sự phá vỡ vô minh: Về sự làm vỡ, sự phá vỡ, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với vô minh, bất tử, Niết-bàn.

“Về sự phá vỡ vô minh” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

[Tôn giả Udaya nói rằng:]

“Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến

Bậc có thiên chứng, không còn bụi bặm, đang ngồi,

Bậc đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc,

Đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp,

*Xin Ngài hãy nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh.”*

13.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Udaya]
*Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục
Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại,
Và việc xua đi sự đã dục,
Việc ngăn cản các trạng thái hối hận.”*

Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục.

Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự thèm khát về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục.

Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục: Sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với những sự mong muốn về dục là bất tử, Niết-bàn.

“Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: “Này Udaya... (nt)...

Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại.

Nỗi ưu phiền: Là sự không khoan khoái thuộc về tâm, nỗi khổ sở thuộc về tâm, là sự không khoan khoái, khổ sở sanh lên do ý xúc đã được nhận biết, là cảm thọ không khoan khoái, khổ sở sanh lên do ý xúc.

Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại: Sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với những mong muốn về dục và những nỗi ưu phiền, cả hai loại, là bất tử, Niết-bàn.

“Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại” là như thế.

Và việc xua đi sự đã dục.

Sự đã dục: Là trạng thái không sẵn sàng của tâm, trạng thái không thích ứng, sự chây lười, sự biếng nhác, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng, sự đã dục, biểu hiện đã dục, trạng thái đã dục của tâm.

Và việc xua đi sự đã dục: Và sự xua đi, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với sự đã dục là bất tử, Niết-bàn.

“Và việc xua đi sự đã dục” là như thế.

Việc ngăn cản các trạng thái hối hận.

Hối hận: Về bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, về bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội.

Sự hồi hận nào có hình thức như vậy là biểu hiện hồi hận, trạng thái hồi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý; việc này gọi là hồi hận.

Thêm nữa, sự hồi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hồi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hồi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân.” Sự hồi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu.”... (nt)... “Ta đã làm uế hạnh về ý, ta đã không làm thiện hạnh về ý.”... (nt)... “Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng.”... (nt)... “Ta đã trộm cắp, ta đã không tránh xa sự trộm cắp.”... (nt)... “Ta đã tà hạnh trong các dục, ta đã không tránh xa sự tà hạnh trong các dục.”... (nt)... “Ta đã nói dối, ta đã không tránh xa việc nói dối.”... (nt)... “Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thọc.”... (nt)... “Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ.”... (nt)... “Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí.”... (nt)... “Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham đắm.”... (nt)... “Ta đã hành động sân hận, ta đã không hành động không sân hận.”... (nt)... “Ta đã hành động tà kiến, ta đã không hành động chánh kiến.” Sự hồi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm là như vậy.

Hoặc là, sự hồi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới.” Sự hồi hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta là người có các giác quan không được gìn giữ.”... “Ta là người không biết chừng mực về vật thực.”... “Ta chưa luyện tập về tinh thức.”... “Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ.”... “Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập.”... “Bốn chánh căn chưa được ta tu tập.”... “Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập.”... “Năm quyền chưa được ta tu tập.”... “Năm lực chưa được ta tu tập.”... “Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập.”... “Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập.”... “Khổ chưa được ta biết toàn diện.”... “Tập chưa được ta dứt bỏ.”... “Đạo chưa được ta tu tập.”... “Diệt chưa được ta chứng ngộ.”

Việc ngăn cản các trạng thái hồi hận: Việc ngăn trở, việc ngăn cản, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với các trạng thái hồi hận là bất tử, Niết-bàn.

“Việc ngăn cản các trạng thái hồi hận” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Udaya]

Sự dứt bỏ đối với những mong muốn về dục

Và những nỗi ưu phiền, cả hai loại,

Và việc xua đi sự dă dượt,

Việc ngăn cản các trạng thái hồi hận.”

13.3. Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,

*Về sự phá vỡ vô minh,
Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch,
Có sự suy tầm đúng pháp đi trước.*

Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch.

Xả: Là sự hành xả, biểu hiện của hành xả, biểu hiện của hành xả vượt trội, trạng thái vắng lặng của tâm, trạng thái an tịnh của tâm, trạng thái trung dung của tâm ở tứ thiền.

Niệm: Niệm, sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm liên quan đến xả ở tứ thiền.

Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch: Ở tứ thiền, xả và niệm là trong sạch, thanh tịnh, hoàn toàn trong sạch, thuần tịnh, tinh khiết, không bợn nhơ, lìa khỏi phiền não, nhu thuận, có thể sử dụng, ổn định, đã đạt đến trạng thái vững chắc.

“Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch” là như thế.

Có sự suy tầm đúng pháp đi trước: Sự suy tầm đúng pháp nói đến chánh tư duy. Nó là đầu tiên, là trước hết, là yếu tố đi đầu của sự giải thoát do trí giác ngộ. “Có sự suy tầm đúng pháp đi trước” là như vậy. Hoặc là, sự suy tầm đúng pháp nói đến chánh kiến. Nó là đầu tiên, là trước hết, là yếu tố đi đầu của sự giải thoát do trí giác ngộ. “Có sự suy tầm đúng pháp đi trước” còn là như vậy. Hoặc là, sự suy tầm đúng pháp nói đến minh sát là phần đầu của bốn đạo. Nó là đầu tiên, là trước hết, là yếu tố đi đầu của sự giải thoát do trí giác ngộ.

“Có sự suy tầm đúng pháp đi trước” còn là như vậy.

Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ: Sự giải thoát do trí giác ngộ nói đến sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán. Ta nói về, Ta chỉ dạy, Ta chỉ bảo, Ta thông báo, Ta ấn định, Ta khai mở, Ta chia sẻ, Ta làm rõ, Ta bày tỏ về sự giải thoát do phẩm vị A-la-hán.

“Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ” là như thế.

Về sự phá vỡ vô minh.

Vô minh: Sự không biết về khổ... (nt)... vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện.

Về sự phá vỡ vô minh: Sự phá vỡ, sự dứt bỏ, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh đối với vô minh là bất tử, Niết-bàn.

“Về sự phá vỡ vô minh” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Ta nói về sự giải thoát do trí giác ngộ,
Về sự phá vỡ vô minh,
Có xả và niệm hoàn toàn trong sạch,
Có sự suy tầm đúng pháp đi trước.”*

13.4. Thế gian có cái gì là sự ràng buộc?

Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét?

Do lia bỏ cái gì

Được gọi là “Niết-bàn”?

Thế gian có cái gì là sự ràng buộc? Cái gì là sự ràng buộc, sự dính mắc, sự cột trói, vật làm ô nhiễm của thế gian? Bởi cái gì thế gian bị gắn bó, bị gắn vào, bị gắn chặt, bị gắn liền, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại?

“Thế gian có cái gì là sự ràng buộc?” là như thế.

Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét? Cái gì, đối với nó, là sự du hành, sự xem xét, sự xét đoán? Nhờ vào cái gì thế gian du hành, xem xét, xét đoán?

“Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét?” là như thế.

Do lia bỏ cái gì được gọi là “Niết-bàn”? Do sự lia bỏ, do sự vắng lặng, do sự buông bỏ, do sự tịch tịnh của cái gì được gọi là, được nói là, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là “Niết-bàn”?

“Do lia bỏ cái gì được gọi là ‘Niết-bàn’?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Thế gian có cái gì là sự ràng buộc?

Cái gì, đối với nó, là phương tiện xem xét?

Do lia bỏ cái gì

Được gọi là ‘Niết-bàn’?”

13.5. Thế gian có vui thích là sự ràng buộc.

Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét.

Do lia bỏ tham ái

Được gọi là “Niết-bàn.”

Thế gian có vui thích là sự ràng buộc: Vui thích nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện; cái này được gọi là vui thích. Vui thích nào đối với thế gian là sự ràng buộc, sự dính mắc, sự cột trói, vật làm ô nhiễm, thế gian bị gắn bó, bị gắn vào, bị gắn chặt, bị gắn liền, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại bởi sự vui thích này.

“Thế gian có vui thích là sự ràng buộc” là như thế.

Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét.

Suy tầm: Có chín sự suy tầm: Suy tầm về dục, suy tầm về sân hận, suy tầm về hãm hại, suy tầm về thân quyến, suy tầm về xứ sở, suy tầm về chư thiên, suy tầm liên quan đến sự trắc ẩn đối với người khác, suy tầm liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng, sự nổi tiếng, suy tầm liên quan đến việc không bị khi dễ; các việc này gọi là chín sự suy tầm. Chín sự suy tầm này, đối với thế gian, là sự du hành, sự xem xét, sự xét đoán. Nhờ vào chín sự suy tầm này, thế gian du hành, xem xét, xét đoán.

“Suy tầm, đối với nó, là phương tiện xem xét” là như thế.

Do lìa bỏ tham ái được gọi là “Niết-bàn.”

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Do lìa bỏ tham ái được gọi là “Niết-bàn”: Do sự lìa bỏ, do sự vắng lặng, do sự buông bỏ, do sự tịch tịnh của tham ái được gọi là, được nói là, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là “Niết-bàn.”

“Do lìa bỏ tham ái được gọi là ‘Niết-bàn’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Thế gian có vui thích là sự ràng buộc.

Suy tâm, đối với nó, là phương tiện xem xét.

Do lìa bỏ tham ái

Được gọi là ‘Niết-bàn’.”

13.6. Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành,

Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ?

Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn,

Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài.

Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành: Đối với vị có niệm, có sự nhận biết rõ rệt như thế nào trong lúc thực hành, trong lúc cư xử, trong lúc sinh hoạt, trong lúc vận hành, trong lúc bảo hộ, trong lúc nuôi dưỡng, trong lúc bảo dưỡng.

“Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành” là như thế.

Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ: Thức được đình chỉ, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh.

“Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ” là như thế.

Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn: Để hỏi đức Phật Thế Tôn, để vấn, để yêu cầu, để thỉnh cầu, để đặt niềm tin, chúng con đã đi lại, đã đi đến, đã đi đến gần, đã đạt đến, đã đi đến gặp Ngài.

“Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn” là như thế.

Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài.

Điều ấy: Là lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời khuyên bảo của Ngài, hãy cho chúng con lắng nghe, hãy cho chúng con tiếp thu, hãy cho chúng con tiếp nhận, hãy cho chúng con nhận định.

“Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Đối với vị có niệm như thế nào trong lúc thực hành,

Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ?

Chúng con đã đi đến để hỏi đức Thế Tôn,

Hãy cho chúng con lắng nghe lời nói ấy của Ngài.”

13.7. Đối với vị không thích thú cảm thọ

Thuộc nội phần và ngoại phần,

Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành,

Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ.

Đối với vị không thích thú cảm thọ thuộc nội phần và ngoại phần: Vị có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt.

Vị có sự quan sát hiện tượng sanh, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát hiện tượng diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an trú,... (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng sanh và diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần, trong khi đang an trú,... (nt)...

Vị có sự quan sát hiện tượng sanh, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Vị có sự quan sát hiện tượng diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an trú,... (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng sanh và diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc ngoại phần, trong khi đang an trú,... (nt)...

Vị có sự quan sát hiện tượng sanh, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú,... (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú,... (nt)... Vị có sự quan sát hiện tượng sanh và diệt, có sự quan sát thọ trên các thọ thuộc nội phần và ngoại phần, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Với mười hai

biểu hiện này, vị có sự quan sát thọ trên các thọ, trong khi đang an trú,... (nt)... làm cho không còn hiện hữu [sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt].

Hoặc là, trong khi nhìn thấy cảm thọ là vô thường, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Trong khi nhìn thấy cảm thọ là khổ,... là cơn bệnh,... là mụn ghẻ,... là mũi tên,... là tai ương,... là tật nguyên,... là sự thoát ra, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt. Với bốn mươi bốn biểu hiện này, vị có sự quan sát thọ trên các thọ, trong khi đang an trú, [vị ấy] không thích thú cảm thọ, không tán thưởng, không dừng lại ở sự bám chặt, [vị ấy] dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu sự thích thú, sự tán thưởng, sự bám chặt, sự nắm lấy, sự bám víu, sự chấp chặt.

“Đối với vị không thích thú cảm thọ thuộc nội phần và ngoại phần” là như thế.

Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành: Đối với vị có niệm, có sự nhận biết rõ rệt như vậy, trong lúc thực hành, trong lúc cư xử, trong lúc sinh hoạt, trong lúc vận hành, trong lúc bảo hộ, trong lúc nuôi dưỡng, trong lúc bảo dưỡng.

“Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành” là như thế.

Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ: Thức đồng sanh với phúc hành, thức đồng sanh với phi phúc hành, thức đồng sanh với bất động hành được đình chỉ, được vắng lặng, đi đến sự tiêu hoại, được tịch tịnh.

“Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với vị không thích thú cảm thọ

Thuộc nội phần và ngoại phần,

Đối với vị có niệm như vậy trong lúc thực hành,

Thì thức [của vị ấy] được đình chỉ.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Udaya” được hoàn tất.

14. DIỄN GIẢI KINH POSĀLA (POSĀLASUTTANIDDESO)

14.1. *[Tôn giả Posāla nói rằng:] “Vội ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Gặp bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp,
Vị chỉ ra thời quá khứ,
Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ.”*

Vị chỉ ra thời quá khứ.

Vị: Vị ấy là đức Thế Tôn, đáng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Chỉ ra thời quá khứ: Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ, chỉ ra thời vị lai, và chỉ ra thời hiện tại của bản thân và của những người khác.

Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của bản thân thế nào? Đức Thế Tôn chỉ ra một lần sanh, chỉ ra hai lần sanh, chỉ ra ba lần sanh, chỉ ra bốn lần sanh, chỉ ra năm lần sanh, chỉ ra mười lần sanh, chỉ ra hai mươi lần sanh, chỉ ra ba mươi lần sanh, chỉ ra bốn mươi lần sanh, chỉ ra năm mươi lần sanh,... một trăm lần sanh,... một ngàn lần sanh,... nhiều thành kiếp,... nhiều hoại kiếp,... nhiều thành và hoại kiếp trong thời quá khứ của bản thân rằng: “Ở nơi ấy, Ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, có sự nhận biết lạc và khổ như vậy, có giới hạn tuổi thọ như vậy. Từ chỗ ấy, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, Ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, có sự nhận biết lạc và khổ như vậy, có giới hạn tuổi thọ như vậy. Từ nơi kia, Ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này.” Như thế, Ngài chỉ ra nhiều kiếp sống trước với nét đại cương và cá biệt. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của bản thân như vậy.

Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của những người khác thế nào? Đức Thế Tôn chỉ ra một lần sanh, chỉ ra hai lần sanh,... chỉ ra nhiều thành và hoại kiếp trong thời quá khứ của những người khác rằng: “Ở nơi ấy, vị ấy đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, có sự nhận biết lạc và khổ như vậy, có giới hạn tuổi thọ như vậy. Từ chỗ ấy, vị ấy đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, vị ấy đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, có sự nhận biết lạc và khổ như vậy, có giới hạn tuổi thọ như vậy. Từ nơi kia, vị ấy đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này.” Như

thế, Ngài chỉ ra nhiều kiếp sống trước với nét đại cương và cá biệt. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của những người khác như vậy.

Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi nói về năm trăm *Bốn sanh*, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết *Kinh Mahāpadāniya*, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết *Kinh Mahāsudassaniya*, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết *Kinh Mahāgovindiya*, chỉ ra thời quá khứ của bản thân và của những người khác trong khi thuyết *Kinh Māghadeviya*.¹

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Cunda, liên quan đến thời kỳ quá khứ, đức Như Lai có trí nhớ lại các đời sống trước. Ta đây muốn [nhớ lại] chừng nào thì nhớ lại chừng ấy. Và này Cunda, liên quan đến thời kỳ vị lai... (nt)... Và này Cunda, liên quan đến thời kỳ hiện tại, trí do giác ngộ sanh của đức Như Lai khởi lên rằng: ‘Đây là kiếp sống cuối cùng, giờ đây không còn tái sanh nữa.’”²

Trí biết được khả năng của người khác về các quyền là Như Lai lực của đức Như Lai, trí về thiên kiến và xu hướng ngũ ngàm của chúng sanh là Như Lai lực của đức Như Lai, trí về song thông là Như Lai lực của đức Như Lai, trí về sự thể nhập đại bi là Như Lai lực của đức Như Lai, trí toàn giác là Như Lai lực của đức Như Lai, trí không bị ngăn trở là Như Lai lực của đức Như Lai, trí không quuyến luyến, không bị trở ngại, không bị ngăn trở trong mọi trường hợp là Như Lai lực của đức Như Lai. Đức Thế Tôn chỉ ra thời quá khứ, chỉ ra thời vị lai, chỉ ra thời hiện tại của bản thân và của những người khác như vậy, Ngài chỉ dạy, chỉ bảo, thông báo, ấn định, khai mở, chia sẻ, làm rõ, bày tỏ.

“Vị chỉ ra thời quá khứ” là như thế.

Tôn giả Posāla nói rằng: ... (nt)...

Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghi ngờ: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với đức Phật Thế Tôn, dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng, đức Thế Tôn không xao động vì lợi lộc,... (nt)... không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động. “Không dục vọng” là như thế.

Đã cắt đứt sự nghi ngờ: Nghi ngờ nói đến hoài nghi, sự nghi ngờ về khổ,... (nt)... trạng thái sừng sốt, sự bối rối của tâm. Đối với đức Phật Thế Tôn,

¹ Ba bài kinh đầu thuộc *Trường bộ*, tức là *D. 14, Kinh Đại bốn (Mahāpadānīyasuttam)*; *D. 17, Kinh Đại Thiện Kiến Vương (Mahāsudassanīyasuttam)*; *D. 19, Kinh Đại Diên Tôn (Mahāgovindīyasuttam)*. Bài kinh còn lại thuộc *Trung bộ*, số 83, *Kinh Māghadevi (Māghadevīyasuttam)*.

² *D. 29, Kinh Thanh tịnh (Pāsādikasuttam)*.

nghe ngờ ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc đã cắt đứt sự nghe ngờ.

“Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghe ngờ” là như thế.

Bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp: Đức Thế Tôn là *pāragū* (người đi đến bờ kia) do việc biết rõ, *pāragū* do việc biết toàn diện, *pāragū* do việc dứt bỏ, *pāragū* do việc tu tập, *pāragū* do việc chứng ngộ, *pāragū* do việc chứng đạt [các thiền]; là *pāragū* do việc biết rõ tất cả các pháp,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.”

“Bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp” là như thế.

Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến: Là những người có nhu cầu với câu hỏi, chúng con đã đi đến;... (nt)... Ngài hãy di dời gánh nặng này.

“Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến” còn là như vậy.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

*[Tôn giả Posāla nói rằng:] “Với ý định [hỏi] câu hỏi, con đã đi đến
Gặp bậc đã ngự đến bờ kia của tất cả các pháp,
Vị chỉ ra thời quá khứ,
Không còn dục vọng, đã cắt đứt sự nghe ngờ.”*

14.2. Đối với vị có sắc tướng đã không còn,

Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân,

Đang nhìn thấy “không có gì”

Thuộc nội phần và ngoại phần,

Thừa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy];

Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?

Đối với vị có sắc tướng đã không còn: Thế nào là sắc tướng? Là sự nhận biết, sự tự nhận biết, trạng thái tự nhận biết của vị đã đạt đến sự chứng đạt về sắc giới, hoặc đối với vị đã sanh lên [sắc giới], hoặc đối với vị có sự trú lạc ở ngay chính bản thân này; điều này là sắc tướng.

Đối với vị có sắc tướng đã không còn: Đối với vị đã đạt được bốn sự chứng đạt vô sắc, sắc tướng là không còn, đã được lìa khỏi, đã được vượt quá, đã được vượt qua hẳn, đã được vượt qua khỏi.

“Đối với vị có sắc tướng đã không còn” là như thế.

Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân: Tất cả sắc thân liên quan đến tái sanh của vị ấy đã được dứt bỏ do việc vượt qua khỏi có tính chất tạm thời, sắc thân của vị ấy được dứt bỏ bằng sự dứt bỏ với việc đè nén [do việc chứng đắc thiền vô sắc].

“Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân” là như thế.

Đang nhìn thấy “không có gì” thuộc nội phần và ngoại phần.

Không có gì: Là sự chứng đạt Vô sở hữu xứ. Vì lý do gì mà “không có gì”

là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ? Là vì, vị có niệm, sau khi thể nhập sự chứng đạt về Thức vô biên xứ, sau khi xuất ra từ nơi ấy, rồi làm cho không hiện hữu, làm cho hoàn toàn không còn hiện hữu, làm cho biến mất chính cái thức ấy, và nhìn thấy “không có gì.” Vì lý do ấy mà “không có gì” là sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ.

“Đang nhìn thấy ‘không có gì’ thuộc nội phần và ngoại phần” là như thế.

Thưa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy].

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, “người đã xuất gia từ gia tộc Sakya” là vị dòng Sakya. ... (nt)... “có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rờn lông đã được xa lìa” là vị dòng Sakya.

Con hỏi thêm về trí [của vị ấy]: Con hỏi trí của vị ấy là như thế nào, được tồn tại thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì, có nên được ước muốn?

“Thưa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy]” là như thế.

Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào? Vị ấy nên được hướng dẫn, nên được huấn luyện, nên được dẫn dắt, nên được truyền đạt, nên được truyền thụ, nên được khơi mở, nên được tạo niềm tin thế nào? Vị ấy nên được làm cho sanh khởi thượng trí thế nào?

Vị thuộc hạng như thế ấy: Vị thuộc hạng như thế ấy là vị giống như thế ấy, được tồn tại thế ấy, có kiểu cách ấy, có biểu hiện ấy, là vị có được sự chứng đạt về Vô sở hữu xứ.

“Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Đối với vị có sắc tướng đã không còn,

Có sự dứt bỏ toàn bộ về thân,

Đang nhìn thấy ‘không có gì’

Thuộc nội phần và ngoại phần,

Thưa vị dòng Sakya, con hỏi thêm về trí [của vị ấy];

Vị thuộc hạng như thế ấy nên được hướng dẫn thế nào?”

14.3. [Đức Thế Tôn nói: “Này Posāla,] trong khi biết rõ tất cả các chỗ trú của thức, đức Như Lai biết vị ấy đang trú [ở đâu], đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến.”

Tất cả các chỗ trú của thức: Đức Thế Tôn biết bốn chỗ trú của thức căn cứ vào pháp tạo tác, biết bảy chỗ trú của thức căn cứ vào sự tái sanh.

Đức Thế Tôn biết bốn chỗ trú của thức căn cứ vào pháp tạo tác nghĩa là thế nào? Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, có sự vương bận với sắc, thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là sắc, có chỗ nâng đỡ là sắc, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh. Này các Tỳ-khuru, hoặc là có sự vương bận với thọ,...

(nt)... Nay các Tỳ-khuru, hoặc là có sự vương bận với tướng,... (nt)... Nay các Tỳ-khuru, hoặc là có sự vương bận với các hành, thì thức, trong khi tồn tại, [sẽ] tồn tại có đối tượng là các hành, có chỗ nâng đỡ là các hành, có sự rải rắc niềm vui, và [sẽ] đạt đến sự phát triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh”; đức Thế Tôn biết bốn chỗ trú của thức căn cứ vào pháp tạo tác nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn biết bảy chỗ trú của thức căn cứ vào sự tái sinh nghĩa là thế nào? Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Nay các Tỳ-khuru, có những chúng sanh có thân khác biệt, có tướng khác biệt, như là loài người, một số thiên nhân và một số hạng ở chốn bị trừng phạt; đây là chỗ trú của thức loại thứ nhất. Nay các Tỳ-khuru, có những chúng sanh có thân khác biệt, có tướng tương đồng, như là chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên đã được sanh lên nhờ vào Sơ thiên; đây là chỗ trú của thức loại thứ nhì. Nay các Tỳ-khuru, có những chúng sanh có thân tương đồng, có tướng khác biệt, như là chư thiên cõi Quang Âm thiên; đây là chỗ trú của thức loại thứ ba. Nay các Tỳ-khuru, có những chúng sanh có thân tương đồng, có tướng tương đồng, như là chư thiên cõi Biến Tịnh thiên; đây là chỗ trú của thức loại thứ tư. Nay các Tỳ-khuru, có những chúng sanh, do sự vượt qua hẳn toàn bộ các sắc tướng, do sự biến mất của các tướng bất bình, do việc không chú ý đến các tướng khác biệt [nhận thức rằng]: ‘Hư không là vô biên’ rồi tiến vào Không Vô Biên Xứ; đây là chỗ trú của thức loại thứ năm. Nay các Tỳ-khuru, có những chúng sanh sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Không Vô Biên Xứ [nhận thức rằng]: ‘Thức là vô biên’ rồi tiến vào Thức Vô Biên Xứ; đây là chỗ trú của thức loại thứ sáu. Nay các Tỳ-khuru, có những chúng sanh sau khi vượt qua hẳn toàn bộ Thức Vô Biên Xứ [nhận thức rằng]: ‘Không có gì’ rồi tiến vào Vô Sở Hữu Xứ; đây là chỗ trú của thức loại thứ bảy. Đức Thế Tôn biết bảy chỗ trú của thức căn cứ vào sự tái sinh nghĩa là như vậy.”

“Tất cả các chỗ trú của thức” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Nay Posāla.

Posāla: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Nay Posāla” là như thế.

Trong khi biết rõ..., đức Như Lai.

Trong khi biết rõ: Trong khi biết rõ là trong khi hiểu, trong khi nhận thức, trong khi thừa nhận, trong khi thấu triệt.

Đức Như Lai: Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Cunda, nếu việc quá khứ là không thực, không đúng, không có lợi ích, đức Như Lai không giải đáp điều ấy. Nay Cunda, nếu việc quá khứ là thực, là đúng, không có lợi ích, đức Như Lai cũng không giải đáp điều ấy. Nay Cunda, nếu việc quá khứ là thực, là đúng, có lợi ích, trong trường hợp ấy, đức Như Lai là người biết thời điểm để giải đáp cho chính câu hỏi ấy. Nay Cunda, nếu việc vị lai... (nt)... Nay

Cunda, nếu việc hiện tại là không thực, không đúng, không có lợi ích, đức Như Lai không giải đáp điều ấy. Nay Cunda, nếu việc hiện tại là thực, là đúng, không có lợi ích, đức Như Lai cũng không giải đáp điều ấy. Nay Cunda, nếu việc hiện tại là thực, là đúng, có lợi ích, trong trường hợp ấy, đức Như Lai là người biết thời điểm để giải đáp cho câu hỏi ấy. Như thế, nay Cunda, về các pháp quá khứ, vị lai, và hiện tại, đức Như Lai là vị nói đúng thời, vị nói về sự thật, vị nói về mục đích, vị nói về Pháp, vị nói về Luật; vì thế, được gọi là ‘đức Như Lai’.

Này Cunda, điều gì thuộc về thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, đã được đạt đến, đã được tìm kiếm, đã được cân nhắc bởi ý, mọi điều ấy đều đã được biết rõ toàn diện bởi đức Như Lai; vì thế, được gọi là ‘đức Như Lai’. Nay Cunda, vào đêm đức Như Lai giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng, và vào đêm [đức Như Lai] viên tịch Niết-bàn ở cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, điều nào đức Như Lai thuyết giảng, nói ra, chỉ dạy trong khoảng thời gian này, mọi điều ấy đều là y như thế, không sai khác; vì thế, được gọi là ‘đức Như Lai’. Nay Cunda, đức Như Lai nói như thế nào làm như thế ấy, làm như thế nào nói như thế ấy. Như vậy, nói như thế nào làm như thế ấy, làm như thế nào nói như thế ấy; vì thế, được gọi là ‘đức Như Lai’. Nay Cunda, ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, đức Như Lai là đấng Chiến Thắng, bậc Không Bị Thông Trị, bậc Nhìn Thấy Tất Cả, bậc Vận Hành Quyền Lực; vì thế, được gọi là ‘đức Như Lai’.”

“Trong khi biết rõ..., đức Như Lai” là như thế.

Biết vị ấy đang trú [ở đâu]: Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: “Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào đạo xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục.” Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: “Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào loài thú.” Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: “Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào thân phận ngạ quỷ.” Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: “Người này, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào loài người.” Đức Thế Tôn biết về người hiện đang ở thế gian này căn cứ vào pháp tạo tác là nghiệp rằng: “Người này đã thực hành tốt đẹp, khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].”

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: ‘Người này thực hành thế này, cư xử thế này, và đi vào đạo lộ ấy, như thế thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào đạo xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục.’ Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta

nhận biết về một người nào đó rằng: ‘Người này thực hành thể này, cư xử thể này, và đi vào đạo lộ ấy, như thể thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào loài thú.’ Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: ‘Người này thực hành thể này, cư xử thể này, và đi vào đạo lộ ấy, như thể thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào thân phận ngạ quỷ.’ Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: ‘Người này thực hành thể này, cư xử thể này, và đi vào đạo lộ ấy, như thể thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào giữa loài người.’ Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: ‘Người này thực hành thể này, cư xử thể này, và đi vào đạo lộ ấy, như thể thì khi tan rã thân xác và chết đi, sẽ sanh vào chôn an vui, cõi trời, thế gian [này].’ Ở đây, này Sāriputta, sau khi biết được tâm bằng tâm, Ta nhận biết về một người nào đó rằng: ‘Người này thực hành thể này, cư xử thể này, và đi vào đạo lộ ấy, như thể thì do sự cạn kiệt của các lậu hoặc, nhờ vào thắng trí của mình sẽ chứng ngộ, sẽ đạt đến, và an trú vào sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ ngay ở đời hiện tại.’”

“Biết vị ấy đang trú [ở đâu]” là như thế.

Đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến.

Đã thiên về [điều nào]: Là đã thiên về khuynh hướng giải thoát ở Vô sở hữu xứ, đã thiên về nơi ấy, đã thiên về nó, đã xem nó là chủ đạo. Hoặc là, đức Thế Tôn biết rằng: “Người này thiên về sắc, thiên về thanh, thiên về hương, thiên về vị, thiên về xúc, thiên về gia tộc, thiên về đồ chúng, thiên về chỗ ngụ, thiên về lợi lộc, thiên về danh vọng, thiên về lời khen, thiên về hạnh phúc, thiên về y phục, thiên về đồ ăn khát thực, thiên về chỗ nằm ngồi, thiên về vật dụng là thuốc men chữa bệnh, là vị thiên về Kinh, thiên về Luật, thiên về Thắng pháp, thiên về pháp của vị ngụ ở rừng, thiên về pháp của vị chuyên đi khát thực, thiên về pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, thiên về pháp của vị chỉ sử dụng ba y, thiên về pháp của vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà, thiên về pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, thiên về pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), thiên về pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định, thiên về Sơ thiền, thiên về Nhị thiền, thiên về Tam thiền, thiên về Tứ thiền, thiên về sự chứng đạt Không vô biên xứ, thiên về sự chứng đạt Thức vô biên xứ, thiên về sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, thiên về sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ.” “Đã thiên về [điều nào]” là như thế.

Có điều ấy là đích đến: Yếu tố Vô sở hữu xứ có điều ấy là đích đến, có nghiệp là đích đến, có quả thành tựu là đích đến, có sự chú trọng về nghiệp, có sự chú trọng về việc nối liền tái sanh. Hoặc là, đức Thế Tôn biết rằng: “Người này có sắc là đích đến,... (nt)... có sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ là đích đến.”

“Đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Posāla] trong khi biết rõ tất cả các chỗ trú của thức, đức Như Lai biết vị ấy đang trú [ở đâu], đã thiên về [điều nào], có điều ấy là đích đến.”

14.4. *Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu, [biết được] rằng: “Vui thích là sự ràng buộc”, sau khi biết rõ điều ấy như vậy, từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy; đây là trí như thật của vị ấy, của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo.*

Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu: Nguồn xuất phát của Vô sở hữu xú nói đến pháp tạo tác là nghiệp đưa đến Vô sở hữu xú. Sau khi biết được “pháp tạo tác là nghiệp đưa đến Vô sở hữu xú là nguồn xuất phát của Vô sở hữu”, sau khi biết được “sự dính mắc”, sau khi biết được “sự cột trói”, sau khi biết được “sự vương bận”, sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

“Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu” là như thế.

[Biết được] rằng: “Vui thích là sự ràng buộc”: Sự ràng buộc bởi vui thích nói đến sự duyên ái ở vô sắc. Do sự duyên ái ở vô sắc, nghiệp ấy bị máng vào, bị vương vào, bị giữ lại. Sau khi biết được “sự duyên ái ở vô sắc là sự ràng buộc bởi vui thích”, sau khi biết được “sự dính mắc”, sau khi biết được “sự cột trói”, sau khi biết được “sự vương bận”, sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

Rằng: Từ “*iti*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

“[Biết được] rằng: Vui thích là sự ràng buộc” là như thế.

Sau khi biết rõ điều ấy như vậy: Sau khi biết rõ, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt điều ấy như vậy.

“Sau khi biết rõ điều ấy như vậy” là như thế.

Từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy.

Nơi ấy: Sau khi chứng đạt Vô sở hữu xú, sau khi xuất ra từ nơi ấy, tại chỗ đó nhìn thấy rõ các pháp về tâm và sở hữu tâm được sanh lên là vô thường, nhìn thấy rõ là khổ, nhìn thấy rõ là cơn bệnh... (nt)... là sự thoát ra, nhận thấy, quan sát, suy xét, khảo sát.

“Từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy” là như thế.

Đây là trí như thật của vị ấy: Trí này là đúng đắn, thực thể, chính xác, không bị sai lệch, thuộc về vị ấy.

“Đây là trí như thật của vị ấy” là như thế.

Của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo.

Vị Bà-la-môn: Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo: Bảy hạng Thánh Hữu học, tính luôn phạm nhân tốt lành, sống, cộng trú, cư trú, lưu trú nhằm đạt đến pháp chưa đạt đến, nhằm chứng đắc pháp chưa chứng đắc, nhằm chứng ngộ pháp chưa chứng ngộ; còn bậc A-la-hán, đã được hoàn mãn, có việc cần làm đã làm, có gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, đã hiểu biết đúng đắn, đã được giải thoát. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.”

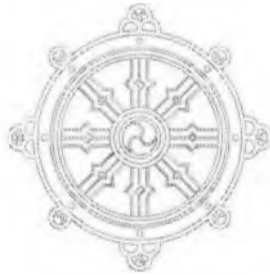
“Của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi biết được nguồn xuất phát của Vô sở hữu, [biết được] rằng: ‘Vui thích là sự ràng buộc’, sau khi biết rõ điều ấy như vậy, từ đó nhìn thấy rõ nơi ấy; đây là trí như thật của vị ấy, của vị Bà-la-môn đã sống hoàn hảo.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... “Bạch ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Posāla” được hoàn tất.



15. DIỄN GIẢI KINH MOGHARĀJA (MOGHARĀJASUTTANIDDESO)

15.1. *[Tôn giả Mogharāja nói rằng:] “Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần. Bạc Hữu Nhân đã không giải đáp cho con. Và con đã được nghe rằng: ‘[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ấn Sĩ [sẽ] giải đáp.’”*

Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần: Vị Bà-la-môn ấy đã hỏi đức Phật Thế Tôn câu hỏi đến hai lần. Được hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn đã không giải đáp cho vị ấy [nghĩ rằng]: “Trong khoảng thời gian ấy, sẽ có sự chín muồi của các quyền cho vị Bà-la-môn này.”

Vị dòng Sakya: Đức Thế Tôn là vị dòng Sakya, “người đã xuất gia từ gia tộc Sakya” là vị dòng Sakya. Hoặc là, “người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn” là vị dòng Sakya. Vị ấy sở hữu các tài sản này, tức là: Tài sản về đức tin, tài sản về giới, tài sản về hổ thẹn [tội lỗi], tài sản về ghê sợ [tội lỗi], tài sản về kiến thức, tài sản về xả thí, tài sản về trí tuệ, tài sản về thiết lập niệm, tài sản về chánh cần, tài sản về nền tảng của thần thông, tài sản về quyền, tài sản về lực, tài sản về yếu tố đưa đến giác ngộ, tài sản về Đạo, tài sản về Quả, tài sản về Niết-bàn, “người sở hữu tài sản, giàu có, có tài sản lớn với các tài sản và bảo vật nhiều loại này” là vị dòng Sakya. Hoặc là, “vị có năng lực, có tiềm năng, có khả năng, dũng cảm, anh hùng, quả cảm, không nhút nhát, không có sự kinh hãi, không có sự sợ sệt, không có sự trốn chạy, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa” là vị dòng Sakya.

Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần: Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần, con đã yêu cầu, con đã thỉnh cầu, con đã đặt niềm tin.

“Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần” là như thế.

Tôn giả Mogharāja nói rằng.

Rằng: [Từ “icca” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ “āyasmā” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Mogharāja: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Mogharāja nói rằng” là như thế.

Bạc Hữu Nhân đã không giải đáp cho con.

Đã không giải đáp cho con: Đã không giải đáp cho con là đã không chỉ dạy, đã không chỉ bảo, đã không thông báo, đã không ấn định, đã không khai mở, đã không chia sẻ, đã không làm rõ, đã không bày tỏ.

Bạc Hữu Nhãn: Đức Thế Tôn là bạc Hữu Nhãn với năm loại nhãn (con mắt): Bạc Hữu Nhãn với nhục nhãn, bạc Hữu Nhãn với thiên nhãn, bạc Hữu Nhãn với tuệ nhãn, bạc Hữu Nhãn với Phật nhãn, bạc Hữu Nhãn với toàn nhãn.

Đức Thế Tôn là bạc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là thế nào? Ở nhục nhãn của đức Thế Tôn hiện hữu năm màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummā. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kaṇikāra. Hai bên đuôi mắt của đức Thế Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāritṭhaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là màu trắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhī. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần, ban ngày và luôn cả ban đêm. Ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền (đêm cuối tháng âm lịch), nơi khu rừng già sâu thẳm, và có đám mây đen lớn trôi dật; ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố có hình thức như thế, Ngài cũng vẫn nhìn thấy xung quanh một do-tuần. Ở nơi nào dầu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dẫu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vẫn có thể nhặt lên chính hạt mè ấy. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn là bạc Hữu Nhãn với nhục nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bạc Hữu Nhãn với thiên nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, vị ấy biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: “Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uế hạnh về thân, có uế hạnh về khẩu, có uế hạnh về ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh về thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].” Như thế, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ngài nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong

muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới,¹ có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế giới, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thấy mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thể nhìn thấy ba mươi thế giới, có thể nhìn thấy bốn mươi thế giới, có thể nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên tức tiểu thế giới, có thể nhìn thấy nhị thiên tức trung thế giới, có thể nhìn thấy tam thiên tức đại thiên thế giới.² Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với thiên nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với tuệ nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiểu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, bậc có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tín, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Nguru, bậc Nhân Sur, bậc Nhân Tạng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khởi Mở, bậc Khởi Tín. Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ là các đệ tử của Ngài hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy].

Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, vị tuyên thuyết, vị chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biểu hiện, đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích sâu sắc, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong trắng, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng, tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật. Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp đều vận hành theo trí, tất cả ý nghiệp đều vận hành theo trí. Đức

¹ Xem chú thích về “*Lokadhātu*” (Thế giới) ở trang 223. (ND)

² Xem chú thích về “Nhất thiên (Tiểu thế giới), Nhị thiên (Trung thế giới), Tam thiên (Đại thiên thế giới)” ở trang 294. (ND)

Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, có trí không bị chướng ngại về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều có thể biết là chùng nào thì trí là chùng ấy, trí là chùng nào thì điều có thể biết là chùng ấy. Trí có điều có thể biết là giới hạn, điều có thể biết có trí là giới hạn; vượt qua điều có thể biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều có thể biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều có thể biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều có thể biết là chùng nào thì trí là chùng ấy, trí là chùng nào thì điều có thể biết là chùng ấy. Trí có điều có thể biết là giới hạn, điều có thể biết có trí là giới hạn; vượt qua điều có thể biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều có thể biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau.

Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nét hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điều là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập, thông trị, và ngự trị tuệ của chư thiên và loài người. Những vị Sát-đế-ly sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bề ngoài các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với tuệ nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quan sát thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh, hoặc ở hồ sen hồng, hoặc ở hồ sen trắng; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước, và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tương tự y như thế, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quan sát thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác.

Đức Thế Tôn biết rằng: “Người này có tánh luyện ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tầm, người này có tánh tín, người này có tánh giác.” Đối với người có tánh luyện ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân, đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm từ. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vị thầy. Đối với người có tánh tầm, đức Thế Tôn chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của Giáo pháp, sự hành trì tốt đẹp của chúng Tăng, và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biểu hiện của vô thường, biểu hiện của khổ, biểu hiện của vô ngã.

1. *“Giống như người đứng ở đỉnh đầu của ngọn núi đá, cũng giống như người có thể nhìn thấy dân chúng ở xung quanh, tương tự như thế ấy, bạch đấng Khôn Ngoan, bạch đấng Toàn Nhân, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bằng giáo pháp, xin bậc đã xa lìa sáu muộn hãy quan sát chúng sanh bị rơi vào sáu muộn, bị thống trị bởi sanh và già.”*

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhãn với Phật nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với toàn nhân nghĩa là thế nào? Toàn nhân nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác.

2. “*Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhân.*”

Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với toàn nhân nghĩa là như vậy.

“Bậc Hữu Nhân đã không giải đáp cho con” là như thế.

Và con đã được nghe rằng: “[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ân Sĩ [sẽ] giải đáp”: “Được hỏi câu hỏi đúng pháp đến lần thứ ba, đức Phật [sẽ] giải đáp, không bỏ qua”, con đã tiếp thu như vậy, con đã tiếp nhận như vậy, con đã nhận định như vậy.

Bậc Thiên Nhân Ân Sĩ: Đức Thế Tôn vừa là vị Thiên Nhân vừa là vị Ân Sĩ. “Bậc Thiên Nhân Ân Sĩ” là như thế. Giống như vị xuất gia từ hàng vua chúa được gọi là vua chúa ân sĩ, vị xuất gia từ dòng Bà-la-môn được gọi là Bà-la-môn ân sĩ, tương tự y như vậy, đức Thế Tôn vừa là vị Thiên Nhân vừa là vị Ân Sĩ. “Bậc Thiên Nhân Ân Sĩ” là như thế. Hoặc là, đức Thế Tôn cũng là “vị đã xuất gia” và là vị ân sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là vị ân sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao... (nt)... tuệ uẩn lớn lao... (nt)... giải thoát uẩn lớn lao... (nt)... giải thoát tri kiến uẩn³ lớn lao” là vị ân sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khối tâm tối lớn lao” là vị ân sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao” là vị ân sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự nhỏ lên mũi tên tham ái lớn lao”... (nt)... sự tháo tung mối rối rắm tà kiến lớn lao”... sự xô ngã ngọn cờ ngã mạn lớn lao”... (nt)... sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao”... sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao”... sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao”... sự cắt đứt vòng quay luân hồi lớn lao”... việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao”... việc tịch tịnh sự bức bối lớn lao”... việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao” là vị ân sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệm lớn lao... các chánh cần lớn lao... các nền tảng của thần thông lớn lao... các quyền lớn lao... các lực lớn lao... các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao... lợi ích tối thượng lớn lao, bất tử, Niết-bàn” là vị ân sĩ. “Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đáng Nhân Nguru ngự ở đâu?” là vị ân sĩ.

“Và con đã được nghe rằng: [Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ân Sĩ [sẽ] giải đáp” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

³ Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

[Tôn giả Mogharāja nói rằng:] “Con đã hỏi vị dòng Sakya hai lần. Bậc Hữu Nhân đã không giải đáp cho con. Và con đã được nghe rằng: ‘[Được hỏi] đến lần thứ ba, bậc Thiên Nhân Ấn Sĩ [sẽ] giải đáp.’”

15.2. Thế giới này, thế giới khác,
*Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên
Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài,
Của vị Gotama có danh vọng.*

Thế giới này, thế giới khác.

Thế giới này: Thế giới loài người.

Thế giới khác: Tất cả các thế giới khác ngoại trừ thế giới loài người.

“Thế giới này, thế giới khác” là như thế.

Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên: Thế giới có luôn cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

“Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên” là như thế.

Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài: Thế giới không biết quan điểm, sự chấp nhận, sự ưa thích, quan niệm, ý định, chủ tâm của Ngài, không biết, không nhìn thấy, không trông thấy, không đạt đến, không tìm thấy, không tiếp nhận rằng: “Vị này có quan điểm như vậy, có sự chấp nhận như vậy, có sự ưa thích như vậy, có quan niệm như vậy, có ý định như vậy, có chủ tâm như vậy.”

“Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài” là như thế.

Của vị Gotama có danh vọng: “Đức Thế Tôn đạt được danh vọng” là vị có danh vọng. Hoặc là, “đức Thế Tôn được trọng vọng, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là vị có danh vọng.

“Của vị Gotama có danh vọng” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

*“Thế giới này, thế giới khác,
Thế giới Phạm thiên luôn cả chư thiên
Không [thể] biết rõ quan điểm của Ngài,
Của vị Gotama có danh vọng.”*

15.3. Con đã đi đến bậc có nhãn quan vượt trội như vậy với ý định [hỏi] câu hỏi: Người đang xem xét thế giới như thế nào thì tử thần không nhìn thấy [người ấy]?

Bậc có nhãn quan vượt trội như vậy: Bậc có nhãn quan vượt trội, có nhãn quan cao cả, có nhãn quan hạng nhất, có nhãn quan thù thắng, có nhãn quan dẫn đầu, có nhãn quan tối thượng, có nhãn quan tột đỉnh như vậy.

“Bạc có nhãn quan vượt trội như vậy” là như thế.

Con đã đi đến với ý định [hỏi] câu hỏi: Là người có nhu cầu với câu hỏi, chúng con đã đi đến... (nt)... Ngài hãy di dời gánh nặng này.

“Con đã đi đến với ý định [hỏi] câu hỏi” còn là như vậy.

Người đang xem xét thế giới như thế nào: Người đang xem xét, đang quán xét lại, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt thế gian như thế nào.

“Người đang xem xét thế giới như thế nào” là như thế.

Tử thần không nhìn thấy [người ấy]: Tử thần không nhìn thấy, không trông thấy, không đạt đến, không tìm thấy, không tiếp nhận.

“Tử thần không nhìn thấy [người ấy]” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Con đã đi đến bậc có nhãn quan vượt trội như vậy với ý định [hỏi] câu hỏi: Người đang xem xét thế giới như thế nào thì tử thần không nhìn thấy [người ấy]?”

15.4. Người hãy xem xét thế giới là trống không,

Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.

Sau khi nhỏ lên tà kiến về bản ngã,

Như vậy có thể vượt qua tử thần.

Người đang xem xét thế giới như vậy,

Thần chết không nhìn thấy [người ấy].

Người hãy xem xét thế giới là trống không.

Thế giới: Thế giới địa ngục, thế giới loài thú, thế giới ngạ quỷ, thế giới loài người, thế giới chư thiên, thế giới của các uẩn, thế giới của các giới, thế giới của các xứ, thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên luôn cả thế giới chư thiên. Một vị Tỳ-khuru nào đó đã nói đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ‘thế giới, thế giới’ được nói đến. Bạch Ngài, về phương diện nào thì ‘thế giới’ được nói đến?” “Này Tỳ-khuru, ‘bị tan rã’, do điều ấy ‘thế giới’ được nói đến. Và cái gì bị tan rã? Này Tỳ-khuru, mắt bị tan rã, các sắc bị tan rã, nhãn thức bị tan rã, nhãn xúc bị tan rã, cảm thọ nào sanh lên do duyên nhãn xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cái ấy cũng bị tan rã; tai bị tan rã, các thính bị tan rã,... mũi bị tan rã, các hương bị tan rã,... lưỡi bị tan rã, các vị bị tan rã,... thân bị tan rã, các xúc bị tan rã,... ý bị tan rã, các pháp bị tan rã, ý thức bị tan rã, ý xúc bị tan rã, cảm thọ nào sanh lên do duyên ý xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cái ấy cũng bị tan rã.” Này Tỳ-khuru, “bị tan rã”, do điều ấy “thế giới” được nói đến.

Người hãy xem xét thế giới là trống không: Xem xét thế giới là trống không theo hai cách: Căn cứ vào việc quan sát sự diễn tiến không thuộc quyền kiểm soát, căn cứ vào việc thấy rõ các pháp tạo tác là rỗng không. Xem xét thế

giới là trống không, căn cứ vào việc quan sát sự diễn tiến không thuộc quyền kiểm soát nghĩa là thế nào? Sự kiểm soát ở sắc không đạt được, sự kiểm soát ở thọ không đạt được, sự kiểm soát ở tưởng không đạt được, sự kiểm soát ở các hành không đạt được, sự kiểm soát ở thức không đạt được. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, sắc là vô ngã.⁴ Này các Tỳ-khuru, bởi vì nếu sắc này là ngã thì sắc này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: ‘Sắc của ta hãy là như vậy, sắc của ta đừng trở thành như vậy.’ Này các Tỳ-khuru, chính vì sắc là vô ngã, do đó sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở sắc [theo ý muốn] rằng: ‘Sắc của ta hãy là như vậy, sắc của ta đừng trở thành như vậy.’”

Thọ là vô ngã. Này các Tỳ-khuru, bởi vì nếu thọ này là ngã thì thọ này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: ‘Thọ của ta hãy là như vậy, thọ của ta đừng trở thành như vậy.’ Này các Tỳ-khuru, chính vì thọ là vô ngã, do đó thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở thọ [theo ý muốn] rằng: ‘Thọ của ta hãy là như vậy, thọ của ta đừng trở thành như vậy.’”

Tưởng là vô ngã. Này các Tỳ-khuru, bởi vì nếu tưởng này là ngã thì tưởng này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở tưởng [theo ý muốn] rằng: ‘Tưởng của ta hãy là như vậy, tưởng của ta đừng trở thành như vậy.’ Này các Tỳ-khuru, chính vì tưởng là vô ngã, do đó tưởng đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở tưởng [theo ý muốn] rằng: ‘Tưởng của ta hãy là như vậy, tưởng của ta đừng trở thành như vậy.’”

Các hành là vô ngã. Này các Tỳ-khuru, bởi vì nếu các hành này là ngã thì các hành này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: ‘Các hành của ta hãy là như vậy, các hành của ta đừng trở thành như vậy.’ Này các Tỳ-khuru, chính vì các hành là vô ngã, do đó các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở các hành [theo ý muốn] rằng: ‘Các hành của ta hãy là như vậy, các hành của ta đừng trở thành như vậy.’”

Thức là vô ngã. Này các Tỳ-khuru, bởi vì nếu thức này là ngã thì thức này không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: ‘Thức của ta hãy là như vậy, thức của ta đừng trở thành như vậy.’ Này các Tỳ-khuru, chính vì thức là vô ngã, do đó thức đi đến bệnh hoạn, và không thể đạt được ở thức [theo ý muốn] rằng: ‘Thức của ta hãy là như vậy, thức của ta đừng trở thành như vậy.’”; xem xét thế giới là trống không, căn cứ vào việc quan sát sự diễn tiến không thuộc quyền kiểm soát nghĩa là như vậy.

Xem xét thế giới là trống không, căn cứ vào việc thấy rõ các pháp tạo tác là rỗng không nghĩa là thế nào? Cốt lõi ở sắc không đạt được, cốt lõi ở thọ không đạt được, cốt lõi ở tưởng không đạt được, cốt lõi ở các hành không đạt được, cốt lõi ở thức không đạt được. Sắc là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc

⁴ Tốt hơn nên dịch là: “Sắc không phải là ngã” hoặc “sắc không phải là ta”. (ND)

theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thọ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Tường là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Các hành là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Thức là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi.

Giống như cây sậy là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây đu đủ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây sung là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây san hô là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như cây pāribhaddaka là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bọt nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như bong bóng nước là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như ảo ảnh là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như thân cây chuối là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; giống như xảo thuật là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi; tương tự y như vậy, sắc là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Thọ là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Tường là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Các hành là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi,... Thức là không có cốt lõi, là thiếu mất cốt lõi, là rời xa cốt lõi so với cốt lõi của thường còn, hoặc so với cốt lõi của an lạc, hoặc so với cốt lõi của tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hoặc so với tình trạng không bị biến đổi. Xem xét thế giới là trống không căn cứ vào việc thấy rõ các pháp tạo tác là rỗng không nghĩa là như vậy. Xem xét thế giới là trống không theo hai cách này.

Thêm nữa, xem xét thế giới là trống không theo sáu biểu hiện: Mắt là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi; tai là trống không... mũi là trống không... lưỡi là trống không... thân là trống không... ý là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi. Các sắc là trống không... Các thanh là trống không... Các hương là trống không... Các vị là trống không... Các xúc là trống không... Các pháp là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi. Nhãn thức là trống không... Ý thức là trống không... Nhãn xúc là trống không... Ý xúc là trống không... Thọ sanh lên từ nhãn xúc là trống không... Thọ sanh lên từ ý xúc là

trống không... Sắc tướng là trống không... pháp tướng là trống không... Sắc tứ là trống không... Pháp tứ là trống không... Sắc ái là trống không... Sắc tầm là trống không... Sắc tứ là trống không... Pháp tứ là trống không với tự ngã, hoặc với cái thuộc về tự ngã, hoặc theo nghĩa thường còn, hoặc theo nghĩa vững chãi, hoặc theo nghĩa trường tồn, hay là với tình trạng không bị biến đổi. Xem xét thế giới là trống không theo sáu biểu hiện là như vậy.

Thêm nữa, xem xét thế giới là trống không theo mười biểu hiện: [Xem xét] sắc là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là không có cốt lõi, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là gốc gác của tai ương, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác. [Xem xét] thọ... tưởng... các hành... thức... sự tử vong... sự tái sanh... sự nối liền tái sanh... sự hiện hữu... vòng quay luân hồi là trống rỗng, là rỗng không, là trống không, là vô ngã, là không có cốt lõi, là kẻ giết hại, là vật hư hỏng, là gốc gác của tai ương, là có sự rò rỉ, là bị tạo tác. Xem xét thế giới là trống không theo mười biểu hiện là như vậy.

Thêm nữa, xem xét thế giới là trống không theo mười hai biểu hiện: Sắc không phải là chúng sanh, không phải là mạng sống, không phải là người, không phải là thanh niên, không phải là nữ nhân, không phải là nam nhân, không phải là tự ngã, không phải thuộc về tự ngã, không phải là ta, không phải là của ta, không phải là người nào, không phải là của người nào. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức không phải là chúng sanh, không phải là mạng sống, không phải là người, không phải là thanh niên, không phải là nữ nhân, không phải là nam nhân, không phải là tự ngã, không phải thuộc về tự ngã, không phải là ta, không phải là của ta, không phải là người nào, không phải là của người nào. Xem xét thế giới là trống không theo mười hai biểu hiện là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, thân này không phải của các người, cũng không phải của những người khác. Này các Tỳ-khuru, thân này nên được xem là nghiệp cũ đã được tạo tác, đã được cố ý, [và] được cảm thọ. Này các Tỳ-khuru, về điều ấy, vị đệ tử của các bậc Thánh, có sự nghe nhiều, khéo léo tác ý đúng đường lối về pháp tùy thuận duyên khởi như vậy: ‘Khi cái này có mặt, cái kia có mặt; do sự sanh khởi của cái này, cái kia sanh khởi. Khi cái này không có mặt, cái kia không có mặt; do sự diệt tận của cái này, cái kia diệt tận. Tức là, do duyên vô minh, các hành [sanh khởi]; do duyên các hành, thức [sanh khởi];... (nt)... Như thế là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng chính do sự diệt tận hoàn toàn không còn duyên ái đối với vô minh, có sự diệt tận của các hành... (nt)... Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này.’” Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, cái gì không phải là của các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Và này các Tỳ-khuru, cái gì không phải là của các người? Này các Tỳ-khuru, sắc không phải là của các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Này

các Tỳ-khuru, thọ không phải là của các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Tưởng không phải là của các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Các hành không phải là của các người, các người hãy dứt bỏ chúng. Những cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Thức không phải là của các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Nay các Tỳ-khuru, các người nghĩ gì về điều ấy, là việc người ta có thể mang đi cỏ, củi, cành, lá ở khu rừng Jeta này, hoặc có thể đốt cháy chúng, hoặc có thể sử dụng chúng tùy theo nhu cầu? Thậm chí ý nghĩ như vậy có thể khởi lên ở các người rằng: ‘Có phải người ta mang chúng ta đi, hoặc đốt cháy chúng ta, hoặc sử dụng chúng ta tùy theo nhu cầu không?’ “Bạch Ngài, điều này không đúng.” “Điều ấy có nguyên nhân là gì?” “Bạch Ngài, bởi vì cái ấy [cỏ, củi, cành, lá] không phải là tự ngã của chúng con hoặc thuộc về tự ngã của chúng con.” “Này các Tỳ-khuru, tương tự y như thế, cái gì không phải là của các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Và này các Tỳ-khuru, cái gì không phải là của các người? Sắc, này các Tỳ-khuru, không phải là của các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người. Thọ... Tưởng... Các hành... Thức, này các Tỳ-khuru, không phải là của các người, các người hãy dứt bỏ nó. Cái ấy, khi được các người dứt bỏ, sẽ đưa đến sự lợi ích, sự hạnh phúc lâu dài cho các người.” Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ‘thế giới là trống không, thế giới là trống không’ là điều được nói đến. Bạch Ngài, về phương diện nào thì được gọi là: ‘Thế giới là trống không?’” “Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế, được gọi là: ‘Thế giới là trống không.’ Và này Ānanda, cái gì là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã? Mắt, này Ānanda, là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Các sắc là trống không... Nhãn thức là trống không... Nhãn xúc là trống không... Cảm thọ nào sanh lên do duyên nhãn xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc; cảm thọ ấy cũng là trống không. Tai là trống không... Các thanh là trống không... Mũi là trống không... Các hương là trống không... Lưỡi là trống không... Các vị là trống không... Thân là trống không... Các xúc là trống không... Ý là trống không... Các pháp là trống không... Ý thức là trống không... Ý xúc là trống không... Cảm thọ nào sanh lên do duyên ý xúc, dầu là lạc, hay là khổ, hay là không khổ không lạc, cảm thọ ấy cũng là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã. Này Ānanda, bởi vì quả thật là trống không với tự ngã hoặc với cái thuộc về tự ngã; vì thế, được gọi là: ‘Thế giới là trống không.’” Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Bởi vì điều này cũng đã được nói đến:

“Này trưởng làng, đối với người đang nhìn thấy đúng theo bản thể sự sanh lên của các pháp một cách rõ rệt, sự liên tục của các hành một cách rõ rệt thì không có sự sợ hãi.

Khi nào bằng trí tuệ nhìn thấy thế gian giống như cỏ và củi, thì không ước nguyện bất cứ điều gì khác, ngoại trừ sự không còn nổi liên tái sanh.”

Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, tương tự y như thế, vị Tỳ-khuru quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, quán sát thọ đến luôn cả tiến trình của thọ, quán sát tưởng đến luôn cả tiến trình của tưởng, quán sát các hành đến luôn cả tiến trình của các hành, quán sát thức đến luôn cả tiến trình của thức. Trong khi vị ấy đang quán sát sắc đến luôn cả tiến trình của sắc, trong khi đang quán sát thọ đến luôn cả tiến trình của thọ, trong khi đang quán sát tưởng đến luôn cả tiến trình của tưởng, trong khi đang quán sát các hành đến luôn cả tiến trình của các hành, trong khi đang quán sát thức đến luôn cả tiến trình của thức, ý niệm về ‘tôi’ hay ‘của tôi’ hay ‘tôi là’ đều không khởi lên ở vị ấy.” Xem xét thế giới là trống không còn là như vậy.

Người hãy xem xét thế giới là trống không: Người hãy xem xét thế giới là trống không, người hãy quán xét lại, hãy nhìn xem, hãy cân nhắc, hãy xác định, hãy minh định, hãy làm rõ rệt.

“Người hãy xem xét thế giới là trống không” là như thế.

Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.

Mogharāja: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy.

Luôn luôn: Là mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quán sát thân trên thân,... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

“Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm” là như thế.

Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã: Tà kiến về bản ngã nói đến thân kiến với hai mươi nền tảng. “Ở đây, kẻ phàm phu không lắng nghe, không có sự trông thấy các bậc Thánh, không rành rẽ Thánh pháp, không được huấn luyện về Thánh pháp, không có sự trông thấy các bậc chân nhân, không rành rẽ pháp chân nhân, không được huấn luyện về pháp chân nhân, nhận thấy sắc là tự ngã, hoặc tự ngã có sắc, hoặc sắc ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong sắc; nhận thấy thọ... tưởng... các hành... thức là tự ngã, hoặc tự ngã có thức, hoặc thức ở trong tự ngã, hoặc tự ngã ở trong thức, quan điểm nào có hình thức như vậy là có sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, là sự nắm lấy, sự chấp nhận, sự chấp chặt, sự bám víu, con đường xấu, con đường sai trái, bản thể sai trái, ngoại giáo, sự nắm lấy đường lối trái nghịch, sự nắm lấy điều sai lệch, sự nắm lấy điều trái khuấy, sự nắm lấy điều sai trái, sự nắm

lấy điều không xác đáng cho là xác đáng, cho đến sáu mươi hai tà kiến”; điều này là tà kiến về bản ngã.

Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã: Sau khi nhổ lên, sau khi kéo ra, sau khi lấy lên, sau khi lấy ra, sau khi rút lên, sau khi rút ra, sau khi dứt bỏ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu tà kiến về bản ngã.

“Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã” là như thế.

Như vậy có thể vượt qua tử thân: Như vậy, người có thể vượt qua tử thân, người có thể vượt qua luôn cả sự già, người có thể vượt qua luôn cả sự chết, người có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi.

“Như vậy có thể vượt qua tử thân” là như thế.

Người đang xem xét thế giới như vậy: Người đang xem xét, đang quán xét lại, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt thế giới như vậy.

“Người đang xem xét thế giới như vậy” là như thế.

Thần chết không nhìn thấy [người ấy]: Tử thân cũng là thần chết, Ma vương cũng là thần chết, sự chết cũng là thần chết.

Không nhìn thấy: Thần chết không nhìn thấy, không trông thấy, không đạt đến, không tìm thấy, không tiếp nhận. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, cũng giống như con nai sống ở rừng đang đi lại trong khu rừng, trong khu rừng lớn, tự tin nó đi, tự tin nó đứng, tự tin nó ngồi, tự tin nó nằm. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Này các Tỳ-khuru, nó không ở trong phạm vi của gã thợ săn. Này các Tỳ-khuru, tương tự y như vậy, vị Tỳ-khuru ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú Thiền thứ nhất, có tâm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly. Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khuru, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khuru, do sự vắng lặng của tâm và tứ, đạt đến và trú Thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng ở nội phần, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tâm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định;... (nt)... Thiền thứ ba... (nt)... Thiền thứ tư... (nt)... Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khuru, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khuru, do sự vượt qua hẳn toàn bộ các sắc tướng, do sự biến mất của các tướng bất bình, do việc không chú ý đến các tướng khác biệt, [nhận thức rằng:] “Hư không là vô biên” đạt đến và trú Không vô biên xứ. Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy.

Này các Tỳ-khuru, còn có việc khác nữa, vị Tỳ-khuru, sau khi vượt qua hần toàn bộ Không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] “Thức là vô biên” đạt đến và trú Thức vô biên xứ; sau khi vượt qua hần toàn bộ Thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] “Không có gì” đạt đến và trú Vô sở hữu xứ; sau khi vượt qua hần toàn bộ Vô sở hữu xứ, đạt đến và trú Phi tướng phi phi tướng xứ; sau khi vượt qua hần toàn bộ Phi tướng phi phi tướng xứ, đạt đến và trú Diệt thọ tướng; và đối với vị này, sau khi nhìn thấy bằng tuệ, các lậu hoặc được hoàn toàn cạn kiệt. Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru này được gọi là vị đã làm Ma vương mù quáng, đã thủ tiêu không còn dấu chân, đã đạt đến nơi mắt của Ma vương ác độc không còn nhìn thấy. Vị đã vượt qua sự vương mắc ở thế gian, vị ấy tự tin đi, tự tin đứng, tự tin ngồi, tự tin nằm. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Vị Tỳ-khuru không ở trong phạm vi của [Ma vương] ác độc.

“Thần chết không nhìn thấy [người ấy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Người hãy xem xét thế giới là trống không,

Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm.

Sau khi nhổ lên tà kiến về bản ngã,

Như vậy có thể vượt qua tử thân.

Người đang xem xét thế giới như vậy,

Thần chết không nhìn thấy [người ấy].”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn,... (nt)... “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Mogharāja” được hoàn tất.



16. DIỄN GIẢI KINH PĪNGIYA (PĪNGIYASUTTANIDDESO)

16.1. *[Tôn giả Pīngiya nói rằng:] “Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp, Cặp mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái. Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.”*

Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp.

Con đã già: Đã già, lớn tuổi, trưởng thượng, đã trải qua cuộc đời, đã đạt đến tuổi thọ, đã được một trăm hai mươi tuổi từ lúc sanh ra.

Yếu sức: Yếu sức là sức lực kém, ít sức lực, ít sức mạnh.

Không còn vẻ đẹp: Có vẻ đẹp đã xa lìa, có vẻ đẹp đã rời khỏi, có vẻ đẹp đã qua rồi, sắc sáng xinh đẹp ở làn da trước đây đã biến mất, sự bất lợi đã xuất hiện.

“Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp” là như thế.

Tôn giả Pīngiya nói rằng.

Rằng: [Từ “icca” này] là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Tôn giả: [Từ “āyasmā” này] là lời nói yêu mến,... (nt)...

Pīngiya: Là tên của vị Bà-la-môn ấy,... (nt)... từ kêu gọi.

“Tôn giả Pīngiya nói rằng” là như thế.

Mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái: “Cặp mắt không còn trong sáng, không còn tinh anh, không còn tinh tường, không còn tinh khiết. Con không còn thấy các hình dáng với mắt như thế.” “Mắt không còn trong sáng” là như thế.

Việc nghe không thoải mái: “Hai tai không còn trong sáng, không còn tinh anh, không còn tinh tường, không còn tinh khiết. Con không còn nghe âm thanh với tai như thế.”

“Mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái” là như thế.

Mong rằng con chớ mệnh chung trong lúc còn mê muội.

Mong rằng con chớ mệnh chung: Mong rằng con chớ mệnh chung, mong rằng con chớ tiêu hoại, mong rằng con chớ suy sụp.

Mê muội: Mê muội là lầm lạc si mê, không có sự hiểu biết, không đạt đến kiến thức, không có trí, không có sự rành rẽ, có tuệ tối.

Trong lúc còn: Con có thể qua đời ngay trong khi còn chưa hiểu thông, chưa đạt đến, chưa hiểu biết, chưa tiếp nhận, chưa chạm đến, chưa chứng ngộ giáo pháp, quan điểm, đường lối thực hành, đạo lộ của Ngài.

“Mong rằng con chó mệnh chung trong lúc còn mê muội” là như thế.

Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức.

Giáo pháp: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệ, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn. “Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp” là như thế.

Để con có thể nhận thức: Để con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ.

“Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức” là như thế.

Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây: Sự dứt bỏ đối với sanh-già-chết ngay ở nơi đây, sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh, bất tử, Niết-bàn.

“Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*[Tôn giả Pìngiya nói rằng:] “Con đã già, yếu sức, không còn vẻ đẹp, Cặp mắt không còn trong sáng, việc nghe không thoải mái.
Mong rằng con chó mệnh chung trong lúc còn mê muội.
Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức
Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.”*

16.2. [Đức Thế Tôn nói: “Này Pìngiya,

*Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc,
Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc,
Vì thế, người, này Pìngiya, là người không xao lãng,
Người hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa.”*

Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc.

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính. Do nhân các sắc, do duyên các sắc, bởi lý do các sắc, các chúng sanh bị hành hạ, bị hãm hại, bị hủy hoại, bị giết hại. Họ cho áp dụng các hình phạt nhiều loại ở sắc đang hiện diện: Họ đánh đập bằng những cây roi, họ đánh đập bằng các dây mây, họ đánh đập bằng các gậy ngắn, họ chặt bàn tay, họ chặt bàn chân, họ chặt bàn tay và bàn chân, họ cắt tai, họ xẻo mũi, họ cắt tai và xẻo mũi, họ [đập vỡ đầu] làm thành như hũ cháo chua, họ lột da đầu, họ đốt lửa ở miệng, họ thiêu sống, họ đốt cháy ở bàn tay, họ lột da thành sợi, họ lột da thành đồng

để ở chân, họ kéo căng thân người ở trên đất, họ xiên da thịt bằng lưỡi câu, họ khoét thịt thành đồng tiền, họ chà xát với chất kiềm, họ quay tròn ở trên thập tự giá, họ đánh cho như tử, họ rưới bằng dầu sôi, họ cho những con chó gặm, họ đặt trên giáo nhọn lúc còn sống, họ chặt đầu bằng gươm. Do nhân các sắc, do duyên các sắc, bởi lý do các sắc, các chúng sanh bị hành hạ, bị hãm hại, bị hủy hoại, bị giết hại như vậy. Sau khi nhìn thấy họ đang bị hành hạ, đang bị hãm hại, đang bị hủy hoại, đang bị giết hại như vậy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

“Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Nay Piṅgiya.

Piṅgiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Nay Piṅgiya” là như thế.

Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc.

Bị khổ sở: Họ bị khổ sở, bị bức bối, bị áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. Do bệnh ở mắt, họ bị khổ sở, bị bức bối, bị áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. Do bệnh ở tai... (nt)... Do bệnh ở thân... (nt)... Do xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, họ bị khổ sở, bị bức bối, bị áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. “Bị khổ sở do duyên các sắc” là như thế. Hoặc là, khi mắt bị hư, bị hoại, bị hỏng, bị mất đi, bị lìa khỏi, bị biến mất, họ bị khổ sở... (nt)... trở nên ưu phiền. Khi tai... Khi mũi... Khi lưỡi... Khi thân... Khi sắc... Khi thỉnh... Khi hương... Khi vị... Khi xúc... Khi gia tộc... Khi đồ chúng... Khi chỗ ngụ... Khi lợi lộc... Khi danh vọng... Khi lời khen... Khi hạnh phúc... Khi y phục... Khi đồ ăn khát thực... Khi chỗ nằm ngồi... Khi vật dụng là thuốc men chữa bệnh bị hư, bị hoại, bị hỏng, bị mất đi, bị lìa khỏi, bị biến mất, họ bị khổ sở, bị bức bối, bị áp bức, bị đụng chạm; họ bị khiếp sợ, trở nên ưu phiền. “Bị khổ sở do duyên các sắc” còn là như vậy.

Những người: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người.

Xao lãng: Sự xao lãng cần được nói đến: Sự buông thả, sự buông xuôi trong việc buông thả của tâm do uế hạnh về thân, hoặc do uế hạnh về khẩu, hoặc do uế hạnh về ý ở năm loại dục, hoặc là trạng thái thực hành không nghiêm trang, trạng thái thực hành không liên tục, trạng thái thực hành không kiên định, có thói quen biếng nhác, trạng thái buông bỏ mong muốn, trạng thái buông bỏ bồn phận, sự không tập luyện, sự không tu tập, sự không làm thường xuyên, sự không quyết tâm, sự không chuyên cần, sự xao lãng trong việc tu tập các thiện pháp; sự xao lãng nào với hình thức như vậy là biểu hiện xao lãng, trạng thái bị xao lãng; việc này gọi là sự xao lãng. Có sự xao lãng này, con người trở nên xao lãng.

“Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc” là như thế.

Vì thế, người, này Pīṇḍiya, là người không xao lãng.

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi như vậy ở các sắc. “Vì thế, người, này Pīṇḍiya” là như thế.

Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục,... (nt)... sự không xao lãng trong các thiện pháp.

“Vì thế, người, này Pīṇḍiya, là người không xao lãng” là như thế.

Người hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa.

Sắc: Là bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] và sắc liên quan đến bốn yếu tố chính.

Người hãy từ bỏ sắc: Người hãy từ bỏ sắc, hãy dứt bỏ sắc, hãy xua đi sắc, hãy làm chấm dứt sắc, hãy làm cho không còn hiện hữu sắc.

Để không còn sanh ra lần nữa: Giống như đối với người, sắc có thể được diệt tận ở ngay tại nơi đây, sự hiện hữu liên quan đến việc tái sanh lại nữa không thể hạ sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới, hoặc ở cõi dục, hoặc ở cõi sắc, hoặc ở cõi vô sắc, hoặc ở cõi hữu tướng, hoặc ở cõi vô tướng, hoặc ở cõi phi tướng phi phi tướng, hoặc ở cõi một uẩn, hoặc ở cõi bốn uẩn, hoặc ở cõi năm uẩn, hoặc ở cảnh giới tái sanh, hoặc ở sự tái sanh, hoặc ở sự tiếp nối tái sanh, hoặc ở kiếp sông, hoặc ở luân hồi, hoặc ở sự luân chuyển, không thể sanh ra, không thể sanh khởi, không thể hạ sanh, không thể phát sanh, có thể được diệt tận ở ngay tại nơi đây, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh.

“Người hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Pīṇḍiya]

Sau khi nhìn thấy những người bị hãm hại do duyên các sắc,

Những người xao lãng bị khổ sở do duyên các sắc,

Vì thế, người, này Pīṇḍiya, là người không xao lãng,

Người hãy từ bỏ sắc để không còn sanh ra lần nữa.”

16.3. Bốn hướng chính, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương. Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.

Bốn hướng chính, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương: Là mười phương hướng.

Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy,

không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]: Đối với Ngài, bất cứ điều gì không được thấy, không được nghe, không được cảm giác, không được nhận thức [bởi Ngài], “đầu là lợi ích cho bản thân hay lợi ích cho người khác hoặc lợi ích cho cả hai, lợi ích liên quan đời này hay lợi ích liên quan đời sau, lợi ích hời hợt hay lợi ích thâm sâu, lợi ích được giấu kín hay lợi ích được che đậy, lợi ích tiềm tàng hoặc lợi ích hiển hiện, lợi ích có tội lỗi hay lợi ích không ô nhiễm, lợi ích trong trắng hay lợi ích là lợi ích tối thượng”, là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

“Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức” là như thế.

Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức.

Giáo pháp: Xin Ngài hãy chỉ dạy, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu,... (nt)... Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

Để con có thể nhận thức: Để con có thể biết, có thể hiểu, có thể nhận thức, có thể thừa nhận, có thể thấu triệt, có thể chứng đắc, có thể nhìn thấy, có thể chứng ngộ.

“Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức” là như thế.

Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây: Sự dứt bỏ đối với sanh-già-chết ngay ở nơi đây là sự vắng lặng, sự buông bỏ, sự tịch tịnh, bất tử, Niết-bàn.

“Sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Bốn hướng chính, bốn hướng phụ, bên trên, bên dưới, đây là mười phương. Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở thế gian là không được thấy, không được nghe, không được cảm giác và không được nhận thức [bởi Ngài]. Xin Ngài hãy chỉ dạy về giáo pháp để con có thể nhận thức sự lìa bỏ đối với sanh và già ở nơi đây.”

16.4. [Đức Thế Tôn nói: “Này Pìngiya]

Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái,

Bị sanh khởi bực bội, bị chế ngự bởi già;

Vì thế, người, này Pìngiya, là người không xao lãng,

Người hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa.”

Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Bị ngự trị bởi tham ái: [Những người] bị ngự trị bởi tham ái là [những người] đi cùng tham ái, đi theo tham ái, đeo đuổi tham ái, bị chìm đắm trong tham ái, bị xâm chiếm, bị thống trị, có tâm bị khuất phục.

Những người: Là từ nói đến các chúng sanh.

Trong khi xem xét: Trong khi xem xét là trong khi nhận thấy, trong khi quan sát, trong khi suy xét, trong khi khảo sát.

“Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Piṅgiya.

Piṅgiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Piṅgiya” là như thế.

Bị sanh khởi bức bội, bị chế ngự bởi già.

Bị sanh khởi bức bội: Bị sanh khởi bức bội bởi sanh, bị sanh khởi bức bội bởi già, bị sanh khởi bức bội bởi bệnh, bị sanh khởi bức bội bởi chết, bị sanh khởi bức bội bởi sầu-bi-khổ-ưu-não, bị sanh khởi bức bội bởi khổ ở địa ngục... (nt)... bị sanh khởi bức bội bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, bị sanh khởi tai họa, bị sanh khởi bất hạnh, bị sanh khởi nguy cơ. “Bị sanh khởi bức bội” là như thế.

Bị chế ngự bởi già: Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi già, bị theo sau bởi sanh, bị đeo đuổi bởi già, bị thống trị bởi bệnh, bị hành hạ bởi chết, không nơi nương tựa, không nơi trú ẩn, không nơi nương nhờ, có trạng thái không nơi nương nhờ.

“Bị sanh khởi bức bội, bị chế ngự bởi già” là như thế.

Vì thế, người, này Piṅgiya, là người không xao lãng.

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, trong khi nhìn thấy rõ sự bất lợi như vậy ở tham ái. “Vì thế, người, này Piṅgiya” là như thế.

Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... sự không xao lãng trong các thiện pháp.

“Vì thế, người, này Piṅgiya, là người không xao lãng” là như thế.

Người hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Hãy từ bỏ tham ái: Hãy từ bỏ tham ái, hãy dứt bỏ tham ái, hãy xua đi tham ái, hãy làm chấm dứt tham ái, hãy làm cho không còn hiện hữu tham ái.

Để không còn sanh ra lần nữa: Giống như đối với người,... (nt)... sự hiện hữu liên quan đến việc tái sanh lại nữa không thể hạ sanh; không thể sanh ra, không thể sanh khởi, không thể hạ sanh, không thể phát sanh ở dục giới, hoặc ở sắc giới, hoặc ở vô sắc giới, hoặc ở cõi dục, hoặc ở cõi sắc, hoặc ở cõi vô sắc, hoặc ở cõi hữu tướng, hoặc ở cõi vô tướng, hoặc ở cõi phi tướng phi phi tướng, hoặc ở cõi một uẩn, hoặc ở cõi bốn uẩn, hoặc ở cõi năm uẩn, hoặc ở cảnh giới tái sanh, hoặc ở sự tái sanh, hoặc ở sự tiếp nối tái sanh, hoặc ở kiếp sống, hoặc

ở luân hồi, hoặc ở sự luân chuyển, có thể được diệt tận ở ngay tại nơi đây, có thể vắng lặng, có thể đi đến sự tiêu hoại, có thể tịch tịnh.

“Người hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Piṅgiya]

Trong khi xem xét những con người bị ngự trị bởi tham ái,

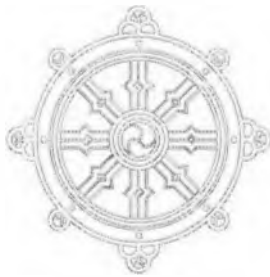
Bị sanh khởi bực bội, bị chế ngự bởi già;

Vì thế, người, này Piṅgiya, là người không xao lãng,

Người hãy từ bỏ tham ái để không còn sanh ra lần nữa.”

Cùng với lúc kết thúc câu kệ ngôn, Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến nhiều ngàn sinh mạng là những người có cùng sự mong muốn, có cùng sự thực hành, có cùng chủ tâm, có cùng sự huân tập thành thói quen [trong quá khứ] với vị Bà-la-môn ấy, rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến vị Bà-la-môn ấy rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” Cùng với việc đạt được Pháp nhãn, áo choàng da dê, tóc bện, y phục vỏ cây, gậy chống ba chân, bình nước, tóc và râu đều biến mất. Vị ấy trở thành vị Tỳ-khưu có đầu cạo, mặc y phục vải màu ca-sa, mang y hai lớp, bình bát và y, bằng hành động thuận theo đạo lý, đã ngồi xuống, chấp tay lên, cúi lạy đức Thế Tôn [nói rằng]: “Bạch Ngài, đức Thế Tôn là bậc Đạo sư của con, con là người đệ tử.”

“Diễn giải kinh Piṅgiya” được hoàn tất.



17. DIỄN GIẢI PHẦN TƯỜNG THUẬT VỀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA (PĀRĀYANĀNUGĪTINIDDESO)

**** Đức Thế Tôn đã nói điều này trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka. Được yêu cầu bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi.**

Đức Thế Tôn đã nói điều này: Ngài đã nói về Kinh Đường đi đến bờ kia này.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn đã nói điều này” là như thế.

Trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka.

Ở xứ sở Magadha: Ở xứ sở có tên Magadha.

Trong lúc cư ngụ: Trong lúc sống, trong lúc trú ngụ, trong lúc sinh hoạt, trong lúc vận hành, trong lúc bảo hộ, trong lúc nuôi dưỡng, trong lúc bảo dưỡng.

Tại bảo điện Pāsāṇaka: Nói đến chỗ ngồi của đức Phật tại bảo điện Pāsāṇaka.

“Trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka” là như thế.

Bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng: Bà-la-môn Pīṅgiya là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của Bà-la-môn Bāvari. Các vị ấy với vị Pīṅgiya là mười sáu. “Bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng” là như vậy. Hoặc là, mười sáu vị Bà-la-môn ấy là người hầu hạ, người theo hầu, người hầu cận, học trò của đức Phật Thế Tôn.

“Bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng” còn là như vậy.

Được yêu cầu, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi.

Được yêu cầu: Được yêu cầu là được thỉnh cầu.

Mỗi khi được hỏi: Mỗi khi được hỏi, mỗi khi được vấn, mỗi khi được yêu cầu, mỗi khi được thỉnh cầu, mỗi khi được đặt niềm tin.

Ngài đã giải đáp câu hỏi: Ngài đã giải đáp câu hỏi, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ.

“Được yêu cầu, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi” là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

“Đức Thế Tôn đã nói điều này trong lúc cư ngụ ở xứ sở Magadha tại bảo điện Pāsāṇaka. Được yêu cầu bởi mười sáu vị Bà-la-môn tùy tùng, Ngài đã giải đáp câu hỏi mỗi khi được hỏi.”

**** Nếu đối với từng câu hỏi một, sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp, và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết. Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia, vì thế, tên gọi của bài giảng pháp này là Đường đi đến bờ kia.**

Nếu đối với từng câu hỏi một: Nếu đối với từng câu hỏi một của Ajita, nếu đối với từng câu hỏi một của Tissametteyya, nếu đối với từng câu hỏi một của Punṇaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Mettagū, nếu đối với từng câu hỏi một của Dhotaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Upasīva, nếu đối với từng câu hỏi một của Nandaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Hemaka, nếu đối với từng câu hỏi một của Todeyya, nếu đối với từng câu hỏi một của Kappa, nếu đối với từng câu hỏi một của Jatukannī, nếu đối với từng câu hỏi một của Bhadrāvudha, nếu đối với từng câu hỏi một của Udaya, nếu đối với từng câu hỏi một của Posāla, nếu đối với từng câu hỏi một của Mogharāja, nếu đối với từng câu hỏi một của Piṅgiya.

“Nếu đối với từng câu hỏi một” là như thế.

Sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp: Chính câu hỏi ấy là giáo pháp, câu trả lời là ý nghĩa.

Sau khi hiểu thông ý nghĩa: Sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt ý nghĩa. “Sau khi hiểu thông ý nghĩa” là như thế.

Sau khi hiểu thông giáo pháp: Sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp.

“Sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp” là như thế.

Thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp: Thì có thể thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp.

“Thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp” là như thế.

Và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết: Bờ kia của già và chết nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết: Có thể đi đến bờ kia, có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia của già và chết.

“Và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết” là như thế.

Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia: Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia, giúp

cho đạt được bờ kia, giúp cho hoàn toàn đạt được bờ kia, giúp cho hoàn toàn đạt đến được bờ kia, vận hành đưa đến việc vượt qua già và chết.

“Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia” là như thế.

Vì thế, [tên gọi] của bài giảng pháp này.

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. “Vì thế” là như thế.

Của bài giảng pháp này: Là của bài giảng *Đường đi đến bờ kia* này.

“Vì thế, [tên gọi] của bài giảng pháp này” là như thế.

Tên gọi [của bài giảng pháp này] là *Đường đi đến bờ kia*: Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn... (nt)... sự tịch diệt, Niết-bàn. Đường đi đến nói đến đạo lộ, tức là chánh kiến... (nt)... chánh định.

Tên gọi: Là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

“Tên gọi [của bài giảng pháp này] là *Đường đi đến bờ kia*” là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

“Nếu đối với từng câu hỏi một, sau khi hiểu thông ý nghĩa, sau khi hiểu thông giáo pháp thì có thể thực hành đúng pháp và thuận pháp, và còn có thể đi đến bờ kia của già và chết. Các pháp này là sẽ đi đến bờ kia, vì thế, tên gọi của bài giảng pháp này là ‘Đường đi đến bờ kia.’”

1-2-3.

1. *Vị Ajita, vị Tissametteyya, vị Punṇaka, rồi vị Mettagū, Vị Dhotaka, và vị Upasīva, vị Nanda, rồi vị Hemaka.*
2. *Cả hai vị là vị Todeyya với vị Kappa và vị sáng suốt Jatukannī, Vị Bhadrāvudha và vị Udaya, luôn cả Bà-la-môn Posāla, Vị thông minh Mogharāja và vị Đại Ấn sĩ Piṅgiya.*
3. *Những vị này đã đi đến gặp đức Phật, bậc Ấn Sĩ có đức hạnh đầy đủ. Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế, họ đã đến gần đức Phật tối thượng.*

Những vị này đã đi đến gặp đức Phật.

Những vị này: Mười sáu vị Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đáng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đức Phật: Với ý nghĩa gì là đức Phật? “Vị đã giác ngộ các chân lý” là đức Phật. “Vị đã giúp cho chúng sanh giác ngộ” là đức Phật. Do trạng thái toàn tri là đức Phật. Do trạng thái nhìn thấy tất cả là đức Phật. Do trạng thái không bị người khác dẫn dắt là đức Phật. Do trạng thái nở rộ [các đức hạnh] là đức Phật.

Do được công nhận đã cạn kiệt các lậu hoặc là đức Phật. Do được công nhận không có tùy phiền não là đức Phật. “Vị có luyến ái đã được xa lìa hoàn toàn” là đức Phật. “Vị có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn” là đức Phật. “Vị có si mê đã được xa lìa hoàn toàn” là đức Phật. “Vị hoàn toàn không còn ô nhiễm” là đức Phật. “Vị đã đi con đường độc đạo” là đức Phật. “Vị độc nhất đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng” là đức Phật. Do trạng thái đã phá tan sự không giác ngộ là đức Phật. Do việc đạt được sự giác ngộ là đức Phật.

Đức Phật: Tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra. Sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Phật.”

Những vị này đã đi đến gặp đức Phật: Những vị này đã đi đến gặp đức Phật, đã đi đến gần, đã ngồi gần, đã vấn, đã hỏi.

“Những vị này đã đi đến gặp đức Phật” là như thế.

Bậc Ân Sĩ có đức hạnh đầy đủ.

Đức hạnh: Nói đến việc đạt được sự toàn hảo về giới, sự thu thúc về giới cũng là đức hạnh, sự thu thúc về các quyền cũng là đức hạnh, việc biết chừng mực về vật thực cũng là đức hạnh, sự luyện tập về tinh thức cũng là đức hạnh, bảy đức tính tốt cũng là đức hạnh,¹ bốn thiên cũng là đức hạnh.

Có đức hạnh đầy đủ: Có đức hạnh đầy đủ là có đức hạnh hạng nhất, có đức hạnh thù thắng, có đức hạnh dẫn đầu, có đức hạnh tối thượng, có đức hạnh cao quý.

Bậc Ân Sĩ: Bậc Ân Sĩ là [nói đến] đức Thế Tôn. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là bậc Ân Sĩ. ... (nt)... “Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Nguru ngự ở đâu?” là bậc Ân Sĩ.

“Bậc Ân Sĩ có đức hạnh đầy đủ” là như thế.

Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế.

Trong khi hỏi: Trong khi hỏi là trong khi yêu cầu, trong khi thỉnh cầu, trong khi đặt niềm tin.

Các câu hỏi vi tế: Các câu hỏi thâm sâu, khó nhận ra, khó hiểu biết, an tịnh, tuyệt vời, không thuộc phạm vi suy nghĩ, vi tế, có thể hiểu được bởi những bậc sáng suốt.

¹ Bảy đức tính tốt (*sattasaddhammā*): Là có đức tin, có sự hộ thiện (tội lỗi), có sự ghê sợ (tội lỗi), nghe nhiều, có sự tinh tấn đã được phát khởi, có niệm đã được thiết lập, có trí tuệ (*Tạng Luật, Parivāra (Tập yếu) II, TTPV, tập 9, trang 73*). (ND)

“Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế” là như thế.

Họ đã đến gần đức Phật tối thượng.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Phật.”

Tối thượng: Đức Phật tối thượng là cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Đã đến gần: Họ đã đi đến, đã đi đến gần, đã ngồi gần, đã vấn, đã hỏi.

“Họ đã đến gần đức Phật tối thượng” là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

“Những vị này đã đi đến gặp đức Phật, bậc Ấn Sĩ có đức hạnh đầy đủ. Trong khi hỏi các câu hỏi vi tế, họ đã đến gần đức Phật tối thượng.”

4. *Được hỏi những câu hỏi, đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy đúng theo sự thật. Với việc giải đáp các câu hỏi, bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn.*

Đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy.

Cho các vị ấy: Cho mười sáu vị Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Phật.”

Đã giải đáp: Đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ.

“Đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy” là như thế.

Được hỏi những câu hỏi... đúng theo sự thật.

Được hỏi những câu hỏi: Được hỏi những câu hỏi, được vấn, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin.

Đúng theo sự thật: Nên chỉ dạy thế nào thì đã chỉ dạy thế ấy, nên chỉ bảo thế nào thì đã chỉ bảo thế ấy, nên thông báo thế nào thì đã thông báo thế ấy, nên ấn định thế nào thì đã ấn định thế ấy, nên khai mở thế nào thì đã khai mở thế ấy, nên chia sẻ thế nào thì đã chia sẻ thế ấy, nên làm rõ thế nào thì đã làm rõ thế ấy, nên bày tỏ thế nào thì đã bày tỏ thế ấy.

“Được hỏi những câu hỏi... đúng theo sự thật” là như thế.

Với việc giải đáp các câu hỏi: Với việc giải đáp, với việc chỉ dạy, với việc chỉ bảo, với việc thông báo, với việc ấn định, với việc khai mở, với việc chia sẻ, với việc làm rõ, với việc bày tỏ các câu hỏi.

“Với việc giải đáp các câu hỏi” là như thế.

Bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn.

Đã làm hài lòng: Đã làm hài lòng, đã làm vô cùng hài lòng, đã làm tin tưởng, đã làm vừa lòng, đã làm hoan hỷ.

Các vị Bà-la-môn: Mười sáu vị Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyền uyển và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

“Bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn” là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

“Được hỏi những câu hỏi, đức Phật đã giải đáp cho các vị ấy đúng theo sự thật. Với việc giải đáp các câu hỏi, bậc Hiền trí đã làm hài lòng các vị Bà-la-môn.”

5. Các vị ấy được hài lòng với bậc Hữu Nhân, đức Phật, đáng Quyên Thuộc Của Mặt Trời, đã thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý.

Các vị ấy, được hài lòng với bậc Hữu Nhân.

Các vị ấy: Mười sáu vị Bà-la-môn sẽ đi đến bờ kia.

Được hài lòng: Được hài lòng, được vô cùng hài lòng, được tin tưởng, được vừa lòng, được hoan hỷ. “Các vị ấy, được hài lòng” là như thế.

Với bậc Hữu Nhân: Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với năm loại nhân (con mắt): Bậc Hữu Nhân với nhục nhân, bậc Hữu Nhân với thiên nhân, bậc Hữu Nhân với tuệ nhân, bậc Hữu Nhân với Phật nhân, bậc Hữu Nhân với toàn nhân. Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với nhục nhân nghĩa là thế nào?... (nt)... Đức Thế Tôn là bậc Hữu Nhân với toàn nhân nghĩa là như vậy.

“Các vị ấy, được hài lòng với bậc Hữu Nhân” là như thế.

Với đức Phật, đáng Quyên Thuộc Của Mặt Trời.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Phật.”

[Với] đáng Quyên Thuộc Của Mặt Trời: Mặt trời nói đến Thái Dương. Thái Dương là Gotama theo dòng tộc, đức Thế Tôn cũng là Gotama theo dòng tộc. Đức Thế Tôn là bà con trong dòng tộc, là quyên thuộc trong dòng tộc của Thái Dương; vì thế, đức Phật là quyên thuộc của mặt trời.

“Với đức Phật, đáng Quyên Thuộc Của Mặt Trời” là như thế.

Các vị đã thực hành Phạm hạnh: Phạm hạnh nói đến sự kiêng cử, sự xa lánh, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự chừa bỏ, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lần ranh, sự phá hủy cây cầu đối với việc đạt đến các pháp thấp kém. Thêm nữa, theo cách không vòng vo, Phạm hạnh nói đến đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Các vị đã thực hành Phạm hạnh: Các vị đã thực hành Phạm hạnh, các vị đã tiến hành sau khi thọ trì.

“Các vị đã thực hành Phạm hạnh” là như thế.

Trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý: Của bậc có tuệ cao quý, của bậc có tuệ cao cả, của bậc có tuệ hạng nhất, của bậc có tuệ thù thắng, của bậc có tuệ dẫn đầu, của bậc có tuệ tối thượng, của bậc có tuệ cao thượng.

Trong sự hiện diện: Trong sự hiện diện là ở xung quanh, ở tại chỗ ngồi, ở không xa, ở kế bên.

“Trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý” là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

“Các vị ấy được hài lòng với bậc Hữu Nhân, đức Phật, đáng Quyên Thuộc Của Mặt Trời, đã thực hành Phạm hạnh trong sự hiện diện của bậc có tuệ cao quý.”

6. *Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật đối với từng câu hỏi một, người nào thực hành theo như thế thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia.*

Đối với từng câu hỏi một: Đối với mỗi một câu hỏi của Ajita, đối với mỗi một câu hỏi của Tissametteyya,... (nt)... đối với mỗi một câu hỏi của Pīṇgiya.

“Đối với từng câu hỏi một” là như thế.

Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đáng Tự Chủ,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Phật.”

Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật: Theo như điều đã được chỉ dạy, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ bởi đức Phật.

“Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật” là như thế.

Người nào thực hành theo như thế: Có thể thực hành sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp.

“Người nào thực hành theo như thế” là như thế.

Thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn,... (nt)... sự diệt tận, Niết-bàn. Bờ bên này nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các sự tạo tác.

Thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Từ bờ bên này có thể đi đến bờ kia, có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia.

“Thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia” là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

“Theo như điều đã được chỉ bảo bởi đức Phật đối với từng câu hỏi một, người nào thực hành theo như thế thì có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia.”

7. *Người tu tập đạo lộ tối thượng có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia. Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia, vì thế gọi là Đường đi đến bờ kia.*

Có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Bờ bên này nói đến các ô nhiễm, các uẩn, và các sự tạo tác. Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn,... (nt)... sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luân ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia: Từ bờ bên này có thể đi đến bờ kia, có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia.

“Có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia” là như thế.

Người tu tập đạo lộ tối thượng: Đạo lộ tối thượng nói đến đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, tức là: Chánh kiến... (nt)... chánh định.

Đạo lộ tối thượng: Là đạo lộ cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

Người tu tập: Người đang tu tập, đang tập luyện, đang làm thường xuyên.

“Người tu tập đạo lộ tối thượng” là như thế.

Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia:

“Đạo lộ, đường lộ, lộ trình, con lộ, con đường, lối đi, đường đi, Chiếc thuyền, cây cầu để vượt qua, chiếc bè, chiếc phao, ngõ đi qua.”

Đưa đến việc đi đến bờ kia: Đưa đến việc đi đến bờ kia là đưa đến việc hoàn toàn đạt được bờ kia, đưa đến việc hoàn toàn đạt đến được bờ kia, đưa đến việc vượt qua già và chết.

“Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia” là như thế.

Vì thế gọi là “Đường đi đến bờ kia.”

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. Bờ kia nói đến bất tử, Niết-bàn... (nt)... sự tịch diệt, Niết-bàn. Đường đi đến nói đến đạo lộ.

Gọi là: Từ “*itī*” này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

“Vì thế gọi là ‘Đường đi đến bờ kia’” là như thế.

Vì thế, điều này được nói đến:

“*Người tu tập đạo lộ tối thượng có thể từ bờ bên này đi đến bờ kia. Đạo lộ ấy đưa đến việc đi đến bờ kia, vì thế gọi là ‘Đường đi đến bờ kia.’*”

8. *[Tôn giả Piṅgiya nói rằng:] “Tôi sẽ tường thuật Kinh Đường đi đến bờ kia.² Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la, không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]; bậc Long Tượng đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy. Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?”*

Tôi sẽ tường thuật Kinh Đường đi đến bờ kia: Tôi sẽ tường thuật bài kệ,

² Xem chú thích 4 ở trang 447. (ND)

tôi sẽ thuyết giảng lại điều đã được thuyết giảng, tôi sẽ nói đến điều đã được nói đến, tôi sẽ nói ra điều đã được nói ra, tôi sẽ phát ngôn điều đã được phát ngôn.

“Tôi sẽ tường thuật *Kinh Đường đi đến bờ kia*” là như thế.

Tôn giả Piṅgiya nói rằng.

Rằng: Từ “*icca*” này là sự nối liền các câu văn,... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôn giả: Từ “*āyasmā*” này là lời nói yêu mến, lời nói kính trọng, lời nói có sự tôn kính và có sự phục tùng.

Piṅgiya: Là tên của vị Trưởng lão ấy, là sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả, tên gọi, sự đặt tên, sự định danh, từ mô tả, tên hiệu, từ kêu gọi.

“Tôn giả Piṅgiya nói rằng” là như thế.

Đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy: Đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ như thế ấy. Đã thấy “tất cả các hành là vô thường” như thế nào, Ngài đã nói ra, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ như thế ấy. Đã thấy “tất cả các hành là khổ”... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt” như thế nào, Ngài đã nói ra, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ như thế ấy.

“Đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy” là như thế.

Bạc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la.

Bạc không có vết nhơ: Luyến ái là vết nhơ, sân hận là vết nhơ, si mê là vết nhơ, giận dữ..., thù hận... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các vết nhơ. Đối với đức Phật Thế Tôn, các vết nhơ ấy đã được dứt bỏ, có lẽ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bạc không xao động, không có vết nhơ, không còn vết nhơ, đã rời xa vết nhơ, đã dứt bỏ hẳn vết nhơ, đã được thoát khỏi vết nhơ, đã vượt qua khỏi tất cả vết nhơ.

Bao la: Nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất.

Thông minh: Nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ thông minh này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh.

“Bạc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la” là như thế.

Không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm], bậc Long Tượng.

Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Đối với đức Phật Thế Tôn, các vật dục đã được biết toàn diện, các

ô nhiễm dục đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được biết toàn diện đối với các vật dục, do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm dục, đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục. Những người nào ham muốn các dục, ước muốn các dục, ước nguyện các dục, mong cầu các dục, nguyện cầu các dục, những người ấy có sự ham muốn các dục, có sự luyến ái với ái dục, có sự suy tưởng đến tướng [về dục]. Đức Thế Tôn không ham muốn các dục, không ước muốn các dục, không ước nguyện các dục, không mong cầu các dục, không nguyện cầu các dục; vì thế, đức Phật không có dục,³ không còn dục, có dục đã được từ bỏ, có dục đã được tẩy trừ, có dục đã được giải thoát, có dục đã được dứt bỏ, có dục đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, đã không còn khao khát, đã được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Không còn dục” là như thế.

Đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]: Luyến ái là rừng, sân hận là rừng, si mê là rừng, giận dữ là rừng, thù hằn là rừng,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là các rừng. Đối với đức Phật Thế Tôn, các rừng ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc không có rừng, lìa khỏi rừng, không còn rừng, đã rời xa rừng, đã dứt bỏ hẳn rừng, đã được thoát khỏi rừng, đã vượt qua khỏi tất cả rừng. “Đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]” là như thế.

Bậc Long Tượng: Bậc Long Tượng là [nói đến] đức Thế Tôn. “Vị không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng, “vị không đi đến” là bậc Long Tượng, “vị không trở về” là bậc Long Tượng. ... (nt)... “Đức Thế Tôn không trở về” là bậc Long Tượng nghĩa là như vậy.

“Không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm], bậc Long Tượng” là như thế.

Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?

Nguyên nhân của việc gì: Nguyên nhân của việc gì là bởi nguyên nhân gì, bởi lý do gì, bởi căn nguyên gì, bởi duyên gì. “Nguyên nhân của việc gì” là như thế.

Lại nói lời dối trá: Lại có thể nói, có thể thuyết, có thể giảng giải, có thể diễn tả lời dối trá.

Lại nói lời dối trá: Lại có thể nói lời sai trái, có thể nói lời nói dối trá, có thể nói lời không thánh thiện. Ở đây, một người nào đó đi đến hiệp hội, hoặc đi đến tập thể, hoặc đi đến giữa thân quyến, hoặc đi đến giữa đoàn thể, hoặc đi đến

³ Động từ *kāmeti* được ghi nghĩa Việt là “ham muốn.” Còn danh từ *kāma* được dịch theo hai nghĩa là “ham muốn” và “dục” tùy theo ngữ cảnh. Ở đây *akāmo* được dịch là “không có dục”, ở nơi khác được dịch là “không có ham muốn”. (ND)

giữa các vương tộc, rồi bị mời đến, bị hỏi cung rằng: “Thưa ông, hãy đến. Ông biết điều nào thì ông hãy nói điều ấy.” Kẻ ấy trong khi không biết đã nói là: “Tôi biết”, hoặc biết đã nói là: “Tôi không biết”, hoặc không thấy đã nói là: “Tôi thấy”, hoặc thấy đã nói là: “Tôi không thấy.” Như thế, vì nguyên nhân bản thân, hoặc vì nguyên nhân người khác, hoặc vì nguyên nhân tài sản, hoặc vì nguyên nhân vật chất nhỏ nhen rồi cố tình nói dối; việc này được gọi là nói lời sai trái.

Thêm nữa, việc nói dối là với ba yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói.” Việc nói dối là với ba yếu tố này. Thêm nữa, việc nói dối là với bốn yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm. Việc nói dối là với bốn yếu tố này.

Thêm nữa, việc nói dối là với năm yếu tố,... với sáu yếu tố,... với bảy yếu tố,... với tám yếu tố: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý tưởng, đã che giấu sự việc. Việc nói dối là với tám yếu tố này.

Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá: Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại có thể nói, có thể thuyết, có thể giảng giải, có thể diễn tả lời dối trá?

“Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pìngiya đã nói:

[Tôn giả Pìngiya nói rằng:] “Tôi sẽ tường thuật Kinh Đường đi đến bờ kia. Bậc không có vết nhơ, có sự thông minh bao la, không còn dục, đã ra khỏi rừng [ô nhiễm]; bậc Long Tượng đã thấy như thế nào, Ngài đã nói ra như thế ấy. Nguyên nhân của việc gì khiến Ngài lại nói lời dối trá?”

9. *Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê, của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha.*

Của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê.

Vết nhơ: Luyến ái là vết nhơ, sân hận là vết nhơ, si mê là vết nhơ, ngã mạn là vết nhơ, tà kiến là vết nhơ, ô nhiễm là vết nhơ, tất cả uế hạnh là vết nhơ, tất cả các nghiệp đưa đến hữu là vết nhơ.

Si mê: Là sự không biết về khổ,... (nt)... sự ngăn trở của vô minh, si mê là gốc rễ của bất thiện; điều này được gọi là si mê. Đối với đức Phật Thế Tôn, vết nhơ và si mê đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê.

“Của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê” là như thế.

Của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha.

Ngã mạn: Ngã mạn theo một loại: Là sự kiêu hãnh của tâm.

Ngã mạn theo hai loại: Ngã mạn do tâm bốc bản thân và ngã mạn do khinh bỉ người khác.

Ngã mạn theo ba loại: [Nghĩ rằng:] “Ta là tốt hơn” là ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta là ngang bằng” là ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta là thua kém” là ngã mạn.

Ngã mạn theo bốn loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do khen ngợi rồi sanh khởi ngã mạn, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn.

Ngã mạn theo năm loại: [Nghĩ rằng:] “Ta đạt được các sắc hợp ý” rồi sanh khởi ngã mạn, [nghĩ rằng:] “Ta đạt được các thính, các hương, các vị, các xúc hợp ý” rồi sanh khởi ngã mạn.

Ngã mạn theo sáu loại: Do sự thành tựu của mắt rồi sanh khởi ngã mạn, do sự thành tựu của tai..., do sự thành tựu của mũi..., do sự thành tựu của lưỡi..., do sự thành tựu của thân..., do sự thành tựu của ý rồi sanh khởi ngã mạn.

Ngã mạn theo bảy loại: Ngã mạn, cao ngạo, cao ngạo dựa trên ngã mạn, tự ti, tăng thượng mạn, ngã mạn về bản thân, ngã mạn do hiểu biết sai trái.

Ngã mạn theo tám loại: Do lợi lộc rồi sanh khởi ngã mạn, do không có lợi lộc rồi sanh khởi tự ti, do danh vọng rồi sanh khởi ngã mạn, do không có danh vọng rồi sanh khởi tự ti, do lời khen rồi sanh khởi ngã mạn, do lời chê rồi sanh khởi tự ti, do sung sướng rồi sanh khởi ngã mạn, do khổ rồi sanh khởi tự ti.

Ngã mạn theo chín loại: [Nghĩ rằng:] “Ta là tốt hơn so với người tốt hơn” là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người tốt hơn” là ngã mạn, “ta là thua kém so với người tốt hơn” là ngã mạn, “ta là tốt hơn so với người ngang bằng” là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người ngang bằng” là ngã mạn, “ta là thua kém so với người ngang bằng” là ngã mạn, “ta là tốt hơn so với người thua kém” là ngã mạn, “ta là ngang bằng so với người thua kém” là ngã mạn, “ta là thua kém so với người thua kém” là ngã mạn.

Ngã mạn theo mười loại: Ở đây một người nào đó sanh khởi ngã mạn về xuất thân, hoặc về dòng dõi, hoặc về con nhà gia thế, hoặc về vẻ đẹp của làn da, hoặc về tài sản, hoặc về học vấn, hoặc về công việc, hoặc về tài nghệ, hoặc về kiến thức, hoặc về sự học hỏi, hoặc về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

Ngã mạn nào với hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm; điều này được gọi là ngã mạn.

Gièm pha: Gièm pha, biểu hiện gièm pha, trạng thái gièm pha, sự ganh ghét, việc làm do ganh ghét; việc này được gọi là gièm pha. Đối với đức Phật Thế Tôn, ngã mạn và gièm pha đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt

nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Vì thế, đức Phật là bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha.

“Của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha” là như thế.

Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ.

Giờ đây tôi: Từ “*handāham*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ: Tôi sẽ thuật lại, tôi sẽ chỉ bảo, tôi sẽ thông báo, tôi sẽ ấn định, tôi sẽ khai mở, tôi sẽ chia sẻ, tôi sẽ làm rõ, tôi sẽ bày tỏ lời phát ngôn, lời nói, lời phát biểu, lời thốt ra đã được tiến đến, đã được tiến gần, đã được tiến vào, đã được tiến sát, đã được đạt đến, đã được đầy đủ, đã được thành tựu với sự đức độ.

“Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇḍiya đã nói:

“Giờ đây tôi sẽ thuật lại lời nói đức độ của bậc đã dứt bỏ vết nhơ và si mê, của bậc có sự dứt bỏ ngã mạn và gièm pha.”

**10. Đức Phật, đáng Toàn Nhân, bậc xóa tan sự tăm tối,
Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt trội mọi hữu,
Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ,
Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thưa vị Bà-la-môn.**

Đức Phật, đáng Toàn Nhân, bậc xóa tan sự tăm tối.

Bậc xóa tan sự tăm tối: Bậc đã xóa tan, đã xua tan, đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự tăm tối bởi luyến ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Phật.”

Toàn Nhân: Nói đến trí toàn giác. ... (nt)... vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhân.

“Đức Phật, đáng Toàn Nhân, bậc xóa tan sự tăm tối” là như thế.

Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt trội mọi hữu.

Thế giới: Một thế giới: Thế giới hiện hữu.

Hai thế giới: Thế giới hiện hữu và thế giới sẽ hình thành, thế giới nhân cảnh đang hiện hữu và thế giới nhân cảnh sẽ hình thành, thế giới khổ cảnh đang hiện hữu và thế giới khổ cảnh sẽ hình thành.

Ba thế giới: Ba cảm thọ.

Bốn thế giới: Bốn yếu tố nuôi dưỡng.

Năm thế giới: Năm thủ uẩn.

Sáu thế giới: Sáu xứ thuộc nội phần.

Bảy thế giới: Chỗ trú của thức.

Tám thế giới: Tám pháp của thế gian.

Chín thế giới: Chín trú xứ của chúng sanh.

Mười thế giới: Mười xứ.

Mười hai thế giới: Mười hai xứ.

Mười tám thế giới: Mười tám giới.

Vị đã đi đến tận cùng thế giới: Đức Thế Tôn đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh,... (nt)... đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. “Vị đã đi đến tận cùng thế giới” là như thế.

Đã vượt trội mọi hữu.

Hữu: Có hai sự hiện hữu: Sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Cái nào là sự hiện hữu do nghiệp? Phúc hành, phi phúc hành, bất động hành,⁴ cái này là sự hiện hữu do nghiệp. Cái nào là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức liên quan đến việc nối liền tái sanh, cái này là sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh. Đức Thế Tôn đã vượt qua, đã vượt quá, đã vượt qua khỏi sự hiện hữu do nghiệp và sự hiện hữu lần nữa liên quan đến việc nối liền tái sanh.

“Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt trội mọi hữu” là như thế.

Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ.

Lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với đức Phật Thế Tôn, các lậu hoặc ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn lậu hoặc.

Đã dứt bỏ tất cả khổ: Đối với Ngài, mọi việc liên quan đến việc nối liền tái sanh là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ do sầu-bi-khổ-ưu-não,... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ, [tất cả] đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, đức Phật là bậc đã dứt bỏ tất cả khổ.

“Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ” là như thế.

Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thừa vị Bà-la-môn.

Vị xứng đáng có danh xưng: Xứng đáng có danh xưng là có tên gọi

⁴ Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

tương đương, có danh xưng tương đương, xứng đáng có danh xưng tương đương. Đức Thế Tôn Vipassī, đức Thế Tôn Sikhī, đức Thế Tôn Vessabhū, đức Thế Tôn Kakusandha, đức Thế Tôn Konāgamana, đức Thế Tôn Kassapa, chư Phật Thế Tôn ấy có tên gọi tương đương, có danh xưng tương đương. Đức Thế Tôn Sakyamuni cũng có tên gọi tương đương, có danh xưng tương đương đối với chư Phật Thế Tôn ấy; vì thế, đức Phật xứng đáng có danh xưng.

Đã được tôi hầu cận, thừa vị Bà-la-môn: Đức Thế Tôn ấy đã được đến gần, đã được hầu cận, đã được phục vụ tận tình, đã được thăm hỏi, đã được hỏi han bởi tôi.

“Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thừa vị Bà-la-môn” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīngiya đã nói:

*“Đức Phật, đáng Toàn Nhân, bậc xóa tan sự tăm tối,
Vị đã đi đến tận cùng thế giới, đã vượt trội mọi hữu,
Không còn lậu hoặc, đã dứt bỏ tất cả khổ,
Vị xứng đáng có danh xưng đã được tôi hầu cận, thừa vị Bà-la-môn.”*

11. *Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ,
Có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây,
Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi,
Tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn.*

Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ, có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây.

Loài lưỡng sanh: Nói đến loài chim. Vì lý do gì, loài lưỡng sanh được gọi là loài chim? “Được sanh ra hai lần” là loài lưỡng sanh: Từ bụng mẹ và từ quả trứng; vì lý do ấy, loài lưỡng sanh được gọi là loài chim. “Loài lưỡng sanh” là như thế.

Giống như [loài lưỡng sanh] sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ: Giống như con chim, sau khi lìa bỏ, sau khi từ bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi khu rừng nhỏ, khu rừng trống không, khu rừng hẹp có ít trái cây, ít thức ăn, ít nước uống, có thể đi đến, có thể tìm đến, có thể đạt được khu rừng lớn, khu rừng già khác có nhiều trái cây, nhiều thức ăn, nhiều cây cối, nhiều nước uống, và ở khu rừng già ấy có thể sắp xếp việc trú ngụ.

“Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ, có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây” là như thế.

Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi, tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn.

Tương tự như thế: Là phương thức của sự so sánh.

Sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhoi: So sánh với đức Phật Thế Tôn, Bà-la-môn Bāvari và những người khác là thầy của vị ấy thì có tầm nhìn nhỏ

nhỏ, có tầm nhìn ít ỏi, có tầm nhìn chút ít, có tầm nhìn thấp kém, có tầm nhìn thấp thỏi, hoặc có tầm nhìn tồi tệ. Sau khi dứt bỏ, sau khi lìa bỏ, sau khi vượt quá, sau khi vượt qua hẳn, sau khi vượt qua khỏi các vị [Bà-la-môn] có tầm nhìn nhỏ nhỏ, có tầm nhìn ít ỏi, có tầm nhìn chút ít, có tầm nhìn thấp kém, có tầm nhìn thấp thỏi, có tầm nhìn tồi tệ ấy, tôi đã đi đến, đã tìm đến, đã đạt được, đức Phật Thế Tôn là bậc có tầm nhìn vô lượng, có tầm nhìn cao cả, có tầm nhìn hạng nhất, có tầm nhìn thù thắng, có tầm nhìn dẫn đầu, có tầm nhìn tối thượng, có tầm nhìn cao quý, bậc không thể sánh bằng, bậc sánh bằng những vị không thể sánh bằng, bậc không người tương đương, không người đối xứng, không người đối thủ, vị Thiên Nhân vượt trội chư thiên, đấng Nhân Ngưu, đấng Nhân Sư, đấng Nhân Tượng, bậc thuần chủng của loài người, bậc lãnh tụ của loài người, bậc gánh vác sứ mệnh của loài người, bậc duy trì mười lực. Hoặc giống như chim thiên nga có thể đi đến, có thể tìm đến, có thể đạt được hồ nước nhân tạo to lớn, hoặc hồ thiên nhiên Anotatta, hoặc đại dương không bị xao động, có khối lượng nước không thể ước lượng; tương tự y như vậy, đức Phật Thế Tôn là bậc không bị xao động, có uy lực vô lượng, có trí đã được khai mở, có mắt rộng mở, thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, đã chứng đắc tuệ phân tích, đã đạt đến bốn pháp tự tín, thiên về việc nhập thiên quả thanh tịnh, có bản thân tinh khiết, không nói hai lời, bậc tự tại, có lời hứa chắc chắn, là bậc vĩ đại, không nhỏ nhỏ, sâu thẳm không thể đo lường, khó thâm nhập, có nhiều bảo vật tựa như biển cả, đã thành tựu sáu chi phần của xả, không thể so sánh, bao la không thể đo lường, vị như thế ấy là vị nói về đạo lộ trong số các vị tuyên thuyết, tựa như núi Meru trong số các ngọn núi, tựa như loài nhân điều trong số các loài chim, tựa như con sư tử trong số các loài thú, tựa như biển cả trong số các đại dương; tôi đã đi đến với vị Đạo sư ấy, bậc chiến thắng cao quý, vị Đại Ân Sĩ.

“Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhỏ, tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇḍiya đã nói:

*“Giống như loài lưỡng sanh, sau khi lìa bỏ khu rừng cây nhỏ,
Có thể sống ở khu rừng có nhiều trái cây,
Cũng như vậy, sau khi lìa bỏ người có tầm nhìn nhỏ nhỏ,
Tôi tựa như con chim thiên nga đã đạt đến biển lớn.”*

12. Những người nào trước đây đã giải đáp cho tôi

Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:

“Đã là như vậy, sẽ là như vậy”,

Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,

Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ.

Những người nào trước đây đã giải thích cho tôi.

Những người nào: Là vị Bà-la-môn Bāvari và những người khác là thầy của vị ấy. Những vị ấy đã giải thích, đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ẩn

định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ về quan điểm của mình, về sự chấp nhận của mình, về sự ưa thích của mình, về quan niệm của mình, về ý định của mình, về chủ tâm của mình.

“Những người nào trước đây đã giải thích cho tôi” là như thế.

Khác với lời dạy của đức Gotama: Khác với lời dạy của đức Gotama là khác hẳn lời dạy của đức Gotama, trước cả lời dạy của đức Gotama, trước tiên so với lời dạy của đức Gotama, so với lời dạy của đức Phật, so với lời dạy của đấng Chiến Thắng, so với lời dạy của đức Như Lai, so với lời dạy của vị Thiên Nhân vượt trội chư thiên, so với lời dạy của bậc A-la-hán.

“Khác với lời dạy của đức Gotama” là như thế.

Đã là như vậy, sẽ là như vậy: Nghe nói đã là như vậy, nghe nói sẽ là như vậy.

“Đã là như vậy, sẽ là như vậy” là như thế.

Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi: Họ đã thuyết giảng mọi điều ấy do nghe lời đồn đãi, do nghe nói như thế, do sự truyền thừa, do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, do nhân suy nghĩ, do nhân suy luận, do suy đoán theo biểu hiện, do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, không được chính bản thân biết rõ, không được tự thân quán xét lại.

“Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi” là như thế.

Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ: Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ, sự tăng trưởng của suy tư, sự tăng trưởng của tư duy, sự tăng trưởng của suy tư về dục, sự tăng trưởng của suy tư về sân hận, sự tăng trưởng của suy tư về hãm hại, sự tăng trưởng của suy tư về thân quyền, sự tăng trưởng của suy tư về xứ sở, sự tăng trưởng của suy tư về chư thiên, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến sự trác ảm đối với người khác, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng, sự nổi tiếng, sự tăng trưởng của suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ.

“Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇgiya đã nói:

“Những người nào trước đây đã giải đáp cho tôi

Khác với lời dạy của đức Gotama [nói rằng]:

‘Đã là như vậy, sẽ là như vậy’,

Mọi điều ấy đều do nghe lời đồn đãi,

Mọi điều ấy đều là sự tăng trưởng của suy nghĩ.”

13. Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi,

Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy

Là vị Gotama có sự hiểu biết bao la,

Là vị Gotama có sự thông minh bao la.

Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi.

Một mình: Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia, một mình với ý nghĩa không người thứ hai, một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái, một mình “có duyên ái đã được xa lìa hoàn toàn”, một mình “có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn”, một mình “có si mê đã được xa lìa hoàn toàn”, một mình “hoàn toàn không còn ô nhiễm”, một mình “đã đi con đường độc đạo”, một mình “đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng.” “Một mình” là như thế.

Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn trong lúc đang còn thanh xuân, có tóc đen nhánh của tuổi trẻ, được thành tựu tuổi thanh niên tốt lành, vào giai đoạn đầu của tuổi thọ, trong khi mẹ và cha không mong muốn, với khuôn mặt đầy nước mắt, đang khóc lóc, đang than van, Ngài sau khi cắt đứt mọi sự vương bận của đời sống tại gia, sau khi cắt đứt sự vương bận về vợ con, sau khi cắt đứt sự vương bận về thân quyến, sau khi cắt đứt sự vương bận về bạn bè và thân hữu, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoác lên các tấm vải màu ca-sa, rời nhà xuất gia, sống không nhà, sau khi đi đến trạng thái không có gì, một mình sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng. “Đức Thế Tôn là một mình theo quy định của đời sống xuất gia” nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai nghĩa là thế nào? Trong khi đã được xuất gia như vậy, Ngài một mình thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh. Ngài sống một mình, đi một mình, đứng một mình, nằm một mình, đi vào làng để khát thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, sống, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. “Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa không người thứ hai” nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là thế nào? Ngài một mình như vậy, không người thứ hai, trong khi sống không bị xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết, ở bờ sông Nerañjarā, nơi gốc cây Bô-đề, trong khi đang nỗ lực về sự nỗ lực vĩ đại, sau khi đã phá tan Ma vương, Thần chết, Hắc ám, thân quyến của những kẻ bị xao lãng, cùng với đạo quân binh, Ngài đã dứt bỏ, đã xua đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự vương mắc là mạng lưới tham ái đã được căng ra.

1. “*Có tham ái là bạn hữu, trong khi luân chuyển một thời gian dài đến cõi này và cõi khác, con người không vượt qua được luân hồi.*”

2. *Sau khi biết được sự bất lợi như vậy, [biết được] tham ái là nguồn sanh khởi của khổ, vị Tỳ-khưu có tham ái đã được xa lìa, không có sự nắm giữ, có niệm, nên ra đi du phương.”*

Đức Thế Tôn là một mình với ý nghĩa dứt bỏ tham ái nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là vị một mình “có duyên ái đã được xa lìa hoàn toàn” nghĩa là thế nào? Là vị một mình “có duyên ái đã được xa lìa hoàn toàn” do trạng thái

đã được dứt bỏ đối với duyên ái, là vị một mình “có sân hận đã được xa lìa hoàn toàn” do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, là vị một mình “có si mê đã được xa lìa hoàn toàn” do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si mê, là vị một mình “hoàn toàn không còn ô nhiễm” do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các ô nhiễm.

Đức Thế Tôn là vị một mình “đã đi con đường độc đạo” nghĩa là thế nào? Con đường độc đạo nói đến bốn sự thiết lập niệm,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

3. *“Vị nhìn thấy sự tiêu hoại và chấm dứt của sanh, có lòng thương tưởng đến điều lợi ích, nhận biết con đường độc đạo. Trong thời quá khứ các vị đã vượt qua, [trong thời vị lai] các vị sẽ vượt qua và [trong thời hiện tại] các vị đang vượt qua dòng lũ bằng con đường này.”*

Đức Thế Tôn là vị một mình “đã đi con đường độc đạo” nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn là vị một mình “đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng” nghĩa là thế nào? Quả vị giác ngộ nói đến trí ở bốn đạo, tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thâm xét, sự thấy rõ, chánh kiến. Nhờ vào trí giác ngộ ấy, đức Thế Tôn đã giác ngộ rằng: “Tất cả các hành là vô thường”, đã giác ngộ rằng: “Tất cả các hành là khổ”, đã giác ngộ rằng: “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... đã giác ngộ rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Hoặc là, điều gì có thể giác ngộ [bởi Sơ đạo], có thể giác ngộ [bởi Nhị đạo], có thể giác ngộ [bởi Tam đạo], có thể giác ngộ [bởi Tứ đạo],⁵ có thể chứng đắc, có thể chạm đến, có thể chứng ngộ, Ngài đã giác ngộ [Sơ đạo], đã giác ngộ [Nhị đạo], đã giác ngộ [Tam đạo], đã giác ngộ [Tứ đạo], đã giác ngộ đúng đắn, đã chứng đắc, đã chạm đến, đã chứng ngộ toàn bộ điều ấy nhờ vào trí giác ngộ ấy. Đức Thế Tôn là vị một mình “đã giác ngộ quả vị Chánh đẳng giác vô thượng” nghĩa là như vậy.

Vị xóa tan sự tăm tối: Đức Thế Tôn đã xóa tan, đã xóa tan, đã dứt bỏ, đã xóa đi, đã làm chấm dứt, đã làm cho không còn hiện hữu sự tăm tối bởi duyên ái, sự tăm tối bởi sân hận, sự tăm tối bởi si mê, sự tăm tối bởi ngã mạn, sự tăm tối bởi tà kiến, sự tăm tối bởi ô nhiễm, sự tăm tối bởi uế hạnh, sự tạo ra tăm tối, sự làm cho mù mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết-bàn.

Đang ngồi: Đức Thế Tôn đang ngồi ở bảo tháp Pāsāṇaka. “Đang ngồi” là như thế.

4. *“Các vị Thinh văn, có ba mình, có sự chiến thắng thần chết, hầu cận bậc Hiền trí, vị đã đi đến bờ kia của khổ, đang ngồi ở sườn của ngọn núi.”*

Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn có trạng thái đã được tịch tịnh mọi sự năng động

⁵ Xem chú thích 5 ở trang 379. (ND)

[của ô nhiễm], đang ngồi. Ngài đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.” Đức Thế Tôn đang ngồi còn là như vậy.

“Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi” là như thế.

Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy.

Có sự sáng chói: Có sự sáng chói, có sự khôn ngoan, sáng suốt, có tuệ, có sự giác ngộ, có trí, có sự rành rẽ, có sự thông minh.

Bậc tạo ra ánh sáng: Bậc tạo ra ánh sáng là bậc tạo ra sự soi sáng, bậc tạo ra sự chiếu sáng, bậc tạo ra cây đèn, bậc tạo ra ngọn đèn, bậc tạo ra sự sáng ngời, bậc tạo ra sự sáng rực.

“Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy” là như thế.

Vị Gotama có sự hiểu biết bao la: Vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là cờ hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đến điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo.

5. “*Lá cờ là biểu hiện của cỗ xe, khói là biểu hiện của ngọn lửa, vị vua là biểu hiện của đất nước, người chồng là biểu hiện của phụ nữ.*”⁶

Tương tự y như vậy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là cờ hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đến điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo.

“Vị Gotama có sự hiểu biết bao la” là như thế.

Vị Gotama có sự thông minh bao la: Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất. Thông minh nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự thông minh, tuệ này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh.

“Vị Gotama có sự thông minh bao la” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇḍiya đã nói:

“*Vị xóa tan sự tăm tối, một mình, đang ngồi,
Có sự sáng chói, bậc tạo ra ánh sáng ấy
Là vị Gotama có sự hiểu biết bao la,
Là vị Gotama có sự thông minh bao la.*”

⁶ Bản sanh “Vessantara vĩ đại” (Mahāvessantarajātakaṃ), số 547, TTPV, tập 34, trang 387, câu kệ 6198. (ND)

14. Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.

Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp.

Vị ấy: Vị ấy là đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, vị Không Có Thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đã thuyết giảng giáo pháp.

Giáo pháp: Ngài đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệ, ... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

“Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp” là như thế.

Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian: [Là pháp] có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. “Có thể thấy được bởi tự thân” là như vậy. Hoặc là, người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy. “Có thể thấy được bởi tự thân” còn là như vậy.

Không bị chi phối bởi thời gian:⁷ Giống như những người xuất ra tài sản [vốn] theo định kỳ, họ không đạt được lại liền sau đó, họ chờ đợi một thời gian; pháp này không phải như vậy. Người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liền sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy, không phải ở nơi khác, không phải ở thế giới khác; “không bị chi phối bởi thời gian” là như vậy.

“Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian” là như thế.

Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, ... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Có sự diệt trừ tham ái: Có sự diệt trừ tham ái, có sự diệt trừ luyến ái, có sự diệt trừ sân hận, có sự diệt trừ si mê, có sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, có sự diệt trừ việc tái sanh, có sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, có sự diệt trừ hữu, có sự diệt trừ việc luân hồi, có sự diệt trừ việc luân chuyển.

Không có tai họa: Tai họa nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các pháp tạo

⁷ Văn bản Pāli không chính xác. So sánh với 2 đoạn tương tự ở trang 661 và 663. Phần dịch Việt được ghi lại theo sự hiệu đính của Tam tạng Miến Điện. (ND)

tác. Sự dứt bỏ các tai họa, sự vắng lặng các tai họa, sự buông bỏ các tai họa, sự tịch tịnh các tai họa là bất tử, Niết-bàn.

“Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa” là như thế.

Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.

Đối với pháp ấy: Đối với Niết-bàn.

Không có điều tương đương: Điều tương đương là không có, điều thay thế là không có, điều tương tự là không có, điều đối xứng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

“Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇḍiya đã nói:

“Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.”

15. Tại sao người lại sống xa lìa vị ấy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, vị Gotama có sự thông minh bao la, dầu chỉ trong chốc lát, này Pīṇḍiya?

Tại sao người lại sống xa lìa vị ấy: Tại sao người lại sống xa lìa, lại rời xa, lại rời khỏi, lại sống không có đức Phật?

“Tại sao người lại sống xa lìa vị ấy” là như thế.

Dầu chỉ trong chốc lát, này Pīṇḍiya: Dầu chỉ trong chốc lát, dầu chỉ trong giây phút, dầu chỉ trong khoảnh khắc, dầu chỉ trong giai đoạn, dầu chỉ trong một khoảng thời gian. “Dầu chỉ trong chốc lát” là như thế.

Pīṇḍiya: Vị Bāvari xưng hô với người cháu⁸ ấy bằng tên.

Vị Gotama có sự hiểu biết bao la: Vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là cờ hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đến điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo.

“Vị Gotama có sự hiểu biết bao la” là như thế.

Vị Gotama có sự thông minh bao la: Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất. Thông minh nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã

⁸ Ở đây, từ *jāmātaram* (con rể) của Tam tạng Sri Lanka không phù hợp với từ *mātulam* (cậu, em của mẹ) ở phần sau. Trong khi đó, Tam tạng Thái, Miến và PTS đều ghi là *nattāram* (cháu trai). Vì thế, Pīṇḍiya là cháu và Bāvari là cậu. (ND)

đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự thông minh, tuệ này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh.

“Vị Gotama có sự thông minh bao la” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn ấy đã nói rằng:

“Tại sao người lại sống xa lìa vị ấy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, vị Gotama có sự thông minh bao la, dầu chỉ trong chốc lát, này Pīṇḍiya?”

16. *Vị ấy đã thuyết giảng cho người giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.*

Vị ấy đã thuyết giảng cho người giáo pháp.

Vị ấy: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đã thuyết giảng giáo pháp.

Giáo pháp: Ngài đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa,... (nt)... Niết-bàn, và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

“Vị ấy đã thuyết giảng cho người giáo pháp” là như thế.

Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian: [Là pháp] có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. “Có thể thấy được bởi tự thân” là như vậy. Hoặc là, người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liên sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy. “Có thể thấy được bởi tự thân” còn là như vậy.

Không bị chi phối bởi thời gian: Giống như những người xuất ra tài sản [vốn] theo định kỳ, họ không đạt được lại liền sau đó, họ chờ đợi một thời gian; pháp này không phải như vậy. Người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liên sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy, không phải ở nơi khác, không phải ở thế giới khác. “Không bị chi phối bởi thời gian” là như vậy.

“Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian” là như thế.

Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thanh,... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Có sự diệt trừ tham ái: Có sự diệt trừ tham ái, có sự diệt trừ luyến ái, có sự diệt trừ sân hận, có sự diệt trừ si mê, có sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, có sự diệt trừ việc tái sanh, có sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, có sự diệt trừ hữu, có sự diệt trừ việc luân hồi, có sự diệt trừ việc luân chuyển.

Không có tai họa: Tai họa nói đến các ô nhiễm, các uẩn, các pháp tạo tác. Sự dứt bỏ các tai họa, sự vắng lặng các tai họa, sự buông bỏ các tai họa, sự tịch tịnh các tai họa là bất tử, Niết-bàn.

“Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa” là như thế.

Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.

Đối với pháp ấy: Đối với Niết-bàn.

Không có điều tương đương: Điều tương đương là không có, điều thay thế là không có, điều tương tự là không có, điều đối xứng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

“Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn Bāvari ấy đã nói rằng:

“Vị ấy đã thuyết giảng cho người giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.”

17. Tôi không sống xa lìa vị ấy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, vị Gotama có sự thông minh bao la, dầu chỉ trong chốc lát, thưa vị Bà-la-môn.

Tôi không sống xa lìa vị ấy: Tôi không sống xa lìa, không rời xa, không rời khỏi, sống không có đức Phật.

“Tôi không sống xa lìa vị ấy” là như thế.

Dầu chỉ trong chốc lát, thưa vị Bà-la-môn: Dầu chỉ trong chốc lát, dầu chỉ trong giây phút, dầu chỉ trong khoảnh khắc, dầu chỉ trong giai đoạn, dầu chỉ trong một khoảng thời gian. “Dầu chỉ trong chốc lát” là như thế.

Thưa vị Bà-la-môn: Vị Pīngiya xưng hô với người cậu bằng sự tôn kính.

Vị Gotama có sự hiểu biết bao la: Vị Gotama có sự hiểu biết bao la, có sự hiểu biết bằng trí, có tuệ là ngọn cờ, có tuệ là biểu hiệu, có tuệ là chủ đạo, có nhiều sự chọn lựa, có nhiều sự khám phá, có nhiều sự xem xét, có nhiều sự tìm tòi, trú vào điều đã được làm rõ rệt, rồi đi theo điều ấy, phát triển theo điều ấy, xem trọng điều ấy, uốn cong theo điều ấy, chiều theo điều ấy, xuôi theo điều ấy, hướng đến điều ấy, xem điều ấy là chủ đạo.

“Vị Gotama có sự hiểu biết bao la” là như thế.

Vị Gotama có sự thông minh bao la: Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trải rộng, sánh bằng trái đất. Thông minh nói đến tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đi đến gần, đã tiến đến gần, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu sự thông minh, tuệ này; vì thế, đức Phật vô cùng thông minh.

“Vị Gotama có sự thông minh bao la” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇḍiya đã nói:

“Tôi không sống xa lìa vị ấy, vị Gotama có sự hiểu biết bao la, vị Gotama có sự thông minh bao la, dầu chỉ trong chốc lát, thừa vị Bà-la-môn.”

18. *Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.*

Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp: Vị ấy là đức Thế Tôn, đáng Tự Chủ, vị không có thầy, đã tự mình giác ngộ hoàn toàn các sự thật về các pháp chưa từng được nghe trước đây. Ngài đã đạt được trạng thái toàn tri về các pháp ấy và đã đạt được bản thể năng lực về các lực.

Đã thuyết giảng giáo pháp.

Giáo pháp: Ngài đã chỉ dạy, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, [gồm có] bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

“Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp” là như thế.

Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian: [Là pháp] có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, hãy đến và hãy thấy, có khả năng dẫn dắt về hướng [Niết-bàn], và nên được hiểu biết tự cá nhân bởi các bậc trí tuệ. “Có thể thấy được bởi tự thân” là như vậy. Hoặc là, người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liên sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy. “Có thể thấy được bởi tự thân” còn là như vậy.

Không bị chi phối bởi thời gian: Giống như những người xuất ra tài sản [vốn] theo định kỳ, họ không đạt được lại liên sau đó, họ chờ đợi một thời gian; pháp này không phải như vậy. Người nào, ngay ở kiếp sống này, tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, [người ấy] chẳng những chứng đắc mà còn tìm thấy, tiếp nhận quả vị kế liên sau đó, không bị gián đoạn đối với đạo ấy, không phải ở nơi khác, không phải ở thế giới khác. “Không bị chi phối bởi thời gian” là như vậy.

“Có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian” là như thế.

Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa.

Tham ái: Tham ái cảnh sắc,... (nt)... tham ái cảnh pháp.

Có sự diệt trừ tham ái: Có sự diệt trừ tham ái, có sự diệt trừ luyến ái, có

sự diệt trừ sân hận, có sự diệt trừ si mê, có sự diệt trừ cảnh giới tái sanh, có sự diệt trừ việc tái sanh, có sự diệt trừ việc nối liền tái sanh, có sự diệt trừ hữu, có sự diệt trừ việc luân hồi, có sự diệt trừ việc luân chuyển.

Không có tai họa.

Tai họa: Nói đến các ô nhiễm, các uẩn, các pháp tạo tác. Sự dứt bỏ các tai họa, sự vắng lặng các tai họa, sự buông bỏ các tai họa, sự tịch tịnh các tai họa là bất tử, Niết-bàn.

“Có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa” là như thế.

Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.

Đối với pháp ấy: Đối với Niết-bàn.

Không có điều tương đương: Điều tương đương là không có, điều thay thế là không có, điều tương tự là không có, điều đối xứng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

“Đối với pháp ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇḍiya đã nói:

“Vị ấy đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp có thể thấy được bởi tự thân, không bị chi phối bởi thời gian, có sự diệt trừ tham ái, không có tai họa. Đối với pháp [Niết-bàn] ấy, không có điều tương đương ở bất cứ đâu.”

19. Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt,

Ban đêm và ban ngày, thừa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng.

Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm;

Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa.

Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt: Giống như một người có mắt có thể nhìn thấy, có thể nhận thấy, có thể quan sát, có thể suy xét, có thể khảo sát các vật có hình thể ở nơi ánh sáng, tương tự y như vậy, tôi nhìn thấy, tôi nhận thấy, tôi quan sát, tôi suy xét, tôi khảo sát đức Phật Thế Tôn bằng ý.

“Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt” là như thế.

Ban đêm và ban ngày, thừa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng: Trong khi tu tập pháp tùy niệm Phật bằng ý vào ban đêm và ban ngày, không bị xao lãng.

“Ban đêm và ban ngày, thừa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng” là như thế.

Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm.

Trong khi kính lễ: Trong khi kính lễ bằng thân, hoặc trong khi kính lễ bằng lời nói, hoặc trong khi kính lễ bằng tâm, hoặc trong khi kính lễ bằng sự thực hành thuận theo đạo lý, hoặc trong khi kính lễ bằng sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, trong khi trọng vọng, trong khi cung kính, trong khi sùng bái, trong khi cúng dường, tôi sống qua, tôi trải qua, tôi vượt qua ban đêm và ban ngày.

“Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm” là như thế.

Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa: Trong khi tu tập việc tùy niệm Phật ấy, tôi nghĩ về Ngài ấy [cho rằng]: “Sống không xa lìa”, tôi nghĩ, tôi biết về Ngài ấy [cho rằng]: “Đã sống không xa lìa”, tôi biết như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy.

“Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇḍiya đã nói:

*“Tôi nhìn thấy Ngài ấy bằng ý hoặc bằng mắt,
Ban đêm và ban ngày, thưa vị Bà-la-môn, không bị xao lãng.
Trong khi kính lễ [đến Ngài], tôi sống qua đêm;
Chính bằng cách ấy, tôi nghĩ là sống không xa lìa.”*

20. Tín, hỷ, tâm ý và niệm

Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama.

Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến,

Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy.

Tín, hỷ, tâm ý và niệm.

Tín: Tín là sự tin tưởng, sự tin cậy, sự tịnh tín, niềm tin, tín quyền, tín lực... (nt)... liên quan đến đức Thế Tôn.

Hỷ: Hỷ là sự hân hoan, sự tùy hỷ, sự vui thích, sự cười đùa, sự hài hước, sự vui lòng, sự vui sướng, sự phấn khởi, sự hoan hỷ của tâm liên quan đến đức Thế Tôn.

Tâm ý: Tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám, ý, ý xú, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên liên quan đến đức Thế Tôn.

Niệm: Niệm là sự tùy niệm,... (nt)... chánh niệm liên quan đến đức Thế Tôn.

“Tín, hỷ, tâm ý và niệm” là như thế.

Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama: Bốn pháp này [không lìa xa] lời dạy của Gotama, lời dạy của đức Phật, lời dạy của đấng Chiên Thắng, lời dạy của đức Như Lai, lời dạy của vị Chúa của chư thiên, lời dạy của bậc A-la-hán.

Không lìa xa: Không lìa xa là không đi xa, không rời bỏ, không làm hư hoại.

“Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama” là như thế.

Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến.

Mỗi phương hướng nào: Hoặc là hướng Đông, hoặc là hướng Tây, hoặc là hướng Nam, hoặc là hướng Bắc mà Ngài di chuyển, đi đến, bước đi, bước tới.

Bậc có tuệ bao la: Bậc có tuệ bao la là có tuệ vĩ đại, có tuệ sắc bén, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi tiểu, có tuệ tốc hành, có tuệ thấu suốt. Bao la nói đến trái đất. Đức Thế Tôn đã thành tựu tuệ ấy, [là tuệ] bao la, trái rộng, sánh bằng trái đất.

“Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến” là như thế.

Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy: Đức Phật ở nơi nào, thì vị ấy cúi mình về chính mỗi phương hướng ấy, uốn cong theo phương hướng ấy, chiều theo phương hướng ấy, xuôi theo phương hướng ấy, hướng đến phương hướng ấy, xem phương hướng ấy là chủ đạo.

“Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṅgiya đã nói:

“Tín, hỷ, tâm ý và niệm

Của tôi không lìa xa lời giảng dạy của đức Gotama.

Mỗi phương hướng nào bậc có tuệ bao la di chuyển đến,

Tôi đây đều kính lễ theo chính mỗi phương hướng ấy.”

21. *Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi,
Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy.
Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm,
Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy.*

Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi.

Là người đã già nua: Người đã già nua là người lớn tuổi, trưởng thượng, đã trải qua cuộc đời, đã đạt đến tuổi thọ.

Có thể lực và sức mạnh kém cỏi: Có thể lực và sức mạnh kém cỏi là có sức mạnh ít ỏi, có sức mạnh chút ít.

“Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi” là như thế.

Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy: Đức Phật ở nơi nào thì thân xác [của tôi] không theo đến, không di chuyển, không đi đến, không bước tới nơi ấy được.

“Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy” là như thế.

Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm: Tôi di chuyển, tôi đi đến, tôi bước tới với việc đi đến bằng cách hướng tâm, với việc đi đến bằng cách suy nghĩ, với việc đi đến bằng trí, với việc đi đến bằng tuệ, với việc đi đến bằng sự giác ngộ.

“Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm” là như thế.

Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy.

Ý: Tức là tâm, ý, ý thức,... (nt)... từ đó ý thức giới sanh lên.

Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy: Đức Phật ở nơi nào thì ý [của tôi] được gắn bó, được gắn vào, được gắn liền với nơi ấy.

“Thưa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṅgiya đã nói:

*“Đối với tôi, là người đã già nua, có thể lực và sức mạnh kém cỏi,
Chính vì thế, thân xác của tôi không theo đến được nơi ấy.
Tôi thường đi đến bằng cách hướng tâm,
Thừa vị Bà-la-môn, bởi vì ý của tôi đã được gắn bó với Ngài ấy.”*

- 22.** *Trong khi nằm ở đám bùn [ngũ dục], đang chao đảo,
Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác.
Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác,
Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc.*

Trong khi nằm ở đám bùn, đang chao đảo.

Trong khi nằm ở đám bùn: Trong khi đang ngồi, trong khi đang nằm, trong khi đang sống, trong khi đang cư trú, trong khi đang lưu trú ở đám bùn [ngũ] dục, ở vũng lầy [ngũ] dục, ở ao hồ [ngũ] dục, ở cơn sốt [ngũ] dục, ở sự vương bận [ngũ] dục. “Trong khi nằm ở đám bùn” là như thế.

Đang chao đảo: Đang chao động với sự chao động bởi ái, đang chao động với sự chao động bởi tà kiến, đang chao động với sự chao động bởi ô nhiễm, đang chao động với sự chao động bởi sự kết nối, đang chao động với sự chao động bởi quả thành tựu, đang chao động với sự chao động bởi uế hạnh về ý, kẻ bị luyến ái đang chao động bởi luyến ái, kẻ bị sân hận đang chao động bởi sân hận, kẻ bị si mê đang chao động bởi si mê, kẻ bị trói buộc đang chao động bởi ngã mạn, kẻ bị bám víu đang chao động bởi tà kiến, kẻ bị tán loạn đang chao động bởi sự phóng dật, kẻ không dứt khoát đang chao động bởi hoài nghi, kẻ cứng cỏi đang chao động bởi các pháp tiềm ẩn, đang chao động bởi lợi lộc, đang chao động bởi không lợi lộc, đang chao động bởi danh vọng, đang chao động bởi không danh vọng, đang chao động bởi lời khen, đang chao động bởi tiếng chê, đang chao động bởi hạnh phúc, đang chao động bởi khổ đau, đang chao động bởi sanh, đang chao động bởi già, đang chao động bởi bệnh, đang chao động bởi chết, đang chao động bởi sầu-bi-khô-ưu-não, đang chao động bởi khổ ở địa ngục, đang chao động bởi khổ ở loài thú, đang chao động bởi khổ ở thân phận ngựa quý, đang chao động bởi khổ của loài người, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc nhập thai, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc trụ thai, đang chao động bởi khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai, đang chao động bởi khổ gắn liền sau khi sanh ra,... bởi khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra,... bởi khổ do sự ra sức của bản thân,... bởi khổ do sự ra sức của kẻ khác, [... bởi khổ do (thọ) khổ,... bởi khổ do pháp tạo tác,... bởi khổ do sự biến đổi,... bởi khổ do bệnh ở mắt,... bởi khổ do bệnh ở tai trong,... bởi khổ do bệnh ở mũi,... bởi khổ do bệnh ở lưỡi,... bởi khổ do bệnh ở thân,... bởi khổ do bệnh ở đầu,... bởi khổ do bệnh ở lỗ tai,... bởi khổ do bệnh ở miệng,... bởi khổ do bệnh ở răng,... bởi ho,... bởi suyễn,... bởi sổ mũi,... bởi nhiệt,... bởi cảm sốt,... bởi đau bụng,... bởi xây xẩm,... bởi kiệt lý,... bởi đau bụng bão,... bởi dịch tả,... bởi phong cùi,... bởi khối u,... bởi bệnh chàm,... bởi lao phổi,... bởi động kinh,... bởi

mệt,... bởi nhọt,... bởi ghẻ ngứa,... bởi sảy,... bởi loét tay chân,... bởi máu và mật,... bởi bệnh tiểu đường,... bởi bệnh trĩ,... bởi ghẻ lở,... bởi loét hậu môn,... bởi bệnh phát khởi từ mật,... bởi bệnh phát khởi từ đàm,... bởi bệnh phát khởi từ gió,... bởi bệnh tổng hợp do mật-dàm-gió,... bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết,... bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều,... bởi bệnh thuộc dạng cấp tính,... bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp,... bởi lạnh,... bởi nóng,... bởi đói,... bởi khát,... bởi đại tiện,... bởi tiểu tiện,... bởi khổ do sự xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát,... bởi khổ do cái chết của mẹ,... bởi khổ do cái chết của cha, [bởi khổ do cái chết của anh (em) trai,... bởi khổ do cái chết của chị (em) gái] bởi khổ do cái chết của con trai,... bởi khổ do cái chết của con gái,... bởi khổ do sự tổn hại về thân quyến,... bởi khổ do sự tổn hại về của cải,... bởi khổ do sự tổn hại vì bệnh tật,... bởi khổ do sự tổn hại về giới,... bởi khổ do sự tổn hại về kiến thức, đang lay động, đang xáo động, đang run rẩy, đang chấn động, đang rung động.

“Trong khi nằm ở đám bùn [ngũ dục], đang chao đảo” là như thế.

Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác: Tôi đã bơi, tôi đã lội, tôi đã trôi nổi, tôi đã trôi dạt từ bậc Đạo sư này đến bậc Đạo sư khác, từ lần giảng pháp này đến lần giảng pháp khác, từ nhóm này đến nhóm khác, từ quan điểm này đến quan điểm khác, từ sự thực hành này đến sự thực hành khác, từ đạo lộ này đến đạo lộ khác.

“Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác” là như thế.

Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác.

Rồi: Từ “*atha*” này là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gập gờ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Tôi đã nhìn thấy: Tôi đã nhìn thấy, tôi đã nhận thấy, tôi đã nhìn xem, tôi đã thấu triệt.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn, đáng Tự Chủ, vị không có thầy,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Phật.”

“Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác” là như thế.

Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc.

Vị đã vượt qua dòng lũ: Đức Thế Tôn đã vượt qua dòng lũ [ngũ] dục, đã vượt qua dòng lũ của hữu, đã vượt qua dòng lũ tà kiến, đã vượt qua dòng lũ vô minh, đã vượt qua mọi nẻo đường luân hồi, đã vượt lên, đã vượt ra khỏi, đã vượt quá, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy. “Vị đã vượt qua dòng lũ” là như thế.

Không còn lậu hoặc: Có bốn lậu hoặc: Dục lậu, hữu lậu, kiến lậu, vô minh lậu. Đối với đức Phật Thế Tôn, các lậu hoặc ấy là đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện

hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn lậu hoặc.

“Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṅgiya đã nói:

*“Trong khi nằm ở đám bùn [ngũ dục], đang chao đảo,
Tôi đã bơi từ hòn đảo này đến hòn đảo khác.
Rồi tôi đã nhìn thấy đức Phật Toàn Giác,
Vị đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc.”*

- 23. Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói, Bhadrāvudha và Ālavigotama [cũng vậy],
Tương tự y như vậy, người cũng hãy giải thoát bằng đức tin.
Này Pīṅgiya, người sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết.⁹**

Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói, Bhadrāvudha và Ālavigotama [cũng vậy]: Giống như Trưởng lão Vakkali có đức tin đã được cởi trói, xem trọng đức tin, có đức tin đi trước, hướng đến đức tin, có đức tin là chủ đạo, đã đạt được phẩm vị A-la-hán; giống như Trưởng lão Bhadrāvudha có đức tin đã được cởi trói, xem trọng đức tin, có đức tin đi trước, hướng đến đức tin, có đức tin là chủ đạo, đã đạt được phẩm vị A-la-hán; giống như Trưởng lão Ālavigotama có đức tin đã được cởi trói, xem trọng đức tin, có đức tin đi trước, hướng đến đức tin, có đức tin là chủ đạo, đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

“Giống như Vakkali có đức tin đã được cởi trói, Bhadrāvudha và Ālavigotama [cũng vậy]” là như thế.

Tương tự y như vậy, người cũng hãy giải thoát bằng đức tin: Tương tự y như vậy, người cũng hãy cởi trói, hãy giải thoát, hãy tự giải thoát, hãy hướng đến, hãy tăng trưởng đức tin vào: “Tất cả các hành là vô thường”; hãy cởi trói, hãy giải thoát, hãy tự giải thoát, hãy hướng đến, hãy tăng trưởng đức tin vào: “Tất cả các hành là khổ”,... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”; hãy cởi trói, hãy giải thoát, hãy tự giải thoát, hãy hướng đến, hãy tăng trưởng đức tin vào: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tận.”

“Tương tự y như vậy, người cũng hãy giải thoát bằng đức tin” là như thế.

Này Pīṅgiya, người sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thần chết: Lãnh địa của thần chết nói đến các ô nhiễm, các uẩn, và các sự tạo tác. Bờ kia đối với lãnh địa của thần chết nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các

⁹ Vào thời điểm này, đức Phật đang ngự tại thành Sāvatthi. Biết được sự chín muồi về khả năng của Pīṅgiya và Bāvari, Ngài đã phóng ra hào quang có màu sắc vàng chói. Pīṅgiya, ngay trong lúc đang ngồi tán dương ân đức của Phật cho Bāvari, đã nhìn thấy hào quang ấy. Trong lúc đang xem xét “cái gì đây?” Pīṅgiya nhìn thấy đức Thế Tôn như đang đứng trước mặt. Pīṅgiya đã báo vị Bà-la-môn Bāvari rằng: “Đức Phật đã ngự đến.” Bà-la-môn Bāvari đã từ chỗ ngồi chấp tay lên và đứng dậy. Đức Thế Tôn sau khi phóng ra hào quang đã hiện thân cho vị Bà-la-môn thấy. Sau khi thấy thời điểm phù hợp cho cả hai vị, trong lúc chỉ dạy riêng cho Pīṅgiya, Ngài đã nói lên kệ ngôn này (SnA. II. 606). (ND)

pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luân ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Này Pīngiya, người sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thân chết: Người sẽ đi đến bờ kia, người sẽ chứng đắc bờ kia, người sẽ chạm đến bờ kia, người sẽ chứng ngộ bờ kia.

“Này Pīngiya, người sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thân chết” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Giống như Vakkali có đức tin đã được cỡi trời,

Bhadrāvudha và Ālavigotama [cũng vậy],

Tương tự y như vậy, người cũng hãy giải thoát bằng đức tin.

Này Pīngiya, người sẽ đi đến bờ kia đối với lãnh địa của thân chết.”

24. Con đây càng thêm tịnh tín sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí. Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên, không còn sự cứng cõi [của tâm], có tài biện giải.

Con đây càng thêm tịnh tín: Con đây càng thêm tịnh tín, càng tin tưởng thêm hơn nữa, càng tin cậy thêm hơn nữa, càng hướng đến thêm hơn nữa; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa, càng tin tưởng thêm hơn nữa, càng tin cậy thêm hơn nữa, càng hướng đến thêm hơn nữa rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa,... (nt)...: “Tất cả các hành là khổ”; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa,... (nt)...: “Tất cả các pháp là vô ngã”; con đây càng tịnh tín thêm hơn nữa, càng tin tưởng thêm hơn nữa, càng tin cậy thêm hơn nữa, càng hướng đến thêm hơn nữa rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh diệt tận.”

“Con đây càng thêm tịnh tín” là như thế.

Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí.

Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí: Sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi nhận định lời nói, lời phát biểu, lời chỉ bảo, lời chỉ dạy, lời khuyên bảo của Ngài.

“Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí” là như thế.

Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên.

Sự che đây: Có năm sự che đây: Sự che đây do tham ái, sự che đây do tà kiến, sự che đây do ô nhiễm, sự che đây do uế hạnh, sự che đây do vô minh. Đối với đức Phật Thế Tôn, các sự che đây ấy đã được mở ra, đã được hủy hoại, đã được mở rộng, đã được mở toang, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được

vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; vì thế, đức Phật là bậc có màn che đã được cuốn lên.

Đức Phật: Vị ấy là đức Thế Tôn,... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Phật.”

“Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên” là như thế.

Không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải.

Không còn sự cứng cỏi [của tâm]: Luyến ái là sự cứng cỏi, sân hận là sự cứng cỏi, si mê là sự cứng cỏi, giận dữ là sự cứng cỏi, thù hận là sự cứng cỏi,... (nt)... tất cả các pháp tạo tác bất thiện là sự cứng cỏi [của tâm]. Đối với đức Phật Thế Tôn, các sự cứng cỏi ấy đã được dứt bỏ, có lẽ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế, đức Phật là bậc không còn sự cứng cỏi [của tâm].

Có tài biện giải: Có ba hạng người có tài biện giải: Có tài biện giải do pháp học, có tài biện giải do vấn hỏi, có tài biện giải do chứng đắc. Có tài biện giải do pháp học là thế nào? Ở đây, một vị nào đó được học tinh thông một cách tự nhiên về *Sutta*, *Geyya*, *Veyyākaraṇa*, *Gāthā*, *Udāna*, *Itivuttaka*, *Jātaka*, *Abbhutadhamma*, *Vedalla*;¹⁰ nhờ vào pháp học, vấn đề được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do pháp học.

Có tài biện giải do vấn hỏi là thế nào? Ở đây, một vị nào đó là người vấn hỏi về mục đích, về cách thức, về tướng trạng, về nguyên nhân, và về tính chất hợp lý hay không hợp lý; nhờ vào việc vấn hỏi, điều ấy được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do vấn hỏi.

Có tài biện giải do chứng đắc là thế nào? Ở đây, một vị nào đó đạt đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn, bốn tuệ phân tích, sáu thắng trí; đối với vị ấy ý nghĩa đã được biết, pháp đã được biết, ngôn từ đã được biết. Khi ý nghĩa đã được biết thì ý nghĩa được sáng tỏ, khi pháp đã được biết thì pháp được sáng tỏ, khi ngôn từ đã được biết thì ngôn từ được sáng tỏ; trí ở ba sự nhận biết này là tuệ phân tích về phép biện giải. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ phân tích về phép biện giải này; vì thế, đức Phật là người có tài biện giải. Đối với kẻ nào, pháp học không có, vấn hỏi không có, chứng đắc không có, đối với kẻ ấy, cái gì sẽ được sáng tỏ?

“Không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇgiya đã nói:

“Con đây càng thêm tịnh tín sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí. Ngài là đức Phật Toàn Giác, có màn che đã được cuốn lên, không còn sự cứng cỏi [của tâm], có tài biện giải.”

¹⁰ Xem chú thích về “Chín thể loại giáo pháp” ở trang 122. (ND)

25. *Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng, Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao. Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài].*

Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng.

Chư thiên: Có ba hạng chư thiên: Chư thiên do chế định, chư thiên do tái sanh, chư thiên do thanh tịnh. Chư thiên do chế định là những ai? Chư thiên do chế định nói đến các vị vua, các hoàng tử, và các hoàng hậu; những người này là chư thiên do chế định. Chư thiên do tái sanh là những ai? Chư thiên do tái sanh nói đến chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương, chư thiên cõi Đạo-lợi,... (nt)... chư thiên thuộc Phạm Chúng thiên và chư thiên nào vượt lên trên cõi ấy; các vị này là chư thiên do tái sanh. Chư thiên do thanh tịnh là những ai? Chư thiên do thanh tịnh nói đến các đức Như Lai, các đệ tử của các đức Như Lai là các vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, và các vị Phật Độc Giác; các vị này là chư thiên do thanh tịnh. Đức Thế Tôn, sau khi biết rõ chư thiên do chế định là “chư thiên bậc thượng”, sau khi biết rõ chư thiên do tái sanh là “chư thiên bậc thượng”, sau khi biết rõ chư thiên do thanh tịnh là “chư thiên bậc thượng”, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

“Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng” là như thế.

Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao: Đức Thế Tôn đã hiểu biết, đã biết rõ, đã nhìn thấy, đã thấu triệt các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân và cho những người khác. Các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân là những pháp nào? Sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các việc này được gọi là các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân. Các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho những người khác là những pháp nào? Sự thực hành đúng đắn,... (nt)... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các việc này được gọi là các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho những người khác. Đức Thế Tôn đã hiểu biết, đã biết rõ, đã nhìn thấy, đã thấu triệt các pháp tạo thành chư thiên bậc thượng cho bản thân và cho những người khác như vậy.

“Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao” là như thế.

Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi: Đức Thế Tôn là vị làm chấm dứt, vị làm kết thúc, vị làm giới hạn, vị làm việc khoanh vùng cho các câu hỏi của những vị đang trên đường đi đến bờ kia; là vị làm chấm dứt, vị làm kết thúc, vị làm giới hạn, vị làm việc khoanh vùng cho các câu hỏi của vị Sabhiya; là vị làm chấm dứt, vị làm kết thúc, vị làm giới hạn, vị làm việc khoanh vùng cho các câu hỏi của Thiên chủ Sakka, cho các câu hỏi của Thiên tử Suyāma, cho các câu hỏi của các vị Tỳ-khuru, cho các câu hỏi của các vị Tỳ-khuru-ni, cho các

câu hỏi của các nam cư sĩ, cho các câu hỏi của nữ cư sĩ, cho các câu hỏi của các vị vua, cho các câu hỏi của các vị Sát-đế-ly, cho các câu hỏi của các Bà-la-môn, thương buôn và nô lệ, cho các câu hỏi của chư thiên, cho các câu hỏi của Phạm thiên. “Vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi” là như thế.

Bậc Đạo sư: Đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe. Giống như người chỉ đạo đoàn xe giúp các đoàn xe vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ có trộm cướp, giúp vượt qua hiểm lộ có thú dữ, giúp vượt qua hiểm lộ có khó khăn về vật thực, giúp vượt qua hiểm lộ không có nước, giúp cho vượt lên, giúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ổn; tương tự y như thế, đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe giúp chúng sanh vượt qua hiểm lộ, giúp vượt qua hiểm lộ của sanh, giúp vượt qua hiểm lộ của già-bệnh-chết-sầu-bi-khổ-tru-não, giúp vượt qua hiểm lộ của luyến ái, giúp vượt qua hiểm lộ của sân hận,... si mê,... ngã mạn,... tà kiến,... ô nhiễm,... uế hạnh, giúp vượt qua sự nắm giữ của luyến ái, giúp vượt qua sự nắm giữ của sân hận,... sự nắm giữ của si mê,... sự nắm giữ của tà kiến,... ô nhiễm,... uế hạnh, giúp cho vượt lên, giúp cho vượt ra, giúp cho vượt khỏi, giúp cho đạt đến vùng đất hoàn toàn an ổn, bất tử, Niết-bàn. “Đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe” là như vậy.

Hoặc là, đức Thế Tôn là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khởi Mở, bậc Khởi Tín. “Đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe” còn là như vậy. Hoặc là, đức Thế Tôn là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy]. “Đức Thế Tôn là người chỉ đạo đoàn xe” còn là như vậy.

“Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi” là như thế.

Của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài]: Những người có sự nghi ngờ sau khi đi đến thì trở thành không còn nghi ngờ, có sự day dứt sau khi đi đến thì trở thành không còn day dứt, có sự lưỡng lự sau khi đi đến thì trở thành không còn lưỡng lự, có hoài nghi sau khi đi đến thì trở thành không còn hoài nghi, có luyến ái sau khi đi đến thì trở thành có luyến ái đã được xa lìa, có sân hận sau khi đi đến thì trở thành có sân hận đã được xa lìa, có si mê sau khi đi đến thì trở thành có si mê đã được xa lìa, có ô nhiễm sau khi đi đến thì trở thành không còn ô nhiễm.

“Của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài]” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīṇḍiya đã nói:

“Sau khi biết rõ chư thiên bậc thượng, Ngài đã hiểu biết tất cả từ thấp đến cao. Bậc Đạo sư là vị giải quyết dứt điểm các câu hỏi của những người có sự nghi ngờ đang bày tỏ [với Ngài].”

26. *Đương nhiên, con sẽ đi đến trạng thái [Niết-bàn] không bị chuyển dịch, không bị lay động; không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu. Con không có sự nghi ngờ về nơi này. Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy.*

Không bị chuyển dịch, không bị lay động: Không bị chuyển dịch nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.

Không bị chuyển dịch: Là không thể bị chuyển dịch bởi luyến ái, bởi sân hận, bởi si mê, bởi giận dữ, bởi thù hằn, bởi gièm pha, bởi ác ý, bởi ganh tỵ, bởi bòn xén, bởi xảo trá, bởi lừa gạt, bởi bướng bỉnh, bởi hung hăng, bởi ngã mạn, bởi cao ngạo, bởi đam mê, bởi xao lãng, bởi tất cả ô nhiễm, bởi tất cả uế hạnh, bởi mọi sự bức bối, bởi các lậu hoặc, bởi mọi sự lo lắng, bởi mọi sự nóng nảy, bởi tất cả các pháp tạo tác bất thiện, Niết-bàn là thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi. “Không bị chuyển dịch” là như thế.

Không bị lay động: Không bị lay động nói đến bất tử, Niết-bàn, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác,... (nt)... sự diệt tận, Niết-bàn. Đối với pháp ấy, sự sanh lên không được biết đến, sự hoại diệt không được biết đến, trạng thái biến đổi của nó không được biết đến, Niết-bàn là thường còn, bền vững, trường tồn, không có bản chất biến đổi.

“Không bị chuyển dịch, không bị lay động” là như thế.

Không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu.

Đối với pháp ấy: Đối với Niết-bàn.

Không có pháp tương đương: Pháp tương đương là không có, pháp thay thế là không có, pháp tương tự là không có, pháp đối xứng là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi đâu, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc thuộc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

“Không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu” là như thế.

Đương nhiên, con sẽ đi đến... Con không có sự nghi ngờ về nơi này.

Đương nhiên: Từ “*addhā*” này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói đưa đến lợi ích, lời nói không sai trái, lời nói không đối chọi, lời nói khẳng định.

Con sẽ đi đến: Con sẽ đi đến là con sẽ chứng đắc, con sẽ chạm đến, con sẽ chứng ngộ. “Đương nhiên, con sẽ đi đến” là như thế.

Con không có sự nghi ngờ về nơi này.

Về nơi này: Về Niết-bàn. Sự nghi ngờ là không có, sự hoài nghi là không có, sự lưỡng lự là không có, sự ngờ vực là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đương nhiên, con sẽ đi đến... con không có sự nghi ngờ về nơi này” là như thế.

Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy.

Xin Ngài hãy ghi nhận con như vậy: Xin Ngài hãy nhận định con có tâm uốn cong theo Niết-bàn, chiều theo Niết-bàn, xuôi theo Niết-bàn, hướng đến Niết-bàn như vậy.

“Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy” là như thế.

Vì thế, vị Trưởng lão Pīngiya đã nói:

“Đương nhiên, con sẽ đi đến trạng thái [Niết-bàn] không bị chuyển dịch, không bị lay động; không có pháp tương đương đối với Niết-bàn ở bất cứ đâu. Con không có sự nghi ngờ về nơi này. Xin Ngài hãy ghi nhận con là người có tâm đã được hướng đến như vậy.”

“Diễn giải phẩm Đường đi đến bờ kia” được chấm dứt.

